

HUỲNH ÁI TÔNG

THỂ SỰ



Hiền PHẬT HỌC
2011

HUỖNH ÁI TÔNG

MỤC LỤC

Những dòng ghi chép	5
Thế sự	7
Bái Công người dựng nên nhà Hán	13
Kẻ biện sĩ thời Chiến quốc	27
Tứ Công tử thời Chiến quốc	39
Tóm lược các tác phẩm cổ đại của Trung Quốc	73
Thi ca Trung Quốc	75
Văn học Trung Quốc yếu lược	81
Những bước đi	89
Vài câu Ca dao về An Giang	91
Óc Eo nền văn minh cổ trên đất An Giang	97
Viếng mộ đức Phật Thầy Tây An	83
Bồ Đề Đạo Tràng Châu Đốc	121
Hoa hậu An Giang	127
Tha hương ngộ cố tri	133
Thăm bạn	139

HUỖNH ÁI TÔNG

Tuổi thơ	143
Những người đồng hương	147
Những người bạn học	153
Nhớ về Sài Gòn	159
Ăn gạo lức muối mè	163
Đồng Cảm	171
Thằng ăn cắp	177
Tình cảm gia đình	187
Nhìn về quan điểm giáo dục của người Mỹ	191
Truyện ngắn	201
Tôi xem phim Tarzan	205
Vài chuyện trong làng tôi	209
Oan ơi ông Địa!	213
Bé cái nhâm	219
Sinh nhật của tôi	221
Trăn trở	229
Ngày hội truyền thống 20-11-2009	237
Chuyện nhà	243
Trà	249
Đi bộ - Thể dục dưỡng sinh	287
Lãnh Mỹ A	293
Học trò cũ	299
Nhớ chuyện còn đi học	303
Đua thuyền ở làng tôi	309

Những dòng ghi chép

Đọc để hiểu biết, viết để ghi lại sự kiện, bày tỏ ý nghĩ, cảm xúc của mình, tôi đã bị thôi thúc viết cho Bản Tin, cho nguyệt san do mình chủ trương, rồi lại thêm mấy Trang Mạng.

Sau hơn hai mươi năm viết, có lần phải tập trung lại những bài viết của mình, thấy có những bài ký tên thật, những bài ghi Pháp danh, những bài ghi Pháp hiệu, những bài ghi bút hiệu, nào là bài viết về Phật học, Ký, Truyện ngắn, Biên khảo ...

HUỖNH ÁI TÔNG

Trước mắt, tôi chia thành những tập sách Học Phật, Truyện Của Tôi, Dấu Xưa, Trên Cánh Chim Hót, Tập Truyện và Thế Sự này. Tuy vậy, vẫn còn phải sưu tập thêm ít ra là một hay hai tập nữa.

Trong Thế Sự, văn học cũng có, ký cũng có, truyện ngắn cũng có, gần như nó không được chọn lọc riêng, bởi sự thể cũng vậy.

Tôi có một tiểu thuyết **Vết mòn**, sáng tác trong năm 1964, đã bị mất bản thảo, cho nên sưu tầm những bài viết này để tránh bán xe trước, tưởng cũng là điều đáng làm.

Tôi không dám nghĩ những bài viết này có giá trị đối với người khác, nhưng đối với tôi mỗi bài viết đều có một động cơ thúc đẩy, đều có cảm xúc riêng tư, vì vậy cho nên tôi lưu giữ trong tập Thế Sự này.

Huỳnh Ái Tông
Louisville, KY. Nov. 3rd. 2011

Thế Sự

*Túy ngọa sa trường quân mạc tiểu,
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.*

*

Hồi đó ở trên rừng Cà-Tum, để quên năm, tháng gian khổ, tôi có nhờ người nhà khi thăm nuôi mang theo quyển **Kim Túy Tình Từ** của Nguyễn Du, đây là một bản Kim Vân Kiều in trong Nam vào đầu thiên niên kỷ 20. Mấy ngày Tết, anh em mượn quyển sách ấy để bói Kiều, tôi còn nhớ trường hợp của nhà thơ Huỳnh Hữu Ủy và của tôi khá đúng.

Một người bạn khác, bác Phạm Ngọc Quỳnh nhờ người nhà mang lên một quyển sách Hán Văn, để “văn ôn võ luyện”, trong trại chỉ có bác và tôi có thân tình với nhau, vì cùng Đội từ Trăng Lớn, chuyển lên rừng cũng ở chung B (Trung đội), nên tôi cũng thường mượn quyển Hán Văn của bác để đọc.

Một hôm đọc đến bài Thạch Hào Lại của Đỗ Phủ:

石壕吏

杜甫

暮頭石壕村
Mộ đầu Thạch Hào thôn
有吏夜捉人
Hữu lại dạ tróc nhân
老翁踰牆走
Lão ông du tường tẩu
老婦出門迎
Lão phụ xuất môn nghinh
吏呼一何怒
Lại hô nhất hà nộ
婦啼一何苦
Phụ đề nhất hà khổ
聽婦前致辭
Thính phụ tiền trí từ
三男鄴城戍
Tam nam Nghiệp Thành thú
一男附書至
Nhất nam phụ thư chí
二男新戰死
Nhị nam tân chiến tử
存者且偷生
Tồn giả thả thân sinh
死者長已矣
Tử giả trường dĩ hỷ
室中更無人
Thất trung cánh vô nhân
惟有乳下孫
Duy hữu nhũ hạ tôn

THẾ SỰ

孫有母未去
Tôn hữu mẫu vị khứ
出入無完裙
Xuất nhập vô hoàn quần
老嫗力雖衰
Lão ẩu lực tuy suy
請從吏夜歸
Thỉnh tòng lại dạ quy
急應河陽役
Cấp ứng Hà Dương dịch
猶得備晨炊
Doắc đắc bị thần xuy
夜久語聲絕
Dạ cửu ngữ thanh tuyệt
如聞泣幽咽
Như văn khấp u yết
天明登前途
Thiên minh đăng tiền đồ
獨與老翁別
Độc dữ lão ông biệt

Trần Trọng Kim đã dịch:

Người Lính Xóm Thạch Hào

*Chiều hôm nghỉ xóm Thạch Hào,
Ban đêm có lính xông xao bắt người.
Treo tường, ông lão trốn rồi,
Vội vàng, bà lão đón mời ngoài hiên.
Lính la dữ dội huyền thiên,
Mụ già kể lễ nỗi phiền biết bao!
Lặng nghe mụ nói tình đầu:
“Ba con đi lính ở đâu Nghiệp Thành.*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Được thư một đứa tỏ tình,
Chiến trường hai đứa giao chinh bỏ mình.
Kẻ còn là tạm thâu sinh,
Kẻ chi kẻ khuất đã đành biệt hơi.
Trong nhà nào có một ai,
Có thằng cháu nhỏ chưa rời vú ra.
Quần con mẹ nó chưa xa,
Áo quần rách rưới vào ra có gì.
Già này dù sức đã suy,
Cũng xin theo lính cùng về đêm nay.
Hà dương phục dịch gấp ngay,
Việc quan thời nẫu hằng ngày cũng xuôi »
Canh khuya tiếng nói im rồi,
Còn nghe nức nở, tiếng người khóc thương.
Sáng ra khách phải lên đường,
Chỉ cùng ông lão vợ vàng chia tay.*

Trong trại, nghe những người thăm nuôi kể lại: Từ ngày Cộng sản chiếm miền Nam, bắt thanh niên đi lính, gọi là đi nghĩa vụ, chiến trường Tây Nam chống trả bọn Pôn Pôt, nhiều lính miền Nam bỏ ngũ. Do đó, nhiều thanh niên bị gọi đi nghĩa vụ liền tìm cách trốn, cũng như thanh niên trốn quân dịch ngày trước, nhưng cha mẹ của thanh niên nào trốn nghĩa vụ, bị nhà cầm quyền mời đến xã họp, rồi để cho họ ngồi ngoài sân phơi nắng, có chỗ không cho tiếp tế cơm nước, một hình phạt mà con làm, bắt cha mẹ chịu. Tin ấy, với bài Thạch Hào Lại của Đỗ Phủ kia, làm cho tôi xúc cảm nên dịch bài thơ trên.

Dịch xong, tôi ghi vào trong quyển sổ tay là quyển sổ mà tôi dùng để ghi công tác hàng ngày, vì giấy khan hiếm, sổ tay ấy cũng chỉ là giấy tập học trò xé ra từng tờ, xếp đôi lại cho nhỏ, rồi lấy kim chỉ may ở gáy, thành sổ tay, trước tiên viết bằng bút chì, sau đó lại viết bút mực hay bút bi chồng lên.

Ngày ra trại, ai cũng vậy, có chi cho được đều cho lại bạn bè như một cái dao đi rừng, một lon Guigoz, một ít đường, bánh... những thứ khác, riêng tư sẽ được mang về, cho nên tôi tin rằng mình đã mang quyển sổ tay về, nhưng từ năm ra trại 1977 đến nay, tôi nhớ chưa từng đọc lại bài thơ mình dịch, đôi lúc tôi cũng tìm kiếm quyển sổ tay nhưng lại không gặp.

Một đêm, tôi tìm bài thơ Tiết Phụ Ngâm của Trương Tích, tôi nhớ có trong tập **Đường Thi** của Trần Trọng Kim, tôi tìm khắp năm kệ sách vẫn không thấy, lại thấy một chồng sách cũ, lần lượt lấy ra xem, trong đó có một tập sách mỏng tựa **Kỷ niệm Phương danh** Pétrus Trương Vĩnh Ký Đại văn sĩ Nam kỳ (1837-1898), quyển **Nho Phong** của Nguyễn Tường Tam in lần thứ nhất năm 1926, quyển **Chinh Phụ Ngâm** của Cao Đình Nam in năm 1929, quyển **Giác Mộng Con** của Tân Đà in năm 1932, quyển **Thú Chơi Sách** của Vương Hồng Sển in năm 1960, quyển **Ngôi Tù Khám Lớn** của Phan Văn Hùm in năm 1957, quyển **Hương Rừng Cà Mau** của Sơn Nam in năm 1962 và dưới cùng, mấy cuốn sách **Luân Lý Giáo Khoa Thư** của Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận lớp Đồng Ấu **MORAL** (Cours enfantin) in lần thứ năm 1929, **Quốc Văn Giáo Khoa Thư** lớp Sơ Đẳng **LECTURE** (Cours Élémentaire), sách đã quá cũ rách mất vài trang, lẫn lộn trong mấy cuốn Giáo Khoa Thư đó, là cuốn sổ tay trong “Trại học tập cải tạo Cà Tum” của tôi.

Cầm trong tay, tôi rất mừng chẳng khác nào gặp lại cố nhân, vì “*Thư trung hữu nữ nhan như ngọc*”, nhưng cũng không khỏi bùi ngùi nhớ lại những ngày khổ cực đắng cay của cuộc đời, sổ tay lâu ngày giấy hoen ô, mực phai, tôi lật từng trang chỗ viết chì, chỗ mực xanh, chỗ mực đỏ, có trang đọc được, cũng có trang không thể đọc, nhưng tôi mừng quá vì tìm thấy bản dịch bài thơ của Đỗ Phủ, đọc rõ nhờ viết bút bi xanh.

HUỖNH ÁI TÔNG

*Chiều hôm khách trú Thạch Hào
Đến đêm bọn lính ồn ào bắt dân
Vượt tường, ông lão thoát thân
Để bà ra ngổ một thân đón chào
Một hai chúng nạt ồn ào
Một điều bà lão kêu gào khổ thân
Trước nghe bà kể dần dần
“Ba trai đi lính giữ chân Nghiệp Thành
Một trai thư gửi chẳng lành
Hai trai mới bị chiến tranh lìa đời
Đứa còn thừa sống chơi vơi
Cả hai đứa mất chuyện đời cũng phai
Trong nhà lại chẳng có ai
Duy còn cháu nhỏ hàng ngày dưỡng nuôi
Mẹ cháu dứt sữa nào xuôi
Ra vào quần áo được tươi tốt gì
Già này tuy sức đã suy
Xin cùng mấy chú đem đi theo về
Hà Lương cấp dịch trọn bề
Vì còn buổi sáng được bề nấu ăn
Đêm trường im bất nói năng,
Như nghe âm ức khóc than kiếp người
Rạng ngày khăn gói về xuôi,
Chỉ cùng ông lão ngậm ngùi chia tay.*

Huỳnh Ái Tông
Cà Tum, 28-5-1977

Thời nào cũng vậy, chiến tranh gây ra biết bao đau thương, kẻ chết, người tật nguyên, vợ góa, con cô, mẹ cha sống những ngày còn lại trong nỗi niềm thương nhớ không nguôi. Muốn tránh được chiến tranh, nhân loại cần tránh tranh danh, đoạt lợi. Nhưng biết đến bao giờ mới đạt được điều này !

Bái Công người dựng nên nhà Hán

Bái Công là tôn xưng của người đất Bái, ông họ Lưu tên Bang, sinh năm 258 TCN, sách sử đời Hán ghi ông là Lưu Quý, vì ông là con thứ ba gia đình. Theo Sử ký Tư Mã Thiên, Lưu Bang có nhiều tướng lạ. Ông không lo nghĩ đến sản nghiệp, xem thường những quan lại, nuôi chí lớn, thích uống rượu và gái.



Hán Cao Tổ (258 TCN- 195 TCN)

Lưu Bang từng phải đi làm xâu ở Hàm Dương và trông thấy vua Tần Thủy Hoàng, nghĩ đến phận mình ông ngậm ngùi nói:

- Chà! Một người trượng phu phải làm thế mới được.

Sau đó ông làm Đình trưởng ở Tứ Thượng. Từ đó, ông quen biết và thân thiện với những người như Hạ Hầu Anh, Tiêu Hà, Tào Tham.

Một lần ông phải đưa những người bị đày đến Lịch Sơn. Đường xa, nhiều người bỏ trốn. Thấy rằng đến nơi thì chẳng

còn ai thì ông cũng bị xử tội, ông bèn tha hết những người còn lại và trốn theo họ vào vùng núi Mang. Những người này tôn ông làm thủ lĩnh.

Vua Tần Thủy Hoàng chết (210 TCN), Tần Nhị Thế lên thay, nhà Tần suy yếu. Tháng 7 năm 209 TCN, Trần Thắng và Ngô Quảng khởi nghĩa, khắp Sơn Đông, Hà Bắc các nơi nhao nhao hưởng ứng. Quan lại địa phương của nhà Tần không chế ngự được. Quan huyện của Bái vì thế cũng muốn khởi quân tham gia, hỏi kế huyện lại như Tiêu Hà, Tào Tham.

Tiêu, Tào khuyên quan huyện cho gọi nhóm của Lưu Bang về làm thanh thế. Quan huyện bèn sai Phàn Khoái mời Lưu Bang. Lưu Bang cùng đồng đảng đến nơi, quan huyện lại đổi ý, đóng cửa thành, lại muốn giết cả Tiêu, Tào vì sợ những người này làm nội ứng. Tiêu, Tào trốn theo Lưu Bang, bàn kế cho Lưu Bang bắn thư vào thành thuyết phục các bậc trưởng lão để họ cho con em đuổi quan huyện để đón mình. Kế thành công. Lưu Bang được tôn làm Bái Công lãnh đạo con em huyện Bái tham gia khởi nghĩa.

Các quan lại như Tiêu Hà, Tào Tham cùng Phàn Khoái đều tập hợp hai ba nghìn con em đất Bái theo Lưu Bang. Ông đánh quận Hồ Lăng và quận Phương Dư rồi về giữ đất Phong.

Năm 208 TCN, Giám quận Tứ Xuyên của nhà Tần tên là Bình đem quân vây đất Phong. Lưu Bang xông ra đánh, thắng trận. Lưu Bang sai Ung Xi giữ đất Phong, còn mình đem binh đến đất Tiết, đánh thái thú ở Tứ Xuyên của nhà Tần tên là Tráng. Tráng bị đánh bại bỏ chạy đến huyện Thích, bị Tả tư mã của Lưu Bang bắt được và giết chết.

Lưu Bang quay về đóng quân ở Cang Phụ và đi đến quận Phương Dư. Cùng lúc đó tướng nước Ngụy là Chu Thị cũng đến đánh Phương Dư, nhưng chưa đánh trận nào. Chu Thị bèn sai người dụ Ung Xi đang giữ đất Phong. Ung Xi thuận hàng theo Ngụy.

Lưu Bang bị mất đất Phong rất tức giận nhưng sức không đủ chiếm lại. Lúc đó ông nghe tin nói Ninh Quân và Tần Gia đã lập Cảnh Câu làm Sở Giả vương ở thành Lưu để thay thế Trần Thắng bị hại, bèn đến theo họ, ý muốn xin quân để đánh đất Phong. Ninh Quân cùng Lưu Bang đem quân về phía tây đánh huyện Tiêu nhưng bất lợi, hai người đem quân trở về, tập hợp quân ở đất Lưu rồi đem binh đánh chiếm được đất Đường, thu binh được hơn 5000 người. Sau đó, ông đánh lấy được Hạ Ấp rồi cùng Ninh Quân đem quân về đóng gần đất Phong.

Tháng bảy, Trần Thắng khởi nghĩa ở Đại Trạch, tự xưng là Trương Sở vương. Tháng 9 năm ấy, thái thú quận Cối Kê tên là Thông muốn cùng Hạng Lương khởi nghĩa hưởng ứng. Hạng Lương giả cách nhận lời, nhưng muốn tự lập chứ không muốn ở dưới quyền Thông. Vì vậy hôm sau hai chú cháu vào phủ thái thú bàn việc rồi theo ám hiệu của Hạng Lương, Hạng Vũ tuốt kiếm chém đầu thái thú.

Hạng Lương tay cầm đầu Thông, mang ấn và dây buộc ấn của thái thú lên người. Các môn hạ của Thông hoảng hốt, rối loạn. Một mình Hạng Vũ giết chết ngót trăm người, cả phủ đều sợ hãi, cúi đầu không dám chống cự. Hạng Lương liền triệu tập quan lại và hào kiệt đã quen biết từ trước, hiểu dụ duyên cớ khởi nghĩa rồi trưng quân ở Ngô Trung và sai người thu gọi các trai tráng ở các huyện trong phủ, được tám ngàn quân tinh nhuệ. Hạng Lương cất nhắc những hào kiệt ở Ngô Trung làm các chức hiệu úy, hậu, tư mã. Mọi người đều phục. Hạng

THẾ SỰ

Lương tự xưng làm thái thú Cối Kê, Hạng Vũ làm kì tướng, chiêu hàng các huyện trong quận.

Đầu năm 208 TCN Trần Thắng bị tướng Tần là Chương Hàm đánh bại thua trận bỏ chạy rồi chết. Nhưng tin đó vẫn chưa truyền tới phía đông. Một tướng của Trần Thắng là Thiệu Bình đi chiêu hàng đất Quảng Lăng, nhưng chưa hạ được thành. Nghe tin Trần Vương thua chạy, quân Tần sắp đến, Bình liền vượt Trường Giang, giả làm mệnh lệnh của Trần Vương, phong Hạng Lương làm Thượng trụ quốc nước Sở và giục Hạng Lương sang sông Tây tiến đánh Tần.

Hạng Lương bèn đem tám ngàn người, vượt Trường Giang đi về hướng tây. Sau khi thu hàng các tướng khởi nghĩa chống Tần khác là Trần Anh, Anh Bố, Bồ tướng quân, quân của Hạng Lương được tất cả sáu bảy vạn, mạnh lên rất nhiều, đóng ở Hạ Bì.

Hạng Lương mang quân qua sông Hoài, sai Hạng Vũ cầm một cánh quân đi một đường khác đánh Tương Thành. Tương Thành cố sức giữ nên Hạng Vũ không hạ được. Đến khi hạ được thành, Vũ sai chôn sống tất cả dân trong thành rồi trở về báo tin cho Hạng Lương.

Sau khi đánh bại và tiêu diệt một lực lượng chống Tần nhưng không thần phục mình của Tần Gia, Hạng Lương biết tin vua Sở Ân vương Trần Thắng đã chết, bèn theo kế của mưu sĩ Phạm Tăng, bèn lập dòng dõi nước Sở cũ là Mễ Tâm lên ngôi, cũng gọi là Sở Hoài vương

Nghe tin Sở Hoài vương lên ngôi, nhiều tướng chống Tần về theo, trong đó có Lưu Bang. Hạng Lương sai Hạng Vũ cùng Lưu Bang đem binh đi theo đường riêng đến Thành Dương làm

cỏ quân dân trong thành. Sau đó hai người tiến quân về hướng tây đánh phá quân Tần ở phía đông thành Bộc Dương. Quân Tần rút vào thành Bộc Dương. Hạng Vũ và Lưu Bang bèn đánh thành Định Đào. Chưa hạ được thành, liền bỏ đi, cướp đất đai ở phía tây cho đến Ung Khâu, đánh quân Tần thua to, chém được con thừa tướng nhà Tần Lý Tư là Lý Do, rồi quay lại đánh Ngoại Hoàng, nhưng chưa hạ được.

Trong khi Hạng Vũ và Lưu Bang tác chiến ở phía tây thì tại chiến trường phía đông, Hạng Lương kịch chiến với quân chủ lực Tần của Chương Hàm. Sau khi thắng Hàm 2 trận, vây hãm Hàm trong thành Định Đào, Hạng Lương chủ quan khinh địch. Chương Hàm được tiếp viện, nửa đêm đánh úp quân Sở một trận tan tành ở Định Đào. Hạng Lương tử trận.

Khi đó Hạng Vũ và Lưu Bang rời bỏ Ngoại Hoàng đến đánh huyện Trần Lưu, chưa đánh được thì nghe tin Hạng Lương tử trận. Hạng Vũ bàn với Lưu Bang rút quân về phía đông để lấy lại nhuệ khí, hợp với quân của một tướng cũ của Trần Thắng là Lã Thần, về cố thủ ở Bành Thành thuộc nước Sở.

Năm 207 TCN, Sở Hoài vương thấy Hạng Lương bị giết, bèn dời khỏi Vu Thai đóng đô ở Bành Thành, đích thân cầm quân của Lã Thần và Hạng Vũ, phong Lưu Bang làm quận trưởng quận Đường, tước Vũ An Hầu.

Bàn việc đánh Tần, Sở Hoài vương giao ước với chư hầu: "*Ai vào Quan Trung trước làm vương*" (Quan Trung Vương). Nghe lời các lão tướng, Hoài vương giao cho Lưu Bang mang quân thẳng đường phía tây đánh vào kinh đô nước Tần vì ông được cho là người trung hậu, còn Hạng Vũ thì tàn bạo hay giết chóc nên Hoài vương sai đi lên phía bắc cứu nước Triệu đang bị Chương Hàm vây đánh.

Cuối năm 207 TCN, hoạn quan Triệu Cao giết Tần Nhị Thế và cho người đến gặp Lưu Bang, muốn giao ước chia đất Quan Trung và làm vương. Lưu Bang cho rằng Triệu Cao muốn đánh lừa, bèn dùng kế của Trương Lương, sai Lịch Tự Cơ và Lục Giả đến thuyết phục tướng của Tần, lấy lợi như y và nhân đó đánh và phá được Vũ Quan. Lưu Bang lại đánh nhau với quân Tần ở phía nam Lam Điền, càng treo thêm cờ xí để làm nghi binh, đi đến đâu thì cấm không được cướp bóc bắt bớ. Người Tần do đó mừng rỡ, quân đội Tần tan rã, Lưu Bang nhân đó thắng được quân Tần. Ông tiến quân lên phía bắc thắng quân Tần một trận nữa.

Tháng 10 năm 206 TCN, quân của Lưu Bang đến Bá Thượng trước quân chư hầu. Vua Tần là Tử Anh đi xe mộc do ngựa trắng kéo, ở cổ quần sợi dây ấn, niêm phong ấn hoàng đế, phù và cờ tiết đầu hàng ở gần Chỉ Đạo. Lưu Bang cho Tử Anh đầu hàng. Các tướng có người bàn nên giết vua Tần, nhưng Lưu Bang không nghe theo.

Lưu Bang đi về phía tây vào Hàm Dương muốn dừng lại ở trong cung thất nhà Tần nghỉ ngơi. Phàn Khoái và Trương Lương can không nên, Lưu Bang mới niêm phong kho tàng, của quý báu của Tần rồi trở về đóng quân ở Bá Thượng, để chờ quân chư hầu đến.

Có người hiến kế Lưu Bang nên giữ lấy đất Tần hiểm trở giàu có để chống lại chư hầu, án ngữ cửa Hàm Cốc không cho quân chư hầu vào, và trưng thêm quân ở Quan Trung cho thêm đông để chống lại. Lưu Bang cho là phải và theo kế đó.

Giữa tháng 11 năm 206 TCN, Hạng Vũ thống lĩnh quân chư hầu tiến vào nước Tần, tới cửa ải Hàm Cốc, nhưng ải đã bị phong tỏa. Hạng Vũ lại nghe nói Lưu Bang đã bình định được

Quan Trung, rất tức giận, sai Anh Bô tấn công phá cửa Hàm Cốc.

Giữa tháng 12, Hạng Vũ đến đất Hỉ, tả tư mã của Lưu Bang là Tào Vô Thương muốn theo Hạng Vũ tiến thân bèn nói với Hạng Vũ rằng Lưu Bang có ý định chiếm cả Quan Trung. Mưu sĩ Phạm Tăng cũng khuyên Hạng Vũ đánh Lưu Bang. Hạng Vũ ra lệnh cho quân sĩ ăn no, định sáng mai thì đánh. Lúc bấy giờ quân Hạng Vũ có 40 vạn người, còn Lưu Bang chỉ có 10 vạn.

Chú Hạng Vũ là Hạng Bá muốn cứu bạn là Trương Lương đang phục vụ cho Lưu Bang nên đang đêm đến gặp Trương Lương, khiến ý định của Hạng Vũ bị lộ. Trương Lương dắt luôn Hạng Bá vào gặp Lưu Bang. Ông bèn kết thân với Hạng Bá, hẹn nhau làm thông gia và nhờ nói giúp với Hạng Vũ rằng mình không có ý định chống lại. Hạng Bá trở về khuyên Hạng Vũ, vì vậy Hạng Vũ thôi không khai chiến với Lưu Bang.

Hôm sau, Lưu Bang đến **Hồng Môn** yết kiến và xin lỗi Hạng Vũ. Hạng Vũ cho ông biết là do Tào Vô Thương đề nghị nên Hạng Vũ mới chuẩn bị giao chiến. Lưu Bang nhờ Phàn Khoái và Trương Lương nên thoát nạn về. Về tới Bá Thượng, Lưu Bang bèn giết Tào Vô Thương.

Hạng Vũ mấy lần đánh Bành Việt thì Tề vương Hàn Tín lại tiến quân đánh Sở. Do đầu đuôi không cứu được nhau, Hạng Vũ lo lắng bèn cùng Lưu Bang giao ước tại Quảng Vũ chia khoảng giữa thiên hạ.

Theo giao ước này, đất từ Hồng Câu về phía tây là của Hán; từ Hồng Câu về phía đông là của Sở. Hạng vương trả lại cha của Bái Công là Thái công và vợ Bái Công là Lã Trĩ bị quân Sở bắt ở Bành Thành còn Bái Công được Hạ Hầu Anh đánh xe trốn

thoát, dọc đường Hạ Hầu Anh còn cứu được Lưu Doanh và con gái của Bái Công mặc dầu Bái Công muốn dễ trốn thoát, đã đẩy hai con mình xuống khỏi xe mấy lần.

Sau đó hai bên trở về và từ biệt ra đi mỗi người một phía: Hạng Vũ từ giã đem quân về phía đông.

Lưu Bang định làm theo hòa ước đem quân về phía tây nhưng Trần Bình và Trương Lương khuyên ông nên xé bỏ hòa ước, tiến quân đuổi đánh Hạng Vũ để nhanh chóng diệt Sở.

Lưu Bang nghe theo, bèn tiến quân đuổi theo, dừng lại ở Dương Hạ, hẹn các chư hầu cùng đánh Sở. Nhưng khi đại quân Lưu Bang tới Cổ Lăng thì quân Hàn Tín, Bành Việt vẫn không đến. Kết quả quân Hán bị quân Sở đánh cho đại bại. Lưu Bang chạy vào thành, đắp thành cao, đào hào sâu để giữ.

Theo kế của Trương Lương, ông sai sứ đi đề nghị Hàn Tín và Bành Việt ra quân, hứa sẽ phong cho 2 người ở nước Tề và nước Lương sau khi thành công. Mặt khác, ông gọi thêm các hàng tướng nước Sở như Anh Bố, Chu Ân cùng Lưu Giả đánh vào hậu phương của Hạng Vũ.

Năm 202 TCN, Hàn Tín và Bành Việt mang đại quân đến họp. Các cánh quân cùng vây đánh Hạng Vũ ở Cai Hạ. Quân Hán quá đông khiến Hạng Vũ không địch nổi, phải rút vào thành Cai Hạ. Sau đó quân Sở tan rã, Hạng Vũ bỏ thành chạy. Lưu Bang sai kỵ tướng quân Quán Anh đuổi theo. Hạng Vũ chạy đến Ô Giang thì tự vẫn, nước Sở hoàn toàn bị tiêu diệt.

Trước kia Sở Hoài Vương phong Hạng Vũ làm Lỗ Công, đến khi ông chết, nước Lỗ đầu hàng cuối cùng cho nên Lưu Bang

HUỖNH ÁI TÔNG

hạ lệnh chôn cất Hạng Vương ở Cốc Thành theo lễ Lễ Công. Hán Vương đến cử ai và khóc.

Sau khi diệt Sở, Lưu Bang lên ngôi hoàng đế ở phía bắc sông TỰ THỦY, tức là Hán Cao Tổ (Năm 206 TTL). Ông tôn cha là Thái công làm Thái thượng hoàng, lập Lã Trĩ làm hoàng hậu, con trai Lã Trĩ là Lưu Doanh làm thái tử.

Ông phân phong các công thần làm chư hầu.

Hán Cao Tổ muốn đóng đô ở Lạc Dương, kinh đô cũ của nhà Châu, nhưng theo lời khuyên của Trương Lương ông chọn đất Quan Trung, lấy Tràn An (thủ phủ tỉnh Thiểm Tây ngày nay) làm kinh đô.

Năm 195 TTL, Hán Cao Tổ đi dẹp loạn Anh BỐ. Ông bị trúng tên độc, sau lâm bệnh nặng và qua đời, hưởng thọ 63 tuổi. Ông lên ngôi hoàng đế trị vì nước Trung Hoa được 7 năm, sau khi băng hà được truy tôn miếu hiệu là **Cao Tổ**, thụy hiệu là **Cao Hoàng đế**, cũng được gọi là **Hán Cao Đế**. Thái tử Lưu Doanh lên nối ngôi là Hán Huệ Đế.

Nhà Hán chia làm hai thời kỳ: Từ Hán Cao Tổ (206 TTL) cho đến Nhữ Từ Anh (8 STL) đóng đô ở Tràn An thuộc về phía Tây của Trung Hoa, được gọi là Tây Hán. Vương Mãng phế bỏ Nhữ Từ Anh, lên ngôi hoàng đế lập nên nhà Tân từ năm 8-23.

Vương Mãn cải cách thương nghiệp và nông nghiệp, nhưng địa chủ vẫn có nhiều đất đai, nông dân vẫn nghèo khó lại có nạn hạn hán, châu chấu phá hại mùa màng, làm cho dân đói khổ hơn, nên dân chúng nổi lên chống nhà Tân, đạo quân mạnh nhất ở núi Lục Lâm.

Năm 23, đạo quân Lục Lâm tôn Lưu Huyền lên làm hoàng đế tức vua Canh Thủy đế, rồi chia quân thành hai đạo tiến đánh Tràng An và Lạc Dương. Ngày 3 tháng 7 năm 23, tại Tiềm Đài, Tràng An Vương Mãng bị thương nhân là Đỗ Ngô chém chết lấy ngọc tử, một hiệu úy quân Lục Lâm là Công Tân chặt thây lấy đầu Vương Mãng để được ân thưởng.

Lưu Tú cũng dòng dõi nhà Hán lợi dụng cuộc bạo động của dân chúng, đánh thắng quân Vương Mãng ở Côn Dương (Hà Nam). Năm 25, Lưu Tú bình định các nơi, lên ngôi vua, tức là Quang Vũ đế nhà Hậu Hán. Quang Vũ đế đóng đô ở Lạc Dương, thuộc về phía Đông Trung Hoa, cũng như nhà Châu, nên các nhà Sử học gọi là Đông Hán.

Về sau, do các vua còn nhỏ lên ngôi nên bị hoạn quan, ngoại thích chuyên quyền, lại thêm phía tây rợ Khương đánh chiếm Cam Túc, Sơn Tây, Tứ Xuyên, Hà Bắc triều đình phải tiêu phí cho chiến tranh, phải sưu cao thuế nặng nên dân chúng bần cùng.

Năm 107, dân chúng náo động, đến năm 142 thì có nhiều cuộc nổi dậy, đến năm 184 có cuộc nổi loạn do Trương Giác cầm đầu, họ bịt khăn vàng nên gọi là loạn “hoàng cân”.

Sau khi Thái sử Lữ Bố bị giết, Tào Tháo mượn danh nghĩa phò Hán, rước Hán Hiến đế về Hứa Xương (tỉnh Hà Nam). Tôn thất nhà Hán có Lưu Bị, đất Ngô có Tôn Quyền cả hai có binh quyền chống lại Tào Tháo. Sau khi Tào Tháo mất, con là Tào Phi nối nghiệp, bức Hiến đế nhường ngôi, xưng là Văn Đế, đóng đô ở đất Nghiệp nước Ngụy. Lúc trước Lưu Bị lấy được đất Ba Thục và Hớn Trung, xưng là Hán Trung vương, khi nghe tin Tào Phi soán ngôi vua Hiến đế, ông liền tự lập làm hoàng đế nối nghiệp nhà Hán, đóng đô ở Thành Đô, còn Tôn

Quyền nước Ngô xưng là Đại đế, đóng đô ở Kiến Nghiệp. Đó là thời kỳ Tam Quốc trong lịch sử Trung Hoa.

Năm 222. Lưu Bị mất ở thành Bạch Đế (nay là huyện Phụng Tiết, Tứ Xuyên), thọ 62 tuổi, con trưởng là Lưu Thiện lên kế vị, tức Hán Hậu Chủ, tôn xưng Lưu Bị là **Hán Chiêu Liệt Hoàng Đế**.

Lưu Thiện được Gia Cát Lượng phò tá, nhiều lần đánh phá gần diệt Ngụy, sau khi Gia Cát Lượng mất, năm 263 quân Ngụy đánh tới Thành Đô, Lưu Thiện phải hàng được đưa về Lạc Dương, vua Ngụy ban tước An Lạc hầu, ông sống an nhàn cho đến khi mất. Nhà Hán đã mất từ đó.

Nhà Hán có ba thời kỳ, thời kỳ đầu từ năm 206 TTL đến năm 8 STL, có 12 vị vua (không kể Lữ Hậu) trị vì 214 năm, đóng đô ở Tràng An nên các Sử gia gọi là Tây Hán. Thời kỳ sau từ năm 25 đến 220, có 12 vị vua trị vì 195 năm, đóng đô ở Lạc Dương, được gọi là Đông Hán. Thời kỳ sau cùng từ 220 đến 263, có hai vị vua trị vì 43 năm, đóng đô ở Thành Đô, được gọi là Thục Hán.

Nhà Hán do Hán Bái Công dựng nên nghiệp đế, kéo dài đến 469 năm, trong đó có 16 năm bị Vương Mãng soán ngôi.

Tư Mã Thiên đã nói về Bái Công như sau, tính nhân hậu, thương người, thích cho người, đầu óc rộng rãi, luôn luôn nghĩ đến những mưu đồ lớn.

Khi chưa chọn Tràng An làm đế đô, một hôm Cao tổ cho bày tiệc ở cung Lạc Dương, hỏi quần thần:

Liệt hầu và các tướng đừng giấu diếm. Tất cả đề nói tình thực. Tại sao ta lấy được thiên hạ ? Tại sao họ Hạng mất thiên hạ?

Cao Khởi và Viên Lăng nói:

Bệ hạ ngạo mạn và khinh người. Hạng Vũ nhân từ và thương người. Nhưng bệ hạ sai ai cướp được thành, lấy được đất, hàng phục được nơi nào thì cho ngay nơi ấy, cùng chung lợi với thiên hạ. Hạng Vũ ghen người giỏi, ghét người có tài, hại người có công, nghi người hiền. Khi đánh thắng thì không thưởng công cho người ta, khi được đất thì không cho người ta hưởng lợi, do đó nên mất thiên hạ.

Cao tổ nói:

Người chỉ biết một mà chưa biết hai, phạm việc tính toán trong màn trướng mà quyết định được sự thắng ở ngoài ngàn dặm thì ta không bằng Tử Phòng (Trương Lương); trị nước nhà vỗ yên trăm họ, vận tải lương thực không bao giờ dứt thì ta không bằng Tiêu Hà. Nắm trong tay trăm vạn quân đã đánh là nhất định thắng, tiến công là nhất định lấy thì ta không bằng Hàn Tín, Ba người này là những kẻ hào kiệt, ta biết dung họ cho nên lát được thiên hạ. Hạng Vũ có một Phạm Tăng mà không biết dùng cho nên mới bị ta bắt.

Tuy nhiên, với những công thần như Hàn Tín từ Sở vương bị giáng xuống trở lại làm Hoài Âm Hầu rồi sau đó bị giết cả ba họ, Lương Vương Bành Việt cũng bị truất phế dời khỏi đất Thục, sau cũng bị tru di tam tộc. Cao tổ đưa những con mình làm Vương ở các đất quan trọng.

HUỲNH ÁI TÔNG

Hàn Vương Tín làm phản ở Thái Nguyên, tướng quốc nước Triệu là Trần Hy làm phản ở đất Đại. Hoài Nam Vương Kinh Bố làm phản ở phía Đông ...

Những sự việc trên cho thấy Bái công, ngược đãi công thần, đặt đề con em ở ngôi cao, đất trọng để bảo vệ vững vàng ngôi hoàng đế của mình và nhà Hán sau này.

Khi nói đến Trung Hoa, người ta không nói đến Chu, Tần mà dùng nhà Hán bên cạnh Nguyên, Mông để biểu trưng cho văn minh, học thuật của Trung Hoa.

**Theo Hán Cao Tổ và Hạng Vũ trên Wikipedia
Sử Ký Tư Mã Thiên
Trung Hoa Sử Cương của Đào Duy Anh**

Kẻ liên sĩ thời Chiến Quốc

*Khi về đeo quả ấn vàng,
Trên khung cửu dăm rây ruộng làm cao.*

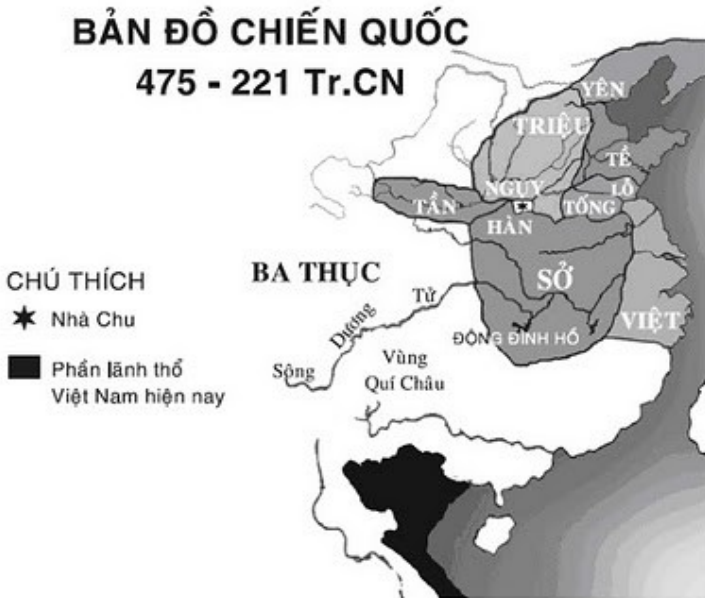
Đó là hai câu thơ trong tác phẩm **Chinh Phụ Ngâm** của Đặng Trần Côn do Phan Huy Ích dịch, từ điển tích Tô Tàn làm tướng quốc của sáu nước trong thời Chiến Quốc.

Chiến Quốc là một giai đoạn chiến tranh thời Nhà Chu (1122TCN-256TCN), tưởng cũng nên lướt qua sử Trung Hoa, từ huyền sử cho tới chính sử như sau:

- Thiên Hoàng - 天皇 (trị vì 18.000 năm)
- Địa Hoàng - 地皇 (trị vì 11.000 năm)
- Nhân Hoàng - 人皇 (còn gọi là Thái Hoàng - 泰皇) (trị vì 45.600 năm).
- Hoàng Đế (黃帝) từ 2697 TCN
- Chuyên Húc (顓頊)
- Đế Khốc (帝嚳)
- Đế Nghiêu (帝堯)
- Đế Thuấn (帝舜)
- Nhà Hạ 2205TCN-1783TCN trị vì 422 năm
- Nhà Thương 1783TCN-1134TCN trị vì 649 năm
- Nhà Chu 1134TCN-256TCN trị vì 878 năm

HUỖNH ÁI TÔNG

Nhà Chu trước tiên đóng đô ở Cải Kinh, sau dời đô về phía đông tới Lạc Dương từ năm 772 TCN, nên nhà Chu chia thành 2 thời kỳ Tây Chu từ 1134TCN-772TCN và Đông Chu từ 772TCN-256TCN. Đông Chu vì suy yếu nên các chư hầu tranh dành cương thổ, gây ra chiến tranh nên chia thành hai giai đoạn từ năm 771TCN-403TCN gọi là Xuân Thu, từ năm 403TCN-256TCN gọi là Chiến Quốc, sau Chiến Quốc là nhà Tần, do Tần Thủy Hoàng Đế, dẹp tất cả chư Hầu thống nhất đất nước Trung Hoa. Chính trong giai đoạn Chiến quốc này, nhà du thuyết Tô Tần đã để lại tên tuổi mình với thuyết hợp tung và Trương Nghi với thuyết liên hoành.



Tô Tần người Lạc Dương, đi về hướng đông đến nước Tề học với Quỷ Cốc tiên sinh, bạn cùng học có Trương Nghi. Ông làm biện sĩ, du thuyết một thời gian, hết tiền bạc trở về nhà bị anh, em, chị dâu, em gái, thê thiếp chê cười khinh bạc.

Sau đó, ông quyết định tìm sách vở học thêm để đạt chí nguyện, ông đã tìm thấy tinh hoa trong quyển **Âm Phù sách** của nhà Chu, ông đóng cửa học trong một năm, khi đã thông thuộc bí quyết, ông vay tiền lên đường du thuyết.

Trước tiên ông ra mắt Chu Hiên Vương, nhưng các quần thần của nhà Chu cho rằng Tô Tần không có tài, không dùng, ông đi sang hướng tây vào đất Tần, ra mắt Tần Huệ Vương, nhà Tần vừa mới giết Thương Ưởng nên ghét biện sĩ, không dùng Tô Tần, ông lại quay về hướng đông vào đất Triệu. Triệu Túc Hầu cho con là Phụng Dương Quân tiếp Tô Tần, nhưng Phụng Dương Quân không ưa nên không dùng Tô Tần, ông rời đất Triệu đi lên hướng bắc vào đất Yên, ở đó gần một năm, có lúc cùng khốn bên sông Dịch Thủy, sau cùng cũng được yết kiến vua Yên.

Tô Tần trình bày với Yên Vân Hầu sở dĩ Tần không đánh Yên là vì phải vượt qua nghìn dặm, vượt qua một số quận, còn Triệu ở phương Nam giáp với Yên. Tần đánh Yên là đánh ngoài ngàn dặm còn Triệu đánh Yên là đánh trong trăm dặm, nên nước Yên không cần chống giữ Tần mà cần kết thân và hợp tung với Triệu thì nước Yên khỏi phải lo.

Yên Vân Hầu nghe theo, cấp cho Tô Tần xe, ngựa, vàng, lụa để đi trở lại Triệu thuyết cho vua Triệu theo thuyết hợp tung. Lúc này Phụng Dương Quân đã chết, nên Tô Tần được yết kiến Triệu Túc Hầu, vua Triệu nghe theo sắm xe tốt cho vàng ngọc, gấm vóc để ước hẹn chư hầu.

Lúc này thiên tử nhà Chu ban phần thết tế vua Văn, vua Vũ cho Tần Huệ Vương. Huệ Vương sai quan Tê Thủ đánh Ngụy, bắt tướng Ngụy, lấy đất Diệu Âm lại muốn kéo quân sang miền

đồng, Tô Tần sợ quân Tần kéo sang đánh nước Triệu bèn lập mưu để đưa Trương Nghi vào Tần.

Trương Nghi người nước Ngụy, bạn với Tô Tần khi cùng học với Quỷ Cốc tiên sinh. Tô Tần tự cho mình kém hơn Trương Nghi, Trương Nghi học xong đi du thuyết trong thiên hạ, nhưng chưa được ai dùng. Tô Tần bèn sai môn hạ gợi ý cho Trương Nghi đến nước Triệu nhờ Tô Tần giúp đỡ.

Khi Trương Nghi đến, Tô Tần dẫn người nhà giữ Trương Nghi vài hôm, không cho đi đâu rồi mới tiếp, nhưng để ngồi dưới thềm, cho ăn cơm với bọn tôi tớ và nói với Trương Nghi:

- Tài năng như ngươi mà lại để khổ nhục thế à ? Ta không phải không thể nói cho ngươi được giàu sang, nhưng ngươi không đáng được dùng!

Bèn từ tạ đuổi đi.

Trương Nghi nghĩ tưởng Tô Tần là bạn cũ mới đến nhờ, không ngờ bị đối xử tàn tệ, tức giận, nghĩ không có nơi nào đáng tôn thờ, chỉ có nước Tần mới có thể đánh Triệu, nên đi về Tần.

Trương Nghi đi rồi, Tô Tần bảo môn hạ thân tín của mình:

- Trương Nghi là hiền sĩ trong thiên hạ, ta không bằng. Nay ta được dùng trước, ta muốn Trương Nghi được tin dùng, cảm quyền bính ở Tần. Ta làm nhục ông ta, để ông ta quyết chí lập thân, nhưng ông ta nghèo, ta sợ vì vậy mà hỏng việc, ta muốn ngầm giúp ông ta, vậy ngươi phải theo giúp, cung cấp cho ông ta mọi thứ cần dùng, như thế mới được việc.

THẾ SỰ

Rồi Tô Tần bàn với Triệu vương cấp tiền của, ngựa xe cho người theo giúp Trương Nghi, người ấy kết thân dần dần với Trương Nghi, cấp tiền bạc, ngựa xe những thứ Trương Nghi cần đến, nhờ vậy Trương Nghi mới được yết kiến Tần Huệ Vương, Tần Vương phong cho quan chức, cùng vua bàn mưu đánh chư hầu.

Thấy nhiệm vụ của mình đã xong, môn hạ của Tô Tần bèn từ giả Trương Nghi. Trương Nghi nói:

- Nhờ ông tôi mới hiển đạt, tôi sắp báo ơn sao ông lại bỏ đi ?

Người kia nói:

- Không phải tôi biết ngài đâu, biết ngài là Tô Quân, Tô Quân lo Tần đánh Triệu hỏng mất điều ước hợp tung. Lại cho rằng ngoài ngài ra không ai có thể nắm quyền bính nước Tần, cho nên trêu tức ngài, rồi ngầm sai tôi theo hầu hạ, tư cấp cho ngài làm trọn mưu kế của Tô Quân. Nay ngài đã được dùng, tôi xin về báo.

Trương Nghi nói:

- Than ôi! Thế là mắc mưu của Trương Quân mà không biết, rõ ràng là ta không bằng Trương Quân. Ta lại mới được dùng, làm sao nghĩ đến chuyện đánh Triệu được. Ông tạ ơn Tô Quân hộ ta. Trong thời còn Tô Quân, Nghi đâu dám nói chuyện đánh Triệu ? Và lại Tô Quân còn đó Nghi dám làm trò gì được ?

Sau đó, Tô Tần tiếp tục du thuyết, đến nước Hàn, Tuyên Huệ Vương đồng ý nghe theo, rồi Ngụy Vương, Tề Tuyên Vương, cuối cùng là Sở Uy Vương.

Các nước hợp tung gồm có: Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở. Tô Tần cầm đầu hợp tung, làm Tể tướng sáu nước, trên đường về báo cáo cho Triệu Vương phải đi qua Lạc Dương kinh đô nhà Chu, cũng là quê nhà của ông. Chư hầu phải đem ngựa xe đi đón, Chu Hiền Vương sai sửa dọn đường cho quân ra ngoài thành ủy lạo Tô Tần.

Anh, em, vợ, chị dâu không dám ngẩng mặt nhìn Tô Tần, khép nép châu chực dâng thức ăn. Tô Tần cười nói với chị dâu:

- Sao trước kia chị ngạo ngược mà bây giờ cung kính như thế ?

Chị dâu khúm núm, không dám ngẩng mặt lên, xin lỗi:

- Vì thấy chú có ngôi cao, của nhiều.

Tô Tần thở dài than:

- Cũng cái thân này, nhưng lúc phú quý thì họ hàng sợ hãi, khi bần tiện thì họ hàng khinh rẻ, huống gì mọi người? Vả lại, nếu ta có vài khoảnh ruộng gần thành Lạc Dương thì làm sao còn được đeo ấn tể tướng của sáu nước ?

Tô Tần lấy vàng cho họ hàng, bạn bè, trước kia khi sang Yên có mượn của một người trăm quan tiền làm vốn, nay lấy trăm nén vàng đền trả, ông báo đáp tất cả những người mình đã mang ơn lúc hàn vi, riêng có một người theo Tô Tần đến nay vẫn chưa được báo đáp, bèn nói thẳng với Tô Tần. Ông đáp:

- Ta không phải quên người đâu! Người cùng ta đến nước Yên, hai ba lần người muốn bỏ ta trên sông Dịch Thủy, lúc bấy giờ ta khốn cùng, cho nên oán người nhiều. Vì thế báo đáp người sau. Người nay cũng được báo đáp.

Tô Tần sau khi giao ước với sáu nước hợp tung, trở về báo với Triệu vương. Triệu Túc Hầu phong cho ông là Vũ An Quân rồi tuyên bố ước thư cho Tần biết. Tần không dụng binh ra khỏi cửa Hàm Cốc gây hấn các nước hợp tung trong mười lăm năm.

Sau Tần sai Tề Thủ lừa dối Tề, Ngụy cùng Tần đánh Triệu để phá ước hợp tung.

Tề Ngụy đánh Triệu, Triệu Vương trách Tô Tần, Tô Tần xin đi sứ Yên quyết làm hại Tề.

Tần Huệ Vương gả con gái cho thái tử nước Yên. Yên Vân Hầu mất, thái tử lên thay là Yên Dịch Vương, nhân lúc nước Yên có tang, Tề đánh chiếm mười thành của Yên. Khi Tô Tần đến Yên, Yên Dịch Vương nói rằng trước kia có tiên vương giúp Tô Tần mới thi hành được hợp tung, nay Tề phá ước lấy mười thành, yêu cầu sang Tề lấy lại mười thành đó.

Tô Tần thuyết Tề Vương nghe theo trả lại mười thành cho Yên. Có người nói xấu Tô Tần, ông ta là người tráo trở, lo xoay trở bán nước, có thể làm loạn. Sợ có tội, Tô Tần quay về Yên, Yên Vương không cho làm quan nữa. Ông phải uốn ba tấc lưỡi của mình lại được vua Yên phục chức cũ.

Tô Tần được Yên Dịch Vương hậu đãi, mẹ Dịch Vương là vợ Vân Hầu tư thông với Tô Tần, Dịch Vương biết việc đó nhưng lại càng hậu đãi hơn. Vì việc này, Tô Tần sợ bị giết bèn nói với Yên Vương:

- Thần ở Yên khiến cho Yên không được trọng, nhưng ở Tề thì Yên sẽ được trọng.

Yên Vương đáp:

- Tùy ý tiên sinh.

Tô Tần giả vờ nói đắc tội với Yên nên chạy sang Tề, Tề Tuyên Vương cho Tô Tần làm khách khanh. Tề Tuyên Vương mất, Mẫn Vương lên ngôi, Tô Tần đề nghị chôn cất để tỏ lòng hiếu, xây nhà cao làm vườn rộng để tỏ dạ đắc ý. Đó là Tô Tần muốn phá hoại Tề để giúp Yên. Yên Dịch Vương mất, Khoái Vương lên ngôi. Về sau nhiều đại phu nước Tề tranh với Tô Tần để giành được sự tin yêu của vua, có người đâm Tô Tần bị thương nặng nhưng không chết, Tề Mẫn Vương sai tìm nhưng không tìm ra hung thủ. Lúc gần chết Tô Tần bày kế cho Tề Vương:

- Khi thần chết, dùng xe xé xác thần mà rao ở chợ: “Tô Tần vì Yên làm loạn ở Tề”. Như thế thì thế nào cũng bắt được hung thủ giết hại thần.

Tề Vương y lời cầu xin của Tô Tần, quả nhiên hung thủ tự nhận mình đã sát hại Tô Tần. Tề Vương bắt giết hung thủ. Yên nghe biết chuyện nói:

- Tề Vương báo thù cho Tô Tần đến thế là cùng!

Về sau việc vỡ lở ra, Tề Vương biết mưu kế của Yên Vương và Tô Tần nên rất giận. Yên Vương lo sợ Tề.

Em của Tô Tần là Tô Đại, em của Đại là Tô Lệ, thấy anh mình vinh hoa phú quý cũng bắt chước học du thuyết, sau khi Tô Tần mất, Tô Đại ra mắt Yên Vương đưa kế cho Yên Vương đưa con sang Tề làm con tin cầu hòa.

Tướng Yên là Tử Chi kết thông gia với Tô Đại, muốn nắm quyền bính ở Yên, được Khoái Yên Vương tin dùng, sau nhường ngôi cho Tử Chi.

Nhờ con của Yên Vương ở Tề, Tô Lệ được làm quan ở Tề, sau Tề đánh Yên giết Tử Chi và Khoái, lập Chiêu Vương làm vua nước Yên. Cuối cùng Tô Đại và Tô Lệ đều làm quan ở Tề được hậu đãi.

Sau Tô Đại sang Ngụy, bị Ngụy bắt, nhờ vua Tề khuyên can Ngụy thả Tô Đại, Tô Đại sang Tống được tiếp đãi tử tế. Lúc ấy Tề đánh Tống, trong cơn nguy cấp của nước Tống, Tô Đại viết thư cho Yên Vương trình bày lẽ thiệt hơn để phá Tề cứu Tống và Yên, Triệu.

Yên Chiêu Vương nghĩ chỉ có họ Tô luôn luôn giúp Yên bèn viết thư mời Tô Đại trở về, Yên Vương hậu đãi, bàn mưu tính kế đánh Tề. Tề Mẫn Vương phải chạy. Sau đó ít lâu Tần mời Yên Vương phó hội nhưng Đại khuyên không nên đi.

Yên Vương sai Tô Đại đi các nước, để giao ước với chư hầu hợp tung như thời Tô Tần, có nước theo, có nước không theo, nhưng từ đó thiên hạ vẫn tôn kính ước tung của họ Tô. Tô Đại và Tô Lệ danh tiếng trong chư hầu thời đó, sống lâu ở Yên cho đến chết.

Sau khi được Tần Huệ Vương tin dùng Trương Nghi, thì Hàn đem quân xâm lấn Tần, Tần muốn đánh Hàn nhưng Tư Mã Thác là Tổ phụ của Tư Mã Thiên xin đánh Thục, vì lấy được Thục cương thổ sẽ rộng ra dân giàu nước mạnh mới có thể làm bá chủ chư hầu Tần Huệ Vương nghe theo đánh chiếm Thục, nhờ vậy Tần hùng mạnh hơn.

Sau đó Trương Nghi hiến kế Tần cho con tin sang Ngụy để tạo sự thân thiện, Ngụy dâng đất cho Tần, Tần Huệ Vương phong Trương Nghi làm Thừa tướng, đổi tên là Thiếu Lương gọi là Hạ Dương. Một năm sau Tần đánh lấy đất Thiểm. Hai năm sau,

Trương Nghi đi phó hội với Sở, Tề tại Khiết Tang. Nghi làm thừa tướng được 4 năm thì tôn Huệ Vương làm “vương” ngang với vua nhà Chu. Trương Nghi thôi làm Thừa tướng nước Tần sang làm tướng quốc nước Ngụy. Ở Ngụy, Trương Nghi khuyến dụ cho Ngụy Vương thờ Tần. Do đó, Ngụy Ai Vương nghe theo bỏ ước tung hòa với Tần. Trương Nghi trở về Tần làm Thừa Tướng lại.

Được ba năm, Ngụy lại chống Tần trở lại hợp tung, Tần đánh lấy đất Ngụy, năm sau Ngụy lại theo Tần. Tần muốn đánh Tề. Tề và Sở hợp tung, Trương Nghi lại sang làm Thừa tướng nước Sở. Sở Hoài Vương hậu đãi. Trương Nghi khuyên Sở Vương theo Tần thì Trương Nghi dâng cho sáu trăm dặm đất của ông được phong ở Thượng U, Trần Chấn can ngăn nhưng vua Sở không nghe làm theo Trương Nghi. Trương Nghi trở về Tần nói với sứ của Sở là giao cho Sở chỉ có sáu dặm.

Sở Hoài Vương giận, cất binh đánh Tần. Tần Tề hợp lại đánh Sở, Sở thua phải cắt hai thành để hòa với Tần. Tần đòi đất Kiềm Trung, Sở Vương bằng lòng với điều kiện phải giao Trương Nghi cho Sở. Tần không muốn, sợ Trương Nghi sẽ bị Sở Vương giết, nhưng Trương Nghi xin đi vì biết Sở Vương yêu người thiếp Trịnh Tụ, Cận Thượng là bạn của Trương Nghi ở Sở sẽ nói với Trịnh Tụ, Trịnh Tụ xin thì Sở Vương sẽ nghe theo mà tha cho Trương Nghi. Tần Huệ Vương đồng ý, Trương Nghi đi sang Sở bị Sở Vương bắt bỏ tù, định giết nhưng nhờ Trịnh Tụ nói Sở Hoài Vương nghe theo lại hậu đãi Trương Nghi. Thời gian này Trương Nghi được tin Tô Tần đã bị giết ở Tề.

Sở Hoài Vương nghe theo lời Trương Nghi thân thiện với Tần, Trương Nghi rời Sở đến Hàn trước khi về Tần, ông khuyến dụ Hàn đánh Sở để lấy đất Sở và làm vừa lòng Tần, Hàn vương

nghe theo kế của Trương Nghi, Trương Nghi về Tần, Tần Huệ Vương phong cho năm ấp gọi là Vũ Tịch Quân, rồi sai đi phương đông gặp Tề Mẫn Vương.

Trương Nghi đi gặp Tề Mẫn Vương, rồi Triệu Vương, rồi Yên Vương đã khéo thuyết các vị vương này nghe theo thờ Tần bỏ hợp tung. Trương Nghi trở về Hàm Dương để báo cáo thành quả liên hoành của mình cho Tần Huệ Vương, nhưng Huệ Vương đã mất. Vũ Vương lên ngôi, từ khi còn là thái tử Vũ Vương đã không ưa Trương Nghi, nay đã lên ngôi lại có quần thần dèm pha:

- Chớ tin Trương Nghi. hắn chỉ xoay trở bán nước để được người ưa. Nếu Tần còn dùng hắn nữa e thiên hạ chê cười !

Các nước biết Trương Nghi không được Vũ Vương trọng dụng nên bỏ liên hoành trở lại hợp tung.

Năm đầu Tần Vũ Vương các đại thần không ưa, lại thêm Tề Vương rất oán ghét đã làm kế của Trương Nghi, sợ bị giết, nên Trương Nghi đưa ý kiến xin sang Lương để Tề có trả thù thì đánh Lương, Tề Lương đánh nhau thì Tần kéo quan đến kinh đô bắt ép nhà Chu, lập nên nghiệp vương.

Tần Vương nghe theo, cấp ngựa xe cho Trương Nghi đi đến Lương, Tề Mẫn Vương bèn cử binh đánh Lương. Lương Vương sợ nên nhờ Trương Nghi tính kế để Tề lui binh.

Trương Nghi bèn cho môn hạ là Phùng Kỷ sang Sở, nhân tiện sang Tề báo cho Tề Vương biết việc Tề đánh Lương là kế của Trương Nghi, Tề trúng kế thì vua Tần càng hậu đãi Trương Nghi và Tề Lương đánh nhau thì Tần sẽ đem binh vào kinh đô nhà Chu mà lập nên nghiệp vương.

HUỖNH ÁI TÔNG

Tề Vương cho là phải, bèn ra lệnh thu binh không đánh Lương nữa.

Trương Nghi làm tướng ở nước Ngụy một năm rồi chết ở Ngụy năm 309TCN.

Trong Sử Ký Tư Mã Thiên cho rằng cả Tô Tần và Trương Nghi kẻ chủ thuyết hợp tung, người liên hoành đều là gian trá nguy hiểm, Nhưng ông cũng đề lời khen Tô Tần một người xuất thân từ dân giả đã trở thành tướng quốc của sáu nước, ba anh em danh tiếng lừng lẫy trong chư hầu thời bấy giờ.

Chúng ta thấy rằng Tô Tần trí đoán hơn người, đưa Trương Nghi vào Tần làm Thừa tướng, hợp tung của ông những mười lăm năm vững vàng, chết mà còn tìm ra được thủ phạm trả thù. Bước vào con đường khanh tướng từ nước Yên, ông luôn bảo vệ Yên cho đến cuối đời mình. Quả là một con người xuất chúng, thủy chung.

Trương Nghi xây dựng nên liên hoành thành công thì Tần Huệ Vương chết, Vũ Vương không tin dùng, liên hoành không được thực hiện, ông phải dụng kế chạy thoát thân sang Lương rồi về chết ở đất Ngụy quê nhà.

Một lời khen chê của Tư Mã Thiên để lại nghìn thu còn tỏ rạng.

Huỳnh Ái Tông

16-10-2010

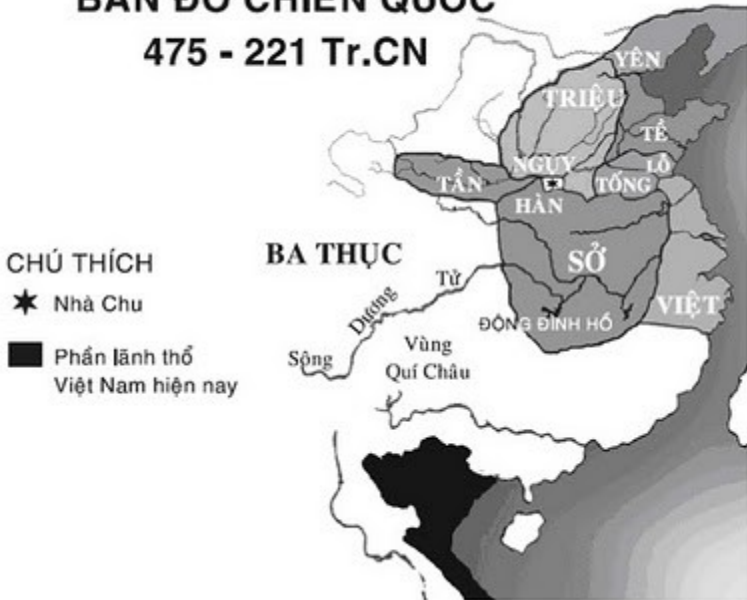
Viết theo SỬ KÝ của Tư Mã Thiên

Tứ Công tử thời Chiến Quốc



Cùng thời Chiến Quốc có bốn người được gọi là Tứ Công Tử, đó là Mạnh Thường Quân công tử nước Tề, Bình Nguyên Quân công tử nước Triệu, Tín Lăng Quân công tử nước Ngụy và Xuân Thân Quân người nước Sở cũng hào phóng chiêu hiền đãi sĩ ngang hàng như ba công tử trên, nên được liệt vào tứ công tử bởi vì mỗi người đều có vài ngàn tân khách trong nhà, đều từng làm tướng cầm binh đánh Tần.

BẢN ĐỒ CHIẾN QUỐC 475 - 221 Tr.CN



Bình Nguyên quân (chữ Hán: 平原君; ? - 253 TCN) tên thật là **Triệu Thắng** (赵胜), là công tử nước Triệu, một trong Tứ công tử Chiến Quốc, Thắng là người hiền hơn cả. Thắng thích tân khách, tân khách đến độ mấy nghìn người. Bình Nguyên Quân làm tể tướng cho Triệu, Huệ Văn Vương và Hiếu Thành Vương, ba lần thôi không làm tể tướng, ba lần trở lại địa vị, được phong ở Đông Vũ Thành.

Lầu nhà Bình Nguyên Quân nhìn xuống nhà dân. Nhà dân có người què khập khiễng ra mức nước. Mỹ nhân của Bình Nguyên Quân ở trên lầu trông thấy thế cười rộ. Hôm sau, người què đến cửa nhà Bình Nguyên Quân, nói :

THẾ SỰ

- Tôi nghe nói ngài yêu kẻ sĩ, sở dĩ kẻ sĩ không ngại xa ngàn dặm mà đến là vì ngài biết quý kẻ sĩ mà khinh thường bọn tỳ thiếp. Tôi không may bị tàn tật, thế mà hậu cung của ngài lại cười. Tôi xin cái đầu con người đã cười chế nhạo tôi.

Bình Nguyên Quân cười đáp :

- Vâng.

Người què ra đi. Bình Nguyên Quân cười mà rằng :

- Thằng kia lại muốn lấy có một nụ cười mà đòi giết mỹ nhân của ta. Thật là quá đáng!

Rốt cuộc, Bình Nguyên Quân không giết.

Được hơn một năm, tân khách, môn hạ, xá nhân dần dần bỏ đi quá nửa. Bình Nguyên Quân lấy làm lạ, nói :

- Thằng dối đãi các vị chưa hề dám thất lễ. Tại sao nhiều người lại bỏ đi như thế?

Một người môn hạ bước ra, nói :

- Vì ngài không giết mỹ nhân đã cười chế nhạo con người què kia, vì ngài yêu sắc đẹp mà khinh thường kẻ sĩ cho nên kẻ sĩ bỏ đi đó thôi.

Bình Nguyên Quân bèn chém đầu mỹ nhân đã cười chế nhạo người què, đoạn thân hành đến nhà người què tạ lỗi. Sau đó, các môn hạ dần dần trở lại.

Thời bấy giờ ở nước Tề có Mạnh Thường Quân, ở nước Ngụy có Tín Lăng Quân, ở nước Sở có Xuân Thân Quân đều ra sức đua nhau về mặt tiếp đãi kẻ sĩ.

Quân Tần vây Hàm Đan (Năm - 260 - tướng Tần Bạch Khởi đánh thắng quân Triệu ở Trường Bình. Năm - 258, vây hãm thủ đô của Triệu là Hàm Đan.) Vua Triệu sai Bình Nguyên Quân đi cầu cứu, tôn Sở làm minh chủ, hợp tung đánh Tần. Bình Nguyên Quân định đem hai mươi người thực khách, môn hạ có dũng lực và đủ tài văn võ để cùng đi. Bình Nguyên Quân nói :

- Nếu dùng văn mà xong xuôi thì tốt. Dùng văn không xong thì bất luận thể nào, cũng phải uống máu ăn thề ở nơi miếu đường, phải định xong hợp tung rồi mới về. Không tìm kẻ sĩ ở ngoài, chỉ lấy trong số thực khách, môn hạ cũng đủ.

Bình Nguyên Quân chỉ chọn được mười chín người, còn ra không đáng lấy, nên không làm sao đủ con số hai mươi. Có người môn hạ là Mao Toại bước ra, tự tiến cử mình với Bình Nguyên Quân :

- Toại nghe nói ngài sắp hợp tung với Sở, định cùng đi với hai chục người thực khách môn hạ mà không tìm ở ngoài. Nay còn thiếu một người, vậy xin ngài lấy ngay Toại này cho đủ số mà đi.

Bình Nguyên Quân nói :

- Tiên sinh làm môn hạ ở nhà Thằng đến nay đã mấy năm rồi?

Mao Toại đáp :

- Đến nay đã ba năm.

Bình Nguyên Quân nói :

- Phàm kẻ sĩ tài giỏi ở trên đời, cũng như cái dùi ở trong túi, mũi dùi phải lòi ngay ra chứ! Tiên sinh ở nhà Thắng đến nay đã ba năm, xung quanh không thấy ai khen ngợi, tiến cử. Thắng vẫn chưa nghe gì, thế tức là tiên sinh không có tài năng, tiên sinh không đi được đâu, tiên sinh ở lại thôi. Mao Toại nói :

- Tôi mỗi hôm nay mới xin vào ở trong túi đấy thôi. Nếu Toại tôi sớm ở trong túi thì tất cả cái dùi đều lộ ra ngoài, chứ thềm để lộ cái mũi dùi mà thôi đâu.

Bình Nguyên Quân bèn cùng Toại ra đi. Mười chín người kia đưa mắt nhìn tỏ ý cười Toại, nhưng không nói ra.

Khi đến nước Sở, Mao Toại cùng mười chín người kia bàn bạc. Cả mười chín người đều phục.

Bình Nguyên Quân bàn với nước Sở về việc hợp tung, nói sự lợi hại như thế nào, suốt từ khi mặt trời mọc cho đến lúc đứng bóng vẫn chưa vào đâu. Mười chín người bảo Mao Toại :

- Ông lên đi.

Mao Toại chống kiếm thoăn thoắt bước lên các bậc thềm, bảo Bình Nguyên Quân :

- Việc hợp tung lợi hay hại thì chỉ hai tiếng là đủ quyết định. Nay ngài bàn việc hợp tung từ lúc mặt trời mọc, đến khi mặt trời đứng bóng còn chưa xong là có làm sao?

Vua Sở hỏi Bình Nguyên Quân :

- Khách làm gì thế?

Bình Nguyên Quân nói :

- Đó là xá nhân của Thắng đấy.

Vua Sở quát :

- Xuống ngay đi! Ta nói chuyện với chủ nhà ngươi, nhà ngươi làm cái trò gì thế?

Mao Toại chống kiếm tiến lên :

- Nhà vua sở dĩ quát mắng Toại là vì nhà vua cho rằng nước Sở đông người! Nay trong vòng mười bước thì nhà vua không thể cạy vào chỗ nước Sở đông người được! Tính mạng của nhà vua đang nằm trong tay Toại. Chủ tôi ngồi đấy, tại sao lại nhểch máng tôi? Vả chăng Toại nghe : vua Thang chỉ có bảy mươi dặm đất mà làm vương thiên hạ, vua Văn Vương chỉ có một trăm dặm đất mà chư hầu thần phục. Họ được như vậy đâu phải vì binh sĩ họ đông? Trái lại đó chẳng qua vì họ khéo giữ lấy thế, nhờ đó, trở cái oai của họ mà thôi. Nay nước Sở, đất vuông năm ngàn dặm, kẻ cầm kích một trăm vạn người ; đó là chỗ dựa để dựng lên cơ nghiệp bá vương. Nước Sở mạnh như vậy, thiên hạ ai địch nổi. Bạch Khởi chẳng qua chỉ là một thằng nhãi mà thôi! Nhưng hắn đem mấy vạn quân gây chiến với Sở, đánh một trận thì lấy được đất Yển, đất Sính, đánh hai trận đốt cháy Di Lăng, đánh ba trận làm nhục đến tiên nhân nhà vua. Đó là cái oán trăm đời, nước Triệu lấy thế làm xấu hổ, thế mà nhà vua không biết xấu. Kế hợp tung là vì lợi ích của nước Sở chứ đâu phải vì lợi ích của nước Triệu! Chủ tôi ngồi đấy mà quát mắng tôi là lại làm sao?

Vua Sở nói :

- Vâng, vâng! Quả thật đúng như lời tiên sinh dạy. Tôi xin đem nước nhà theo kế hợp tung.

Mao Toại nói :

- Việc hợp tung đã quyết định chưa?

Vua Sở nói :

- Quyết định rồi.

Mao Toại bảo những người hầu cận vua Sở :

- Lấy máu gà, chó, ngựa đem lại đây!

Mao Toại bưng chiếc mâm đồng, quỳ dâng vua Sở, nói :

- Xin nhà vua uống máu định việc hợp tung; rồi đến chủ tôi, sau nữa đến Toại!

Bèn định việc hợp tung ở ngay trên điện. Mao Toại tay trái bưng mâm huyết, tay phải vẫy mười chín người kia, nói :

- Các anh đem huyết này uống với nhau ở dưới thềm, các anh xoàng lắm, thật là nhờ người ta mà nên việc vậy.

Khi định hợp tung xong, về đến nước Triệu, Bình Nguyên Quân nói :

- Thắng từ nay không dám xem xét kẻ sĩ nữa. Thắng xem xét kẻ sĩ, nhiều kẻ có nghìn người, ít ra cũng có vài trăm, đã tự cho

là mình không bỏ sót nhân tài trong thiên hạ, thế mà nay bỏ sót Mao tiên sinh đấy. Mao tiên sinh đến Sở một phen, làm cho thanh thế nước Triệu được tôn trọng hơn chín vạn, hơn chuông Đại Lữ. Ba tác lược của Mao tiên sinh mạnh hơn đạo quân trăm vạn.

Thắng này không dám xem xét kẻ sĩ nữa!

Bèn tôn Toại làm thượng khách.

Sau khi Bình Nguyên Quân về Triệu, vua Sở sai Xuân Thân Quân đến cứu Triệu. Tín Lăng Quân cũng giả mệnh vua Ngụy đánh lấy quân của Tần Bì đến cứu Triệu. Nhưng đều chưa đến. Quân Tần vây Hàm Đan gấp. Hàm Đan nguy ngập sắp đầu hàng. Bình Nguyên Quân rất lo lắng.

Con người coi trạm ở Hàm Đan là Lý Đồng nói với Bình Nguyên Quân :

- Ngài không lo nước Triệu mất hay sao?

Bình Nguyên Quân nói :

- Nước Triệu mất thì Thắng bị bắt làm tù, không lo sao được?

Lý Đồng nói :

- Dân thành Hàm Đan lấy xương người chết mà nấu củi, đổi con cho nhau để ăn, tình thế nguy ngập lắm rồi, thế mà hậu cung của ngài có đến hàng trăm người, tỳ thiếp thì mặc lụa là, gạo thịt thì thừa mứa. Trái lại, dân áo ngắn không được lành, tấm cám không có đủ mà ăn. Dân nguy khốn, binh khí hết : có người đeo gổ làm đao, làm tên. Trái lại, đồ dùng chuông khánh

của ngài vẫn như xưa. Nếu Tần phá nước Triệu thì ngài làm sao có được những đồ ấy? Nếu nước Triệu còn, ngài lo gì không có? Nay ngài có thể khiến từ phu nhân trở xuống đều ghi tên vào hàng ngũ sĩ tốt, chia việc mà làm, đem tất cả của cải trong nhà ra phân tán để nuôi quân sĩ. Quân sĩ đang trong lúc nguy khốn thì họ dễ cảm thấy ân đức của ngài.

Bình Nguyên Quân nghe theo, kết quả có ba nghìn người cảm tử. Lý Đồng bèn cùng ba nghìn người xông vào đánh quân Tần. Quân Tần vì vậy phải lui ba mươi dặm. Lại gặp lúc cứu binh của nước Sở, nước Ngụy đến, quân Tần bèn rút lui. Hàm Đan được bảo toàn, Lý Đồng chết trận, người cha được phong làm Lý Hầu.

Ngư Khanh muốn xin vua Triệu phong thêm đất cho Bình Nguyên Quân, vì Bình Nguyên Quân đã cầu được Tín Lăng Quân đến cứu thành Hàm Đan.

Công Tôn Long nghe vậy đang đêm đi xe ngựa đến yết kiến Bình Nguyên Quân, nói :

- Long tôi nghe nói Ngư Khanh muốn xin phong thêm đất cho ngài, vì có Tín Lăng Quân đã cứu được thành Hàm Đan, điều đó có hay không?

Bình Nguyên Quân nói :

- Có.

Long nói :

- Việc này rất không nên. Nhà vua cho ngài làm tể tướng nước Triệu, không phải vì trong nước Triệu không có ai tài năng và

muu trí như ngài. Nhà vua cắt đất Đông Vũ Thành để phong cho ngài, không phải vì ngài có công, còn người trong nước thì không có công, mà chỉ vì ngài là thân thích đó thôi. Ngài sở dĩ nhận ân tể tướng không từ chối vì có mình bất tài, được cắt đất không từ chối vì có mình không có công, đó cũng vì ngài tự cho mình là thân thích. Nay nếu nhân việc cầu được Tín Lăng Quân cứu Hàm Đan mà xin đất phong, thế tức là ngài một mặt được phong ấp vì có là thân thích, lại một mặt kể công để được phong như mọi người thường trong nước, thực là không hợp lý chút nào. Vả chẳng Ngu Khanh nắm cả hai mặt. Nếu việc thành thì ông ta nắm cái khế đòi nợ ấy để đòi ngài báo ơn; nếu việc không thành thì ông ta vẫn được cái hư danh khiến ngài phải chịu ơn ông ta. Ngài nhất định đừng nghe.

Bình Nguyên Quân bèn không nghe lời Ngu Khanh.

Bình Nguyên Quân chết năm thứ mười lăm đời Hiếu Thành Vương nước Triệu (-251 trước công nguyên). Con cháu nối đời đời, mãi đến khi nước Triệu mất mới hết

Tín Lăng quân (信陵君) tên thật là **Ngụy Vô Kỵ** (魏无忌, ?-243 TCN) là con út vua Ngụy Chiêu Vương, em cùng cha khác mẹ với Ngụy An Ly Vương. Năm 277 TCN, Ngụy Chiêu Vương chết, An Ly Vương lên ngôi, phong Ngụy Vô Kỵ là Tín Lăng Quân. Bấy giờ Phạm Thư bỏ nước Ngụy, trốn sang Tần làm thừa tướng, vì thù oán Ngụy Tề nên quan Tần vây thanh Đại Lương phá quan Ngụy ở gần núi Hoa Dương, đánh tướng Ngụy là Mang Mào bỏ chạy, vua Ngụy và công tử lo sợ.

Công tử là người nhân hậu, biết khiêm tốn đối với kẻ sĩ. Kẻ sĩ không kể người hiền hay người dốt. công tử đều khiêm tốn, lấy lễ đối đãi, không dám cậy mình là người giàu sang mà kiêu ngạo đối với họ. Vì vậy kẻ sĩ trong mấy ngàn dặm đều tranh

THẾ SỰ

nhau theo. Khách ăn đến ba nghìn người. Lúc bấy giờ chư hầu cho công tử là người hiền, có nhiều khách, đã hơn mười năm không dám đem binh đánh Ngụy.

Công tử đang cùng vua Ngụy đánh cờ, bỗng ở biên giới phía bắc khói đốt lên để báo hiệu, vua nói:

Giặc Triệu đến, sắp vào bờ cõi.

Vua Ngụy thôi đánh cờ, muốn triệu tập các quan đại thần để bàn công việc. Công tử can nhà vua, nói:

Không phải có giặc đâu. Đây là vua Triệu đi săn đây thôi.

Rồi lại đánh cờ như cũ. Vua lo sợ không còn bụng dạ nào nghĩ đến việc đánh cờ. Lát sau, có người từ phương bắc đem tin về nói:

Đó là vua Triệu đi săn chó không phải có giặc cướp:

Vua Triệu cả kinh, hỏi:

Tại sao công tử lại biết điều đó?

Công tử nói:

Khách khanh của thần có người dò biết được những việc bí mật của vua Triệu. Vua Triệu làm gì thì người khách ấy báo ngay với thần, cho nên thần biết.

Sau đó, vua Ngụy sợ công tử vì hiền và có tài nên không dám giao việc chính sự trong nước cho công tử.

Thời đó nước Ngụy có người ẩn sĩ tên là Hầu Doanh đã bảy mươi tuổi, làm chức giữ cửa thành Di Môn của Đại Lương, kinh đô nước Ngụy. Tín Lãng Quân nghe tin đến mời muốn đem hậu lễ để tặng nhưng Hầu Doanh nhất định không nhận. Ông liền đặt tiệc rượu đầu đầy chỉ để chỗ ngồi bên trái bỏ trống, thân hành đi đón Hầu Doanh, đối đãi hết mực cung kính. Sau đó ông lại tự mình đánh xe cho Hầu Doanh, dù Hầu Doanh cố ý đòi vào thăm bạn là người hàng thịt Chu Hợi ở chợ, nói chuyện rất lâu, Vô Kỵ cũng không tỏ ý khó chịu. Khi đến nhà, công tử dẫn Hầu Doanh lên ngồi ghế trên, giới thiệu và khen ngợi Hầu Doanh với các tân khách, còn mời rượu chúc thọ Hầu Doanh. Hầu Doanh cảm phục sự khiêm nhường với kẻ sĩ của công tử, nên bằng lòng theo. Sau đó Hầu Doanh lại tiến cử Chu Hợi là người làm hàng thịt cho Tín Lãng Quân. Mặc dù vậy Chu Hợi không hề đáp lễ.

Tín Lãng Quân là người hiền tài, những thực khách dưới quyền ông lại có nhiều người giỏi giúp đỡ nên vua Ngụy sợ không dám giao việc chính sự trong nước cho ông. Lúc đó nước Tần đã trở thành nước mạnh nhất trong các nước chư hầu. Năm 257 TCN, quân Tần bao vây thành Hàm Đan, kinh đô nước Triệu. Tể tướng nước Triệu là Bình Nguyên Quân, là anh rể của Tín Lãng Quân, cho người gửi thư xin nước Ngụy cứu viện. Vua Ngụy sai tướng quân Tần Bì cầm mười vạn quân đi cứu Triệu nhưng vì bị sứ Tần sang dọa sẽ đánh Ngụy nên Ngụy vương ra lệnh cho Tần Bì đóng quân án binh bất động chờ tình hình chiến sự hai bên.

Vua Sở Khảo Liệt vương theo ước hẹn tung, cũng sai Xuân Thân Quân Hoàng Yết mang quân sang cứu, nhưng quân Sở cũng khiếp sợ sức mạnh của quân Tần nên đóng quân từ xa không dám đánh.

Bình Nguyên Quân liên tục cho người sang giục Tín Lãng Quân xin quân tiếp viện. Tín Lãng Quân mấy lần xin Ngụy Vương, và giục các tân khách biện sĩ tìm đủ mọi cách nói với Ngụy Vương. Nhưng Ngụy Vương sợ Tần, rốt cuộc không nghe lời ông. Ông liền đem hết người trong nhà định sang Triệu liều chết với quân Tần. Trước khi ra đi ông đến cổng thành Di Môn để từ biệt Hầu Doanh. Hầu Doanh nói với ông:

- Công tử yêu kẻ sĩ nổi tiếng khắp thiên hạ, nay gặp nạn không có phương kế nào khác mà lại muốn lao vào quân Tần, thế cũng như là ném thịt cho hổ đói chứ có ích gì đâu! Như thế thì dùng tân khách làm cái gì?

Tín Lãng quân lạy hai lạy và hỏi. Hầu Sinh bèn đuổi những người xung quanh ra rồi nói riêng với ông:

- Doanh này nghe nói “Bình phù” của Tần Bì thường để ở trong phòng ngủ của nhà vua mà nàng Như Cơ được nhà vua rất yêu, ra vào nơi phòng ngủ của nhà vua, có thể ăn trộm được. Doanh nghe nói cha của Như Cơ bị người ta giết. Như Cơ chứa giận ba năm, muốn tìm người báo thù cho cha, nhưng từ nhà vua trở xuống, không được một người nào. Như Cơ khóc với công tử. Công tử sai người khách chém đầu kẻ thù kính dâng lên Như Cơ. Như Cơ muốn báo ơn công tử, chết cũng không từ chối, nhưng vẫn chưa có dịp đấy thôi. Nay nếu công tử mở miệng nói với Như Cơ một lời thì thế nào Như Cơ cũng bằng lòng. Một khi đã có được “hồ phù”, giành lấy quân đội của Tần Bì, đem quân về phía Bắc, cứu nước Triệu, đuổi nước Tần về phía Tây, đó là công lao của Ngủ bá đời xưa.

Ngụy Vô Kỵ nghe theo kế của Hầu Doanh, nói với Như Cơ. Như Cơ quả nhiên trộm được bình phù của Ngụy vương đưa cho ông. Ông chuẩn bị ra đi, Hầu Doanh nói:

HUỲNH ÁI TÔNG

- Công tử đến ghép phù, nếu như Tấn Bì không trao quân cho công tử mà lại muốn hỏi lại nhà vua thì công việc thế nào cũng hỏng mất. Người khách của tôi là anh hàng thịt Chu Hợi có thể cùng đi với công tử, anh ta là một lực sĩ. Nếu như Tấn Bì nghe theo thì tốt lắm. Nếu không thì sẽ sai lầm chết.

Công tử liền khóc, Hầu sinh nói:

Công tử sợ chết hay sao ? Tại sao lại khóc ?

Công tử nói:

- Tấn Bì là một vị lão tướng oai vệ. Tôi khóc vì sợ đến ông ta không nghe, phải giết ông ta mà thôi.

Công tử bèn mời Chu Hợi, Chu Hợi cười mà rằng:

- Tôi là anh hàng thịt, múa đao ở nơi chợ búa, mà công tử lại thân hành mấy lần đến thăm hỏi. Tôi sợ dĩ không đáp lễ là vì nghĩ rằng không cần gì cái trò lễ nghi lật vặt ấy. Nay công tử có việc nguy cấp, đó là lúc tôi hiến tính mạng cho công tử.

Bèn cùng công tử ra đi. Công tử đi qua tạ ơn Hầu Doanh. Hầu Doanh nói:

- Tôi đáng lý phải đi theo, nhưng đã già đi không được, xin tính ngày công tử đến quân đội Tấn Bì, tôi sẽ quay đầu về hướng bắc, tự đâm vào cổ để tiễn công tử.

Đến đất Nghiệp, ông giả lệnh của Ngụy vương thay Tấn Bì. Tấn Bì ghép phù lấy làm ngờ, giơ tay, nhìn ông nói:

- Nay tôi cầm binh mười vạn, đóng đồn ở nơi biên giới là một công việc nặng nề của nước. Ông đi một chiếc xe đến đây thay tôi, là nghĩa thế nào?

Tấn Bỉ ý không chịu nghe theo. Chu Hối giấu ở trong ống áo cái chùy sắt bốn mươi cân, xông ngay đến đánh Tấn Bỉ chết. Tín Lăng quân bèn nắm lấy ấn tướng, chỉ huy quân của Tấn Bỉ, chinh đồn lại đội ngũ, ra lệnh trong quân:

Nếu cả cha và con đều ở trong quân, thì cha trở về; nếu cả anh và em ở trong quân thì anh trở về; nếu là con một không có anh em thì trở về mà nuôi cha mẹ.

Ông lựa trong 10 vạn quân của Tấn Bỉ được 8 vạn quân, hăng hái tiến lên quyết chiến với quân Tần. Tướng Tần là Vương Lăng thấy hai cánh quân cứu viện lâu ngày không dám tiến, nghĩ rằng quân chư hầu nhất, không ngờ quân Ngụy ồ ạt kéo đến. Ngụy Vô Kỵ dẫn quân kịch chiến với quân Tần. Quân Tần thua trận, phải giải vây rút lui.

Vua Triệu và Bình Nguyên Quân thân hành đón công tử ở biên giới, Bình Nguyên Quân mang cung, túi tên đi trước dẫn đường, vua Triệu lạy hai lạy nói:

Người hiền từ xưa đến nay, chưa có ai bằng công tử.

Lúc bấy giờ Bình Nguyên Quân không dám so sánh với công tử. Kể từ khi công tử cùng Hầu Doanh từ biệt đến khi đến quân doanh thì quả nhiên Hầu Doanh quay mặt về phía bắc mà tự đâm cổ chết.

Ngụy Vô Kỵ biết vua Ngụy giận mình ăn trộm binh phù của mình, lừa giết Tấn Bỉ, nên sau khi đã đuổi quân Tần, cứu được

nước Triệu, ông sai các tướng đem quân trở về nước Ngụy, còn mình cùng với những người khách ở lại nước Triệu.

Triệu Hiếu Thành Vương bàn với Bình Nguyên Quân phong cho ông năm thành. Ban đầu Tín Lăng quân nghe tin đó, có ý kiêu căng về công trạng, nhưng sau nghe lời tân khách, ông tỏ ra khiêm nhường với Triệu vương, không nhận công lao. Triệu vương tin rằng ông sẽ từ chối lấy 5 thành nên cho ông đất Hoắc để làm thực ấp. Sau đó Ngụy vương cũng lại cho ông hưởng lộc đất Tín Lăng như cũ, nhưng công tử vẫn ở lại nước Triệu.

Công tử nghe nói ở nước Triệu có Mao Công ẩn mình giữa những người đánh bạc, Tiết công ẩn mình giữa những người bán tương, công tử muốn gặp hai người ấy. Hai người ấy trốn tránh không chịu ra tiếp công tử. Công tử biết chỗ họ ở, bèn đi bộ một mình đến nhà, từ đó hai người kia chơi với công tử rất là tương đắc. Bình Nguyên Quân nghe vậy nói với vợ: là người có một không hai trong thiên hạ; nay ta xem ra thì ông ta lại chơi với bọn đánh bạc và bọn bán tương

- Lúc đầu ta nghe nói người em của phu nhân là người có một không hai trong thiên hạ; nay ta xem ra thì ông ta lại chơi bời với bọn đánh bạc và bọn bán tương, công tử chỉ là người gần thôi.

Phu nhân nói với công tử, công tử bèn từ tạ ra đi và nói với phu nhân:

- Lúc đầu, tôi nghe nói Bình Nguyên Quân là người hiền cho nên toái phụ bạc vua Ngụy mà cứu nước Triệu để xứng đáng với Bình Nguyên Quân. Cách giao du Bình Nguyên Quân chỉ cốt tân khách cho nhiều để tự khoe khoang mà thôi, chớ không tìm kẻ hiền sĩ, Vô Kỵ từ khi ở Đại Lương vẫn thường

nghe nói hai người này là người hiền, khi đến Triệu, sợ không gặp mặt. Vô Kỵ chơi với họ, còn sợ họ không muốn chơi với mình nữa kia nay Bình Nguyên Quân lấy thể làm then, như vậy Bình Nguyên Quân không phải là người đáng cùng giao du. Có lẽ không hơi đâu mà giao du với ông ta nữa.

Bèn chuẩn bị hành lý để đi. Phu nhân đem tất cả nói lại với Bình Nguyên Quân, Bình Nguyên Quân bèn cắt mũ để xin lỗi, cố ý giữ! công tử lại. Môn hạ Bình Nguyên Quân nghe vậy, một nửa bỏ Bình Nguyên Quân mà theo công tử. Kẻ sĩ trong thiên hạ lại đến theo công tử. Công tử làm cho khách của Bình Nguyên Quân đổ về công tử

Tín Lăng Quân ở lại Triệu mười năm không về, nước Tần nghe tin ông ở Triệu, sai tướng là Mông Ngao ngày đêm đem binh về hướng Đông đánh Ngụy. Vua Ngụy lo lắng, sai sứ đến mời ông về. Ban đầu Tín Lăng quân sợ vua Ngụy giận nên không muốn về.

Mao Công và Tiết Công đến gặp ông khuyên rằng:

- Sỡ dĩ công tử được trọng ở Triệu, nổi danh khắp chư hầu, là vì có nước Ngụy. Nay Tần đánh Ngụy, Ngụy nguy cấp mà công tử không lo đến. Nếu nước Tần phá thành Đại Lương, san phẳng tôn miếu của tiên vương thì công tử còn mặt mũi nào mà đứng trong thiên hạ?

Tín Lăng Quân hiểu ra, lập tức lên đường về nước.

Vua Ngụy thấy công tử, hai người cùng khóc. Ngụy vương trao cho ông ấn thượng tướng quân. Năm 247 TCN, ông sai sứ báo khắp các chư hầu, chư hầu nghe ông làm tướng, đều sai tướng đem quân cứu Ngụy. Tín Lăng Quân cầm quân cả năm nước

đánh tan quân Tần ở Hà Ngoại. Tướng Tần là Mông Ngao bỏ chạy.

Nguy Vô Kỵ thừa thắng đuổi quân Tần đến ải Hàm Cốc, chặn đường quân Tần, quân Tần không dám ra. Kể từ trận đó uy thế của ông nổi khắp các nước chư hầu.

Tín Lãng Quân được thiên hạ ngưỡng mộ, lại có phần đặc chí. Khách các nước chư hầu dâng binh pháp, Tín Lãng Quân đều chiếm lấy làm của mình, cho nên thế tục gọi là *Nguy công tử binh pháp*.

Tần Chiêu Tương vương lo lắng, bèn cho người đem một vạn cân vàng sang nước Ngụy, tìm người khách của Tần Bì, khiến người này gièm ông với Ngụy Vương rằng:

- Công tử trốn ra nước ngoài đã mười năm nay làm tướng nước Ngụy, chư hầu đều theo. Chư hầu chỉ nghe nói Ngụy công tử không nghe nói đến vua Ngụy. Công tử nhân lúc này muốn quay mặt về hướng Nam làm vua. Chư hầu sợ uy công tử cũng muốn cùng nhau lập công tử.

Nước Tần mấy lần sai phản gián, giả vờ mừng công tử được lập làm Ngụy Vương. Ngụy An Ly Vương ngày nào cũng nghe lời gièm pha cuối cùng tin theo, sai người khác thay ông làm tướng.

Công tử biết mình vì gièm pha mà bị phé truất bèn cáo bệnh sa vào tử sắc, ngày đêm vui chơi. Bốn năm sau, năm 243 TCN, ông mắc bệnh vì rượu mà qua đời, không rõ bao nhiêu tuổi.

Vua Tần nghe tin ông mất, bèn sai Mông Ngao đánh Ngụy lấy hai mươi thành, sau đó nước Tần dần dần chiếm nuốt Ngụy, 18

năm sau thì bắt Ngụy Vương, làm cỏ dân thành Đại Lương, tiêu diệt nước Ngụy (225 TCN).

Năm 195 TCN, sau khi đánh dẹp Anh Bố trở về, Hán Cao Tổ cho đặt năm nhà để giữ mồ mã tể Tán Lăng quân, hàng năm bốn mùa tế tự ông.

Mạnh Thường quân (孟尝君) tên thật là **Điền Văn** (田文), người nước Tề, ông là con của Tướng Quốc Điền Anh. Ông là một người giàu có, lại có lòng nghĩa hiệp, thích chiêu hiền đãi sĩ, văn cũng như võ trong nhà lúc nào cũng tiếp đãi đến vài nghìn tân khách. Tiếng tốt đồn vang khắp các nước chư Hầu thời bấy giờ.

Quan Tướng Quốc Điền Anh dưới thời Tề Mân Vương có hơn 40 người con trai. Ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch, một người tiện thiếp của Điền Anh sinh một người con trai là Điền Văn, Điền Anh bảo người thiếp bỏ đi đừng nuôi. Người tiện thiếp thương con nên không nỡ bỏ, lén nuôi riêng một chỗ kín. Khi Điền Văn được 5 tuổi, người thiếp dắt Điền Văn ra mắt Điền Anh, Điền Anh nổi giận vì người thiếp trái mệnh. Điền Văn liền dập đầu thưa rằng:

- Vì có nào mà cha nỡ bỏ con?

Điền Anh đáp:

- Người đời thường nói ngày mùng 5 tháng 5 là ngày hung, sanh con nhằm ngày ấy lớn lên nó cao bằng cái cổng, sẽ bất lợi cho cha mẹ.

Điền Văn thưa rằng: - Người ta sanh ra thọ mệnh ở Trời, lẽ nào thọ mệnh ở cái cổng. Nếu quả thọ mệnh ở cái cổng thì sao cha không xây cái cổng cho cao lên.

Điền Anh nghe con trẻ nói thế thì không biết trả lời ra sao, nhưng nghĩ rằng đứa bé này rất khác thường, nên bắt đầu để ý chăm nom dạy dỗ nó.

Khi được 10 tuổi thì Điền Văn đã biết tiếp tân khách. Tân khách rất thích chơi với Văn vì cậu bé rất thông minh và có nhiều tư tưởng lạ. Sứ giả các nước đến Tề đều yêu cầu tiếp xúc Điền Văn. Điền Anh cho Điền Văn là người hiền, nên rất thương yêu, lập làm đích tử, nối dòng Tiết Công, gọi là Mạnh Thường Quân.

Mạnh Thường Quân nối nghiệp cha, xây nhà quán xá lớn thêm để chứa những kẻ sĩ trong thiên hạ. Tất cả kẻ sĩ đến đều được thu dụng, không phân biệt sang hèn, giới dõ.

Mạnh Thường Quân dầu làm quan lớn hiền hách nhưng vẫn ăn uống giống như tân khách. Có một hôm đãi khách ăn đêm, đèn soi không rõ, có một khách ngờ rằng cơm có hai hạng bèn ném đĩa xin đi. Điền Văn tự đứng dậy, đến nơi rọi đèn vào cơm để so sánh, quả nhiên cơm đều như nhau. Vị tân khách ấy than rằng:

- Mạnh Thường Quân đều đãi khách đồng một bực mà ta đem lòng ngờ vực, thật là tiểu nhân, còn mặt mũi nào nhìn ông ấy nữa.

Nói xong thì lấy dao tự đâm cổ chết, không ai ngăn kịp. Mạnh Thường Quân thương khóc thảm thiết. Các tân khách đều cảm động, theo về càng lúc càng đông.

Các nước chư Hầu nghe tiếng Mạnh Thường Quân là người hiền, có nhiều tân khách tài giỏi, nên đều tôn trọng nước Tề, không dám xâm phạm bờ cõi nước Tề.

Bấy giờ, vua nước Tần là Tần Chiêu Vương nghe tiếng Mạnh Thường Quân là người hiền, muốn triệu họ Mạnh sang Tần nhưng biết họ Mạnh đang làm Tướng Quốc nước Tề thì làm sao cầu được. Một vị cận thần tâu:

- Bệ hạ nên đem con em thân tín sang Tề làm con tin rồi dùng lễ vật mời Mạnh Thường Quân. Vua Tề tin Tần, ắt phải cho Mạnh Thường Quân đi. Bệ hạ được Mạnh rồi thì liền phong chức Tướng Quốc, hai nước Tần và Tề giao hảo, rồi cùng bàn mưu thôn tính chư Hầu, chẳng còn khó chi nữa.

Vua Tần nghe theo, cử Kinh Dương Quân qua Tề làm con tin, đổi Mạnh Thường Quân sang Tần. Các tân khách đều khuyên Mạnh Thường Quân không nên đi vì Tần là nước hổ lang trí trá, qua Tần rồi ắt Tần không cho về.

Khuông Chương bèn tâu với Tề Mân Vương:

- Nước Tần đưa con tin sang mà cầu được tiếp kiến Mạnh Thường Quân là ý muốn thân thiện với Tề. Nếu Mạnh Thường Quân không đi thì mất lòng Tần, mà nếu giữ con tin của Tần thì tất không tin Tần. Chi bằng cứ lấy lễ đãi Kinh Dương Quân rồi cho trở về Tần, sau đó sai Mạnh Thường Quân đi sứ sang Tần đáp lễ. Như vậy tất vua Tần tin nghe Mạnh Thường Quân mà hậu với Tề.

Tề Mân Vương cho là phải, làm y theo kế hoạch.

Mạnh Thường Quân vâng mệnh đi sứ, đem theo hơn ngàn tân khách sang Tần. Khi đến Hàm Dương, vào yết kiến vua Tần. Vua Tần xuống tận thêm để đón Mạnh Thường Quân và kê cái lòng yêu mến bấy lâu.

Mạnh Thường Quân có cái áo hồ cừu rất quý, dùng làm lễ vật dâng lên vua Tần. Vua giao áo cho quan giữ kho cất.

Vua Tần định phong Mạnh Thường Quân làm Tể Tướng. Vu Lý Tật sợ vua dùng họ Mạnh thì mình mất quyền, bèn cùng Công Tôn Thích tâu với vua Tần:

- Mạnh Thường Quân là người nước Tề, nay làm tướng nước Tần tất hẳn phải lo cho Tề trước rồi sau mới lo cho Tần. Mạnh Thường Quân là người hiền tài, chung quanh lại có nhiều bộ hạ tài giỏi, như vậy thì nguy cho Tần lắm.

Vua Tần hỏi: - Nếu vậy thì cho Mạnh Thường Quân trở về nước Tề hay sao?

Vu Lý Tật tâu: - Mạnh Thường Quân đã ở nước Tần hơn một tháng, khách theo hơn ngàn người, nên đã biết tất cả việc nhỏ việc lớn của nước Tần, nếu nay cho họ về thì ắt hại cho Tần, chi bằng nên giết đi.

Vua Tần còn đang lưỡng lự, bèn tạm cho Mạnh Thường Quân ra ở quán xá chờ đợi. Kinh Dương Quân cảm mến Mạnh Thường Quân nên lên cho hay mưu kế của Vu Lý Tật. Mạnh Thường Quân lo sợ, hỏi Kinh Dương Quân có kế chi giúp mình không. Kinh Dương Quân nói:

- Vua Tần chưa quyết định. Trong cung có nàng Yên Cơ được vua Tần rất yêu, nói gì vua cũng nghe, nếu Ngài có vật chi quý

THẾ SỰ

báu, tôi sẽ vì Ngài đem dâng cho Yên Cơ để cầu nàng nói giúp một lời, tất Ngài có thể thoát họa mà trở về Tề.

Mạnh Thường đem dâng đôi bạch bích. Yên Cơ nói:

- Thiếp rất thích thứ áo hồ cừ trắng của Tề, nếu cho thiếp một cái thiếp sẽ nói giúp cho, chớ cái thứ ngọc bích này thiếp không thích.

Mạnh Thường Quân thở dài, không biết tính sao, vì chỉ có một cái áo hồ cừ mà đã đem dâng cho vua Tần rồi. Họ Mạnh bèn hỏi ý kiến của các tân khách. Một vị nói:

- Để tôi vào cung vua, giả làm chó đến kho trộm áo hồ cừ đó đem về.

Mạnh Thường Quân túng thế cũng phải cười rồi cho đi. Vị tân khách ấy giả làm chó rất giống, đang đêm chui qua cổng nhỏ, lén vào trong kho, rình lúc người giữ kho ngủ say, lấy chìa khóa mở cửa kho, lấy áo hồ cừ, khóa cửa lại như cũ, rồi đem áo hồ cừ trở về mà không ai hay biết.

Mạnh Thường Quân mừng rỡ, đem áo giao cho Kinh Dương Quân, dâng cho nàng Yên Cơ. Yên Cơ thở thề nói với vua Tần cho Mạnh Thường Quân trở về Tề để giữ tình giao hiếu với Tề, được vua Tần bằng lòng và cấp giấy qua các ải cho phái đoàn của Mạnh Thường Quân trở về nước Tề.

Mạnh Thường Quân nói với đám tân khách của mình:

- Ta may nhờ một lời nói của Yên Cơ mà thoát được miệng hùm, nhưng vạn nhất nữa chùng vua Tần đổi ý, có Vu Lý Tật tâu vào thì mạng bọn ta còn gì?

Trong đám tân khách có người giỏi làm giấy giả, bèn theo giấy vua Tần cấp cho Mạnh Thường Quân, làm giả một tờ giấy khác, đổi tên họ khác, rồi ngay đêm đó, cấp tốc lên đường trở về, đến ải Hàm Cốc vào lúc nửa đêm. Cửa ải đóng chặt, nếu đợi đến sáng thì e không kịp. Một tân khách giả tiếng gà gáy giống y như thật, bao nhiêu con gà khác trong ải đều gáy theo, quan giữ ải tưởng Trời gần sáng, thức dậy cho lính mở cửa ải, khám xét giấy tờ qua trạm rồi cho phái đoàn của Mạnh Thường Quân đi qua.

Vu Lý Tật hay tin vua Tần cho Mạnh Thường Quân trở về Tề thì lật đặt vào triều tâu với vua Tần:

- Nếu Bệ hạ tha không giết họ Mạnh thì cũng giữ lại làm tin, chớ sao lại thả cho về Tề?

Vua Tần hỏi quá, sai quan quân đuổi gấp theo, đến Hàm Cốc quan đòi xem sổ tên các người qua lại thì không có ai tên là Điền Văn. Viên quan tự hỏi: Hay là họ Mạnh đi ngả khác?

Đợi đến nửa ngày không có tin tức gì thêm, mới hỏi quan giữ ải, rồi mô tả hình dáng của Mạnh Thường Quân và số tân khách đi theo, cùng là xe ngựa, thì quan giữ ải nói:

- Như vậy bọn ấy đã qua ải từ sáng hôm kia rồi, chúng đi nhanh lắm, có lẽ đã đi trăm dặm rồi, đuổi theo không kịp nữa.

Toán quan quân trở về tâu lại vua Tần mọi việc.

Vua Tần than rằng: - Mạnh Thường Quân có cái cơ mưu qui thần bất trắc, thật là một bậc hiền sĩ hiếm có trên đời.

Nói về Mạnh Thường Quân trở về Tề được bình yên, tiếng tăm lừng lẫy, tân khách đến càng đông. Số hoa lợi nơi Ấp Tiết không đủ chi dùng nuôi tân khách. Mạnh Thường Quân cho dân Ấp Tiết vay tiền để có thêm lợi tức, đến kỳ hạn thì cho người đến thu tiền lãi. Có một tân khách tên Phùng Hoan xin đi thu các số tiền này. Họ Mạnh xét thấy người này chơn thực nên bằng lòng cho đi.

Dân Ấp Tiết nghe Mạnh Thường Quân sai Phùng Hoan đến thu nợ thì đem nộp trả khá nhiều. Phùng Hoan liền dùng số tiền này mua rượu thịt rồi yết thị dân chúng: Phạm nhà nào có vay tiền của Mạnh Thường Quân, trả được hay không trả được, đều phải đem giấy nợ đến xem xét, đồng thời được chiêu đãi rượu thịt vui vẻ. Trăm họ nghe cho ăn uống và không làm khó dễ người thiếu nợ nên tựu đến đầy đủ. Phùng Hoan nhơn đó dò xét, người giàu thì trả nợ không nói chi, còn người khá mà nhất thời không tiền trả được thì bắt làm tờ hên trả, còn người nghèo quá không thể trả nợ được thì Phùng Hoan thu hết giấy nợ đốt bỏ, xóa nợ luôn, rồi phủ dụ:

- Mạnh Thường Quân sở dĩ cho các người vay tiền là sợ các người không có vốn làm ăn, chứ không phải vì lợi. Nhưng Mạnh có mấy ngàn tân khách, bổng lộc không đủ chi dùng nên phải đòi số lãi để phụ vào. Nay người khá có thể trả thì có giấy hên trả, người quá nghèo không thể trả thì giấy nợ đã đốt rồi. Mạnh Thường làm ơn cho dân Ấp Tiết như vậy là hậu lắm.

Trăm họ đều tạ ơn và hoan hô Mạnh Thường Quân.

Phùng Hoan trở về báo cáo với Mạnh Thường Quân:

- Tôi đi chuyên này, không những vì Ngài thu nợ mà còn vì Ngài thu đức nữa.

Mạnh Thường Quân trách rằng:

- Tôi vì khách những 3000 người, bổng lộc không đủ chi dùng nên phải cho dân Ấp Tiết vay tiền lấy lãi phụ vào, tôi nghe ông đem hết tiền lãi mua rượu thịt đãi họ ăn uống và còn đem đốt bỏ một số giấy nợ nói là thu đức là nghĩa làm sao?

Phùng Hoan thưa rằng:

- Người mắc nợ nhiều, nếu không bày ra ăn uống thì chúng nó không đến đủ mặt, không thể dò xét được ai cùng khổ. Kẻ có khả năng trả nợ thì bắt họ làm giấy khất nợ, còn kẻ cùng khổ thì dầu có đánh chúng cũng không có tiền để trả. Ấp Tiết là Ấp thể phong của Ngài, dân ở đây là những người cùng chung với Ngài lúc yên nguy, nay đốt giấy nợ kia là tỏ cái đức yêu dân của Ngài, vì thế mà tôi nói thu đức cho Ngài là vậy.

Mạnh Thường Quân nghe nói vậy thì đành bỏ qua.

Lại nói Tần Chiêu Vương, sau khi để Mạnh Thường Quân trở về nước Tề thì hối hận, sợ họ Mạnh làm Tề thịnh lên, bèn dùng tiền bạc sai người qua Tề làm kế ly gián giữa vua và tôi. Tề Mân Vương lắm kế, nghi ngờ Mạnh Thường Quân, nên thâm tượng ần và đuổi họ Mạnh về Ấp Tiết. Các tân khách cũng lần lượt bỏ đi, chỉ có Phùng Hoan là theo bên cạnh.

Khi Mạnh Thường Quân trở về Ấp Tiết, Phùng Hoan cầm cương xe, dân Ấp Tiết hay tin kéo ra đón rất đông, tranh nhau dâng cơm rượu và hỏi thăm Mạnh Thường Quân. Lúc đó, Mạnh nói với Phùng Hoan:

- Thế này tôi mới biết Tiên sinh vì tôi mà thu đức vậy.

Phùng Hoan nói:

- Nay tôi có thể giúp Ngài trở lại làm Tướng Quốc nước Tề, vua Tề càng trọng Ngài hơn, và sẽ cấp đất phong nhiều hơn. Xin Ngài cho tôi một cỗ xe và ít lộ phí để tôi sang Tần.

Mạnh Thường Quân bằng lòng và Phùng Hoan qua Tần.

Phùng Hoan xin vào yết kiến vua Tần, nói rằng:

- Kẻ sĩ đến ở Tần thì muốn cho Tần mạnh và làm sao cho Tề yếu đi. Nước nào mạnh thì được thiên hạ .

Vua Tần hỏi:

- Tiên sinh có kế gì làm cho Tần hùng mạnh không?

- Nước Tề lâu nay được trọng là vì có Mạnh Thường Quân là người hiền. Nay vua Tề nghe lời gièm, thu lại tướng ấy, đuổi Mạnh Thường Quân về Ấp Tiết. Nay nhân lúc Mạnh đang oán Tề, Tần bí mật rước Mạnh về Tần thì Tần trở nên mạnh mà Tề thì yếu đi. Đại vương gấp sai sứ sang Tề, ngầm đem lễ vật đến đón Mạnh Thường Quân đang ở Ấp Tiết. Cơ hội này chớ nên bỏ lỡ, vạn nhất vua Tề biết hối, dùng trở lại Mạnh Thường Quân thì Mạnh Thường Quân cũng đã có cái tình cảm tốt đối với Tần rồi.

Bấy giờ nước Tần, tướng Vu Lý Tật mới chết, vua Tần đang thiếu một hiền tướng, nên khi nghe Phùng Hoan nói thế thì vua Tần cả mừng, bèn sai lấy 10 cỗ xe tốt, trăm dật hoàng kim, sai sứ giả đem nghi trượng Thừa Tướng đến Ấp Tiết đón Mạnh Thường Quân về Tần.

HUỲNH ÁI TÔNG

Phùng Hoan nói: - Xin Bệ hạ cho tôi về trước báo tin, bảo Mạnh Thường Quân chuẩn bị đi ngay theo sứ.

Phùng Hoan đi luôn một mạch trở về nước Tề, vào yết kiến vua Tề là Tề Mân Vương, tâu rằng:

- Hai nước Tần và Tề mạnh yếu thế nào, Bệ hạ đã biết, được người hiền thì mạnh, mất người hiền thì yếu. Nay tôi nghe vua Tần may gặp lúc Mạnh Thường bị đuổi, liền sai sứ sang đón Mạnh về Tần làm Thừa Tướng. Nếu Mạnh Thường Quân làm tướng cho Tần thì Tần sẽ rất mạnh mà Tề thì rất yếu.

Vua Tề giựt mình, hỏi rằng: - Như vậy thì biết làm sao?

Phùng Hoan đáp: - Nhân lúc sứ Tần chưa đến kịp, xin Đại vương mau triệu Mạnh Thường Quân về triều, giao lại cho tướng ấn, gia tăng bổng lộc, thì chắc Mạnh Thường Quân vui lòng nhận, chừng đó dầu sứ Tần có đến thì cũng không làm được việc gì.

Phùng Hoan tâu xong liền trở về Ấp Tiết, tâu bày hết các việc cho Mạnh Thường Quân rõ.

Mạnh Thường Quân hoan hỷ nói:

- Văn này đối với tân khách không dám có điều gì thất lễ, tự nhiên bị bãi chức, tân khách đều bỏ đi, nay nhờ Tiên sinh mà được phục chức, tưởng các tân khách không còn mặt mũi nào trở lại trông thấy Văn này nữa.

Phùng Hoan đáp:

- Vinh nhục, thịnh suy là lẽ thường ở đời. Nếu giàu sang thì lắm kẻ cầu thân, mà nghèo hèn thì chẳng ai nhìn tới. Ấy là thói đời, Ngài không nên phiền muộn điều đó.

Mạnh Thường Quân nghe lời Phùng Hoan, nên khi trở lại làm Tướng Quốc nước Tề thì qui tụ tân khách trở lại, đối đãi như xưa.

Sau đó khá lâu, Mạnh Thường Quân can gián Tề Mân Vương không nên đem quân đánh nhà Chu mà mất lòng các chư Hầu, Tề Mân Vương không nghe, thu lại tướng ấn của Mạnh Thường Quân. Họ Mạnh sợ bị vua Tề giết, liền chạy sang Đại Lương, nhờ Công tử Vô Kỵ, tức Tín Lăng Quân, giúp đỡ.

Về sau nữa, Mạnh Thường Quân trở về Ấp Tiết, vẫn cùng Tín Lăng Quân và Bình Nguyên Quân đi lại rất thân.

Tề Mân Vương mất, Tề Tuyên Vương lên nối ngôi, sai sứ đến đón Mạnh Thường Quân về triều làm Tướng Quốc, nhưng Mạnh Thường Quân xin cáo lão, ở Ấp Tiết dưỡng già và mất tại đó.

Xuân Thân Quân (春申君), tên **Hoàng Yết/Hoàng Hiết** (黄歇) (?-238 TCN) ở nước Sở ông là người duy nhất không phải dòng dõi quý tộc chư hầu. Tuy nhiên, Hoàng Yết cũng là dòng dõi thế gia tại nước Sở.

Hoàng Yết bắt đầu xuất hiện trên chính trường năm 263 TCN. Ông phụng mệnh Sở Khoảnh Tương vương đi sứ nước Tần. Lúc đó vua Sở đang ốm nặng, thái tử Hùng Hoàn làm con tin ở nước Tần chưa được về. Trước đó vua Hoài vương nước Sở đã đến hội với nước Tần cũng từng bị nước Tần bắt giữ, sau này

phải chết ở nước ngoài. Vì vậy nếu Hùng Hoàn xin Tần Chiêu Tương vương cho về sẽ bị bắt giữ để không chế nước Sở.

Hoàng Yết nghĩ cách cứu thái tử về nước. Ông bày kế cho thái tử hóa trang làm người đánh xe của mình, còn người đánh xe ngồi vào trong giả làm Hoàng Yết. Bản thân Hoàng Yết ở lại thay thế thái tử. Thái tử Hùng Hoàn cùng người đánh xe lẳng lặng giả làm sứ giả nước Sở trở về nước, lên trốn thoát ra khỏi cửa Hàm Cốc về nước Sở.

Ba tháng sau, Sở Khoảnh Tương vương chết, Hùng Hoàn lên nối ngôi, tức là Sở Khảo Liệt vương. Tần Chiêu Tương vương biết là chủ ý vụ bỏ trốn của thái tử do Hoàng Yết sắp đặt nên định bắt ông tự sát. Tuy nhiên, thừa tướng nước Tần là Phạm Thư khuyên vua Tần thả ông về để nước Sở mang ơn nước Tần, do đó nước Sở sẽ không chống Tần mạnh.

Tần Chiêu Tương vương nghe theo, bèn thả Hoàng Yết trở về nước.

Sở Khảo Liệt vương ơn ông cứu mạng, bèn phong ông làm thừa tướng nước Sở, hiệu là Xuân Thân quân. Mọi việc lớn trong nước đều do ông đảm nhiệm.

Hoàng Yết nắm quyền lớn ở Sở bèn hưởng ứng việc liên minh với chư hầu chống Tần. Năm 258 TCN, nước Triệu sau thảm bại ở trận Trường Bình lại bị nước Tần vây bức, bèn cầu cứu Sở và Ngụy. Sở Khảo Liệt vương sai ông cầm quân cứu Triệu. Tuy nhiên, Hoàng Yết không dám đối địch với quân Tần, ông chỉ cho quân đóng từ xa phô trương thanh thế. Nước Triệu sau đó phải nhờ Tín Lăng Quân Ngụy Vô Kỵ lấy trộm binh phù của vua Ngụy mới nắm được quân đội và đánh lui quân Tần, cứu được nước Triệu.

THẾ SỰ

Năm 247 TCN, nước Ngụy bị Tần vây, Ngụy An Ly vương lại cầu cứu Sở. Hoàng Yết lại cầm quân đi cứu Ngụy nhưng cũng không giao chiến với quân Tần. Đến khi Tín Lãng Quân ở Triệu trở về Ngụy cầm quân mới đánh lui được quân Tần, giải cứu nước Ngụy.

Năm sau, ông tham gia hợp tung do Tín Lãng Quân đứng đầu chống Tần, tuy nhiên cuộc ra quân của các nước Sở, Ngụy, Triệu không thu được kết quả mà nhanh chóng tan rã do thực lực của các chư hầu so với nước Tần rất chênh lệch; một số nước chư hầu, trong đó có nước Sở, không dám đối địch với quân Tần mà rút lui trước nên các đạo quân kia bị cô lập.

Năm 241, tướng Bàng Noãn nước Triệu lại khởi xướng việc hợp tung, tôn Sở Khảo Liệt vương làm “tung ước trưởng”. Hoàng Yết lại cầm quân đi đánh Tần. Liên quân 5 nước Sở, Hàn, Triệu, Ngụy, Yên đánh đến cửa Hàm Cốc, tới thành Diêm Thị thì bị quân Tần đánh bại, phải rút về.

Xuân Thân Quân học theo Mạnh Thường Quân, Bình Nguyên Quân và Tín Lãng Quân, cũng nuôi thực khách trong nhà. Ông cũng có hàng ngàn thực khách, trở thành nổi tiếng trong chư hầu. Dù không phải dòng dõi quý tộc nhưng ông cũng được xếp cùng các công tử nước Tề, Triệu, Ngụy gọi là Chiến Quốc tứ công tử.

Thế lực nước Tần càng lớn mạnh, nước Sở và các chư hầu liên kè như Hàn, Triệu, Ngụy bị uy hiếp nặng nề. Hoàng Yết nghe theo kiến nghị của môn khách là Chu Anh, khuyên vua Sở dời đô về Thọ Xuân để tránh xa nước Tần. Đồng thời, ông trả lại đất phong của mình ở Hoài Bắc cho vua Sở để làm bình phong cho kinh đô mới Thọ Xuân. Sở Khảo Liệt vương bèn đổi Hoài

Bắc thành quận huyện trực thuộc, lấy vùng Giang Đông, gồm một dải Tô Châu phong cho Hoàng Yết.

Ông sửa sang lại cung điện của Ngô vương Phù Sai trước đây để làm dinh thự. Sau đó ông đào sông Tùng Giang. Hạ lưu sông Tùng Giang lúc đó có tên mới là Hoàng Yết phổ (bên Hoàng Yết). Sau này ba chữ Hoàng Yết phổ dần dần biến thành Hoàng Phổ Giang (sông Hoàng Phổ).

Năm 256 TCN, Xuân Thân quân mang quân đi tiêu diệt nước Lỗ, mở mang đất nước Sở về phía bắc, chiếm phía nam Sơn Đông, giáp ranh với nước Tề. Ông cho thuộc hạ là Tuân Huống (tức Tuân Khanh – Tuân Tử) làm huyện lệnh Lan Lăng – trong vùng mới chiếm của nước Lỗ.

Dưới sự điều hành của Hoàng Yết, nước Sở trở nên giàu mạnh.

Sở Khảo Liệt vương cao tuổi mà không có con nối nghiệp. Hoàng Yết có người thiếp là Lý thị đã có mang, bèn mưu tính như Lã Bất Vi nước Tần, mang Lý thị dâng cho vua Sở để hy vọng về sau con mình sẽ làm Sở vương. Lý thị sinh được con trai là Hàn, được Sở Khảo Liệt vương lập làm thái tử.

Anh Lý thị là Lý Viên, vốn là thủ hạ dưới quyền Hoàng Yết, nhờ em gái là vợ vua, cũng được lọt vào giữ quyền cung cấm. Năm 238 TCN, Sở Khảo Liệt vương chết. Xuân Thân quân toan vào cung lập con mình lên ngôi, môn khách Chu Anh khuyên ông nên phòng bị vì Chu Anh ngờ vực Lý Viên muốn phản ông. Tuy nhiên Hoàng Yết không nghe lời Chu Anh, tự mình vào cung. Chu Anh thấy ông không nghe lời mình bèn bỏ trốn.

Lý Viên phục binh trong cung, đợi Hoàng Yết đi vào bèn giết chết ông. Hoàng Yết làm thừa tướng 25 năm, không rõ bao nhiêu tuổi. Thái tử Hàn con ông mới lên 7 tuổi được lập lên ngôi, tức là Sở U vương. 15 năm sau, nước Sở bị nước Tần tiêu diệt.

Vài nhận xét: Trong tứ công tử thời Chiến quốc thì Bình Nguyên Quân là em của Triệu Hiếu Thành Vương và Tín Lãng Quân là em của Ngụy An Ly Vương, Mạnh Thường Quân là con của vị tướng quốc nước Điền Anh nước Tề, Xuân Thân Quân xuất thân từ thế gia mà thôi.

Tín Lãng Quân là người hiền. Ông đối với Hầu Doanh, anh hàng thịt Chu Hợi, giao du với Mao công và Tiết công mới thấy rõ chiêu hiền đãi sĩ của ông. Từng cảm quan cứu Triệu, đánh tằm tới cửa Hàm Cốc.

Bình Nguyên Quân nhờ có Mao Toại mới hợp tung với Sở, lúc Triệu nguy khốn nhờ có Lý Đồng mới được ba ngàn cảm tử quân đánh Tần lui xa Hàm Đan ba mươi dặm, chờ đến Tín Lãng Quân đem quan tiếp cứu. Bình Nguyên Quân không giữ lời với người què, chê Tín Lãng Quân giao du với Mao Công, Tiết Công đủ cho thấy ông ta chỉ cần có tân khách để khoe khoang như lời Tín Lãng Quân nhận xét.

Người ta thường cho Mạnh Thường Quân là người giúp đỡ kẻ nghèo khó, cho nên sau này những người giúp kẻ khác được gọi là Mạnh Thường Quân, điều này có đúng không? Thật ra giúp người nghèo khó là Phùng Hoan. Khi Phùng Hoan trở về báo cáo việc này, Mạnh Thường Quân không hài lòng. Vậy ai giúp cho nhiều tiền gọi là Mạnh Thường Quân có nhầm lẫn không?

HUỖNH ÁI TÔNG

Chẳng những Phùng Hoan xóa nợ người nghèo mà còn lập kế để Tần Mẫn Vương rước Mạnh Thường Quân trở lại làm tướng quốc nước Tề, sau đó ông bị bãi chức rồi lại được mời trở lại, nhưng ông đã từ chối.

Xuân Thân Quân nhiều lần cầm quan đi cứu Triệu (lúc Hàm Đan bị Tần vây), Ngụy (lúc thanh Đại Lương bị Tần vây) và sau hợp tung ba nước Triệu, Sở, Ngụy đánh Tần, Xuân Thân Quân đều không dám đánh Tần. Ông được phong Xuân Thân Quân nhờ dám liều thân cứu Sở Khảo Liệt Vương khi còn là thái tử làm con tin ở Tần. Ông tiếp đãi những tân khách chỉ là bắt chước theo Bình Nguyên Quân, Mạnh Thường Quân, Tín Lãng Quân và ngay cả Lã Bất Vi nữa, không có gì đặc biệt.

Từ công tử thời Chiến Quốc, chỉ có Tín Lãng Quân là hơn người. Mạnh Thường Quân được người đời nhắc đến nhưng đây là một sự nhầm lẫn rõ ràng.

Nguồn: Sử ký Tư Mã Thiên
Wikipedia
Huỳnh Ái Tông
19/10/2010

Tóm lược các tác phẩm cổ đại của Trung Hoa

Theo **Tiền Hán Chí** ghi những tác phẩm có trước thế kỷ thứ 1 trước Tây lịch, chia làm 6 phần:

1. Chư kinh
2. Chư tử -----→ chia thành 9 trường phái
3. Thi ca
4. Binh thư
5. Sở thuật
6. Phương kỹ

1. Nho gia: - Không tử san định **Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch**, viết **Xuân Thu**.

2. Đạo gia: - Lão tử) **Đạo Đức Kinh**

-Lý Nhĩ)

- Trang Chu: Sách Trang tử: **Nam Hoa Kinh**

- Liệt Ngự Khẩu: Liệt tử

HUỖNH ẮI TÔNG

3. Ầm Dương gia: Bói toán có Châu Diễn

4. Bách gia: - Quân Trọng: Quân tử

- Tử Sản: **Hình thư**

- Công Tôn Ưởng: **Thương quân thư**

- Doãn Tử Văn

- Hàn Phi tử

5. Danh gia: Biện luận Công Tôn Long-> Bạch mã, Kiên bạch, Đồng đị.

6. Mặc gia: - Mặc Địch>Mặc tử thuyết “Kiêm Ắi”

7. Tung Hoành gia: Tung là kết hợp Nam, Bắc; Hoành kết hợp Đông Tây.

Sách: **Quỷ Cốc Tử, Chiến Quốc sách**

Các nhà du thuyết: - Tô Tần (Tung)

-Trương Nghi (Hoành)

8. Tạt gia: Lã Bất Vi: **Lã Thị Xuân Thu**

9. Nông gia: Các quan coi về nghề Nông ghi chép các kinh nghiệm nông nghiệp

Huỳnh Ắi Tông
1973

Thi ca Trung Quốc

A. NGUỒN GỐC:

1. Theo Truyền thuyết:

Vào thời Nghiêu, Thuấn đã có Thơ như:

Kích Nhường Ca (Nghiêu).

Nam Phong Ca (Nghiêu)

Khanh Vân Ca (Thuấn)

2. Theo Lã Thị Xuân Thu:

Thơ có từ nhà Hạ

候人兮

猗

3. Theo các nhà khảo cổ học:

Ghi trên mu rùa và xương thú đời Thương

Quý mảo bốc

Căn cứ trên trống đồng đời Thương

Kính nhật tân

B. DIỄN BIẾN QUA CÁC THỜI ĐẠI (韻文六变)

Vận Văn Lục Biến	Thời Đại Phát Sinh	Hình thức	Nội Dung	Đặc điểm
Ba 葩	Phương Bắc (Chu)	Từ 2- 11 chữ, thường là 4 chữ. Có bài không vần, vần ở giữa, nhiều nhất là ở cuối câu. Kinh Thi chỉ là bài ca ngắn. Kinh	Phong, Quốc Phong 160 thiên Nhã: -Đại nhã: 74 th. -Tiểu nhã: 31- Tụng: -Chu tụng: 31- -Lỗ tụng: 4 -	-Tình cảm -Chánh trị -Tế thần minh

THỂ SỰ

		thi dễ ca.	-Thương tụng: 5 thiên. Phú, Ti, Hưng	
Tao 騷	Phương Nam (Sở)	4 chữ - 8 chữ, nhiều nhất là 7 chữ. Trong đoạn hay cuối đoạn có chữ Hề. Sở từ trường thiên, có khi dài vài trăm hay vài ngàn chữ.	-Lãng mạn -Dùng nhiều thần thoại	Khuất Nguyên: -Ly tao -Cửu chương -Thiên văn Tống Ngọc: Sở trường miêu tả có ảnh hưởng Phú sau này. -Cửu biện -Chiêu hồn
		Là thể văn xuôi có văn, có điệu. Phú phát triển	-Tả cảnh vật, tâm sự một cách	Tương Như: -Tử hư phú -Trường

HUỲNH ÁI TÔNG

Phú 賦		Hán	Kinh thi, có tính cách “Trực trần kỳ sự”.	điểm lệ.	môn phú Dương Hùng -Thục đô phú.
Thi 詩	Nhạc Phủ Thi	Hán	Câu dài ngắn. Hát được. Nhạc Phủ hình thành từ Hán Vũ Đế cho đến Ai Đế thì bỏ đi.	Tự sự, đúng đắn.	
	Cổ Thể Thi	Hán	Câu 5 chữ hay 7 chữ. Không hát được	-Trữ tình, ôn hòa.	
	Cận Thể Thi	Đường	Luật thi Tuyệt cú		Sơ Đường: Tứ kiệt Thịnh Đường: Lý Bạch, Đỗ Phủ Trung

THỂ SỰ

					Đường: Bạch Cư Dị Vãng Đường: Đỗ Phùng, Ôn Đình Quân, Lý Thương Ẩn
Từ 詞	Trung Đường	Thể ngắn 16 chữ Thể dài 24 chữ. Là loại ca khúc, theo nhạc đặt lời gọi là 詞			Ôn Đình Quân
Khúc 曲	Nguyên	Tán Khúc: Có liên hệ với Từ. Hí khúc: Có nhạc điệu múa. Thể loại			

HUỖNH Ỉ TÔNG

		vấn vắn, đặc biệt của Nguyên, thể tài hoàn toàn mới mẻ.		
--	--	---	--	--

Huỳnh Ỉ Tông
1973

Văn Học Trung Quốc Yêu Lược

Thời kỳ	Triều đại	Niên đại	Thời đại phát sinh	Nhân vật	Đặc tính
	Bàn Cổ				
	Tam Hoàng				
	Ngũ Đế	2700			
	Đường Nghiêu	2359 - 2259	Kịch Nhuỡng Ca (Theo truyền thuyết)		

HUỖNH ẮI TÔNG

Thượn g Cổ	Ngu Thuần	2256 - 2208	Nam Phong Ca Khanh Vân Ca (Theo truyền thuyết)		
	Hạ	2205 - 1784	候人兮 猗 (Theo Lã Thị Xuân Thu)		
	Thương	1783 - 1135	Đào được giáp cốt văn, có ghi lời bói “Quý mão bốc”. Trên trống đồng “Kính		

THỂ SỰ

			nhật tân” Theo các nhà khảo cổ.		
		Tây Chu	1134 - 770		
	Ch u	Đôn g Chu	(X. Thu 722- 479) 770 247 (C. Quố c 403- 221)	San định: Kinh Dịch, Kinh Thi, Kinh Thư. Kinh Lễ, Kinh Nhạc. Viết: Xuân Thu Đạo Đức Kinh. (Lão Tử) Luận	<i>Khổng Tử, Lão Tử, Dương Chu, Mặc Dịch.</i> <i>Mạnh Tử, Trang Tử, Liệt Tử, Lã Bất Vi, Khuất Nguyên (Ly Tao) Tống Ngọc</i>
					Phương Bắc: Văn mạnh mẽ có Kinh Thi, Khổng Mạnh Phương Nam: Diễm lệ, có Sở Từ Lão Trang, Khuất Nguyên, bị đày đi Giang Nam, Trường

HUYỀN ÁI TÔNG

				Ngũ, Trung Dung, Đại Học, Mạnh Tử. Nam Hoa Kinh (Trang Tử)		Sa, trầm mình ở sông Mịch La
	Tần	221 - 206	Có Thừa Tướng Lý Tư học trò Hàn Phi tử đốt sách, chôn học trò			
	Hán	206 TCN Tây	Sử Ký của Tư Mã Thiên Hán Thư của	<i>Tư Mã Thiên, Ban Cổ, Giả Nghị, Đồng Trọng Thư, Vương</i>		

THẾ SỰ

Trung Cổ		Lịch 219 SCN	Ban Cố Phú Ba cha con Tào Tháo Kiến An thất tử 建安七 子 Đời Hán Minh Đế Phật Giáo du nhập vào Trung Quốc	<i>Sung, Tư Mã Tương Như, - Tào Tháo, Tào Phi, Tào Thục. - <u>Vương Xán,</u> <u>Khổng Dung,</u> Lưu Trình, Trần Lâm, Nguyễn Vũ, Tư Cán, Ứng Sương</i>	
	Tam Quốc (Ngụy Thục Ngô)	213- 280		<i>- Tào Tháo, Tào Phi, Tào Thục.</i>	
		265- 420 Đôn	Trần Thọ	<i>Trúc Lâm Thất Hiền: Sơn Đầu, Nguyễn</i>	

HUỖNH ÁI TÔNG

	Tấn	g Tấn 265- 317 Tây Tấn 317- 420	soạn Tam Quốc Chí	<i>Tịch, Kê Khang, Hương Tú, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Vương Nhưng Đào Tiềm</i>	
	Hậu Ngụy	386- 531			
	Nam Bắc Triều	420- 589	Văn Tâm Điền Long của <i>Lưu Hiệp</i> Chung Vinh Thi Phẩm của <i>Thẩm Ước</i> (4 thanh, 8 thể)		

THỂ SỰ

	Tùy	581-618			
	Đường	618-907	Đường thi	Sơ Đường: <i>Dương Quýnh, Lư Chiếu Lân, Lạc Tân Vương, Vương Bột. Thịnh Đường: Lý Bạch, Hàn Dũ, Liễu Tôn Nguyên, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị. Vãng Đường: Đỗ Mục, Lý Thương, Ân, Ôn Đình Quân</i>	Sơ Đường: 92 năm 620-712 Thịnh Đường: 123 năm 713-836 Vãng Đường: 69 năm 836-905
	Ngũ Đại (Lương, Đường,	907-			

HUỖNH ẮI TÔNG

Cận Cổ	Tấn, Hấn, Chu)	960			
	Tổng	960- 1279			
	Nguyên	1279 - 1368			
	Minh	1368 - 1660			
Cận Đại	Thanh	1616 - 1911			
	Dân Quốc CHNDTH	1911 -> 1948 ->			

1973

Huỳnh Ái Tông

Những Bước Đi

Phóng tác của Phúc Trung

Hàng năm trong vạn nẻo đường có biết bao kẻ ra đi ... họ đi từ Đông sang Tây, từ Âu sang Á. Từ những làng mạc xa xôi đến kinh thành hoa lệ, ra đi để tìm lẽ sống riêng cho họ và cũng có kẻ ra đi để tìm cuộc sống chung cho nhân loại.

Trước thềm nhà hay nơi cổng làng đã chứng kiến cảnh ly biệt của bao kẻ ra đi ... rồi quay về với nét phong trần bụi cát còn vương lại manh áo thô lương hay ra đi để không bao giờ trở lại.

Một kẻ vừa bước chân ra đi trong đêm tối âm thầm nhìn thê nhi còn mơ ngủ, chưa biết gì ở thực tại, có một cảnh biệt ly, mơ ngủ như bao người mê lầm trong bể khổ và vội vàng hấp tấp ra đi tránh vòng ràng buộc luyến ái và có lẽ đã tự nguyện ta sẽ ra đi, và đi mãi không về nếu chưa tìm được cuộc sống tươi đẹp cho tương lai.

HUỖNH ÁI TÔNG

Ngày nay đi rồi ngày mai lại tiếp tục đi ... Trên bước đường gồ ghề hay những rừng núi âm u, ma chướng, bao nhiêu là trở ngại, kẻ ấy vẫn cương quyết ra đi...

Có một chiều sức đã tàn, kẻ lữ hành không thể lê gót đi xa được, nhưng cũng cố gắng khập khểnh tiến lên vài bước để rồi đuối sức, thân ngã bên lề đường tránh bước cho kẻ khác đi qua.

Trong đêm tối, trong rừng núi hoang vu, kẻ ra đi lại tỉnh giấc vì những tiếng gọi huyền bí từ đâu vắng lại: “Đường còn xa, trở ngại còn nhiều, con hãy cố gắng tiếp tục cuộc ra đi ...”

Một chiều lá vàng rơi theo gió rồi tiếp theo một đám mưa bụi vào thu. Kẻ lữ hành tránh mưa dựa lưng vào một hòn đá, đôi mắt từ từ nhắm lại, tiếng vang từ đâu vắng lại:

“Con đi, ngày xưa ... xa xưa lắm rồi, có một người bỏ ngại vàng điện ngọc, hàng trăm vũ nữ yêu kiều, kẻ hầu người hạ vợ quý con yêu để ra đi ...

Qua bao nhiêu gian khổ, kẻ ra đi được toại nguyện, ngày nay nhân loại vui tươi, bao nhiêu vua chúa quỳ dưới chân kẻ ra đi khi người trở lại, để được ban những lời vàng ...

Mưa bụi bay qua những chiếc lá vàng rơi khắp nẻo đường, kẻ ra đi lại tiếp tục đi, người ở lại bao giờ cũng mong đợi ... và cầu mong sớm được duyên lành ...

PHÚC TRUNG

Trích từ Phật Giáo Văn Tập **NHỊP CẦU**
do GDPT Giác Minh xuất bản năm 1959

Vài câu Ca Dao ở An Giang

*

Trong Ca Dao nói chung, nếu không có kèm theo những địa danh, những đặc điểm, thì chúng ta có thể gán cho bất kỳ nơi nào xuất phát câu ca dao ấy cũng được, bởi vì nó có thể là câu Ca dao diễn tả tình cảm con người, nói về phong tục, tập quán... của người Việt Nam ta.

HUỲNH ÁI TÔNG

Cho nên chọn lọc ra những bài Ca dao của địa phương mình, hay có liên quan đến địa phương mình, không phải là khó nhưng cái khó là phải dò tìm trong sách Ca dao, tuy nhiên không phải sách là có ghi đầy đủ, còn có những bài Ca Dao mà người viết chưa biết đến.

Trong bài này, tôi ghi ra một số Ca dao có liên quan đến tỉnh An Giang, quý vị nào biết thêm được câu nào khác, xin cho biết để thêm vào đây đủ hơn. Trong Ca dao, dĩ nhiên là nhiều người đã sửa đổi thêm thắt, cho nên những câu gần giống nhau, chúng ta cũng nên ghi lại theo cách suu tầm, còn việc san định, xin dành lại cho người có khả năng.

*

*Anh đi lên Bảy Núi,
Anh chạy thẳng núi Tà Lơn,
Căn nợ keo sơn, thấu đến ông Trời;
Ngó lên trời thấy trời cao,
Ngó xuống đất thấy đất thấp,
Anh đến tam cấp
Lập Cửu Trùng Đài
Thời hư trời khiến; anh lập hoài cũng phải nên.*

*

*Anh đi Châu Đốc Nam Vang,
Viết thơ nhắn lại em khoan lấy chồng.*

*

*Ba phen quạ nói với diều,
Cù lao ông Chưởng có nhiều cá tôm.*

THẾ SỰ

*

*Chàng đi Châu Đốc, Nam Vang,
Nỗi sầu em chịu đã mang một mình.*

*

*Chiều chiều quạ nói với diều,
Cù lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm .*

*

*Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc
Đốc nào cao bằng đốc Cần Thơ
Anh thương em lừng đưng lơ đờ
Giả như Tôn Các mà chờ Bạch Viên.*

*

*Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc,
Đất nào đốc cho bằng đất Nam Vang?
Một tiếng anh than,
Hai hàng lụy nhỏ,
Có cha mẹ già biết bỏ cho ai?*

*

*Đèn nào cao cho bằng đèn Châu Đốc,
Gió nào độc cho bằng gió Gò Công?
Thổi gió Đông lạc vợ xa chồng,
Nằm đêm nghĩ lại, nước mắt hồng tuôn rơi.*

*

HUỲNH ÁI TÔNG

*Đèn nào cao bằng đèn Châu Đốc,
Gió nào độc bằng gió Gò Công ?
Nổi một trận giông lạc vợ mất chồng,
Đêm nằm nghĩ lại phật phồng lá gan.*

*

*Đèn nào cao bằng đèn Sở Thượng,
Nhân nghĩa nào trượng bằng nhân nghĩa phu thê?
Dầu anh có lạc Sở qua Tề,
Năm ba bữa anh cũng trở về thăm em.*

*

*Đường Nhà Bàn nó trơn như mỡ,
Đường ngoài chợ lạnh tợ thâm sương.
Giăng tay se sợi chỉ hường,
Kết duyên chồng vợ kiếm đường ra vô.*

*

*Gà nào hay cho bằng gà Cao Lãnh,
Gái nào bánh cho bằng gái Tân Châu?
Anh thương em chẳng ngại sang giàu,
Mứt hồng đôi lượng, trà Tàu đôi cân.*

*

*Hang Tra là xứ quê mùa,
Đi thăm cháu ngoại cho vừa Cà na.*

*

THẾ SỰ

*Ngó lên Châu Đốc,
Ngó xuống Vàm Nao.
Sóng bổ lao xao,
Anh thương em ruột thắt gan bào,
Biết em có thương lại chút nào hay không?*

*

*Ngó lên Châu Đốc,
Thấy gốc bần trôi.
Ngó xuống Vàm Nao,
Thấy sóng bủa lao xao.
Anh thương em ruột thắt gan bào,
Biết em có thương lại, chút nào hay không?*

*

*Tri Tôn- Châu Đốc rất gần
Thương anh em nhớ, em lần xuống thăm.*

*

*Ai về Châu Đốc quê em,
Thăm lăng ông Thoại, nhớ xem chùa Bà.*

*

*Nước kinh Vĩnh Tế lờ đờ
Nhớ ông Bảo Hộ cấm cò chiêu an.*

*

HUỖNH ÁI TÔNG

*Ngó lên Châu Đốc, Vàm Nao
Thấy buồn anh chạy như dao cắt lòng.*

*

*Tàu xuôi Nam Hải ngược miền Nam Vang.
Thương hồ chiếc dọc chiếc ngang,
Tiếng rao lãnh lót nhịp nhàn chèo khua...
Chèo vô núi Sập lựa con khô sặc cho thiệt ngon, lựa
trái xoài cho thiệt dòn,
Đem ra Long Xuyên lựa gạo cho thiệt trắng, thiệt thơm.
Em về em dọn một bữa cơm, để người quân tử, hò ơ...
Để người quân tử ăn còn nhớ quê...*



Tháng ba, 29-2008

Óc Eo nền văn minh cổ trên đất An Giang



Cổ vật Óc Eo

Năm đầu vào trung học, trường tôi nằm gần Đài phát thanh quốc gia, nên không xa Sở thú. Mỗi khi có giáo sư nghỉ bất thường, chúng tôi kéo nhau vào Sở thú, xem cạp, xem voi chán lại vào xem cổ vật trong Viện bảo tàng, nào là tượng Phật chùa Khải Tường, giường ngủ của vị quan xưa, tượng thần Linga, cổ vật Óc eo ... Vì tên Óc eo lạ tai, làm cho tôi chú ý mới biết nó ở Ba Thê, thuộc tỉnh Long Xuyên, nên có chút hạnh diện về di chỉ Óc eo đó.



Tượng thần Apsara

Thời Việt Nam bắt đầu mở cửa, trong chuyến xe chiều đi từ Sài Gòn về Long Xuyên, tôi ngồi cạnh một anh trung niên, chúng tôi chuyện trò cho đỡ chán vì đường xa, anh ta cho tôi biết anh là Thầy giáo ở Ba Thê, anh kể chuyện có một phái đoàn Nhật sang làm việc với Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, họ đưa ra đề án cất một khách sạn cao cấp, nhiều tầng cho khách tham quan di chỉ Óc Eo, họ sẽ xây một xa lộ tối tân nối liền Sài Gòn tới Óc Eo, họ được quyền khai thác trong thời hạn 30 năm, sau đó thuộc chủ quyền của Tỉnh, dự án đang bàn thảo, chưa được chấp thuận.

THẾ SỰ

Anh ta cũng cho tôi biết thêm là ở Ba Thê, tỉnh thoảng người ta đào được tượng Phật hay tượng thần Bà La Môn bằng đá trắng.



Tượng Thiên thủ Thiên nhãn

Tôi cho anh ta biết chưa chừng ở đó còn cái gì quý hơn, hoặc rất có lợi nên người Nhật mới đề nghị như vậy, tôi thuật lại cho anh ta nghe chuyện Nhật bồi thường chiến tranh, xây dựng nhà máy điện Đa Nhim, do anh Trung sĩ Nguyễn Văn Phong thuộc

Lực Lượng Liên Bình Phòng Vệ Tổng Thống Phủ kể cho tôi nghe.

Khi chánh phủ Nhật đưa dự án xây dựng nhà máy Thủy điện Đa Nhim, họ yêu cầu khi máy móc họ đưa qua cho công trình, cũng như máy móc hư họ phải đưa về Nhật sửa chữa, để tránh trở ngại và bảo đảm tiến độ thi công, chánh phủ Việt Nam không được xét hỏi máy móc, nguyên vật liệu. Sau đó nghe đồn Nhật trong khi xây dựng nhà máy Đa Nhim đã chôn vàng về Nhật. Muốn biết có phải vậy không, Liên Bình Phòng Vệ Tổng Thống Phủ được lệnh mở cuộc hành quân trong vùng, có tìm thấy tại một nơi có hai cây dầu to, cạnh đó còn dấu tích của một cái hầm đã bị khai quật, quanh vùng đó còn có vài bộ xương khô, là những bộ xương của người Tây Phương nên cao lớn. Theo anh Trung sĩ đó đã tham gia và kết luận, chắc là Nhật đã chôn dấu vàng lúc đầu hàng Đồng Minh, nên mượn cơ hội thường chiến tranh để chôn vàng về Nhật.

Vài tháng sau, có người anh họ con rể của dì tôi, từ Long Xuyên lên ở tạm nhà tôi để đi lãnh hàng tại Tân Sơn Nhất. Sau buổi cơm chiều, khi uống trà tôi hỏi anh có nghe biết gì về việc người dân vùng Ba Thê đào được tượng đá, tượng vàng không? Anh ta cho biết:

- Có năm tôi làm ruộng trong Ba Thê, sau khi cày xong, buổi chiều tôi đi tắm, bỗng nhìn thấy trong đám đất vừa mới cày, có vật gì do ánh mặt trời chiếu lấp lánh, thấy lạ tôi tò mò lại xem thấy là một cục bằng ngón tay nặng nặng, lưỡi cày cào nó bày ra màu vàng nên mặt trời chiếu vào đó, tôi nghi là vàng, sau đem về cho chị cậu, đem cho thợ bạc quen họ thử đúng là vàng thật, được mấy chỉ.

- Phải anh được tượng vàng hay nãi chuỗi vàng, giàu to rồi!

THẾ SỰ

- Ối! Không phải của mình đổ mồ hôi làm ra, có được thì của thiên trả địa cậu ơi !

Gần đây, qua thư trao đổi có người đã đặt cho tôi câu hỏi: Di chỉ Óc eo đó thuộc nước Phù Nam, vậy người Phù Nam hiện giờ ở đâu ?

Trước đây, tôi biết nước Phù Nam có từ thế kỷ thứ I và chỉ tồn tại đến thế kỷ thứ VI I sau công nguyên mà không tìm hiểu người Phù Nam ở đâu đến, sau lại đi về đâu, biệt tăm mất tích? Do đó, nay tôi cần phải tìm hiểu để trả lời cho thắc mắc của chính mình.

Trước kia cũng như hiện nay, người dân Ba Thê khi cày cấy, đào hầm hồ thính thoảng nhặt được đồ trang sức, vật dụng như chân đèn bằng vàng... Năm 1913, người dân địa phương đào được tượng Phật 4 tay, có nguồn gốc Ấn độ, năm 1942 dân địa phương lại tìm thấy cổ vật, nên nhà khảo cổ người Pháp Louis Malleret, đã quan sát không ảnh chụp miền Nam vào thập niên 20, ông tìm thấy dấu vết của những kênh đào và các thành phố cổ, nên Louis Malleret đã quyết định chọn gò Óc Eo thuộc xã Vọng Thê, quận Núi Sập, tỉnh Long Xuyên để khai quật, công trình khai quật này bắt đầu vào ngày 10 tháng 2 năm 1944, gồm có 24 địa điểm, trên diện tích 450 mẫu tây (ha).

Họ đã phát hiện dấu tích nền móng của công trình kiến trúc cổ cùng với nhiều hiện vật như hạt cườm, mảnh vàng, đồ trang sức được chế tác tinh xảo

Dựa vào nền móng kiến trúc các cổ vật tìm thấy và cổ sử Trung Hoa, Louis Malleret khẳng định di chỉ Óc Eo thuộc Vương quốc Phù Nam.



Niên đại của các di chỉ đã tìm thấy, ứng với thời kỳ lập quốc, phát triển và suy tàn của Vương quốc Phù Nam. Phù Nam là tên gọi theo cách phát âm FOUNAN của người Trung Hoa. Từ FOUNAN xuất phát từ ngôn ngữ Khmer cổ BNAM, ngày nay là PHNOM có nghĩa là núi hoặc đồi. Vương tước của Phù Nam là Sailaraja có nghĩa là "Vua núi".

Phù Nam là quốc gia cổ đại đầu tiên được hình thành ở Đông Nam Á đất liền với địa bàn phát triển chính là vùng hạ lưu châu thổ sông Cửu Long. Trong thời kỳ hưng thịnh của Phù Nam, về phía Đông đã kiểm soát cả vùng đất phía Nam Trung bộ (Việt Nam), về phía Tây đến thung lũng sông Mê Nam (Thái Lan), về phía Nam đến gần phía Bắc bán đảo Malaysia.

Theo truyền thuyết, nước Phù Nam thuộc hướng nam phía tây biển lớn có diện tích hơn 3.000 dặm do vị nữ vương tên là Liễu Diệp (Lieou-ye) cai trị. Phía Nam nước này là nước Khích có vị vua tên Hồn Điền (Kaundynia). Hồn Điền được một vị thần

cho một bộ cung tên và kêu cỡi thuyền ra biển. Khi thuyền đến gần nước Phù Nam, Liễu Diệp đưa thuyền, dẫn quân ra nghênh chiến. Từ xa, Hồn Điền giương cung bắn mũi tên xuyên mạn thuyền làm nữ vương hoảng sợ xin hàng. Hồn Điền vốn ghét tục khóa thân của nước này nên cưới Liễu Diệp rồi bắt nàng dùng vải quần, từ đó cai trị và lập ra Vương triều Phù Nam. Vương triều Phù Nam gồm 13 đời vua ngự trị vùng đất này. Về sau, Phù Nam được chia thành 7 ấp do các con của Hồn Điền cai trị, mỗi ấp gọi là tiểu vương.

Nhà nước Phù Nam mang đặc trưng chế độ “quân chủ chuyên chế” với cấu trúc xã hội 3 cấp: 1) Quốc đô (kinh đô) của Vua cai trị; 2) “tiểu vương” cai trị các thành do nhà vua phân đất có đầy đủ các đội thủy-tượng- bộ binh và giới tăng lữ đạo sĩ nắm thần quyền – vương quyền; 3) đại thương gia – đại điền chủ là nền tảng xã hội chi phối nông thương.

Ở thời kỳ Phù Nam, cư dân cổ đã biết trồng lúa nước, vườn tược, chăn nuôi và đủ loại thợ chuyên nghiệp như: Thợ xây, khai thác lâm-hải sản, chài lưới, nghề mộc, kim hoàn, thợ rèn, đúc, dệt... Cũng có người đi lính, có người hoạt động văn hóa-nghệ thuật như đào kép – vũ công ca múa nhạc cung đình – tôn giáo – dân gian. Từ quý tộc đến bình dân đều tôn thờ thần, Phật của đạo Bà La Môn và đạo Phật.

Một vương quốc hưng thịnh nằm ven biển Tây trở thành thương cảng sầm uất, nơi đó đã hình thành con đường hương liệu có thể so sánh với con đường Tơ lụa nổi tiếng đất Trung Nguyên.

Con đường hương liệu đó hình thành trên đất Phù Nam gồm hai thương cảng quốc tế, một ở phía Đông gọi là Rịa Nai (Rinai) và một ở phía Tây gọi là Ốc Eo (Oud) nằm nơi mặt

Đông ngọn núi Ba Thê. Lộ trình giao thương đường biển lúc bấy giờ đi thẳng từ vịnh Rạch Giá vào cảng Óc Eo đến cảng RìaNai ra vịnh Cần Giờ, không vòng qua bán đảo Cà Mau như hiện nay.



Đồng tiền La Mã

Khắc hình Vua Marcus-Aurelins

Năm 161-180 sau Công nguyên

Thương cảng Óc Eo là một quần thể gồm cả cảng sông và cảng biển, cũng là nơi hội tụ của hơn 30 dòng sông đào nối với các đô thị. Cảng sông nằm ở phía Đông ngọn núi Ba Thê là nơi tụ họp của các bến nước tạo thành một dãy chợ nổi. Nơi đây các ghe thuyền lui tới trao đổi hàng hóa với cư dân tại chỗ, cũng là nơi cung cấp lương thực cho nội thành mà theo thư tịch cổ thì gồm vua chúa, đạo sĩ, quan lại, binh lính, công nhân và thương nhân bản địa hay đến từ các tàu buôn. Các kho hàng và xưởng luyện vàng, nấu thủy tinh, chế tác đá quý tập trung phía sau một hào nước dài và sâu vốn là cửa ngõ kinh đô Phù Nam lúc

đó, nay dấu tích tìm thấy ở ấp Trung Sơn kéo dài từ dưới chân chùa Linh Sơn đến giồng Cây Trôm.

Cách phía Nam ngọn núi Ba Thê từ 1,5-3 ki lô mét là một bến cảng tạo nên bởi các rãnh nước sâu nằm giữa những mỏm đá ngầm của khu Núi Nổi. Đây là nơi các tàu viễn dương neo đậu để tiếp nhận sản vật từ các tàu chợ trong vùng, cũng là nơi trao đổi hàng hóa giữa các tàu đến từ phương Đông như Trung Hoa, Nhật Bản với các tàu đến từ Ấn Độ, Ba Tư và từ biển Đỏ, nơi cửa ngõ để quốc La Mã. Trầm hương có tên là “ud”, các loại gia vị để bảo quản thực phẩm, đường thốt nốt, ngọc trai các loài hải sản, thủy tinh và đá quý cùng sừng tê giác, ngà voi và nanh heo rừng từ thương cảng Óc Eo nay được tìm thấy nơi nhiều thương điểm trên con đường hương liệu.

Nhiều thư tịch cổ đề cập đến hoạt động nhộn nhịp của thương cảng Óc Eo suốt nhiều thế kỷ đầu Công nguyên, biến nó thành nơi đô hội phồn vinh mà các thương nhân đóng thuế bằng bạc! Tập ký sự “Chuyện lạ ở phương Nam” của hai sứ thần Trung Hoa, Chu Ứng và Khang Thái, mô tả các con tàu Phù Nam gồm bốn cột buồm với những cánh buồm nằm nghiêng, đủ lớn để chở hàng trăm người với 40-50 tay chèo.

Hoạt động thương thuyền Óc Eo thời đó rất có quy củ, các chủ tàu Phù Nam chỉ lấy tiền công khi thuyền của họ đến nơi đứng hẹn. Từ thế kỷ thứ IV, các đoàn tàu Ba Tư cũng băng qua thủy lộ này để ghé thăm các cộng đồng người Iran tại Óc Eo trước khi đi vào biển Đông, lộ trình này vẫn được giữ nguyên cho tới vài thế kỷ sau.

Người Phù Nam từ đâu đến và rồi họ biến mất vì chiến tranh diệt chủng hay thiên tai, đọc một tài liệu **Từ sự hủy diệt của**

văn minh ÓC EO nhìn về ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG của Hà Văn Thùy có thể lý giải được vấn đề:

Nhà địa chất học người Pháp H. Fontaine cho thấy bức tranh khái quát của việc biến đổi mực nước biển như sau:

Cuối Đại Pleistoxen đầu Holoxen có một đợt hải thoái, mực nước biển hạ thấp khoảng 100 - 120 m so với ngày nay, khiến cho Biển Đông chỉ còn là một vũng nhỏ. Tiếp đó là thời kỳ băng hà Wum cách nay 60.000 đến 11.000 năm. Sau giai đoạn chuyển tiếp kéo dài 750 năm (từ 11.000 đến 10.250 năm trước) là thời kỳ băng tan và nước biển bắt đầu dâng. Sau đó vào năm 4850 trước Công nguyên, nước biển dâng lên bằng mực nước ngày nay. Sau thời kỳ này là 4 đợt hải xâm và 3 đợt hải thoái xen kẽ nhau:

- Hải xâm Holoxen I từ 4850 đến 1650 trước công nguyên, kéo dài 3.200 năm với 3 giai đoạn đỉnh cao 4 m (năm 3900), 3 m (năm 2.950), 2 m (năm 2.350).

- Hải thoái Holoxen 1 từ 1.650 năm đến 1.150 năm trước Công nguyên, thời gian 500 năm với mức hạ thấp nhất - 0,8 m xảy ra vào năm 1400 trước Công nguyên.

- Hải xâm Holoxen II từ 1.150 đến 850 trước Công nguyên, thời gian 300 năm, đỉnh cao nhất xảy ra vào năm 950 trước Công nguyên.

- Hải thoái Holoxen 2 từ năm 850 đến năm 200 trước Công nguyên, thời gian 650 năm, với cực tiểu 1 m xảy ra vào năm 550.

THẾ SỰ

- Hải xâm Holoxen III từ năm 200 đến năm 50 trước Công nguyên, kéo dài 150 năm, mức cao nhất khoảng 0,4 m vào năm 50.

- Hải thoái Holoxen 3 từ năm 50 trước đến năm 550 sau Công nguyên, kéo dài 500 năm với mực nước thấp nhất - 0,5 m vào năm 200.

- Hải xâm Holoxen IV từ năm 350 đến năm 1.150, kéo dài 800 năm với mức cao trung bình 0,8 m vào năm 650.

- Từ năm 1.150 đến 1950 nước biển dao động 1 m, xem như ổn định hơn các thời kỳ trước.

Điều đáng chú ý là khi so sánh những vết tích hải xâm hải thoái ở Việt Nam, các nhà khoa học đã tìm thấy sự tương đồng với những dấu tích hải xâm hải thoái ở bờ bên kia của Thái Bình Dương, trên đất Mỹ: Hải thoái Oc Eo cách nay 1750 năm tương đương Hải thoái Florida - 3 m cách nay 2000 năm; Hải thoái Rạch Giá cách nay 3350 năm tương đương Hải thoái Crane Key - 2 m cách nay 3300 năm.

Trong những đợt hải xâm hải thoái trên, đáng chú ý là Hải xâm Holoxen IV. Sau khi hiệu chỉnh niên hạn theo phương pháp C14, các đặc tính của lần hải xâm này như sau:

- Thời hạn 800 năm, từ năm 350 đến năm 1.150, đỉnh cao vào năm 650.

- Mực nước cao nhất từ 0,5 đến 1 m trong 30 năm, từ năm 635 đến năm 665.

Giai đoạn lên từ năm 350 đến 650. Giai đoạn xuống từ năm 650 đến năm 1.150.

Ngoài việc chứng minh Hải thoái giữa Đại Trung sinh và Tân sinh, Biển Đông khô cạn tạo điều kiện cho động vật từ châu Á tràn sang châu Đại Dương khiến cho hệ động vật gần nhau giữa hai châu lục, chúng ta chưa biết nhiều về ảnh hưởng của các đợt hải xâm hải thoái trong lịch sử. Tuy vậy, ở nước ta có một vùng đất chịu tác động trực tiếp của Hải xâm Holoxen IV, đó là đồng bằng sông Cửu Long.

Hải xâm Holoxen III diễn ra từ năm 200 đến năm 50 trước Công nguyên với mức nước 0,4 m đã ngăn chặn sự lan tỏa của văn hóa sông Đồng Nai ra đồng bằng nên phần lớn miền Tây Nam Bộ không có người sinh sống. Chỉ đến đầu Công nguyên, khi nước rút xuống thì những người Malayopolynesia mới từ các đảo ngoài biển tràn vào, tạo dựng văn minh Oc Eo. Nhưng từ năm 350 nước bắt đầu dâng lên từ từ. Thời gian đó, người Oc Eo sống chung với lũ bằng cách dựng nhà sàn và phát triển giao thông đường thủy. Nhưng đến năm 650, nước lũ lên quá cao, đến 1 m khiến người Oc Eo không thể bám trụ lại được nữa, một phần lên thuyền đông ra biển trở lại những hòn đảo tổ tiên họ đã ra đi, một bộ phận tiếp giáp Đông Nam Bộ thì lên vùng đất cao, thành một số tộc người Nam Trường Sơn hiện nay. Người Oc Eo không phải người bản địa mà là người di tán từ nơi khác đến, mang theo nền văn minh vốn có của họ. Chỉ trong vòng 600 năm tồn tại, người Oc Eo đã kiến tạo đồng bằng sông Cửu Long thành một địa bàn văn hóa phát triển rực rỡ. Nhưng sau đó một cách đột ngột, nền văn hoá này bị tiêu diệt.

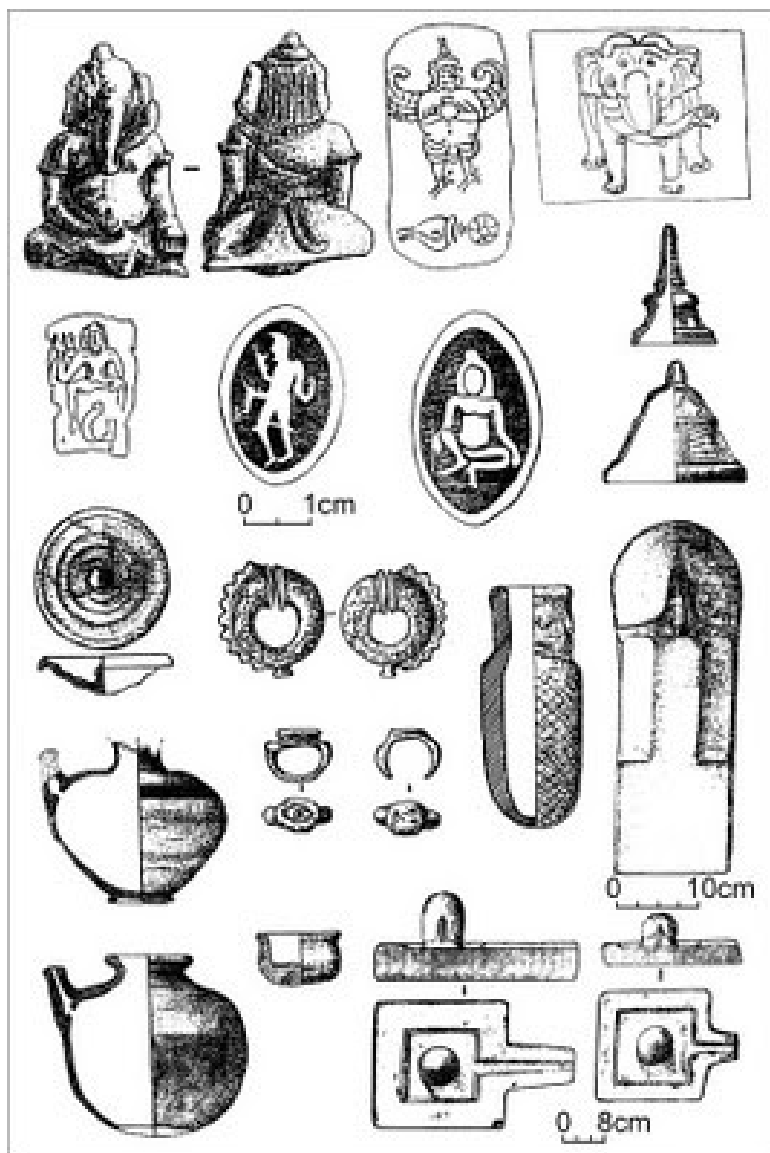
Có nhiều cách giải thích sự biến mất của cư dân Oc Eo vào thế kỷ VI. Một cách lý giải được nhiều học giả trước đây thừa nhận: đó là một cuộc chiến của người Chân Lạp từ phía tây tràn xuống cướp bóc và tiêu diệt cư dân Oc Eo. Nhưng cách lý giải này chưa đủ thuyết phục bởi lẽ những bằng chứng khảo cổ

cho thấy không có vết tích của những đồ võ do cướp phá, tại thủ phủ Oc Eo những vật quý hầu như còn nguyên vẹn cho đến khi L. Mallerete phát hiện. Một cuộc xâm lăng trên quy mô lớn nếu không chiếm đất cướp của thì với mục đích gì? Nhưng có lẽ lý do quan trọng nhất cho thấy cuộc xâm lăng chưa từng xảy ra là: vào thời điểm giữa thế kỷ VII, nước biển đã dâng cao trên phần lớn đồng bằng thời gian dài 30 năm khiến không ai sống nổi.

Sau năm 665 nước biển bắt đầu rút. Nhưng phải 500 năm sau, cho đến năm 1.150 nước biển mới trở lại ổn định ở mức bình thường. Như vậy có thể suy ra: cho tới giữa thế kỷ XII, đồng bằng Nam Bộ chưa có người sinh sống. Điều này phù hợp với thư tịch cổ. Trong Chân Lạp phong thổ ký, ông Châu Đạt Quan sứ thần nhà Nguyên đến Chân Lạp qua đường sông Tiền năm 1296 mô tả: *"Hầu hết cả vùng đều là rừng sác rậm rạp, những vòm rộng của con sông lớn chạy dài hàng trăm lý, bóng mát um tùm của những gốc cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ trú ẩn sum suê. Tiếng chim hót và thú vật kêu vang dội khắp nơi... Xa hơn tầm mắt chỉ toàn là cỏ kê đầy rẫy. Hàng trăm hàng ngàn trâu rừng họp từng bầy trong vùng này. Tiếp đó, nhiều con đường dốc đầy tre gai chạy dài hàng trăm lý..."* Như vậy, nhìn vào lịch sử, đồng bằng sông Cửu Long do đất mới bồi và thấp đã bị nạn hồng thủy xóa đi sự sống của con người trong vòng sáu, bảy trăm năm. Từ năm 1150 nước rút trở lại mức độ bình thường cho đến năm 1950. Nhưng từ 1950 hình như đã bắt đầu một chu trình hải xâm mới! Mức nước đo được ở Hòn Dấu Hải Phòng trong 30 năm qua đã tăng lên hơn 30 cm.

Cả bằng chứng lịch sử cả bằng chứng địa chất cho thấy: hải xâm Hôlôxen IV đã chìm đồng bằng sông Cửu Long hàng trăm năm trong nước biển và xóa đi nền văn minh Oc Eo.

HUỖNH ÁI TÔNG



Di chỉ cổ vật Óc Eo

THẾ SỰ

Cuộc khai quật đầu tiên của Malleret đã tiến hành với 24 điểm. Cho tới nay, trên sườn núi Ba Thê và cánh đồng Óc Eo đã có trên 50 địa điểm có giá trị khảo cổ học đã được ghi nhận và nghiên cứu. Tính đến năm 1975, bộ sưu tập về văn hóa Óc Eo - Ba Thê đã có 3.969 hiện vật. Trong đó bao gồm: 498 đồ vàng, 137 đồ bạc, 4 chì, 83 thiếc, 149 đồ đồng, 2.749 đồ đá màu (trong đó có 2.522 chuỗi hạt, 79 đồ đá khác, 285 đất nung, 7 đồ gỗ và một số hiện vật không xác định rõ). Theo Louis Malleret, thành thị Óc Eo được thiết kế theo hình chữ nhật có chiều rộng khoảng 1.500 m, chiều dài 3.000m.

Sau năm 1975, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã tiến hành nhiều đợt khảo sát, khai quật tại các tỉnh miền Tây và miền Đông Nam Bộ. Họ đã tìm thêm nhiều di chỉ thuộc nền văn hóa Óc Eo ở các vùng Long Xuyên, Đồng Tháp Mười, ven biển Tây Nam, vùng rừng sác Duyên Hải, vùng ven biển Đông, vùng Đông Nam Bộ. Năm 1983, phát hiện thêm di cốt động vật như: lợn, trâu bò, hươu, voi, rùa, chuột, cá các loại. Dấu tích hoạt động của các ngành nghề thủ công như nghề gốm, nghề kim hoàn... quan hệ thương mại, sự thịnh hành của tôn giáo... còn lưu lại qua các vật liệu kiến trúc, đồ trang sức, tượng thờ, và phế tích các ngôi đền, mộ đá hòa táng tại các di chỉ này.

Óc eo thuộc vương quốc Phù Nam một nền văn minh cổ trên đất An Giang, giao thương với Trung Quốc, Ấn Độ, Ba Tư... từ không ra có, có lại về không. Tuồng như ảo hóa như sắc sắc, không không trong đạo Phật vậy.

HUỲNH ÁI TÔNG



Tạ Mân ở Thốt Nốt, người sưu tầm nhiều cổ vật Óc eo

Ngày 10-2-2011

Viếng mộ đức Phật Thầy Tây An

Phúc Trung

*

Năm nay về Châu đốc, tôi dành một chút thì giờ để viếng mộ đức Phật Thầy Tây An, lâu lắm rồi tôi đã không viếng mộ của Ngài, tôi không thể nhớ từ lúc nào, nhưng biết chắc là lần viếng trước kia, ít ra cũng phải 5, 7 năm trước khi chùa Tây An được trùng tu vào năm 1957, nay cũng đã gần 50 năm rồi.

Năm mươi năm vật đổi sao dời, chùa đã trùng tu lại, chắc gì khu mộ vẫn được giữ nguyên như xưa ? Cho nên dù không có nhiều thì giờ, tôi cũng quyết đến viếng mộ đức Phật Thầy, sau khi đã viếng Lăng Thoại Ngọc Hầu.

Tưởng cũng nên nhắc lại về hành trạng của đức Phật Thầy, đức Phật Thầy thế danh là Đoàn Minh Huyền, sanh ngày 15 tháng 10 năm Đinh Mão (1807), người làng Tòng Sơn, tổng An Thạnh Thượng, nay là xã Mỹ Thạnh Hưng huyện Cái Tàu Thượng, tỉnh Sa Đéc.

Ngài bắt đầu hành đạo bằng cách chữa bệnh thiên thời và khuyến tu cho dân chúng ở vùng Long Kiến Chợ Mới ngày nay, có nhiều người theo tu học, nên quan lại địa phương sợ có sự biến. Tổng đốc An Giang đòi Ngài đến để thẩm tra, sau khi biết Ngài là người lương thiện chỉ trị bệnh và khuyến tu, nên đã

báo cáo với triều đình Huế, Triều đình Huế ra lệnh cho Ngài phải quy y Tam bảo, trở thành vị Tăng để hoàng hóa, cứu dân độ thế. Lễ quy y của Ngài được tổ chức tại chùa Tây An, núi Sam, do một Thiền sư dòng Lâm Tế phái Nguyên Thiều, thuộc chùa Giác Lâm tỉnh Gia Định, truyền giới, Ngài được ban pháp danh là Pháp Tạng.

Sau đó Ngài chùa Tây An hành đạo, theo Đại Nam Nhất Thống Chí, Lục Tỉnh Nam Việt Tập Hạ, viết về chùa Tây An như sau: *“Chùa Tây An ở địa phận thôn Vĩnh Tế, huyện Tây Xuyên; nguyên Tổng đốc Muru lược tường Tuy Tĩnh Tử Doãn Uân kiến trúc năm Thiệu Trị thứ 7 (1847). Chùa đứng trên núi, mặt trước trông ra tỉnh thành, phía sau dựa theo vòm núi, tiếng người lặng lẽ, cổ thụ âm u, cũng một thắng cảnh thuyền lâm vậy.”* Vì đây là một ngôi chùa có Trụ trì là Thiền tông, nên một thời gian sau đó, Ngài lập ra trại ruộng ở Thới Sơn, để thờ cúng theo chủ trương của Ngài, về sau thành chùa Thới Sơn Tự, gần đó có một trại để giữ trâu bò, sau này cất thành chùa là Phước Điền Tự (còn gọi là chùa Hang). Lập trại Thới sơn được một thời gian, Ngài lập thêm trại ruộng ở Láng Linh đặt tên là Bửu Hương Các, sau này cất nên chùa Bửu Hương Các Tự thuộc xã Thạnh Mỹ Tây, quận Châu Phú tỉnh An Giang.

Ở những trại ruộng, Ngài không có tôn tượng Phật hay Bồ Tát, chỉ treo một tấm vải điều (nâu) để thờ cúng, chỉ có nước lạnh với bông hoa, không tụng kinh, chuyên niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà, những người theo tu với Ngài, sau khi thọ Tam quy, ngũ giới, Ngài cấp cho một lòng phái, trong có in bốn chữ “Bửu Sơn Kỳ Hương”, nên sau này, giáo phái của Ngài được gọi là Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.

Về đường tu, Ngài chủ trương “Học Phật, tu nhân”, học Phật căn bản là: Giới, Định, Huệ. Còn tu nhân, là phải lo đền đáp

THẾ SỰ

bốn ân: Ân tổ tiên, cha mẹ; Ân đất nước; Ân Tam bảo; Ân đồng bào và nhân loại. Cho nên những người theo đạo của đức Phật Thầy, trước kia gọi là đạo Hiếu Nghĩa, sau này gọi là Đạo Tứ Ân, trước năm 1975, ở Việt Nam có Giáo Hội Phật Giáo Tứ Ân.

Ngài mất vào giờ Ngọ ngày 12 tháng Tám năm Bính Thìn (1856). Thọ thế 50, hành đạo 7 năm.

Linh vị Ngài ghi như sau:

Ngươn sanh Đinh mao niên, thập ngoạt, thập ngũ nhật, ngo thời, hưởng dương ngũ thập tuế.

Cung thỉnh Lâm Tế chánh tông tam thập bát thế, thượng Pháp hạ Tạng tánh Đoàn, pháp danh huý Minh Huyền đạo hiệu Giác linh chứng minh.

Vãng ư Bính Thìn niên, bát ngoạt thập nhị nhựt, ngo thời nhi chung.

Người ta truyền tụng rằng đức Phật Thầy dạy, ăn hiền ở lành, việc tống tang ma chay cần làm đơn giản, tránh được sát sanh, tổn kém, đàn ông chết, bó chiếu với bảy vật tre đem chôn, đàn bà bó chiếu với chín vật tre. Mộ không cần đắp nấm, không xây tô tổn kém. Dù vậy, làm con không ai nỡ vùi lấp thân cha mẹ mình với manh chiếu và mấy tấm vật tre, cũng ít người không đắp nấm mộ.

Chính vì vậy mà mộ đức Phật Thầy không có đắp nấm, trông thật là đơn sơ giản dị. Trong làng tôi, có một nấm mộ của ông Dương Văn Thịnh, tôi gọi bằng bác, bác ấy với cha tôi cùng đầu ông Cổ. Bác ấy chết khi tôi còn nhỏ không biết chi, sau

HUỲNH ÁI TÔNG

này biết thì mộ của bác ấy không đắp nấp, để bằng phẳng, mộ nằm giữa đồng mông hiu quanh, có điều rất lạ là quanh năm không có cỏ mọc, những cây cỏ dại gần đó, có những cây bò vào mộ, nhưng chỉ một thời gian đều bị héo tàn. Nhiều người trong xóm biết việc này, nhưng không ai giải thích nổi vì sao cỏ không mọc trong mộ của bác Dương Văn Thịnh?!

Những đệ tử của Ngài, truyền bá đạo ở khắp miền Tây. Sau này có đức Huỳnh Phú Sổ, khai sáng đạo vào ngày 19 tháng 5 năm Kỷ Mão (1939), tại làng Hòa Hảo tỉnh Châu đốc, nên gọi là đạo Hòa Hảo, người ta tôn xưng là đức Giáo chủ, nhiều người tin rằng đức Huỳnh Giáo chủ là hiện thân của đức Phật Thầy Tây An.



Cổng vào mộ - Long đình ở đầu mộ

THẾ SỰ

Tôi vào viếng chùa Tây An, viếng mộ mới biết là lần trùng tu sau này, sư Trụ Trì đã xây một cổng vào mộ có mái che, xung quanh mộ có xây rào xi măng, chân mộ có bái đình (xây cất năm 1986) trong có linh vị, trên đầu mộ có long đình để thờ Phật.

Câu đối ở cổng vào mộ đức Phật Thầy:

*Phật Pháp như dân đồng linh bố,
Sư Tăng thiện tín cộng tôn sùng.*



Bái đình và mộ

Mộ vẫn để bằng phẳng, xung quanh xây một đường viền xi măng, phần mộ thì vẫn đơn sơ, nhưng cổng vào, rào chắn, long đình, bái đình xung quanh, làm cho mộ trở nên trang trọng. Nghĩ cho cùng, không làm như thế chắc Trụ Trì không thể an tâm, không tỏ được lòng tôn kính bậc tiền bối thuở trước, được thế nhân xưng tụng là Phật Thầy, nhưng đã làm trang trọng như vậy, hóa ra người ta đã đánh mất những lời Ngài dạy, xin đọc lại Mười điều khuyên tu, được truyền tụng là của đức Phật Thầy Tây An:

Mười điều khuyên tu

- Điều thứ nhất Thầy khuyên nên nhớ,
Lòng trung kiên muôn thuở còn nêu.
Dầu ai nặng nhẹ trăm điều,
Quyết không bỏ lý cao siêu của Thầy.
Nhiều thử thách đang vây con đó,
Nếu ngã lòng công khó tiêu tan.
Việc chi còn ở trần gian,
Là điều huyễn hoặc chớ mang nơi lòng.
- Điều thứ hai Thầy mong đệ tử,
Tình bạn bè phải giữ thủy chung.
Luôn luôn tha thứ khoan dung,
Như khuyên nhỏ nhẹ chớ dùng lời thô.
Dù dẫn nhau điếm tô công quả,
Phải thật thà với cả chung quanh.
Thiệt thòi cam chịu đã đành,
Vô vi phẩm vị Thầy dành cho con.
- Điều thứ ba vẹn toàn hạnh đức,
Tuy bán buôn cơ cực tảo tần.
Đôi công nuôi lấy tấm thân,
Đừng ham mến chuyện phi nhân gạt lường.
Dù vàng bạc đầy rương tràn tủ,

THẾ SỰ

Cuộc trần này chưa đủ con ơi.
 Ác gian cũng chỉ một đời,
Thà nghèo trong sạch, thanh thoi linh hồn
- Điều thứ tư pháp môn quy luật,
 Lục, thập chạy cố sức trau dồi.
 Thịt thà xương máu tanh hôi,
Cỏ cây rau cải cũng rồi bữa ăn.
 Đức Từ Bi thường hằng thể hiện,
 Không sát sanh lòng thiện ta còn.
 Lạt chay tuy chẳng ngọt ngon,
Còn hơn thú vị cơm chan máu hồng.
- Điều thứ năm quyết không hờn giận,
 Ghét ganh chi cho bận lòng mình.
 Con xem vạn quyền thiên kinh,
Hiền nhân quân tử rộng tình vô câu.
 Muôn việc xảy bắt đầu sân nộ,
 Là nguyên nhân thống khổ ly tan.
 Chân truyền chánh pháp đạo tràng,
Tập xong chữ nhứt Niết Bàn không xa.
- Điều thứ sáu thiết tha Thầy dạy,
 Ngày hai thời lắng lặng công phu.
 Việc chi dầu quá cần cù,
Cũng nhân vài khắc tập tu nguyện cầu.
 Khi rảnh việc đồng sâu chợ búa,
 Đem sấm kinh tự của Thầy ban.
 Học cho thông thuộc đôi hàng,
Ngâm nga trong lúc thanh nhàn, băng khoảng.
- Điều thứ bảy quyết tăng công quả,
 An ủi người già cả ốm đau.
 Tùy duyên có thể giúp vào,
Lâm cơn hoạn nạn khi nào cần con.
 Phước đức đó vẫn còn muôn thuở,
 Tuy vô hình đừng ngỡ rằng không.

HUỲNH ÁI TÔNG

Con ơi ! Trong chốn trần hồng,
Mây ai nghĩ đến cõi lòng thanh cao.
- Điều thứ tám lời nào Thầy dạy,
Dầu khổ lao chờ nài công trình.
Biết rằng con phải hy sinh,
Phật tiên đâu nỡ quên tình hay sao.
Đừng chấp việc núi cao rừng thẳm,
Hay là đường muôn dặm xa trông.
Hễ con thể giữ trọn lòng,
Đương nhiên đắc đạo thoát vòng tử sinh.
- Điều thứ chín đạo lành căn bản,
Giữ làm sao có bạn không thù.
Từ đây con nhớ rằng tu,
Hạ mình nhận lỗi mặc dù là không.
Lời nói sao hòa trong hiệp ngoại,
Đừng hơn người nếu phải ép lòng.
Không ham những chuyện mênh mong,
Vừa no, đủ ấm đèo bông làm chi.
- Điều chót hết mười ghi trăm nhớ,
Phật, Pháp, Tăng con chớ quên ơn.
Gia đình nghĩa trọng nhiều hơn,
Tình thương xã hội giúp con thiết cần.
On tổ tiên dành phần con cháu,
Đó những lời dạy bảo Thầy mong.
Con ơi hãy khá ghi lòng,
Bấy nhiêu tâm huyết, mấy dòng thi văn.

25-10-2008

Bồ Đề Đạo Tràng Châu Đốc



Nói đến Bồ Đề Đạo Tràng, thường người ta liên tưởng tới Bồ Đề Đạo Tràng ở Ấn Độ, là nơi ngày xưa Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã đắc đạo. Chính từ nguồn gốc này, người ta đã đặt tên cho một địa danh là Bồ Đề Đạo Tràng tại trung tâm thành phố Châu Đốc, vì nơi đó đã trồng một cây Bồ Đề lấy giống từ cây Bồ Đề Đạo Tràng ở Ấn Độ.



Để nói rõ về nguồn gốc cây Bồ Đề tại Bồ Đề Đạo Tràng Châu Đốc, chúng tôi xin được phép dài dòng về vấn đề này như sau.

Ông Phạm Ngọc Đa là một nhà giáo ở Châu Đốc, ông sớm có khuynh hướng học đạo, nên đã tìm hiểu sách vở Thông Thiên Học phát hành từ Pháp, năm 1925 ông xin gia nhập và được thân nhận làm Hội viên Hội Thông Thiên Học Pháp quốc, sau đó ông phổ biến sách vở của Hội này, đã được nhiều người tiếp nhận gia nhập và thành lập các chi nhánh gọi là Chi bộ tại Việt Nam. Khi hội đủ bảy Chi bộ, Thông Thiên Học Việt Nam xin Hội Thông Thiên Học Quốc Tế tại Adyar Ấn Độ thành lập Xứ Bộ Thông Thiên Học Việt Nam năm 1951 do ông Phạm Ngọc Đa làm Chánh Hội Trưởng, ông Mai Thọ Truyền Phó Hội Trưởng và ông Nguyễn Văn Lượng Tổng Thư ký.

Hội Thông Thiên Học (The Theosophical Society) sơ khởi được thành lập tại Nữ Ước ngày 17 tháng 11 năm 1875, do bà Helena Petrovna Blavatsky, đại tá hồi hưu Henry Steel Olcott và ông William Quan Judge. Sau đó trở thành Hội Thông Thiên Học quốc tế đặt trụ sở tại Adyar, bang Chennai (Madras), Ấn Độ từ năm 1882.

Theo lịch sử truyền bá đạo Phật. Dưới triều đại vua A Dục, nhà vua phái Trường Lão Mahida (con vua A Dục đã xuất gia), đem Phật Giáo truyền sang Tích Lan, sau lại có con gái vua A Dục mang một cây Bồ Đề giống, nơi đức Phật thành đạo đến trồng ở Tích Lan. Vào đầu thế kỷ VIII, Hồi giáo bắt đầu đánh phá miền Trung Ấn và đến năm 1203, Hồi giáo đem đại quân tiến vào chiếm Trung Ấn, mục đích thành lập đế quốc Hồi Giáo và bành trướng đạo Hồi nên họ rất tàn ác, phá hủy chùa tháp, đốt kinh điển, hãm hại Tăng ni, Các vị cao tăng phải chạy sang lánh nạn ở Tây Tạng hay ẩn thân vào rừng sâu núi thẳm, Phật giáo Ấn Độ đi đến lúc suy vong.

THẾ SỰ

Khoảng năm 1876, Phật Giáo Tích Lan được chấn hưng, nhờ sự hô hào của Đại Tá Hải Quân Mỹ Henry Steel Olcott (1832-1907), người đã sáng chế ra lá cờ Phật Giáo Thế giới, Hội Trưởng Hội Thông Thiên Học Quốc tế. Sau đó năm 1921, có nhà Phật học Tích Lan uyên thâm, Anagarika Dharmapala (từng theo giúp việc cho ông Olcott), ông sang thăm viếng các Phật tích, thấy tình hình Phật Giáo Ấn Độ đã suy tàn, ông quyết định cần phải phục hưng, nên đứng ra lập Hội Đại Bồ Đề (Maha Bodhi Society of India), từ Hội này Phật giáo Ấn Độ đã phục hưng, Hội đã lấy giống cây Bồ Đề từ Tích Lan đem về trồng tại Đại Tháp, nơi đánh dấu đức Phật thành đạo. Nơi đây được gọi là Bồ Đề Đạo Tràng.

Trước khi Hội Đại Bồ Đề thành lập, nơi Đại tháp đã bị hoang phế, có tu sĩ Ấn độ giáo đến đó tu và cai quản, cho nên mặc dù là Phật tích quan trọng bậc nhất lại thuộc về Ấn giáo. Ngày nay tại Bồ Đề Đạo Tràng được cai quản do một Hội đồng có 9 vị, gồm 4 thành viên Phật giáo, 4 thành viên Ấn giáo và Chủ tịch là người của Chánh quyền.

Năm 1951, Bà Nguyễn Thị Hai đi sang Hội Thông Thiên Học Quốc tế ở Ấn độ học đạo, khi trở về, ông Hội Trưởng TTH Quốc tế Jinarajadasa xin phép chánh phủ Ấn độ tặng riêng cho cá nhân ông Phạm Ngọc Đa một cây Bồ Đề lấy giống từ cây Bồ Đề Đạo Tràng Ấn độ.

Năm 1952, ông Phạm Ngọc Đa hiến tặng cây Bồ Đề này cho thành phố Châu Đốc, ông Tỉnh trưởng Đặng Văn Lý cấp cho một miếng đất ngay tại trung tâm thành phố, trước nhà việc làng Châu Phú, để trồng cây Bồ đề này, vì nó lấy giống từ Bồ Đề Đạo Tràng bên Ấn Độ, nên nơi đây cũng đặt tên là Bồ Đề Đạo Tràng.

Trước khi trồng, người ta tổ chức lễ rước cây Bồ đề trên xe hoa, đi một vòng trong thành phố trước khi hạ thổ. Nhưng ngay đêm trước khi làm lễ, cây Bồ đề đã bị chặt đứt lia thân, Ban tổ chức vẫn tiến hành cuộc lễ, bằng cách cột dây kẽm giữ cho cây vẫn đứng, tiến hành lễ rước như không có chuyện chi xảy ra, sau khi hạ thổ người ta theo tích xưa tưới cây bằng sữa tươi, về sau gốc cây này thành bốn tước, người ta cho đó là tượng trưng cho Bốn Chân Lý: Sanh, Lão, Bệnh, Tử giáo pháp đầu tiên đức Phật giảng cho các ông Kiều Trần Như. Sau năm 1975, có người báo công năm xưa anh ta đã chặt cây Bồ Đề. Riêng tôi, năm 1998 sang Virginia, có gặp anh Trường, con ông giáo Mãn ở Châu Đốc kể cho tôi nghe : “Anh X, con một ông Đốc Học cũng ở Châu Đốc đã tâm sự với anh Trường là ông Phạm Ngọc Đa cũng là ông Đốc Học như thân phụ anh ta, nhưng danh tiếng còn thân phụ anh ta không có tiếng tăm gì, nên anh ta chặt cây Bồ Đề nhằm mục đích phá cuộc lễ, hạ uy tín ông Phạm Ngọc Đa” . Tôi tin con ông Đốc học kia chính là thủ phạm, còn anh chàng tự nhận để báo công, vì tư lợi mà nhận dối thế thôi.

Nhờ một ưu thế là nằm ngay trung tâm thành phố, lại ở giữa hai bên xe, một đi Sài Gòn và các tỉnh, một đi vùng Thất sơn như Nhà Bàn, Tri Tôn, do đó nhiều người biết đến Bồ Đề Đạo Tràng Châu Đốc.

Thoạt tiên trong khuôn viên Bồ Đề Đạo Tràng Châu Đốc, phía tiếp cận với Đài Chiến Sĩ, trước nhà việc Châu Phú, có một tòa nhà bát giác nhỏ khoảng 3 thước lọt lòng, có bốn cửa ra vào, chính giữa tôn trí tượng Phật Thích Ca đang ngồi nhập định, trước tượng có hương án với lư hương, hoa quả và chuông mõ. Trên 4 bức tường treo ảnh, trong đó có ảnh Bà Nguyễn Thị Hai mang cây Bồ Đề từ Ấn Độ về, phía trước ngôi nhà bát giác chừng 10 thước là cây Bồ Đề, xung quanh có hàng rào sắt

THỂ SỰ

đường kính chừng hơn một thước cao quá đầu người, quá đó chừng mười thước là một hồ sen đường kính chừng tám thước, xung quanh trồng sen đỏ tượng trưng cho vật chất, chính giữa trồng sen trắng tượng trưng cho tinh thần. Xung quanh, cách lề đường chừng một thước, Bồ Đề Đạo Tràng có xây những cột gạch và hàng rào sắt với ba cổng ra vào: Một cổng ở phía sau nhà bát giác và hai cổng hông đi thẳng vào cây Bồ Đề, xung quanh rào có đường đi bộ nhỏ và có trồng nhiều bụi bông đuôi chồn, có hoa trắng tỏa hương thơm ngát.

Sau đó, trong khuôn viên Bồ Đề Đạo Tràng có thêm tượng Phật Bà Quan Âm lộ thiên đặt phía trước nhìn về hướng chợ Châu Đốc.



Sau này Bồ Đề Đạo Tràng được mở rộng ra về hướng Bar Nam Hiệp chừng 8 đến 10 thước, nơi đây có đặt một trụ biểu bốn mặt, ghi dấu sự kiện liên quan và những nhân vật đã góp

HUỖNH ÁI TÔNG

công đức xây dựng nên Bồ Đề Đạo Tràng đã nêu trên. Ngoài ra còn có xây thêm một ngôi nhà nằm sau nhà bát giác, giữa cây Bồ đề và nhà bát giác có xây một nhà Trống và một nhà Chuông, tượng Phật bà có xây mái che và thêm một tam quan làm cổng chính.

Bồ Đề Đạo Tràng khởi thủy do Chi bộ TTH An Giang gồm các nhà giáo: Châu Văn Đồng, Huỳnh Bá Nhệ, Lê Quang Điện, Lê Văn Vững, Trương Văn Hiệu điều hành, sau đó không lâu, họ thành lập Hội Bồ Đề Đạo Tràng để quản trị Bồ Đề Đạo Tràng.

Việt Nam có nhiều cây Bồ Đề như ở chùa Xá Lợi, chùa Giác Lâm là những cây Bồ đề do

Đại Đức Narada tặng, nó có nguồn gốc từ Tích Lan. Ngoài cây Bồ Đề Châu Đốc, còn có hai cây Bồ Đề trồng hai bên đền thờ quốc tổ Hùng Vương trong Thảo Cầm Viên Sài Gòn, là một cây được chiết thành hai, vốn là cây Bồ đề giống từ cây Bồ Đề Đạo Tràng Ấn độ, do Phó Tổng Thống Ấn độ một lần thăm Việt Nam, dưới thời Ngô Đình Diệm đã mang sang tặng cho Việt Nam và chính ông ta đã trồng trong Thảo Cầm Viên Sài Gòn.

Cây Bồ đề có họ hàng với cây Lâm vồ của Việt nam, nhưng lá Bồ đề to, dày lại có đuôi dài, còn lá Lâm vồ nhỏ, mỏng có đuôi ngắn. Từ trước tôi vẫn lầm tưởng chuối Bồ Đề là hạt của cây Bồ Đề, cho đến một ngày nào đó, cây Bồ Đề Châu Đốc đã lớn, đã có trái chín rụng xuống, nó nhỏ bằng ngón tay út, bên trong rỗng ruột, giống như trái sung. Bồ Đề Đạo Tràng Châu Đốc chẳng những là một địa danh tín ngưỡng như Chùa Tây An, miếu Bà, Bạch Vân Tịnh Xá ... mà còn cho tôi bài học khi đã lớn khôn.

Ngày 26-4-2008

Hoa Hậu An Giang

Trong những ngày gần đây, làm lại Gia phả để đưa lên Mạng cho con cháu xem, tôi thấy tên cô em dâu có họ Thái, người làng Mỹ Đức, tự nhiên làm tôi liên tưởng đến hoa hậu Thái Kim Hương.

Trước kia tôi không quen biết chị, do sự tình cờ nào đó, tôi đã dùng giấy của Tạp chí Thế Giới Tự Do để bao bì quyển Truyện Kiều, mặc dù quyển sách này tôi đã đóng bì cứng mạ chữ vàng ở gáy sách.

Một lần thăm nuôi, tôi đã nhờ vợ tôi mang lên cho tôi đọc giải trí và đôi khi “bói Kiều” vào ngày tư ngày Tết ở trong trại cải tạo. Do đó, tôi đã thấy ảnh chị Thái Kim Hương hoa hậu Việt Nam và bài giới thiệu, hồi đó tôi có đọc lướt qua nhưng không để ý nên không nhớ chi tiết, chỉ còn nhớ bài báo trắng đen, còn hình của chị là hình màu, chị mặc áo màu xanh da trời ở vườn hoa chớ không phải là ảnh lúc chị đăng quang đội vương miện, sở dĩ tôi nhớ chị trong tấm ảnh, không phải vì chị là hoa hậu mà vì chị là đồng hương, cũng như trường hợp nghệ sĩ Bạch Tuyết, khoảng năm 1970 cho đến năm 1975, tôi dạy học ở trên lầu ba, nhìn qua bên kia, cách một khoảng sân, một dải lớp học và con đường Phạm Đăng Hưng là nhà của thủ môn Tam Lang và Bạch Tuyết, chưa bao giờ tôi thấy Tam Lang hay Bạch

Tuyết đứng trước ban-công nhà, nhưng tôi cứ nghĩ nơi đó có người đồng hương Bạch Tuyết.

Cho đến thập niên 80, một lần được thưởng đi nghỉ dưỡng sức một tuần lễ ở Nhà nghỉ Thanh Đa, một sự tình cờ đưa đẩy chị Thái Kim Hương và tôi cùng ngồi ăn một bàn, có bốn người cùng ăn chay. Chính do chị tò mò hỏi, tôi phải giải thích vì sao tôi ăn chay và nhờ đó tôi mới biết chị là hoa hậu trong tờ báo Thế Giới Tự Do kia, và tôi cũng biết chị chính là phu nhân của thi sĩ Trụ Vũ.

Sau đó chừng một năm, có lần tôi đi theo phái đoàn hành hương, trên đường về nhân tiện vị Trưởng đoàn ghé thăm thi sĩ Trụ Vũ, nhà ông ở trong con hẻm trên đường Phan Đăng Lưu (Chi Lăng cũ) Gia Định, lần ấy thăm được cả thi sĩ Trụ Vũ và chị Thái Kim Hương. Tiếc rằng thời đó chưa có máy ảnh Digital, nên ngày nay không có tấm ảnh nào ghi lại hình ảnh của chị, hoa hậu một thời, người đẹp Châu Đốc. Tìm trên Mạng, thấy có người ghi chị là Hoa hậu Việt Nam năm 1967. Tôi chợt nhớ tới năm 1957, có anh bạn ở Long Xuyên gửi cho tôi tấm ảnh chụp hình các Thầy, Cô giáo, Hoa hậu hay Á hậu và những thí sinh ở Châu đốc đi dự thi hoa hậu An Giang.

Tấm ảnh chụp chung, có lẽ ngay sau khi đoạt giải, trong các Thầy, Cô giáo tôi nhận ra có hai Thầy quen mặt nhưng không biết tên, đó là Thầy đứng giữa ba Thầy ở phía trái và Thầy đứng giữa ba Thầy ở tay phải. Trong thí sinh, tôi còn nhận ra cô Bạch Tuyết đứng hàng thứ tư bên tay trái, phổ cô ở giữa thuộc dải phố có rạp hát Lạc Thanh, phía sau nhà và là bạn học với con gái chú tôi, cô cũng là cháu ngoại nhà lầu phía dưới Đình Mỹ Đức.

Hoa hậu hay Á hậu ấy, tôi nhớ hình như nghe nói là con của cô

THỂ SỰ

giáo Hai, nếu thực đúng vậy, là chị ruột bạn học của tôi tên Bửu.

Năm đó, tôi mới xa Châu Đốc chừng một năm, Châu đốc bị đổi ra là Quận Châu Phú thuộc tỉnh An Giang.



Nhìn lại ảnh trên 50 năm trước, những người đẹp Châu Đốc xưa, nay đã là bà nội, bà ngoại hết rồi. Chắc có lúc họ cũng nhớ lại xưa kia mình từng thi Hoa Hậu An Giang, mặc chiếc áo dài truyền thống, nay người ta dự thi phải mặc áo dài, áo dạ hội, áo tắm, mỗi thời suy tư, thị hiếu mỗi khác. Nhưng chắc cái không không đổi khác là mỗi người đi xa vẫn nhớ tới quê hương, Châu Đốc, An Giang mình sông nước mênh mông hữu tình nhớ người, nhớ quê.

HUỲNH ÁI TÔNG



Tara Elizabeth Conner

Hoa Hậu Kentucky (2006), Hoa Hậu Mỹ (2006)
Mẹ Việt, cha cựu chiến binh Mỹ tham chiến ở VN

Xin được có đôi dòng góp ý cùng bài Hoa Hậu An Giang của Anh Huỳnh Ái Tông đăng trên Thất Sơn Châu Đốc ngày 29-4-2011.

Nói đúng ra là đóng góp một số lý lịch Thầy Cô và các giai nhân thời đó của Châu Đốc trong bức ảnh mà anh Huỳnh Ái Tông đưa lên trong bài. Thật ra khi đó (1957) tôi hãy còn quá

THỂ SỰ

trẻ để nhận diện ra hết quý vị có mặt trong hình nhưng nhờ sự góp ý của vài Thầy Cô có tuổi ở Montréal, chúng tôi cũng đã ghi nhận được đa số hiện diện .

Dĩ nhiên danh sách này không bao gồm đủ mọi người trong hình cho nên chúng tôi mong đợi sự đóng góp ý kiến thêm của quý cô bác anh chị đồng hương Châu Đốc

Đặng Bình Tước
Montréal-Canada



Hàng phía sau:

- Số 1: Ông Đốc Sanh (Ba cô giáo Cúc)
- Số 2: Ông Giáo Lê Văn Thời
- Số 3: Tỉnh Trưởng Thảo (Châu Đốc hay An Giang?)
- Số 4: Ông Giáo Phúc (nhà sách Liên Hoa)

HUỖNH ÁI TÔNG

-Số 5: Cô Giáo Vẽn

Hàng phía trước:

-Số 6: Lý Bạch Mai (tiệm Lý Thắng Hưng)

-Số 7: Lý Bạch Cúc (vợ thầy Lý Hoàn Minh)

-Số 8: Châu Bạch Tuyết (tiệm Vĩnh Phước)

-Số 9: Thanh Hải (con Dì Hai Hoa-Nhà Lớn)

-Số 10: Á Hậu Trần Mỹ Hương (con ông Đốc Sung)

-Số 11: Hoa Hậu Nguyễn thị Mỹ Hạnh (con Cô Giáo Vẽn. Bửu là em của hai cô Mỹ Hạnh&Mỹ Dung)

-Số 12: Cô Ngọc Thương (Giáo Sư Thủ Khoa Nghĩa)

-Số 13: Cô Nguyễn thị Nga Mi (Giáo Sư Thủ Khoa Nghĩa)

-Số 14: Cô Đặng thị Ngọc (Giáo Sư Thủ Khoa Nghĩa)

-Số 15: Thanh Hà (chị của Thanh Hải số 9)

Tha hương ngộ cố tri



Năm 2000, tôi có đến thăm bạn bè ở Bắc Cali, từ đó đến nay đã gần mười năm rồi, cho nên trước khi nghỉ hưu, tôi lấy vé máy bay đi sang Nam Cali, từ Nam Cali lên Bắc Cali bằng xe đồ Hoàng hoặc phi cơ. Vé xe đồ Hoàng, trước kia \$70.00 xe chạy mất 7 giờ, được ngắm phong cảnh dọc đường, biết thêm đó đây. Còn đi máy bay mất chừng 1 giờ, giá vé khoảng \$100.00 . Cuối cùng tôi lấy vé máy bay vì hãng Southwest sale chỉ có \$49.00 mà thôi, tội gì phải đi xe đồ Hoàng!

Mấy hôm trước khi đi, tôi vào Trang nhà Thất Sơn Châu Đốc để lấy số điện thoại, sang Nam Cali, có dịp sẽ đi thăm họa sĩ Bảy.

Thật ra, họa sĩ Bảy và tôi có biết nhau từ hơn 50 năm trước, tôi biết anh cũng như tôi ở phố Nguyễn Hữu Cảnh, anh ở nhà thầy giáo Trần Văn Kiêm, Tri huyện danh dự, tôi ở nhà chú tôi thầy giáo Huỳnh Bá Nhệ, hai nhà cách nhau chừng 6, 7 căn phố và một con đường, anh lớn tuổi hơn tôi, nên không có học chung, cũng chưa hề trò chuyện với nhau, từ khi tôi lên Sài Gòn học năm 1956 đến giờ, tôi chưa hề gặp lại anh lần nào, có lần đọc báo hình như là Thế Giới Tự Do, người ta viết bài, giới thiệu tranh của anh, lúc đó tôi mới biết anh đã theo học Trường Mỹ Thuật Gia Định và đã thành danh là họa sĩ Bảy. Do đó gọi điện thoại chúc mừng anh, chưa chắc anh nhận biết tôi, hy vọng gặp lại anh sẽ dễ nhận ra hơn.

Khi sang Nam Cali, một hôm vào buổi trưa, tôi gọi tới họa sĩ Bảy, anh cho biết anh đang ở trường, học luyện thi Nhập quốc tịch và cho biết đến chiều mới về nhà. Khoảng 4 giờ chiều, tôi nhờ một người bạn đưa đi thăm họa sĩ Bảy.

Gặp nhau tay bắt mặt mừng, tôi nhận thấy anh không thay đổi nhiều, chỉ hơi già một chút. Tôi nghĩ nếu gặp nhau thành linh không hiểu anh có nhận ra tôi không, nhưng vì đã có gọi điện thoại tới trước để anh hướng dẫn tìm nhà, nên gặp nhau dù có quên cũng dễ nhận nhau.

Hỏi nhau mới biết, anh chị mới sang 3 năm, năm nay anh đã 76 tuổi, anh đang ở nhà của cậu con trai, cậu này trước kia vượt biên, ở trại tỵ nạn bị hồi hương, sau đó Mỹ phỏng vấn và cho đi định cư, định cư xong, anh ta mới bảo lãnh cha mẹ sang.



Huỳnh Ái Tông, họa sĩ Bảy, chị Bảy, dâu và con họa sĩ Bảy

Anh Nguyễn Bảy cho biết thêm, ở Orange County chỉ có một mình anh được chọn tranh, và tranh ấy được treo trong một năm rưỡi.

Trong khi trò chuyện, anh cho biết có Azi cũng ở Orange County, anh cho tôi số điện thoại để đi thăm, thấy trò chuyện đã lâu, tôi xin phép ra về, anh chị Bảy mời ở lại dùng cơm nhơn nhà có giỗ, nhưng tôi từ chối vì có ít thì giờ.

Sau khi rời nhà anh Bảy, tôi đi thăm một người quen là chủ hiệu Pizza Tasty gần đó, đến nơi anh ta bận làm Pizza, bận nhận order, bận chỉ dẫn người ta đi giao bánh, tôi phải chờ đến 10 phút, anh ta mới rảnh tay tiếp chuyện với tôi, thăm hỏi mới vài câu, chuông điện thoại réo gọi, anh ta và tôi phải hẹn lại khi

HUỖNH ÁI TÔNG

khác gặp nhau, sẵn đó, tôi gọi điện thoại cho Azi và hẹn sẽ tới thăm ngay (Cell: (714) 598-5750 Nhà: (714) 531-5051).

Tôi nhớ Azi, học trước tôi, hình như trên một lớp, tôi cũng không chơi chung với Azi, nhưng căn phố Azi và căn phố chú tôi chênh ch  ch nhau, như thể hồi nhỏ hàng ngày vẫn thấy nhau, sau này ở Sài g  n về thỉnh thoảng vẫn còn gặp Azi, mấy năm trước về Châu đ  c, gặp em Azi mở quán caf  , em ấy nhận ra tôi vui về chào hỏi. Năm ngo  i về thấy quán caf   không còn nữa.



T  ng v   Azi

G  p lại Azi, ch  ng tôi nhận ra ngay, hỏi thăm mới bi  t Azi c   lúc cũng kh   khăn, sau khi đi học tập về nhà bị tịch th  u, không giấy t  y th  n, không hộ khẩu, phải l  n Sài g  n buôn b  n,

rồi từ đó phát lên, anh lo cho các con đi Mỹ du học, đã lớn tuổi anh mới sang Mỹ 3 năm nay. Hỏi về người em ở Châu đốc, Azi cho biết đã mất rồi.

Trong khi nói chuyện thì rề của Azi đi làm về, anh gọi cháu ra giới thiệu, tôi được biết đó là con trai của Trần Văn Phát, cháu gọi giáo sư Huỳnh Hữu Chí là dượng, đó là cháu nội của ông chủ rạp hát Tân Việt.

Trong khi nói chuyện, tôi cho biết sẽ đi San José, Azi cho tôi số phone của đồng hương khác là Trần Tái Xuân, chủ nhân Phở An Nam và Bún Bò Huế An Nam (Cell: (408) 313-2233).

Thăm hỏi Azi một lúc khá lâu, chúng tôi chào ra về hy vọng đến Bắc Cali sẽ gặp đồng hương. Theo lời Azi, nhà của Trần Tái Xuân nằm ở góc đường Nguyễn Hữu Cảnh và con đường ngang trước mặt Bar Nam Hiệp, đó là nhà của Thầy Sung, tôi nhớ trong những người con của thầy, có người học cùng lớp Thầy Châu Văn Tính với tôi, và có đi dự Trại hè Vũng Tàu năm 1956, cùng đi với một người anh, năm đó đã học Thủ Khoa Nghĩa, anh Xuân không phải là bạn học của tôi, chắc là người anh nào đó của bạn tôi, hy vọng gặp anh Xuân sẽ hỏi thăm bạn tôi.

Khi ở San José, tôi gọi điện thoại, được anh Xuân cho biết anh đang bận đi công việc, hẹn tối gọi lại, tối tôi lại quên gọi, có hôm bạn tôi chở đi tìm Phở và Bún Bò Huế An Nam là những cửa hàng ăn do anh em anh Xuân làm chủ, tất cả có 3 cửa hàng, nằm ở hai khu vực khác nhau, cả hai nơi tôi đều không gặp anh Xuân, mấy lần gọi điện thoại, chỉ được nghe nhạc mà không có trả lời.

HUỖNH ÁI TÔNG

Châu đốc, tôi chỉ có những người bạn học, nay còn Huỳnh Bảo Toàn ở gần tôi, Hồ Văn Tri ở Maryland. Những người khác đã lâu, lâu lắm chưa hề gặp lại. Chuyến đi này, thăm được họa sĩ Bảy, Azi đúng là “*tha hương ngộ cố tri*”.

Louisville 20-6-2009

Thăm bạn

Năm ngoái tôi đến San José, cố tìm thăm anh Trần Tái Xuân chủ nhân quán Bún Bò Huế An Nam, tiếc tôi không được gặp, mặc dù tôi và anh có nói chuyện với nhau vài câu, nhưng anh đang chạy xe trên xa lộ nên không thể nói nhiều hơn. Hẹn sẽ gặp sau, nhưng rồi dịp ấy chẳng gặp nhau.

Cho nên năm nay đến San José, tôi quyết tìm cho gặp được anh, không phải vì tình nghĩa đồng hương Châu đốc, mà anh và tôi còn là bạn học thời tiểu học, tính đến nay đã trên 50 năm chúng tôi chưa gặp lại sau khi chia tay nhau từ Trại Hè toàn quốc Vũng Tàu năm 1956

Vào cuối năm học lớp Nhất, sau khi thi vào Thủ Khoa Nghĩa rồi, tôi được phần thưởng đi dự Trại Hè ở Vũng Tàu trong 3 tuần lễ, nhiều học sinh Nam Nữ Trung Học và Tiểu Học ở Châu Đốc dự Trại Hè này, một số học sinh được miễn phí, một số tham dự phải đóng trại phí 800 đồng cho ăn ở và di chuyển, tôi nhớ; Xuân và anh của Xuân cùng dự Trại Hè này.

Năm nay, tôi cũng đến quán Bún Bò Huế An Nam để mong được gặp lại anh Xuân, tôi tin rằng gặp nhau cả anh và tôi sẽ không ai nhận ra ai, bởi vì khi cùng học chung anh chừng 12, tôi 15 tuổi, trên 50 năm vật đổi sao dời, biết nhau từ tuổi trẻ đầu xanh, nay cả hai đều đã lên lão. Tôi không gặp anh ở quán ăn của anh, lại phải điện thoại hẹn gặp anh vào ngày hôm sau. Nhờ vậy hôm sau chúng tôi mới được gặp nhau.

Như đã hẹn trước, vì tôi phải tham dự một bữa tiệc họp mặt với một người bạn ở Úc sang, nên hơn 7 giờ chiều tôi mới đến gặp

HUỖNH ÁI TÔNG

anh Trần Tái Xuân tại quán ăn của anh. Gặp anh, tôi hoàn toàn không nhận ra anh, không thể nào liên tưởng anh Xuân ngày trước với anh Xuân đang ở trước mặt tôi. Mặc dù anh đang dung bữa cơm chiều với người bạn, nhưng anh cũng dành để tiếp tôi.



Anh Trần Tái Xuân và chúng tôi tại hiệu ăn Bún Bò Huế An Nam

Biết là anh không biết tôi, nên tôi phải nhắc cho anh nhớ tới lớp học của Thầy Châu Văn Tính và những người bạn học cũ như Châu Minh Quyền, Huỳnh Bảo Toàn, Lê Văn Khả, Hồ Văn Tri, Hồ Văn Phú ...và những ngày ở Trại Hè Vũng Tàu năm 1956 với Thầy Trần Văn Ngà, với bạn cùng dự Trại như Lưu Nhơn Nghĩa, Nam, Vân ...nhờ gợi nhớ đó, tuổi thơ của

THẾ SỰ

chúng tôi cùng sống đây ở mỗi buổi sáng chào cờ, những buổi tập thể dục ngoài sân trường.

Anh ân cần dặn tôi:

- Lần sau qua chơi, tới phi trường gọi cho biết, tôi ra đón về nhà tôi ở cho vui.

Thấy đã nói chuyện với anh hơi lâu, anh còn dung cơm với một người bạn hay người nhà, tôi với anh chụp một tấm ảnh kỷ niệm rồi chia tay, không quên hẹn sẽ gặp lại.

Hai hôm sau tôi bay về Nam Cali, nhớ tới hôm Tết họa sĩ Bảy gọi điện thoại chúc Tết, tôi phải nhờ người bạn đưa đến thăm anh, lần này cũng như năm ngoái, lần nào anh chỉ đường rồi cuối cùng chúng tôi cũng phải gọi điện hỏi thêm, anh còn ra đứng ngoài đường để đón.

Hôm tôi đến thăm, họa sĩ Bảy lại có hẹn với mấy người bạn đưa anh đi xem triển lãm, anh bạn đưa tôi đi lại có ít thì giờ mà muốn đưa đi thăm nhiều người, cho nên họa sĩ Bảy muốn mời tôi đi ăn sáng, do cả hai không có đủ thì giờ đành hẹn dịp khác. Anh lấy tặng cho tôi tập sách **californiacontemporaryartcollection eighthannual**, trong tập sách này có giới thiệu sơ lược về tiểu sử và thành tích của anh, cũng như có ảnh bức tranh của anh được chọn trưng bày một năm rưỡi ở Thượng Viện Tiểu Bang California.

Những ngày tôi tới Nam Cali, ở chơi nơi nhà của em giáo sư Huỳnh Hữu Chí, cùng thời gian này, co] em vợ của Huỳnh Hữu Chí là Trần Văn Phát ở Việt Nam đi du lịch sang Mỹ thăm con trai, một hôm rủ nhau cùng nhau đi ăn tối, nhờ vậy tôi lại được gặp thăm hỏi, trò chuyện với gia đình của Phát. Năm 1960, Ban

HUỖNH ÁI TÔNG

Quản Trị Tỉnh Hội Phật Học Châu Đốc nhờ tôi thành lập tại chùa Viên Quang một đơn vị Gia Đình Phật Tử Chánh Hạnh, Phát và em là Đạt có đi sinh hoạt, nhờ đó tôi biết cả hai anh em. Nói về Phát thì ít người biết nhưng nhắc tới ông thân của Phát là chủ rạp chiếu bóng Tân Việt chắc nhiều đồng hương dễ nhớ hơn.



Anh chị họa sĩ Bầy

Năm nay, ở Cali may mắn tới thăm được anh chị họa sĩ Bầy, anh Trần Tái Xuân, gặp gia đình Trần Văn Phát, nhớ tới hai tuần trước đó, vào dịp lễ Độc lập đi dự đám cưới ở Virginia, đã định dành thời giờ đi thăm gia đình Lê Quang Nhẫn và nếu thuận tiện thăm Tài, Duy ...nhưng tới 3-7-2010 gọi điện thoại mấy lần theo số của Nhẫn cho, chẳng có ai bắt máy, tự an ủi chắc nghỉ lễ đi chơi vắng nhà, hẹn thăm nhau dịp khác vậy.

HAT 25-7-2010

Tuổi thơ

Có những hôm xem truyền hình, thấy chiếu những cảnh học sinh hồn nhiên ôm cặp sách vở tới trường hay thỏ thẻ trên chiếc xe đạp, đạp về nhà. Nhà tôi bảo:

- Trông chúng hồn nhiên biết bao! Vô tư lự, không bận tâm lo nghĩ tới tương lai, thật là hạnh phúc, tuổi thơ đã đi qua lâu rồi !

Mỗi người đều có tuổi thơ của mình, không ai giống ai, Tuy nhiên không phải tuổi thơ nào cũng đẹp cả, nhưng nhờ vào những một mơ có thể đạt được ở ngày mai, cho nên ai cũng hy vọng, mà hy vọng luôn luôn đặt ở mọi điều tốt đẹp.

Lúc mới đi học vỡ lòng ở Trường Bình Mỹ, nay cũng đã trên sáu mươi năm qua rồi, học trò ba bốn mươi cô cậu, nay tôi chỉ còn nhớ có tên cô The, tóc để dài, người mảnh khảnh, nước da trắng, học trò trai chỉ còn nhớ tới trò Khải, trò Trai và trò Độ, bốn đứa chúng tôi cùng ngồi chung một bàn.

Khải con thầy giáo, trò Trai nhà kế bên trường học phía trên, trò Độ nhà kế bên trường học phía dưới, tôi ở bên kia sông, cũng có trường gần nhà, nhưng theo chú đi học.

Học được đánh vần ngược thì chiến cuộc lan tràn, Nhật chiếm đóng trường học rồi chú tôi, cùng thầy giáo bỏ trường lên ở tỉnh.

HUỖNH ÁI TÔNG

Sau cha mẹ tôi cho học tư với thầy giáo ở trường gần nhà, vài năm sau tôi thi đậu Văn Bằng Sơ Đẳng Tiểu Học ở Long Xuyên, lại ở nhà nghỉ, mấy năm sau mới lên Châu Đốc theo học lớp Nhì, lúc đó hình như Khải đã học Đệ Thất Thủ Khoa Nghĩa rồi, Trai với Độ không còn được tiếp tục học nữa.

Sau này, tôi thi đỗ vào học trường kỹ thuật, thầy tôi chán sống tỉnh lẻ xin chuyển về Sài Gòn, rồi cũng cho Khải thi vào trường kỹ thuật. Do đó Khải lại học sau tôi.

Còn Độ ở nhà quê, nổi nghiệp nhà nông, về phần Trai nhờ gia đình có tiền, mua xe đò chạy đường Long Xuyên – Châu đốc, có người anh làm tài xế, Trai theo xe góp tiền. Nghe biết thế chớ từ ngày trường đóng cửa, Trai và tôi chưa gặp lại, không rõ ngày nay Trai đã thay đổi ra sao, già thì chắc hẳn là già rồi.



Độ và tôi

THỂ SỰ

Khải lúc học cùng trường vẫn thỉnh thoảng gặp nhau, hoặc khi tôi đến nhà thăm thầy cũ, lần gặp gần đây nhất cũng đã vài năm, Khải vẫn gầy đứng sau quầy hàng bán rận bán phụ tùng xe gắn máy, cửa hàng của Khải mở bán tại nhà, gần chợ Tân Quy Đông. Sài Gòn.



Thầy Lê Văn Thọ, tôi và Khải

Độ thì cách nay vài năm, tình cờ tôi được gặp lại bên vệ đường ở quê, chúng tôi nhận ngay ra nhau mặc dầu hơn sáu mươi năm mới gặp lại, tay bắt mặt mừng. Độ trông có già đi, nhưng vẫn khỏe mạnh, nhờ có hoạt động theo mùa màng, hít thở không khí trong lành, nhất là không phải tât bật với đời sống vội vã ở thị thành trong thời đại ngày nay.

Tuổi thơ tôi đã đi qua lâu rồi, không hồn nhiên nào bằng cái hồn nhiên của cô gái 11, 12 tuổi con một ông thầy giáo làng, cô

mặc bộ bà ba trắng theo bạn ra đồng chơi, thấy tép nổi lênh bênh trên con rạch, sợ dơ quần áo bị cha mẹ rầy la, cô ta cời bỏ hết trên bờ, nhảy xuống rạch lấy rổ chặn dòng xúc tép, như năm bảy đứa trai gái khác trong xóm, nhưng đứa mặc xà lỏn, đứa mặc quần dài. thân cô ta trong như ngọc, trắng như ngà, ai dám trơ tráo mà nhìn.

Vài năm sau, thân phụ cô chuyển về dạy một trường tại quê nhà ở Long Kiến Chợ Mới. Vài chục năm sau, gặp lại nhận biết nhau đều im lặng, để lắng nghe nỗi êm đềm của con tim. Gần đây, lại được tin nhà cô ấy đã an giấc thiên thu. Cũng một kiếp người.

Nhớ tới tuổi thơ, thuở vụn đại ban đầu, có tiếc nuôi cũng không bao giờ, không bao giờ có thể níu kéo lại được. Mỗi thứ hồn nhiên có khác.

17-7-2011

Những Người Đồng Hương



Chúng ta ai cũng biết từ Đồng Hương là dùng để chỉ cho những người cùng quê hương, nhưng nói như vậy e có khi chưa trọn nghĩa, bởi vì khi nói đến đồng hương là người ta muốn nói đến chuyện tình cảm, mà từ đồng hương như một thứ keo sơn gắn bó những người xa xứ lại gần với nhau.

Năm 1953, anh tôi trốn lệnh động viên vì chiến trường Điện Biên Phủ nên chạy sang Pháp, sang đến nơi mới gửi thư về nhà báo tin. Cảm cảnh cô đơn nơi xứ lạ quê người, một hôm cha tôi nói cho tôi viết, để gửi cho anh tôi một bài thơ:

*Rúc rắc mưa đêm đổ mái nhà,
Một mình thốn thức luống vào ra.
Ngoài tường giọt nước mưa tầm tã,
Trong trướng giòng châu ước nhỏ sa.
Đế khóc dưới thềm khêu dạ khách,
Lần than trên vách gọi lòng ta
Vật còn biết cảm người đâu chẳng
Lỡ bước lưu ly chạnh xót xa.*

Những lúc như vậy, người ta cảm thấy nhớ nhà, nhớ người, nhớ cánh đồng, dòng sông, bến nước... như thể người ta cần đến đồng hương, để trò chuyện cho vui bớt nỗi niềm.

Một hôm, cần tìm tài liệu trên mạng, tôi đã tới dòng Kết nối: Đồng hương Thất sơn Châu đốc, nơi đây một tấm ảnh bán than đập vào mắt tôi, người trong ảnh trông rất quen mặt, nhưng tôi không thể nhớ là ai hay đã quen biết ở đâu, vì vậy tôi tìm kiếm bài đề đọc, té ra đó là anh Lưu Nhơn Nghĩa, hơn 50 năm trước anh và tôi đã cùng dự Trại Hè Học Sinh Toàn Quốc tại Vũng Tàu, chính xác là vào mùa Hè năm 1956, sau khi tôi đã học hết lớp Nhất trường Nam Tiểu Học Châu Đốc, đã thi vào Trung Học Thủ Khoa Nghĩa. Trại sinh ở Châu đốc gồm có học sinh Trung Học, Tiểu Học, Nam, Nữ chừng 20 cô cậu do Thầy Trần Văn Ngà hướng dẫn.

Tôi không còn nhớ được bao nhiêu kỷ niệm với các trại viên, nhưng với Lưu Nhơn Nghĩa còn ghi lại trong ký ức tôi một chuyện khó quên. Số là thời gian Trại Hè kéo dài 21 ngày, nhiều học sinh còn nhỏ tuổi, chưa từng xa gia đình nên dự trại được chừng 2 tuần có nhiều cậu nhớ nhà, một đêm kia có 2 cậu chín, mười tuổi trốn trại ra xe đò về Sài Gòn, nhưng đến chiều Cảnh sát mang hai cậu bé trả lại Trại, sau khi hai cậu đã về đến Biên Hòa, bị Cảnh sát ở đó bắt được, gửi trả lại Vũng Tàu, nên từ đó Trại cắt cử Trại sinh gác cổng, không cho Trại sinh ra khỏi trại, nếu không có phép.

Vào một buổi sáng đến phiên Vân và tôi gác cổng, Lưu Nhơn Nghĩa và một vài trại sinh khác cũng ở Châu đốc ra đứng chơi với chúng tôi, lúc đó có con chó nhỏ lông xù màu xám, chừng 1 tháng tuổi, không rõ ở đâu đến lẫn quần bên chân chúng tôi, có người lấy chân khều đùa với nó, nhưng khi Nghĩa lấy chân khều nó, nó cắn bàn chân mang giày sandale của anh ta, vết

thương ở ngón chân cái tuy không sâu nhưng cũng rướm máu, Nghĩa và chúng tôi thấy con chó nhỏ hung dữ nên xua đuổi nó đi chỗ khác. Sau đó Nghĩa vào Trại, có lẽ anh Ngà được biết chuyện nên báo cáo lại cho Ban Quản Trại, và Ban này đã quyết định đưa Nghĩa đi khám ở Bệnh viện Vũng Tàu. Tại Bệnh viện, người ta đòi mang con chó đến để họ định xem có phải nó là chó dại hay không. Vì không thể tìm ra con chó nhỏ kia, nên Nghĩa phải chịu chích 21 mũi thuốc vào bụng, mỗi ngày một mũi, chích được vài mũi thuốc thì đến ngày về, Nghĩa được gửi về bệnh viện Châu đốc để chích tiếp thuốc trị bệnh chó dại. Đó là điều nay tôi còn nhớ về Nghĩa.

Vài năm trước, trong một tập san nay tôi không còn nhớ tên tập san lần bài viết, cũng không nhớ tác giả và nội dung, chỉ nhớ trong đó tác giả có nói tới hai thầy giáo, thầy giáo Lộ ở Long Xuyên và thầy giáo Ngân ở Bình Hòa. Tôi không học ở Long Xuyên nên không nhớ đã gặp và biết thầy Lộ lúc nào, vào dịp tôi đi thi bằng Cao Đẳng Tiểu Học năm 1950 ? Năm ấy tôi mới chín tuổi, ở Long xuyên mấy ngày, chỉ nhớ phòng thi là lớp học, cột gỗ, mái lá, vách lá, giờ nghỉ đi vệ sinh phải đi qua cầu khỉ ở về phía trường Thoại Ngọc Hầu sau này, hình ảnh trường học, thầy giáo, giám thị coi thi ở trường Tiểu Học Long Xuyên nay nhặt nhòa trong trí nhớ.

May ra tôi được biết thầy Lộ vào dịp đám tang của nghĩa phụ tôi, là thầy giáo dạy Hán văn Trương Gia Mô, có con là các thầy cô giáo Trương Minh Kỳ, Trương Thị Việt Châu, Trương Thị Việt Bích, đám tang đưa về Mỹ Hiệp ở Cù lao Giêng, nhằm mùa khô nên tàu phải chạy vòng Cù lao ông Chưởng. Có nhiều thầy, cô giáo đến phúng viếng, tiễn đưa linh cữu, trong đó có cô giáo Liệp, vợ của nhà văn Nguyễn Hiến Lê, đưa nghĩa phụ tôi đến nơi an nghỉ cuối cùng. Có lẽ tôi được biết thầy Lộ

vào dịp này, lúc đó Thầy ngoài năm mươi, người vạm vỡ, nước da bánh mật.

Còn thầy giáo Ngân vào năm 1954, sau khi cha tôi mất vài tháng, thầy giáo Ngân ở Bình Hòa (Mặc Cần Dung), đến nhà tôi nài mua 2 con dê, để nuôi lấy sữa uống. Thầy giáo Ngân dáng người gầy, cao trung bình, nhà thầy ở bên kia rạch đối diện với chùa ông đạo Cây, xóm nhà lâu. Vì trong truyện tác giả viết về thầy giáo Ngân làm cho tôi nhớ tới Đồi Tân cũng ở Bình Hòa.

Tết năm 1958, ở Sài Gòn về quê ăn Tết, có thầy giáo Nguyễn Tấn Phát nhà ở ngay tại chợ Bình Hòa, lên dạy ở Trường Bình Thủy, có ai đó giới thiệu anh ở trọ nhà tôi để đi dạy gần trường. Mồng Một Tết, anh lên nhà tôi chúc Tết rồi rủ tôi đi Long xuyên chơi, đêm đó về nhà anh ngủ, sáng ra chúng tôi đi ăn sáng, lúc tản bộ anh gặp người quen ngoài 30 tuổi, giới thiệu tôi là học sinh ở Sài Gòn về chơi và anh Phát cũng giới thiệu cho tôi biết người tôi được giới thiệu là chủ nhân hãng gạch Đồi Tân, chúng tôi chào nhau, rồi anh thân thiện móc bóp đưa cho tôi một carte-visite, tôi mới biết anh ta là Nguyễn Tấn Đồi, anh nói với tôi:

- Về Sài Gòn hôm nào rảnh ghé nhà tôi chơi.

Rồi chúng tôi chia tay, vì anh và tôi tuổi tác chênh lệch, thế hệ nọ với thế hệ kia, thành ra tôi không có đến thăm anh lần nào hết, mặc dù tôi có biết những cơ sở thương mại của anh như hãng gạch Đồi Tân, khách sạn Tân Lộc, Đại khách sạn ở đường Trần Hưng Đạo, Tín Nghĩa Ngân Hàng.

Khoảng năm 1974, trường chúng tôi có dạy con của anh Nguyễn Chánh Lý, nên anh mời bốn năm giáo sư thân tình với

em của anh cũng là giáo sư dạy cùng trường, đi ăn ở nhà hàng nổi Ngân Đình ở bến tàu Sài Gòn. Anh Nguyễn Chánh Lý nguyên là Tổng Giám Đốc Kỹ Thương Ngân Hàng (Ngân hàng của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa) ở đường Nguyễn Huệ, sau bị áp lực của Mỹ nên đóng cửa, anh Nguyễn Chánh Lý về làm Tổng Giám Đốc Mê Kông Ngân Hàng ở đường Hàm Nghi. Trong bữa ăn, anh Lý đã nhắc đến Nguyễn Tấn Đồi với lời ca ngợi của anh về công việc thương mại và tư cách của Đồi Tân.

Chẳng hạn như khi ra tranh cử Dân biểu ở Đơn vị Rạch giá, Đồi Tân xuống Rạch giá, tìm đến những vị lãnh đạo tôn giáo: Thiên chúa giáo, Phật giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài yêu cầu quý vị ấy hãy vận động cho giáo dân, tín đồ bỏ phiếu cho Đồi Tân, số phiếu dồn cho Đồi Tân trong khu vực ảnh hưởng của quý vị ấy sẽ được trả bằng tiền theo lũy tiến, sau đó Đồi Tân về Sài Gòn tuyên bố trước khi bầu phiếu là sẽ đắc cử, và Đồi Tân đã đắc cử thật như cách mua phiếu anh ta đã tính.

Nhưng về xử thế ở đời, Đồi Tân không như những người giàu có, quyền thế khác, như anh ta có nhờ một giáo sư đến tư gia dạy Anh văn. Khi giáo sư đến, chính Đồi Tân đích thân ra mở cổng đón thầy và khi hết giờ giáo sư ra về, cũng chính Đồi Tân đích thân đưa thầy ra về và đóng cổng lại.

Còn anh kể tôi, có làm nhà máy xay lúa công suất nhỏ, anh tôi có nhà máy ở Long Xuyên, ở Rạch giá. Một lần tôi nghe anh kể với lời lẽ rất thần phục Đồi Tân, số là đến 30 tháng 4 năm 1975, Đồi Tân mới ra khỏi nhà tù, về nhà mọi người đã di tản, anh chạy xuống Rạch giá để tìm đường ra ngoại quốc, đến Rạch giá, anh biết có một số Sĩ quan cấp cao, một số thương gia giàu sụ đang tìm đường đi, anh cho người thân tín đi tìm những vị ấy, đề nghị họ chỉ ra một số tiền, vàng để Đồi Tân mua tàu vượt biên, nhiều người đã chi tiền, vàng cho Đồi Tân,

HUỲNH ÁI TÔNG

anh đã giúp họ và nhờ họ, từ tay trắng anh đã bật dậy với một số vốn lớn, có lẽ đó là thương vụ sau cùng của anh ở Việt Nam.

Từ Lưu Nhơn Nghĩa cho đến Nguyễn Tấn Đồi đều là đồng hương của tôi, kẻ ở Xà Tón, người ở Mặc Cần Dung, kẻ viết văn người làm thương mại, họ góp cho đời thêm một chút sắc màu trong bức tranh xã hội, nay họ đã lìa xa chốn trần lao cát bụi này, nhưng vẫn còn để lại cho đời đôi chút tiếng tăm, để lại trong tôi một chút gì kỷ niệm của tuổi thiếu thời.

Huỳnh Ái Tông
Louisville, 5-3-2008

Những người bạn học

*

Tôi về đến Sài Gòn ngày Thứ Tư 18-11-2009, sáng hôm sau, tôi ghé thăm Trần Xuân Minh, vì chỉ có Minh là người dễ tìm trong số bạn học cũ tại Sài Gòn, do anh Minh có cửa hàng đóng sách mạ chữ vàng, ở mặt tiền số 720 Điện Biên Phủ Phường 10, Quận 10.

Khi tôi đến, anh Minh vừa tiếp một người khách, một ông khách già bải buôi, khi ông ta ra về, anh Minh giới thiệu tôi là bạn, ông khách vui vẻ nói ông thích sưu tầm thơ và đóng lại để dành cho cháu con sau này, dù chưa quen với tôi nhưng ông nói chuyện không muốn dứt.

Bất tay chào khách rồi, tôi định kéo ghế ngồi, Trần Xuân Minh ngăn lại nói ngay:

- Lâu ngày rồi, ra ngồi ghé via hè để nhớ lại thuở xưa!

Thế là anh Minh và tôi kéo nhau ra ngồi quán cà-phê ngay cạnh hẻm nhà anh. Chúng tôi kéo ghế ngồi, cùng gọi cà-phê sữa đá, khi người bán pha cho chúng tôi xong đem ra đặt hai ly cà-phê sữa đá trên chiếc bàn nhôm nhỏ ọp ẹp. Tôi bắt đầu quây cho đá tan vào cà-phê, bỗng dưng anh Minh nói chi tôi nghe không kịp, anh cầm hai cái ly đi trở vào nhà, chúng tôi ngồi vào chỗ anh vẫn thường làm việc, tiếp khách.

Trần Xuân Minh kể cho tôi nghe Lê Tuấn Anh, Đặng Ngọc Lợi đã về Việt Nam. Anh Lợi có học chung với tôi, còn Lê Tuấn Anh và Trần Xuân Minh đều không học chung, nhưng tất cả vào Đề thất cùng lúc, năm đó trên 250 học sinh học chung nhau

HUỖNH ÁI TÔNG

trong một khu Trường nhỏ nên dễ quen biết nhau. Anh kể lại khi đi thăm Hồ Ngọc Thu gần đây do chúng tôi vận động một số anh em ở hải ngoại giúp Hồ Ngọc Thu.

Anh Minh hỏi tôi chừng nào đi về Mỹ, tôi cho anh biết vào cuối tháng 12, anh nói:

- Vậy để tôi tổ chức tất niên năm nay sớm có Đặng Ngọc Lợi, Lê Tuấn Anh và Tông, đông đủ anh em sẽ vui hơn.

Tôi đáp:

- Tôi rất mong được như vậy nhưng có quá sớm không ?

Trước khi ra về, tôi xin anh Minh cho tôi số điện thoại của Hồ Ngọc Điền, Huỳnh Hữu Lộc, Nguyễn Đức Lộc, anh Minh bấm Cellphone rồi cho tôi ba số điện thoại của ba bạn trên.

Đến chiều tối, tôi mới gọi cho Hồ Ngọc Điền, nhận ra tôi, Điền nói:

- Tao đang dự Ngày Nhà Giáo với các em học trò, vậy 8 giờ sáng mai, gặp ở nhà tao nghe! Tao sẽ gọi cho Nguyễn Đức Lộc tới chơi.

Tôi nhớ mình đã có đến nhà Điền một lần cách nay hai hay ba năm, bây giờ không chắc còn nhớ. Điền cho biết sẽ gọi Nguyễn Đức Lộc tới chơi, Lộc cùng học Sư Phạm ban Kỹ Nghệ Họa với tôi, ngày tôi cưới vợ, Lộc và Đức làm phù rể, ngày Lộc cưới vợ, chúng tôi có đi dự đám cưới ở trên chợ Dĩ An, quê của Lộc.

Khi tôi gọi điện thoại cho Nguyễn Đức Lộc, Lộc lấy làm lạ sao lâu ngày, hôm nay bỗng dưng tôi tìm ra gọi tới, tôi cho biết Điền sẽ gọi Lộc để hẹn ngày mai gặp tôi, Lộc xin lỗi sẽ gặp sau vì ngày mai có mấy việc phải giải quyết.

Tôi gọi đến Huỳnh Hữu Lộc, mấy chục năm rồi nhưng nghe giọng Lộc vẫn không thay đổi, sau khi nghe tôi xưng danh tánh, đương nhiên là Lộc nhớ và sử dụng ngay ngôn ngữ của dân kỹ thuật Cao Thắng chúng tôi. Lộc nói:

- Ê Tông để tao liên lạc với Trần Xuân Minh hẹn anh em gặp mấy một bữa nghe, mấy chục năm rồi anh em mình mới gặp lại.

- Rất tốt. Vậy đi nghe Lộc!

Tôi nhớ, ai đó đã cho tôi địa chỉ của Lộc, nhà ở trên đường Điện Biên Phủ nổi dài, bên Thị Nghè, tôi muốn khi nào có dịp đi ngang, ghé thăm Lộc.

Tôi hỏi:

- Lộc! Cho tao địa chỉ mấy, hôm nào thuận tiện tao ghé thăm chơi.

- Nhưng mày phải gọi cho tao trước 30 phút nghe.

Tôi chợt nhớ ra, bạn bè có cho biết Lộc làm ăn lớn, có xe cơ giới cho thuê, nay lại thêm công tác dọn cù cho các cao ốc, cầu đường, cho nên muốn gặp Lộc hẹn trước là phải, như vậy tôi đã có số điện thoại của Lộc, không cần xin địa chỉ, lúc nào tiện muốn ghé thăm sẽ gọi điện thoại sau.

Nhe Trần Xuân Minh kể lại thì Lộc thường giúp đỡ an hem khi hoạn nạn, mới đây đi thăm Hồ Ngọc Thu, anh em ghé qua Lộc gửi giúp một triệu. Trần Xuân Minh thấy Nguyễn Đắc Thận khó khăn giới thiệu nhờ giúp đỡ, Lộc đã nhận Thận vào làm việc cho công ty của mình.

Ngày 19-11, Điền gọi cho tôi, hỏi tôi đi chưa, tôi cho biết chưa đi, yêu cầu Điền cho tôi địa chỉ, rồi tôi chạy Honda tìm nhà

Diễn, tôi nhận ra nhà Diễn nhưng không thấy số nhà và nhà trước kia bán sữa, nay nhà ấy bán quần áo trẻ em, tôi phải hỏi thăm một người gần đó, họ cho biết đúng là nhà Diễn nay bán quần áo trẻ em.

Tôi bấm chuông, người nhà Diễn đến cửa kiếng, không mở cửa, tôi hỏi có Diễn ở nhà không, cô ta trả lời, tôi không nghe rõ, hỏi lại lần thứ hai, tôi nghe tiếng được tiếng mất là Diễn vừa mới đi, nhìn đồng hồ tay mới 8 giờ 5 phút, tôi nghĩ sao anh chàng này không chờ đợi mình lại đi đâu hay là tới nhà Nguyễn Xuân Thới, vì khi điện thoại lúc nãy, tôi nhớ Thới ở Cư Xá Phú Lâm, tôi có bảo Diễn gọi Thới tới chơi. Tôi đợi chừng 5 phút sau, thấy Diễn chạy xe về, hỏi tôi đến lâu chưa. Rồi Diễn cùng tôi chạy qua 2, 3 con đường tới cà-phê Tùng, chỗ ngồi lịch sự, ấm cúng.

Chúng tôi đến một chút thì Đình Bá Phát chở Đặng Ngọc Lợi tới, cả ba chúng tôi trên bốn mươi năm mới gặp lại, Lợi có học chung với tôi nhưng Phát thì không, nhưng Phát cho biết vẫn nhận ra tôi không thay đổi mấy. Chúng tôi vui quá vui hỏi thăm nhau đủ thứ chuyện, nhắc tới nào là Nguyễn Công Mạnh, Huỳnh Ngọc Diệp, Nguyễn Thanh Tâm tức Tâm Billard, Nguyễn Giự Hùng, Nguyễn Kim Biên, Châu Viễn, Võ Duy Khiết, Vũ Đình Dân, Hoàng Thanh...

Thầy thì không quên nhắc tới Lý Kim Chân, Phan Hữu Tạt, Vũ Mộng Hà, Cù An Hưng, Đạm Quang, Trần Thế Can, Nguyễn Bá Nhân và cũng không quên Hiệu Trưởng Cao Thanh Đánh.

Những người bạn đã vĩnh viễn rời xa như Phạm Văn Tài, Lý Thất, Võ Đông Sơ, Nguyễn Ngọc Trung ...

THỂ SỰ

Rồi cô Loan, cô Trinh, cô Thủy bạn tập Thể Dục dưỡng sinh với Diễm, Thới ở Công Viên Phú Lâm tới chơi, trang điểm cho bàn cà phê có mấy cánh hoa hồng.

Diễm gọi điện thoại cho Lê Tuấn Anh đang ở đâu ngoài Quảng Trị, nơi tổ ấm của chàng, rồi điện thoại chuyển tay nhau nói chuyện với Tuấn Anh. Diễm cũng gọi cho Nguyễn Đức Lộc và Nguyễn Xuân Thới, cả hai anh chàng đều xin lỗi tôi vì có việc không thể tới hôm nay.

Vậy mà hơn 10 giờ, Thới cũng ráng tới, rồi Đinh Bá Phát chở Đặng Ngọc Lợi về sớm, Thới mời tôi đi ăn cơm chay, thế là chúng tôi tới một quán cơm chay bình dân, ăn cơm đĩa, uống trà đá, nhưng thức ăn rất ngon miệng.



Đinh Bá Phát, Đặng Ngọc Lợi, Nguyễn Xuân Thới, Hồ Ngọc Diễm, Huỳnh. Ái Tông

HUỖNH ÁI TÔNG

Thới có mời tôi tới nhà chơi, nhưng thấy đã trưa, tôi xin phép để khi khác và theo Diên ra về.

Tuy gặp nhau có vài anh em, dù có người không học chung lớp nhưng tình nghĩa rất đậm đà, thân thiết, tuổi học trò tuy đã đi qua quá lâu rồi, nhưng biết bao kỷ niệm chung, đã làm cho chúng tôi vẫn mãi thân thiết nhau. Thới còn hẹn sẽ cho tôi mượn mấy tấm ảnh cũ, có cả ảnh diễn hành trong sân Tao Đàn. Kỷ niệm còn đó, khó mà quên cho được lúc tuổi già này, chẳng còn mấy tháng nữa đã tới tuổi 70!

Ngày 19-11-2009

Nhớ về Sài Gòn



Mấy hôm trước nhiệt độ chỉ 6 hay 7°F, không khí khô ráo, hôm nay trời không lạnh lắm nhiệt độ chỉ 25°F, tương đương với – 4°C, ngoài trời tuyết rơi từ đêm chừng 3 inches, có thể kéo dài lên đến 5 hay 6 inches, tuyết đủ phủ kín mái nhà, mặt lộ. Không thấy ánh mặt trời, trông thấy những cây trơ trụi lá,

HUỲNH ÁI TÔNG

giương những cành khẳng khiu, làm cho phong cảnh trở nên
đìu hiu buồn dịu vợi.

Con đường trước nhà không một chiếc xe chạy qua, vắng ngắt,
những bông tuyết nhẹ vẫn tiếp tục lả tả rơi.



Ngày 7-1-2010

Phía sau nhà, những cây thông vẫn xanh đang hứng chịu tuyết
bám vào lá, chen lẫn với những cây phong trụi lá hứng tuyết
trên cành.

THỂ SỰ



Sáng nay không đi tập thể dục được, lạnh thì ít mà lười thì nhiều vì tuyết trên đường đe dọa sự an toàn khi lái xe, đành ở nhà nhìn cảnh vật. Cảnh vật tịch mịch yên vắng, gợi nhớ những ngày ở Sài Gòn hôm nào, khi đi chùa lễ Phật, khi đi ăn cùng gia đình, gặp lại bạn bè, các em học sinh cũ.



Trần Đình Hùng và tôi ở Cà-phê vỉa hè

HUỲNH ÁI TÔNG



Ngày 4-12-2009: Đặt nhà hàng cho ngày Tất Niên
Từ trái qua phải: Huỳnh Ái Tông, Trần Xuân Minh, Cao
Thọ An, Nguyễn Minh Chiêu

Ăn Gạo Lứt Muối Mè

Nói đến ăn “Gạo Lứt Muối Mè”, đương nhiên là nói đến phương pháp dưỡng sinh của Ohsawa. Cho nên tưởng cũng cần biết sơ lược về Ohsawa và phương pháp dưỡng sinh của ông, trước khi bàn về “Ăn gạo lứt muối mè” của chúng ta.

Ohsawa người Nhật, tên thật là Nyoiti Sakurazawa, sinh ngày 18-11-1893 tại Kyoto, ông bẩm sinh ốm yếu lúc còn bé, mẹ và 3 em đều lần lượt chết về bệnh lao. Năm 16 tuổi, đến lượt ông mắc bệnh ho lao và viêm loét dạ dày, thời đó bệnh viện không chữa được, ông đến sống ở một Thiền viện, nhờ ăn uống phải phép mà lành bệnh. Từ đó ông quyết tâm hy sinh cả cuộc đời

để nghiên cứu về Dịch lý và Đông y, truyền bá phương pháp Âm Dương có công năng cải tạo sinh lực, tăng tuổi thọ và chữa lành bệnh tật. Ông thường nhắc đi nhắc lại: “Phương pháp ăn uống theo dịch lý Âm Dương không phải do ông phát minh mà chính nó có sẵn trong nền Đông y nguyên thủy từ trên 5,000 năm rồi”. Đó là nguồn gốc của phương pháp ăn gạo lứt muối mè, cũng được gọi là “Phương pháp Tân dưỡng sinh của Ohsawa”. Còn quê hương của gạo lứt chính là Việt Nam, một dân tộc định cư đầu tiên trên thế giới đã trồng lúa nước từ 7, 8 ngàn năm trước, điều này cho chúng ta hạnh diện vì chúng ta là Lạc Việt văn minh nhất của Bách Việt, vượt hẳn Hán tộc của Trung Hoa ngày nay.

Căn cứ theo Dịch lý và Sinh vật học, Giáo sư Ohsawa khám phá rằng con người là một giống ăn cỏ loại, không phải ăn thịt mà cũng không phải ăn rau quả, nên thực phẩm lý tưởng của con người đại thể là 80% cỏ loại và 20% rau quả khác xào với muối biển và dầu thảo mộc. Các loại rau cỏ không nên trồng bằng phân hóa học, không phun thuốc sát trùng. Cỏ loại phải hoàn toàn lứt, nghĩa là chỉ xay bỏ cái vỏ cứng, còn phần bên trong của hạt phải giữ nguyên, không được chà xát làm mất cám của nó.

Theo sự nghiên cứu của giáo sư Ohsawa thì thức ăn, nước uống có tính Âm, Dương, người bình thường phải ăn, uống theo tỷ lệ Âm Dương bằng 5. Theo tính chất của thức phẩm có thể định một cách khái quát tùy theo lượng Potassium (K) đối với lượng sodium (Na) chứa trong đó. Dùng thực phẩm thích hợp nhất để giữ tỷ số tương ứng $K/Na = 5$

Sau đây là một vài loại thực phẩm phân loại theo Âm, Dương của giáo sư Ohsawa:

THỂ SỰ

Âm (-)

Ngô (bắp) (- -)
Nếp, bo bo (-)

Khoai tây (- - -)
Sắn, khoai lang (- -)

Cà pháo, cà chua (- - -)
Dưa chuột, giá (- - -)
Rau muống (- -)

Bầu, bí đao (- -)
Su hào (-)
(laitue) (+)

Dứa, xoài, bưởi, chuối chín (- - -)
Nho, chanh, nhãn, ổi, chôm chôm (- -)

Ốc, ếch, bò, lợn, ngựa (- -)
Gà giò (-)
Cừu (-)

Hàu, sò, lươn (-)
Mực, tôm hùm (-)
Cá chép (-)

Sữa chua, kem (- - -)
Sữa bò (- -)

Dầu dừa, dầu đậu nành (- -)
Dầu olive, hướng dương (-)

Dương (+)

Gạo đỏ (+ +)
Gạo trắng (+)

Hạt sen (+ +)
Đậu đỏ (+)

Bí đỏ (+ +)
Cà rốt (+ +)
Củ cải trắng (+)

Kiệu, hành (+)
Tàng ô, rau diếp mỡ

Táo tây, táo ta (+ +)
Mít, dâu tây (+)

Trĩ (+ + +)
Trứng (+ +)
Vịt, gà tây (+)

Trứng cá (+ +)
Tôm, tép (+)
Cá mòi, cá hồi (+)

Sữa dê (+ +)
Phó mát (+)

Dầu mè (+)
Dầu égoma (+)

HUỖNH ÁI TÔNG

Gừng, Ớt (- - -)	Muối biển, quế (+ + +)
Tiêu (- -)	Nghệ (+ +)
Bạc hà, tỏi (-)	Ngò (+)
Trà nhuộm màu, cà phê, rượu (- - -)	Sâm (+ + +)
Nước ngọt, nước cam (- - -)	Trà Bồ công anh (+ +)
Rượu đế, bia, nước chanh (- -)	Chè lá (+)
Sô đa, bạc hà (-)	Cà phê gạo lứt (+)
Đường hóa học (- - -)	Nước mắm nguyên
chất (+ + +)	
Dấm, nước đá (- - -)	Tương lâu năm (+ +)
Mật ong, đường phèn (- -)	Dưa cải trường, xì dầu
-	nguyên chất (+)

Đó là sự phân chia đại cương, khi nấu nướng tùy theo lửa nhiều ít, thời gian lâu mau, sự tổng hợp các thức ăn, có thể làm biến chất, thay đổi tính Âm, Dương phần nào, cho nên không thể khẳng định hoàn toàn chính xác.

Mười phép ăn uống, tính theo tỉ lệ quân bình Âm, Dương của giáo sư Ohsawa:

1.- Không ăn uống các thức gì do kỹ nghệ sản xuất như đường, nước ngọt, thức ăn nhuộm hóa chất, trứng không có trống, những thức ăn đóng hộp, đóng chai, rượu, cà phê

2.- Sức khỏe tăng dần với sự áp dụng ăn uống theo nguyên lý Âm Dương chúng ta có thể ăn theo cách số 1, 2, 3 một cách thận trọng, tốt hơn hết là ăn uống theo cách số 6 trở lên lâu chừng nào tốt chừng nấy. Nếu sức khỏe không khả quan, ăn theo cách số 7 thì kết quả rất mỹ mãn.

THỂ SỰ

3.- Không ăn rau quả bón bằng phân hóa học, hoặc phun thuốc trừ sâu.

4.- Không ăn những thức ăn ở nơi xa đưa lại (trên 50 km cách chỗ mình đang ở) nhất là thức ăn đóng hộp.

5.- Không ăn rau quả trái mùa.

6.- Tuyệt đối không ăn những thức ăn cực âm như: khoai lang, khoai tây, cà chua, cà dài, cà dĩa. Phương ngôn chúng ta có câu: “Một quả cà bằng ba chén thuốc”.

7.- Không ăn các chất gia vị hóa học. Nên dùng muối biển thiên nhiên. Muối mỏ thường không được tốt vì bị pha lẫn các khoáng chất khác có trong đất.

8.- Tuyệt đối không uống cà phê, không uống các thứ trà nhuộm màu hóa học dễ bị ung thư, chỉ uống trà thiên nhiên không bào chế, lá càng già càng tốt.

9.- Muốn ăn cho chóng lành bệnh thì tuyệt đối không được dùng thực phẩm động vật, nhất là những thức ăn động vật được pha chế với hóa chất.

10.- Tuyệt đối đình chỉ mọi việc dùng thuốc men trong thời gian chữa bệnh bằng phương pháp ăn dưỡng sinh.

Ăn Gạo Lứt Muối Mè theo phương pháp Tân Dưỡng Sinh của Ohsawa để trị bệnh rất khó ăn. Khoảng năm 1988, tôi hay bị nhức đầu, sổ mũi, ai biết cũng cho là tôi bị viêm xoan, tôi đi bệnh viện Nguyễn Trãi ở đường Nguyễn Trãi Chợ Lớn, các bác sĩ khám chụp X quang và cho rằng tôi bị Vẹo vách ngăn, nên đã dùng phẫu thuật để chữa trị. Trong thời gian nằm dưỡng

bệnh khu Tai Mũi Họng, những người bệnh bị viêm xoang cho rằng có mổ rồi một thời gian cũng bị lại, có người cho rằng dùng phương pháp Tân Dưỡng Sinh của Ohsawa trị thì lành bệnh.

Sau khi mổ để chữa vách ngăn, tôi vẫn bị nhức đầu, sổ mũi phải vào bệnh viện rửa mũi mấy lần, lần sau cùng tôi đi khám, bác sĩ bảo tôi nhập viện để mổ ngay. Tôi nhớ những bệnh nhân đã nói với tôi có mổ cũng không trị dứt được, tôi phải thối thác với bác sĩ bệnh viện là:”- Tôi chỉ đi khám bệnh, nếu nhập viện ngay bây giờ, ở nhà cũng như ở sở làm không thấy tôi về, tưởng là tôi bị tai nạn, họ sẽ cuống cuống đi tìm kiếm, phiền phức lắm, xin cho tôi hẹn lại ngày mai.” Nghe nói có lý, bác sĩ cho tôi về, dặn mai trở lại. Còn phần tôi thì “mai ăn khỏi trả tiền”, từ đó tôi không trở lại bệnh viện Nguyễn Trãi để khám bệnh viêm xoan nữa.

Tôi bắt đầu ăn uống theo phương pháp Ohsawa, trước tiên tôi đi mua một quyển sách viết về phương pháp Ohsawa, tôi nhớ đó là quyển sách được tái bản sau 1975, bìa màu xanh lá cây, có ảnh bán thân của giáo sư Ohsawa, khoảng ngoài 60 tuổi, tựa sách là Phương Pháp Tân Dưỡng Sinh của Ohsawa, tôi không nhớ tác giả, cuối sách có in thêm vài địa chỉ bán thực phẩm Tân Dưỡng Sinh, tôi đi tìm, may quá, trên đường Điện Biên Phủ nổi dài bên Thị Nghè có một cửa hàng nho nhỏ, bán gạo lứt, muối mè, cũng có bán một quyển sách mỏng tựa “Gạo Lứt Muối Mè”, tôi không nhớ tên tác giả, tôi áp dụng ăn triệt để theo phương pháp Ohsawa ít ra cũng chừng ba tháng, kết quả hơi sụt cân một ít, nhưng viêm xoan chỉ bớt lúc đó, sau vẫn bị lại.

Mặc dù tôi ăn chay đã gần 10 năm, nhưng ăn triệt để theo phương pháp Ohsawa còn khó gấp 10 lần ăn chay!

Cho phép tôi nói thêm, khi qua Mỹ, tôi đi khám bác sĩ Cohen là một bác sĩ có tiếng ở khu vực tôi định cư, tôi khai bệnh ông ta nói với tôi: “Triệu chứng như ông là bị dị ứng, người ta ở hai bờ sông Ohio hầu hết đều bị như vậy!” Ông ta không cho toa để tôi mua thuốc, có lẽ ông ta nghĩ rằng tôi chỉ cần ra nhà thuốc, mua thuốc dị ứng Benadril uống mà thôi.

Mãi gần 10 năm sau, chứng nhức đầu, sổ mũi, mũi không ngửi được mùi vị làm tôi khó chịu, tôi đi khám và khai bệnh với bác sĩ gia đình, tôi cho ông ta biết bác sĩ ở Việt Nam định giải phẫu để trị viêm xoan cho tôi, ông ta cho lấy hẹn để tôi đi bệnh viện, ở bệnh viện họ chụp X quang, khám tai, khám mũi, khám mắt rồi cho tôi uống thuốc tạm, hẹn 10 ngày sau trở lại.

Khi tái khám, bác sĩ cho biết tôi không bị viêm xoan, chỉ bị dị ứng, ông ta cho tôi uống trụ sinh 10 ngày đồng thời ông Claritine 1 tháng và dặn khỏi trở lại tái khám. Kể từ đó, tôi ngửi được mùi vị lại, sau hơn 10 năm mũi tôi không cảm giác mùi.

Gần đây có nhiều người ăn gạo lứt muối mè, dĩ nhiên là rất khó ăn bởi vì chúng ta quen ăn cao lương mỹ vị, bởi vì chúng ta quen ăn cay, đắng, ngọt, bùi, cho nên gạo lứt muối mè không hương vị, lại phải nhai đi nhai lại nhai cho đến khi nó trở nên ngọt của tinh bột! Nấu nó cũng là một thứ cầu kỳ, phải ngâm trước, phải nấu với nồi đất không được dùng dụng cụ kim loại để nấu hay để khuấy trộn, nấu phải để lửa vừa phải kéo dài thời gian

Cho nên người ta chế ra cách nấu thế này, cách nấu thế kia, để cho dễ ăn, để đừng có chán ngấy với gạo lứt muối mè, nhưng dầu có chế biến cách nào, ăn gạo lứt muối mè triệt để hay có cách tân dầu rằng không đúng với phương pháp của Ohsawa,

vẫn có rất nhiều lợi ích, bởi vì nếu chúng ta đã đọc bài “Về Việt Nam Ăn Gì ?” của Tuấn Linh, một bài viết phân tích tỉ mỉ về sự độc hại của thực phẩm.(1) Thì chúng ta thấy rằng, ăn gì chúng ta cũng đưa “hóa chất độc hại” hoặc nói khác hơn là “Thuốc Độc” vào thể xác chúng ta, hàm lượng ngày một tăng dần, cho đến lúc nào đó, hàm lượng độc đủ tác hại, chúng ta người sẽ bị bệnh này, kẻ bị bệnh kia, nào tai biến mạch máu não, nào nhồi máu cơ tim, nặng về với ông bà, sơ sơ bại liệt hoặc nằm một chỗ. Đừng nói là ở Việt Nam mà ngay trên đất Mỹ này, nào là thức ăn Á Châu nhập, nào là thức ăn trồng ở Mỹ đều ở xa mang đến, đều dùng đến phân bón là hóa chất độc không nên ăn.

Ăn gạo lứt muối mè là chúng ta ngừa tránh đưa nhiều độc tố vào xác thể chúng ta, ngăn ngừa bệnh tật, tăng cường sức khỏe và kéo dài tuổi thọ. Cho nên rất đáng ca ngợi những ai đã ăn Gạo Lứt Muối Mè, ca ngợi những ai phổ biến phương pháp nấu, phương pháp ăn bằng cách này hay cách khác bởi vì nó đều mang lại lợi ích cho người khác khi áp dụng phương pháp này.

Phúc Trung
27-12-2008

Đồng cảm

Năm 1998, nhân dịp tôi sang Cali chơi, Trường Ngô Mạnh Thu ở khu Little Sài Gòn, ngờ ý muốn tôi đi thăm anh Bùi Thế San, anh bị tai biến mạch máu não đã vài năm, anh không đi lại được. Vì vậy, tôi thấy cần phải đi thăm bạn hơn là đi chơi ở những chỗ khác.

Từ khu Little Sài Gòn, chúng tôi đi mất đến bốn mươi lăm phút mới tới khu chung cư anh San ở Los Angeles. Sau khi đậu xe xong, chúng tôi bước ra ngoài, Trương Ngô Mạnh Thu nói với tôi:

- Cậu chờ ta “hát một phút”.

Tôi đứng lại xem anh làm chi, té ra anh móc túi lấy bao thuốc lá, rút ra một điếu rồi bật lửa hút, đó là “hút một phút”, trong khi chờ đợi, chúng tôi nhắc lại những kỷ niệm với anh San. Trước kia anh San với một người anh ruột là Bùi Chiến Hải, trình diễn vũ khúc “Trần Thủ Lưu Đồn”, ở rạp hát Thống Nhất Sài Gòn, ở trên đồn điền cao su Lộc Ninh và ở rạp hát Biên Hùng, Biên Hòa, nơi Gia Đình Giác Minh tổ chức trình diễn văn nghệ. Vũ khúc do hai anh em anh trình diễn, ở đâu cũng được khán giả vỗ tay, nhiệt liệt ngợi khen.

Sau khi Trương Thu dụi tàn điếu thuốc, chúng tôi đi lên lầu một để vào thăm anh San, anh ở căn chung cư không được rộng lắm, trong nhà chỉ có hai vợ chồng, nghe gõ cửa, chị vợ mở cửa chào và mời chúng tôi vào. Vào nhà, tôi quan sát thấy trong phòng khách ở một góc kê chiếc giường nhỏ, trên chiếc giường ấy treo một chiếc võng, anh San nằm trên chiếc võng đó. Thấy chúng tôi vào, anh nói:

- Chào các cậu! Cho phép tớ nằm đây tiếp chuyện nhé! Tớ không thể đi được. Mời các cậu ngồi. Chị San sau khi chào hỏi chúng tôi, chị vào bếp thông với phòng khách, xẻ dưa hấu để đãi khách..

Thế là chúng tôi hỏi thăm nhau về sức khỏe, bệnh tình của anh San từ lúc khởi đầu, trải những năm qua, anh cho biết sơ lược và kết luận bệnh tình hiện ổn định. Rồi chúng tôi nhắc lại chuyện xưa, những chuyến đi trình diễn, đi sinh hoạt ... Chúng tôi ở chơi với nhau gần hai tiếng mới từ giả ra về.

Tưởng cũng nên nói thêm, khi sinh hoạt trong Đoàn La Hầu La ở Giác Minh, anh San đi học khóa giáo Học Bồ Tát ban đêm ở Trường Đại Học Sư Phạm. Năm 1960, sau khi tôi từ chức Liên Đoàn Trưởng Giác Minh, anh San thay tôi đảm nhiệm chức vụ này chừng một năm, rồi anh tốt nghiệp khóa Sư phạm, anh được bổ làm giáo sư, dạy một Trường Trung Học nào đó nên đã nghỉ sinh hoạt từ đó. Trưởng San còn có cô em gái là Bùi Thanh Vân, sinh hoạt ở đoàn Thiếu Nữ Giác Minh, cùng thời với Trà, Yến, Nga (chị của Châu, Nam Oanh Vũ), Nguyệt..., sau thời của Chị Ngân, Dung, Thọ, Mạnh, Hòa, Bầy

Sau này, tôi có sang Cali chơi nhưng Trưởng Ngô Mạnh Thu đã mất, muốn đi thăm bạn, nhưng không có ai đưa đi.

Gần đây, chị San tham gia vào Nhóm thư điện tử của Ái Hữu Vĩnh Nghiêm, thỉnh thoảng chị gửi tới cho nghe những bản nhạc hay, cũng có khi chị gửi tới Slide Show cho xem. Vì việc chăm nom săn sóc bệnh tình, sức khỏe cho anh San, bắt buộc chị phải quanh quẩn bên anh, nên chị có thời giờ hay để giết thời giờ, đã lên Mạng tìm đọc và chọn lọc, những bài vở hay để gửi tới mọi người trong Nhóm cùng thưởng thức.

Mới đây, vài ngày trước, chị gửi tới một thư điện tử với mấy dòng ngắn gọn: *“Tuy rất bận nhưng cũng đã đọc tất cả Email*

của AHVNgroup. Cám ơn những ý kiến rất chân thành. Hẹn một dịp khác được tâm sự với các bạn. Xin gửi một bài viết ngắn. Mong đừng xóa. Ng. Ph."

Kèm theo thư điện tử là một tấm hình, tấm hình scanned một chuyện ngắn đăng trên báo sau đây:

Câu Chuyện Con Thần Lăn.

Đây là một câu chuyện có thật ở Nhật Bản. Một người Nhật muốn sửa lại ngôi nhà đôi chút nên đã phá bức tường đi. Nhà ở Nhật thường có một khoảng trống nhỏ giữa các bức tường gỗ. Khi phá những bức tường, người đó nhìn thấy một con thần lăn bị mắc kẹt vì có chiết đỉnh từ phía ngoài đóng dính vào chân nó.

Người ấy nhìn thấy vậy thế rất thương cảm nhưng cũng hết sức tò mò vì khi kiểm tra chiếc đỉnh, anh thấy nó được đóng từ khi ngôi nhà mới xây, tức là từ 10 năm nay rồi. Chuyện gì đã xảy ra vậy?

Con thần lăn sống như thế ở khoảng trống trong tường suốt 10 năm không hề xê dịch. Một điều tương chừng như quá dị thường, thậm chí là không thể.

Và anh ta đã tự hỏi làm sao con thần lăn sống suốt 10 năm mà không hề đi một bước nào vì chân nó đã bị đóng dính. Anh ta tạm ngừng làm việc, ngồi một góc quan sát con thần lăn, xem nó làm gì và có gì để ăn. Một lúc sau, không biết từ đâu xuất hiện một con thần lăn khác, miệng ngậm thức ăn, bò về phía con thần lăn mắc kẹt.

THẾ SỰ

Không biết con thần lằn mang thức ăn tới có họ hàng gì với con thần lằn mắc kẹt hay chúng cùng một gia đình? Nhưng nó đã mang thức ăn tới trong suốt mười năm. Không mệt mỏi, không từ bỏ hy vọng. Và nếu như người Nhật kia không phá bức tường thì không biết sự yêu thương này còn tiếp tục đến bao giờ?

Trong một xã hội đầy đủ những tiến bộ về công nghệ thông tin, sự tiếp cận của chúng ta đối với thông tin ngày càng nhanh hơn, liên lạc ngày càng dễ hơn. Nhưng khoảng cách giữa con người với nhau ... dường như mỗi ngày một xa hơn.

Chớ rời xa những người mà bạn yêu thương!

JANET NGUYỄN (st)



Tôi đọc thấy câu chuyện rất hay nhưng không liên tưởng đến việc chi khác, hôm qua trong Nhóm có thư điện tử của Dung Trần gửi để cảm ơn chị San đã gửi bài rất có ý nghĩa cho đọc. Tôi bỗng phát hiện ra một điều, mười năm con thần lằn kia bị đóng đinh dính chân vào một chỗ, khác nào anh San bị bệnh tật đã bắt buộc anh hơn mười năm cũng ở một chỗ. Chị San đã đồng cảm với tác giả hay với con thần lằn kia dứt mỗi nuôi bạn

HUỲNH ÁI TÔNG

hàng ngày, nên đã gửi tới chúng ta một bài viết hay một thông điệp về tình thương!

22-11-2008

HAT

Thăng ăn cấp



Hắn bị bắt, người ta đồn rùm lên thăng Lựu ăn trộm vịt bị người ta bắt, đem cho Ba Quan xử. Ba Quan làm chức Đoàn phó của lực lượng địa phương Hòa Hảo, tổ chức này không phải quân sự cũng không phải bán quân sự, hình như cũng không phải về hành chánh, trong khi nhà cầm quyền Pháp

không còn tổ chức hành chánh Ban Hội Tề, vùng ảnh hưởng đạo Hòa Hảo tự đặt ra tổ chức Đoàn Trưởng, Đoàn phó thanh niên để giữ gìn an ninh trộm cướp và do đó xử kiện những vụ thuộc về an ninh làng xóm.

Tôi nghe phong phanh thằng Lự thừa đêm tối, ăn trộm vịt của một người gần nhà anh Ba Quan, nó không chuyên nghiệp nên bị vịt trong chuồng kêu, người nhà phát hiện, nó chạy ra ngoài vườn ngập nước, định ra ngoài ruộng lúa thì trốn thoát, nhưng xóm ấy có nhiều người bủa vây khu vườn, họ đốt đèn đốt đuốc bắt được nó.

Rồi người ta trói thằng Lự, dẫn nó giao cho anh Ba Quan phân xử ngay trong đêm đó. Nghe vậy bọn con nít chúng tôi rủ nhau đến xem, nhưng đến nơi thì nhà anh Ba Quan, người lớn ngồi chật những ván ngựa, bộ ghế trong nhà, những anh thanh niên phải ngồi tràn ra sân, vừa hút thuốc vừa bàn tán, chúng tôi trẻ con đâu có đến gần được, chỉ đứng ngoài đường nhìn vào trong, đèn chong mấy ngọn cũng chẳng giúp chúng tôi thấy hết mọi người, nhất là thằng Lự, nghe nói bị trói ngồi bệt dưới đất, lại càng không thể thấy hẳn.

Nghe anh Ba Quan to tiếng hỏi:

- Mày phải có đồng lõa là ai ?

Tiếng thằng Lự trả lời, nhưng nhỏ quá, bọn chúng tôi đứng xa không nghe được.

Lại nghe anh Ba Quan hỏi tiếp:

- Mày đừng dấu diếm, khai thiệt đi thì nhẹ tội.

Lại cũng có tiếng thằng Lự, nhưng chúng tôi không nghe rõ.

Đến để xem và nghe, xem chẳng thấy, nghe chẳng được, vô vị làm cho chúng tôi chán nên buồn ngủ, lại rủ nhau ra về.

Về sau, nghe đâu thằng Lự bị phạt làm cỏ rác xung quanh Đình năm ngày, cha mẹ hắn phải làm cam kết bảo lãnh dạy dỗ nó không cho tái phạm.

Thằng Lự khoảng tuổi tôi chừng 12, 13 cũng có thể lớn hơn một vài tuổi, nhà nó cách xa nhà tôi chừng nửa cây số, thỉnh thoảng có việc đi qua lại, nên tôi biết nó chớ chưa bao giờ chơi với nhau.

Tôi thường chơi với thằng Khoái, nó với tôi bà con đầu ông cố, nhưng thân nhau vì hàng ngày ra đồng chăn bò, cùng đi bắt chim, lật đất cày bắt dế.

Có hôm, thằng Khoái và tôi cùng chống xuống trong đồng lúa đi cắt cỏ cho bò ăn, bỗng dưng gặp một bầy vịt ta, thân trắng muốt đang rúc rỉa những cọng cỏ trong cái vũng nhỏ, không có lúa chỉ có những cọng bông súng, vài cọng rau muống đỏ thằng Khoái bỗng nảy sinh ý lạ:

- Ê! Anh Sơn để tui bắt một con vịt về nấu cháo ăn chơi!
- Giỡn hả Khoái? Bộ để bắt chúng lắm sao mà?
- Ày! Để anh coi!

Thế là hấn từ từ nhẹ nhàng vịn be xuống, buông thân xuống nước, rồi lặn xuống nước luồn lách qua những bụi lúa, hấn chụp chân một con vịt kéo chìm xuống nước, bầy vịt hơn chục con hoảng loạn lội tứ tung, kên nhau “cạp! cạp!”.

Thằng Khoái lội về xuống, liệng con vịt lên xuống, con vịt đã bị hấn bẻ cổ chết nằm im lìm. Hấn leo lên xuống, nói:

- Thôi mình về nấu cháo vịt ăn chơi anh, cò để chiều cắt cũng được.

Tôi chống xuống về nhà hấn, hấn xách con vịt vào nhà bếp, không biết nói chi với chị hấn, rồi hai chị em bắt nước nhỏ lông làm thịt, nấu cháo vịt, xào xả ớt.

Hôm đó, chú thím họ tôi không có ở nhà, nồi cháo vịt chín dọn ra chỉ có ba anh em ăn, thịt vịt hơi dai vì là vịt đẻ trứng chớ không phải vịt tơ.

Buổi chiều gần tối, bác Hương sư đi hỏi mấy nhà có vịt, để tìm xem vịt của bác đã đi lạc bầy mất hết một con.

Một đêm có trăng vào mùng mười hay mười một, chúng tôi đi chơi U rồi U Ấp ở xóm trong Giồng, chơi chán thấy đã khuya nên đi về ngủ, trên đường về bên cạnh đường mòn có đám dừa gang của chú Hai Quảng, trăng lơ mờ, thấy mấy trái dừa to, ước tính đã gần chín, sợ bị chú Hai bắt, nên mỗi thằng hái nhanh một trái, về đến nhà thằng Khinh sát bên trường học, điểm lại có ba trái, bốn năm thằng bàn với nhau đem vào lu nước sau nhà thằng Khinh bỏ vô đó, ngày mai dừa sẽ chín nứt

THẾ SỰ

nở da ra, bên trong sẽ mềm ăn với đường mỏng trâu hay đường thẻ rất ngon.

Hôm sau, thằng Khinh cho biết vì trăng sáng lò mờ, dưa to nhưng còn non nên bỏ vào lu nước dưa không nở da, nó đã phi tang xuống cái hầm sau trường học rồi.

Nhà tôi có một miếng đất giồng, xạ lúa thường bị thất, nên má tôi xạ đậu, hoặc xạ nếp, gặt hái được chừng 5, 10 gia nếp để gói bánh tét, quét bánh phồng, xay bột gói bánh ít cúng Tết hoặc giỗ quây.

Khoảng tháng 11 ta, cây nếp vàng úa, ấy là nếp chín, thằng Khoái rủ tôi:

- Mình lấy lưới hái đi cắt vài nắm nếp, quét cơm dẹp ăn chơi anh.

Tôi nói với hắn:

- Nếp của bác Ba chớ phải nếp của tao đâu ? Mà tao có quyền muốn cắt thì cắt muốn gặt thì gặt ?!

- Coi như mình ăn cắp đi

- Mai một bác biết, bác mét bác ba trai đánh tao chết.

- Anh đừng lo! Tui phi tang dễ ợt. Nếp hột mình lấy, rom còn lại cho bò ăn.

Thế là thằng Khoái và tôi đi lấy lưới hái, ra đám nếp xa xa nhà của nó, cắt chỗ nọ một nắm, chỗ kia một mớ, rồi ôm về nhà nó, đập mấy bó nếp vào cái thúng giê cho hột rụng ra được chừng

một lít, cộng nếp còn lại là rơm thềng Khoái đem lại chuồng cho bò ăn.

Nếp ấy đem vào nhà bếp, chị thềng Khoái bắt chảo lên bếp rang đều tay, chẳng mấy chốc nếp chín nở lép lép một dạo, chị nó liền bung chảo đổ vào cối giã gạo, giã một hồi, vỏ nếp bị rang nóng dòn bị chày giã vỡ vụn ra bày những hạt cốm dẹp còn vỏ lụa màu xanh lục, xong chị thềng Khoái hốt tất cả ra cái sàng vừa sàng vừa sảy cho sạch trấu, chỉ còn cốm dẹp. Sẵn có miếng dừa khô, chị nó nạo dừa rồi trộn chung với đường, mỗi đĩa một chén ăn thật ngon, cốm dẹp vừa nóng, vừa mềm nếp lại dẻo.

Hôm sau, má tôi đi thăm ruộng để định ngày gặt nếp, buổi chiều cả nhà quây quần bên mâm cơm, má tôi nói:

- Đám nếp đã chín, để thêm vài ngày cũng được, nhưng má đi thăm thấy hình như có kẻ trộm cắt hết chút đỉnh, nên sáng mai dậy sớm, má với con Lan đi gặt trước, con Huệ ở nhà nấu cơm, cơm chín dỡ cơm với thức ăn để trong cái thúng đội vô ruộng rồi ba má con mình gặt đến xế là xong. Phơi một ngày rồi đập. Tối nay má với thềng Sơn ngủ trong ruộng giữ nếp, nếu không sẽ bị người ta ăn cắp về giã cốm dẹp.

Nghe má nói, tôi nghĩ mình là tên ăn cắp nếp của mình, ăn cắp dừa của chú Hai Quảng, ăn cắp vịt của bác Hương sư. Ăn cắp, ăn trộm có khi vì nghèo khó đưa người ta vào con đường xấu, có khi không tính toán, chỉ như chuyện vui chơi, nhiều lần trở nên quen, tạo thành tật xấu.

Gần hai mươi năm sau, tôi đã ngoài ba mươi tuổi, đi lại với ông Nguyễn Văn Trương, Giám đốc Nhà sách Khai Trí nhiều lần, khi thì đưa bản thảo, khi thì đến lấy tiền bản quyền, khi sửa bản vẽ sách. Cô Nguyễn Thị Tâm, thu ngân của nhà sách tôi cũng quen, vì hai em của cô là đoàn sinh của tôi, tôi cũng thường đến nhà sách Khai Trí xem sách, mua sách từ lúc còn đi học cho đến khi ra đời đi dạy học. Một hôm sau khi đi dạy ra, còn thì giờ tôi ghé nhà sách để tìm mua sách về nhà đọc.

Hôm đó, tôi có mang theo mấy cuốn sách kỹ thuật chữ Pháp, tôi đến kệ sách bán đúng mấy cuốn sách của tôi, để xem cho biết giá cả và so sánh sách tôi mới xuất bản với sách của nhà sách, có cùng kỳ xuất bản không, rồi tôi lướt qua kệ sách văn học, không thấy có chi lạ nên ra về. Khi từ ngưỡng cửa nhà sách, bước xuống bậc thềm, tôi đã bị một cậu thiếu niên chặn lại, lễ phép nói:

- Xin anh cảm phiền cho em kiểm soát mấy quyển sách anh đang cầm.

Tôi biết mình đang bị người ta nghi ăn cắp sách, nhưng vững bụng nói với cậu ta:

- Có ai lớn hơn em không? Cho tôi gặp để nói chuyện hơn.

Nghe vậy, em đó ngoắc một người nào đó, trong khi tôi nhìn cô thu ngân viên, vừa mỉm cười vừa gật đầu chào cô ta. Chỗ tôi đứng cách quầy thu ngân chừng 3 thước, chắc cô không nghe chúng tôi nói với nhau những gì, nhưng tôi tin chắc cô biết rõ chuyện gì đang xảy ra.

Một người đứng tuổi, nhân viên nhà sách đến, chắc anh ta cũng biết chuyện chi, nhưng cậu thanh niên nói ngay:

- Anh này cầm mấy quyển sách, em xin kiểm tra nhưng anh ấy muốn gặp anh.

Tôi tiếp lời nói ngay:

- Cậu này nghi tôi cầm nhầm sách của nhà sách, sách của nhà sách thì đều có đóng dấu, nếu không có đóng dấu thì không phải là sách của nhà sách.

Anh ta đáp nhanh:

- Anh nói đúng.

Vừa nói, tôi vừa đưa tất cả sách của tôi đang cầm trên tay cho anh ta:

- Vậy thì mời anh xem.

Anh ta chọn lấy một quyển, dở trang bìa sau ra xem, rồi trả lại cho tôi ngay:

- Xin lỗi! Sách của anh. Mong anh thông cảm, nhà sách cũng thường bị mất sách quý nên phải có biện pháp bảo vệ, cậu này mới vào làm nên sơ suất, một lần nữa xin lỗi anh.

Tôi cười nói cho họ yên lòng:

- Không có chi! Xem như tai nạn nghề nghiệp mà.

Trong lúc chúng tôi trao đổi, như những người quen cầm sách đưa qua đưa lại, nên những khách ra vào đi ngang qua chỗ chúng tôi, đều không hay biết chuyện gì. Xong chuyện, chúng tôi chào nhau và tôi cũng không quên chào cô thu ngân viên rồi ra về.

Lần sau đó, đến gặp ông giám đốc nhà sách Khai trí, ông ôn tồn nói:

- Xin lỗi chuyện thằng nhỏ đã làm phiền anh. Thiệt ra thì có nhiều người đến đây ăn cắp sách, họ không phải là những người nghèo khó, họ có tiền mua một lần cả trăm quyển sách của tôi cũng dư sức trả. Nhưng họ có bệnh ăn cắp vặt, không phải chỉ xảy ra ở nhà sách của tôi đâu, ở ngay cả nhà sách bên Pháp cũng vậy!

- Xin lỗi tôi có chút tò mò hỏi ông, khi bắt được người ăn cắp, ông giải quyết ra sao ?

- Nhân viên tôi khéo léo mời họ lên đây, tôi tiếp họ, chỉ yêu cầu ghi tờ giấy cam kết không tái phạm nữa, và để họ ra về không có đưa ra cảnh sách phiền phức, vừa để tôn trọng vừa giữ cho khách hàng được an tâm khi vào trong nhà sách này.

Bất cứ lấy cái chi của người khác, khi người chủ không cho mình đều là ăn cắp hay ăn trộm, đều là xấu. Thằng Lựu ăn trộm vịt bị người ta bắt được, nhiều người biết, bị phạt vạ, cha mẹ phải bảo lãnh khuyên răn con. Tôi đã ăn cắp chưa lần nào bị bắt, nhưng thằng Khoái, thằng Khinh biết, đôi khi chỉ một mình mình biết. May quá được sự quan tâm giáo dục của gia đình, tôi đã dứt bỏ được thói hư tật xấu của tuổi ấu thơ, nếu

HUỲNH ÁI TÔNG

không có thể trở thành bệnh. Một lần bị người ta bắt được, suốt đời sẽ mang tiếng là “Thằng ăn cắp”.

Lou. 08-02-2011

Tình cảm gia đình



Bài “Bữa ăn tối” lần đầu tiên tôi nhận được cách nay chừng hai năm, đọc cảm động vì tình cảm của mẹ dành cho con, nhưng tôi nhận thấy đó là nếp sống của người Tây Phương, hầu hết họ đều sống tự do, cá nhân, khác với người Đông phương tôn trọng đời sống gia đình con cái sống chung với cha mẹ, tình yêu thương của che mẹ dành cho con cái và con cái dành cho cha mẹ không hề thiếu vắng hàng ngày.

HUỲNH ÁI TÔNG

Một đứa con mời mẹ đi ăn mà không có dâu, không có cháu chắc chắn bà mẹ Việt Nam chẳng vui lòng chút nào. Nếu bữa ăn đó được tổ chức ở nhà, có đông đủ mọi người trong gia đình chắc chắn bà mẹ sẽ hạnh phúc hơn là đi ăn ở hiệu, dù cho ăn ở bất cứ hiệu ăn sang trọng danh tiếng nào.



Nhiều năm trước, đối diện với nhà tôi ở, một người đàn bà sống đơn độc, mỗi tuần một lần thấy bà ta lái xe đi chợ mua thức ăn, ngoài ra mỗi ngày bà ấy mở cửa dẫn chó ra ngoài sân độ năm, mười phút. Kỳ dư cửa nhà đóng cử im im, không hề thấy có bạn đến thăm chơi, chỉ trừ dịp lễ Giáng sinh hàng năm, có gia đình người con trai về thăm, ở đôi ngày.

Nhà tôi đi làm có quen thân với gia đình người Mỹ kia, đôi lần tôi có đến nhà họ, cả hai vợ chồng đều đã nghỉ hưu, họ có con trai lẫn gái nhưng đều ở riêng, lâu lâu mới tới thăm một lần, bà

ta trên bảy mươi vẫn đi làm, có người hỏi đã nghỉ hưu rồi còn đi làm làm chi? Bà ta cho biết đi làm cho vui vậy mà!

Tuổi trẻ Mỹ, thường học hết trung học đi tìm việc làm, ra khỏi nhà sống tự lập, hoặc vừa học vừa làm. Nếp sống ấy, đem lại cho gia đình người Mỹ, người Tây Phương thiếu tình cảm gia đình.

Cạnh nhà tôi hiện nay, một bà mẹ gần 60 sống với cậu con khoảng 40, thỉnh thoảng có những thanh niên, thiếu nữ đến chơi. Biết ra thì anh con trai ấy đã có vợ con, có cả cháu nữa, nhưng anh ta đã ly dị vợ, hai mẹ con thuê nhà ở chung.

Trước nhà tôi, một cặp vợ chồng khoảng 40, cả hai đều đã có gia đình, đều có con riêng, đây là hôn nhân chấp nối, thỉnh thoảng thấy có cô gái hay chàng trai trẻ lái xe tới chơi, đó là con riêng của họ hoặc đã sống tự lập hay sống với cha, mẹ không chừng.

Rất nhiều hay hầu hết người Mỹ chỉ hai vợ chồng già sống với nhau, cũng có thể chỉ là hai người bạn, sống nương tựa nhau khi tuổi già sức yếu, con cái đều có gia đình riêng của họ.

Đời sống con người có cả vật chất và tinh thần, vật chất trong thế giới Tây phương không thiếu, còn về tinh thần, người ta không thể sống cô đơn, trầm lặng giữa xã hội con người, nên người ta luôn thấy thiếu tình cảm khi an ủi, khi vỗ về nhất là lúc ốm đau xảy đến.

Nhiều người Mỹ, khi về già tuổi cao sức yếu, không có người chăm sóc, phải vào nhà dưỡng lão (nursing home), họ thật cô

HUỖNH ÁI TÔNG

đơn. Nhiều người Việt quen sống trong tình cảm gia đình, phải vào nhà dưỡng lão sống những ngày cuối đời buồn tẻ vô vọng.

Mỗi khu vực địa lý hay dân tộc đều có nền văn hóa khác biệt, việc hủ lậu cần bỏ đi nhưng những điều hay, lẽ phải của văn hóa dân tộc mình cần được gìn giữ, bảo tồn.

10-03-2010

Thoáng nhìn về Quan điểm giáo dục của Mỹ



Tôi nhớ lâu lắm rồi, trước 1970 nhưng sau 1963, trên tờ báo Đuốc Nhà Nam có bài viết của một ký giả được đi tham quan ở Mỹ về, viết một bài ký sau chuyến đi, hình như tác giả là Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh thì phải. cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ được hai bài học.

Một của nước Mỹ, về vấn đề giữ vệ sinh công cộng, tác giả ghi lại trong chuyến đi đường dài, khi ngồi trên xe lột cam ăn, vỏ cam bỏ vào trong cái túi, chờ xe chạy đến một chỗ ngừng nghỉ cách xa hàng mấy chục cây số, xe ngừng lại người ta mới đem cái túi rác liệng vào thùng rác. Như vậy, người ta giữ vệ sinh chung, không vất, ném, xả rác bừa bãi.



Thật ra, nhân vô thập toàn, người Mỹ vẫn ném rác xuống đường, vỉa hè tuy rất ít nhưng mà vẫn có, thỉnh thoảng có những chỗ có bản cấm xả rác, xả rác sẽ bị phạt 200 dollars, bảng cấm thì cấm, nhưng người ta xả rác thì cứ xả mặc dù số này rất hiếm, nhưng vẫn có.

Do vậy, trên những xa lộ người ta vẫn thấy có những toán người đi lượm rác, họ cầm theo những cái bao nylon to, có thể chứa đến 30 – 40 gallons, những người đó lượm tất cả mọi thứ rác như ly nhựa, giấy, bao nylon, lon nhôm ... thường họ đeo găng để lượm rác bằng tay, khi nào đầy bao họ cứ bỏ bên vệ đường, sau đó sẽ có xe truck chạy theo nhặt các bao ấy. Còn ở trong thành phố, trước nhà ai, nhà ấy tự lượm bỏ vào thùng rác của mình.



Rest Area (khu ăn ngoài trời, nhà vệ sinh, nhà có máy bán thức ăn, uống)

Trên tất cả xa lộ của Mỹ, cứ khoảng 60 miles chánh phủ cất một nhà vệ sinh công cộng, rất khang trang và sạch sẽ, trong nhà vệ sinh có để một quyển sổ, để cho khách ghé qua có thể ghi lời khen hay chê, sạch hay không để những người có trách nhiệm biết. Cạnh đó có thể có nhà khác có máy bán thức ăn, nước uống, ở trong nhà này cũng như bên ngoài có những chỗ để người ta ngồi nghỉ và ăn uống.

HUỶNH ÁI TÔNG



Bên trong có bàn để sổ ghi ý kiến và tài liệu hướng dẫn du khách, quảng cáo

Còn ở trong thành phố, muốn đi vệ sinh có thể vào các cửa hàng bách hóa, các cửa hàng tổng hợp, các cửa hàng ăn nhanh như Mc Donal ...



Khu vệ sinh

Bài học thứ hai mà tôi muốn nhắc tới bài viết của ký giả kia về cung cách phục vụ khách, khi ký giả ấy rời nước Mỹ, trong túi ông ta còn vài trăm dollars, là số tiền mà ông ta được cơ quan Mỹ đài thọ cho chuyến đi, gồm tiền vé máy bay, tiền ăn, tiền bỏ túi để xài vặt, mua quà. Ông ta định để dành dollars mang về Việt Nam.

Khi về tới Nhật, trong khi chờ chuyển máy bay, có thì giờ ông ta đi vào phố, đến xem một cửa hàng bán máy ảnh, mục đích là để xem cho biết, người bán thấy khách thì vồn vã mời, ông ta hỏi giá một chiếc máy ảnh, người bán hỏi ông ta có phiếu giảm giá không, nếu có cửa hàng bớt tới 30%, ông ta không có, người bán chờ ông ta trở lại phi trường để lấy phiếu. Có phiếu giảm giá rồi, ông ta mua cái chi cũng được bớt 30%, thành thử ông ta mua nhiều thứ, cuối cùng chỉ còn vài dollars khi xuống phi trường Tân Sơn Nhất. Ông ta kết luận, cách móc hết túi tiền khách du lịch của người Nhật thật là tuyệt vời.

Ở Mỹ, khi chúng ta dẫn trẻ con vào cửa hàng, chúng lấy cái nọ, dời chỗ cái kia, người bán nhìn thấy chỉ cười, không hề rầy la dọa nạt - họ không được phép làm như vậy - những món hàng người mua không đồng ý, có quyền đem trả lại, vào dịp lễ người ta mua nhiều, trả nhiều, nhất là dịp lễ Giáng sinh, người ta mua quà cho nhau, ngày hôm sau người ta đứng xếp hàng trả lại, như lúc ở Việt Nam thời bao cấp đứng xếp hàng mua vé xe đò.

Thật ra ở Mỹ những người bán hàng đều không phải là chủ, họ chỉ là nhân viên, được huấn luyện phải làm “Vui lòng khách đến, vừa lòng khách đi”, cho nên cung cách người bán hàng

khác với những người chủ bán hàng ở Việt Nam, phải thì bán không phải thì xua đuổi, chửi mắng người khách!! Ở Mỹ khách vào mua, khi đi ra người bán: “Cám ơn”, khách không mua đi ra, người bán cũng một dạ: “Cám ơn”.

Trở lại chuyện giáo dục ở Mỹ, tôi muốn nói tới sự giáo dục học sinh ở nhà trường, đối với người Mỹ, họ để cho trẻ con phát triển tự nhiên, cha mẹ khuyến khích sự phát triển ấy, chớ không bắt ép, gò bó trẻ con.

Lúc trẻ còn nhỏ phải cho bú mớm, nhưng khi chúng biết ăn cha mẹ để thức ăn cho chúng tự bốc, tự dùng muỗng múc thức ăn, dĩ nhiên trước còn đồ cháo nhưng sau dần dần ăn uống sạch sẽ. Trẻ con tha hồ sử dụng tay trái hay tay phải tùy khuynh hướng phát triển của chúng, thời tôi còn nhỏ, người ta khuyến khích, bắt buộc sử dụng tay phải, vì cho rằng nhiều dụng cụ chỉ chế tạo cho người sử dụng tay phải mà thôi, sau đó có những dụng cụ chế tạo cho người sử dụng tay trái, ngày nay hình như mọi thứ đều có thể dùng cả tay phải lẫn tay trái.

Vào trường học, đến bữa ăn trưa, học sinh tự lấy đĩa chọn thức ăn, khi ăn xong phải tự bung thức ăn của mình bỏ vào thùng rác. Trong phòng ăn, người ta để những thùng đựng rác khác nhau, cái đựng thức ăn thừa kể cả khăn giấy, đĩa giấy, muỗng, nĩa nhựa, cái đựng lon nhôm, cái đựng chai nhựa, cái đựng các bao thức ăn bằng giấy tráng nhôm. Có thứ là rác bỏ đi, nhưng có thứ dùng để tái chế.

THỂ SỰ



Những thùng rác trong phòng ăn học sinh

Không phải Mỹ thiếu nguyên liệu mà phải tái chế giấy, nhựa, nhôm nhưng chính yếu là để giải quyết việc khác, chẳng hạn như nhựa lâu lắm mới mục rã tiêu hủy, tái chế để nó không chiếm chỗ, nhôm tái chế để tránh độc hại khi nhôm bị oxyt hóa, rò rỉ vào nguồn nước.



Phòng vệ sinh của học sinh tiểu học



Trong phòng vệ sinh có bản nhắc nhở

Mỗi đứa trẻ ở Mỹ đều được giáo dục có tánh tự lập, tự do, nhờ vậy mà trong thời đại vi tính người ta mới nghe đến các danh nhân như Bill Gates, Steve Jobs không phải chỉ giàu có mà là những nhà sáng kiến vĩ đại của thế kỷ, cả hai đều không học hết đại học, thậm chí Steve Jobs mới vào College có một học kỳ đã bỏ học vì đam mê ngành vi tính.

THẾ SỰ



Steve Jobs

Bill Gates thì từ bỏ Microsoft năm 2008 để chuyên tâm làm từ thiện, còn Steve Jobs bỏ cuộc năm 2011 vì căn bệnh hiểm nghèo, nghe tin Steve Jobs mất Bill Gates đã phát biểu:



Bill Gates

“Người đồng sáng lập lên tập đoàn Steve Jobs có ảnh hưởng đến rất nhiều thế hệ người trên toàn thế giới”.

“Tôi và Steve gặp nhau lần đầu tiên cách đây 30 năm, kể từ đó cho đến nay, tôi và ông ấy là đồng nghiệp, đối thủ cạnh tranh cũng như bạn bè của nhau. Thời gian làm bạn cũng hơn nửa đời người...”

“Thế giới thật hiếm thấy có những người có ảnh hưởng lớn như Steve Jobs, nhiều thế hệ đã gắn liền với tên tuổi và sản phẩm của ông”

Nhờ quan niệm giáo dục tự do, khai phóng, nên Mỹ có những người xuất chúng, cống hiến cho nước Mỹ và toàn thể thế giới những tiến bộ trong các lãnh vực giáo dục, khoa học, kỹ thuật, giải trí ...

18-10-2011

Truyện ngắn

Giấu kín

Hắn nhìn dòng Ohio chảy, trời trong sông rộng, kỷ niệm ào ạt trào dâng, nào là bạn học vỡ lòng, tiểu học, trung học cả đại học hắn đã gặp trong chuyến nghỉ hè năm nay.

Tuy vậy, hắn vẫn còn chưa gặp mấy thằng bạn, đưa thì cùng với hắn lật đất cày bắt dế mun, dế lửa, đưa thì trèo cây bắt sáo sậu, sáo trâu, đưa thì tát rạch mò cá, bắt cua.

Nhưng hắn nhớ nhất cô bạn nhỏ viết những dòng mực tím, xé giấy trong tập vở học trò: ... *“Em cũng thương anh, giấu kín đừng cho ai biết nghe anh!”*. Ba chục năm sau gặp lại, nàng đi với đứa con trai, hai người nhìn nhau, im lặng.

Rồi hai mươi năm sau, trong câu chuyện bên nhà chị hắn bỗng đưa tin: “Thường Nga nói em nó, Yên Lan chết rồi!”. Nghe xong, hắn thấy nhói trong tim.

Dọc đường gặp bạn

Sơn bước lên khỏi con đò, thấy người bạn cũ cùng học lớp Đồng Ấu trường làng, đang dắt xe đạp đi bên lề đường, cả hai mừng rỡ sau trên 50 năm gặp lại, bạn hỏi:

- Mày có ghé thăm Thầy không ? Năm nay chắc Thầy già lắm, không chừng đã chín mươi!
- Ủ! Đã chín mươi !

Người bạn vui vẻ hỏi tiếp:

- Chắc Thầy còn khỏe mạnh hả ?

Sơn ngập ngừng đáp:

- Không! Thầy mất năm rồi Độ ơi!

Cả hai im lặng, cùng nhìn về phía ngôi trường cũ, mái ngói rêu phong cách đó không xa.

Phù Du

Hắn năm đó không như những người khác mặc quốc phục gấm xanh bông bạc, đầu bịt khăn đóng, hay mặc Âu phục, trái lại hắn mặc chiếc áo tràng lam, trông hắn thanh thoi trong chiếc quan tài còn mở nắp.

Ai cũng bàng hoàng, khi nghe tin hắn chết đột ngột sau buổi uống trà ban sáng, nhiều kẻ thương vì hắn nhân từ, biết kính trên nhường dưới, có kẻ tiếc vì sở học của hắn tuy không hơn

người nhưng có căn bản, cũng có người hả dạ vì hấn hay nói thật làm mất lòng người.

Hấn ít đi chùa, lễ Phật, người nói hấn tu thiền, kẻ bảo hấn niệm Phật, người lại bảo hấn tụng kinh. Chỉ hấn mới biết, hấn làm theo lời Tổ dạy; “Bình thường Tâm thị Đạo”

Khi chiếc áo quan đóng lại, sáu mươi năm cuộc đời trải qua, hơn thua, danh lợi, có không, khen chê chỉ là phù du trong kiếp con người. Hấn đâu còn nữa.

Hai Mẹ Con

Chiếc xe bus nặng nề chậm chạp rời trạm, thằng bé quần đùi đen, ngực trần, chân đất vừa khóc vừa chạy bên hông xe gọi với theo mẹ: - Má! Cho xin một ngàn mua gói xôi ăn sáng đi má!

Người đàn bà lam lũ, đầu đội khăn chàng tẩm thò đầu ra khung cửa nói to, cố át tiếng nổ của động cơ: - Về ăn cơm đi!

Thằng bé không chạy theo kịp xe bus, cố hét to cho người đàn bà nghe: - Còn chén cơm nguội trong nồi, con Thúy ăn hết rồi má!

Người đàn bà rút đầu vào xe, sửa lại thế ngồi, kéo chéo khăn lau lau khô giòng lệ vừa mới chảy. Chị ta tảo tần buôn bán, cảnh nhà nghèo thương con đứt ruột!

Sau Cảnh Rừng Già

Trong Trại cải tạo, người ta phải làm lụng quần quật, đói ăn triền miên, đói vật chất thảng nọ, năm kia dẫn đến đói tâm lý, nên người trong trại phải mưu sinh vào rừng kiếm cái ăn, nào nấm, nào măng le, nào bứa, gùi. Có hôm đồn cả cây có trái chín đỏ y như trái vải, kẻ nào tham ăn nhiều vào bị đi tiêu, ói mửa ra máu từ đó họ đặt tên cây ấy là cây sặc máu, vẫn còn nhẹ hơn có nhóm ăn trúng nấm độc đôi ba kẻ chết, người nằm viện bảy tám tháng trời.

Một hôm tôi đi rừng với Thiện, hẩn tâm sự:

- Anh em mới nói nghe! Máy hôm em bị gọi lên Ban Chỉ Huy Tiểu Đoàn về vụ mấy tên trốn Trại, chúng nó đánh em mấy trận, còn dạn kỹ không được nói cho ai biết.

Lòng băng khuâng xót thương, căm hận bọn đầu trâu mặt ngựa luôn luôn nói nhân nói nghĩa.

HAT 4-9-2010

Tôi xem phim TARZAN



Năm đó khoảng 1952 hay 1953, sau khi Trung đội Chánh kéo Trung đội từ trong mộ Thầy Phó bên Bình Mỹ về đóng ở Nhà Việc làng Bình Thủy và dinh cơ Thầy Phó bị lực lượng Hòa Hảo của Lâm Thành Nguyên chiếm đóng, thành lập tại đó trường đào tạo Sĩ Quan Hòa Hảo.

Thời đó, ở trong tỉnh Long Xuyên hay Châu đốc, trong rừng hay vùng Bảy Núi thỉnh thoảng, quân đội Pháp mở cuộc hành quân, mỗi lần như vậy đoàn convoy chạy chừng 7, 8 chục chiếc xe nhà binh, có những xe kéo theo trọng pháo, đoàn đi chừng mười bữa, nửa tháng mới quay về.

Nói chung làng Bình Thủy hay Bình Mỹ đều bình an, vì làng Bình Mỹ một mặt là sông, mặt kia là cánh đồng trồng mênh mông, còn làng Bình Thủy một phần nằm trên Cù lao, một phần kia là ấp Bình An nằm cạnh làng Bình Mỹ, cũng đồng mông hui quạnh, lại là một ấp có đạo Thiên Chúa giáo, có Nhà Thờ Năng Gù lâu đời, do đó du kích Việt Minh khó hoạt động.

Một hôm vào khoảng 6 giờ chiều, có anh Sáu Ỗ ở dưới Cù lao, chạy xe đạp lên nhà, xin phép cha má tôi, cho tôi đi xem chiếu bóng, hồi đó ở nhà quê thường gọi là đi coi “hát bóng” hay “chớp bóng”.

Gia đình anh Ỗ với gia đình tôi không có bà con, ông thân anh Ỗ người Hoa, mẹ anh Ỗ người Việt, thứ tư, tôi thường gọi là Cô Tư, Dượng Tư.

Gia đình Cô Dượng Tư có ba người con trai, đó là anh Tư Sến, anh Năm Èm, anh Sáu Ỗ và con gái út, chị Xìn Tai, chắc tên của họ là tên theo người Hoa, nhưng đọc theo âm Việt là vậy vừa khó nghe lại vừa không có nghĩa! Mấy anh chị đó nghe nói còn có anh thứ hai, thứ ba nữa, nhưng Dượng Tư cho về bên Tàu. Dượng Tư đi làm “Tài phú” cho một cửa hàng bán bánh kẹo ở chợ Long Xuyên. Anh Tư Sến, Năm Èm cũng theo Dượng Tư học việc ở các tiệm buôn bán. Còn lại nhà chỉ có anh Sáu Ỗ và chị Út, họ đều lớn hơn tôi bốn năm tuổi.

Tôi nhớ có lần cha tôi chở xe đạp đến nhà Cô Tư, tôi leo lên võng nhà Cô ngủ một giấc trưa, trong khi cha tôi bỏ xe đạp ở đó, đi thăm viếng và uống trà ở mấy nhà xung quanh.

Mẹ tôi mỗi lần bơi xuống về quê ngoại ở Phú Hòa, chuyến về thế nào cũng ghé nhà Cô Tư ăn miếng trà, hỏi thăm từng người trong gia đình, những lúc đó tôi phải ngồi chờ mơn mõi.

Về sau anh Tư Sến lấy vợ gần trên chợ ở đầu làng, thỉnh thoảng nghỉ việc ở Long Xuyên về, Dượng Tư đi thăm xuôi gia, đều ghé nhà thăm cha má tôi, uống hết một bình trà Dượng mới ra về. Cô Tư cũng vậy, khi đi thăm xuôi gia về đều ghé nhà tôi, má tôi thường cầm chân lại, đãi một bữa cơm rồi mới cho về.

Tôi không hiểu sao gia đình Cô Dượng Tư và gia đình tôi thân nhau như ruột thịt, tôi nhớ, ông thân tôi có khuyên trong gia đình: “Ngày sau chẳng may mà các con có nghèo, phải bán đất nuôi thân thì chỉ nên bán đất ruộng, còn đất “thổ cư” ráng giữ

để cất nhà mà ở, trong nhà ngoài sổ nữ trang khác, có đôi bông tai, một chiếc vòng trơn và chiếc vòng chạm, giữ làm kỷ niệm đó là nữ trang do cha chế tạo khi hành nghề kim hoàng”.

Vậy mà có một lần Cô Tư ngộ ý với mẹ tôi, chị Xìn Tai muốn có đôi bông tai nhận hột như vậy, má tôi nói lại. Cha tôi bảo: “Thôi thì đổi đi cho con nhỏ nó vui lòng”. Mấy chị tôi hờn mát, không dám nói với cha, than với mẹ: “Làm như nó là con của cha vậy, muốn lấy được, tụi con cũng thích đôi bông đó vậy!”. Mẹ tôi phải an ủi: “Thôi mà Cô Dượng Tư thân thiết với gia đình mình, Xìn Tai cũng như em mấy con vậy, đổi cho nó vui có mất mát gì đâu?”.

Có người nói: “Cô Tư là nhân tình nhân ngẫu với cha tôi”, cô tôi cãi lại: “Sao chị dâu tôi không ghen? Mà hai người đó đôi với nhau như chị em vậy!”

Do chỗ quen thân của hai gia đình như thế, nên anh Sáu Y phải chạy xe 5, 6 cây số để rước tôi đi xem “chóp bóng”, tôi còn phải đưa về, ngán nhất là đi ngang qua Nhà việc, chỗ Trung đội Chánh đóng quân. Trong đêm tối, chạy xe đạp phải có đèn, gần đến nơi phải nói to tiếng, xin phép người lính gác để được đi qua.

Chờ đến chạng vạng, anh Sáu Y mới bơi xuống anh và tôi qua sông, đến địa điểm có chiếu bong, đó là ngoài sân Nhà thờ Năng Gù. Long Xuyên có nhà thờ Cù Lao Giêng và nhà thờ Năng Gù là hai Nhà Thờ lâu đời, nghe nói Nhà Thờ Năng Gù lúc trước, thuộc giáo phận của ông Giám Mục Poulo cai quản từ Nam Vang chạy xuống tới Sóc Trăng, nếu đúng vậy thì Nhà thờ Châu Đốc, ở gần bến Bắc đi Tân Châu, cũng thuộc quyền cai quản của Giám Mục Poulo.

Lúc có chớp bóng tôi đi xem, không rõ Giám mục là người Pháp hay Việt, chắc là người Pháp, nên người Pháp mới tổ chức buổi chiếu bóng đó, họ chiếu phim Tarzan, bây giờ tôi không nhớ là phim nào, chỉ còn nhớ phim “trắng đen” hình ảnh mấy con voi, con dã nhon, tiếng hú lãnh lót của Tarzan mình trần, đóng khổ, cảnh Tarzan đu dây, nhưng hình ảnh khó quên, đó là xe cam nhông của đoàn người đi săn chạy, nó phóng ngay vào khán giả, đám con nít chúng tôi né tránh ngã lăn chiền, có đứa hét lên vì sợ hãi.

Lần đầu tôi xem phim, cái cảnh xe từ màn ảnh phóng ngay tới, làm cho tôi sợ hãi, né tránh đã trên nửa thế kỷ qua rồi, cái quê mùa của tôi lần lần đã rửa sạch, nhân vật Tarzan từ thành thị cho đến thôn quê ai ai cũng đều có nghe nói tới, nay cũng đã lùi xa vào dĩ vãng.

Giải trí từ điệu hò câu hát trên sông, trên cánh đồng, rồi hát bội, cải lương, chiếu bóng, sang đến TV, nay đến Internet. Nếu chúng ta để ý thấy sự giải trí đi từ khung cảnh bao la dần dần bị thu hẹp, thu hẹp mãi nay chỉ còn mình ta với máy.

Ngày nay, trẻ con từ thành thị đến thôn quê, bốn năm tuổi đã biết chơi Game trên Mạng, khoa học đã tiến bộ vượt bậc, chạy theo đà tiến của vi tính muốn hút hơi, không như 5, 6 chục năm trước, tôi sống trên đất Cù lao Năng Gù êm đềm với ruộng lúa xanh tươi, trên trời chim bay lượn, dưới nước tôm cá vẫy vùng, mùa hè đi ra đồng lật đất cày bắt dế, mùa nước chống xuống ngoài ruộng hái bông súng, lặn nước mò củ co, giải trí thuở ấy lành mạnh với thiên nhiên, còn ngày nay giải trí tất cả thiên nhiên và vũ trụ gom vào trong thế giới ảo tân kỳ.

Ngày 20-6-2011

Vài Chuyện trong làng tôi

Những chuyện tôi kể, được nghe được thấy được biết từ những năm 1945 đến 1954, đó là thời gian tôi có đủ trí nhớ và đã sống ở trong làng.

Nhà tôi ít khách, buổi sáng giờ học sinh “Ra Chơi” thường hai Thầy giáo cuốc bộ đến nhà tôi uống chén trà, nói chuyện thời sự Đông Tây, hoặc hai Thầy đọc báo Thần Chung do anh tôi đặt mua năm, báo gửi từ Sài Gòn xuống. Đó là khách ban ngày. Ban đêm thì năm khi mười họa mới có người tới chơi, một đêm có Dượng Ba Cầm và anh Năm Mão tới nhà hình như để hỏi cha tôi về một việc chi đó, rồi ngồi nán lại nói lan sang những chuyện khác.

Dượng Ba – tôi không rõ người gốc gác ở đâu, cưới con gái ông Ba Nhơn, bị bắt rề nên ở luôn đó - Dượng kể ngày xưa, Dượng là võ sĩ, có đi đấu võ đài, một lần có người cùng Dượng

thách đấu “chết bỏ, không bắt thường nhân mạng”, võ sĩ kia quyết hạ Dượng nên vào hiệp nhì đánh một thế quyết liệt vào mặt Dượng, Dượng dùng tay trái che mặt, khi ấy võ sĩ kia để trống hạ bộ, Dượng dùng ta phải đánh một cú vào đó, võ sĩ kia bị cú đánh bể bàng quan chết, Dượng giải nghệ từ đó, việc Dượng kể tôi nhớ lại mấy năm trước, khi phong trào Thanh Niên Tiền Phong vác tầm vong vạt nhọn, đi “Một, Hai” trong vườn dầu của gia đình tôi, Dượng Ba là người dạy võ cho họ. Đúng Dượng là võ sĩ nhiều người biết, nhưng đấu võ chết người chắc ít tai biết.

Cha tôi kể cho Dượng Ba Cẩm và anh Năm Mão nghe về ba chuyện hiếm có trong làng, chuyện thứ nhất là gia đình ông Lâm Văn Nguyên có định cất một ngôi chùa nên có mua một “cấp cột” gỗ quý, để cất chùa to, cấp cột đem về ngâm ở vũng đất của ông, nơi cất chùa là chỗ thanh vắng giữa đồng mông hiu quạnh, ông cũng xây tô sẵn một cái nền đá khá rộng, cao chừng một thước, nhưng do thời cuộc chùa chưa được cất, nền đá tro tro, cấp cột nằm yên trong vũng. Lúc ấy anh Năm Mão – là cháu gọi ông Hương sư Nguyên bằng Cậu ruột, hàng năm anh làm ruộng trên miếng đất đó, anh cho biết không nghe ai nói gì về cấp cột kia, ngay cả cậu ruột hay mẹ của anh, nhưng ở chỗ cái vũng ấy nay đã cạn, mùa khô, cày bừa xạ lúa, chỗ nào lúa mọc lên chớ chỗ cái vũng thì không, thậm chí khi có nước, năm nào cũng vậy, nhổ lúa chỗ khác đem cấy vào chỗ cái vũng, lúa cấy cũng không sống, bây giờ anh mới biết có thể vì cấp cột kia để cất chùa.

Chuyện nữa cha tôi kể là mộ của ông Dương Văn Thịnh, cha tôi gọi là Anh Hai Thịnh, tôi gọi bằng Bác, Bác là con của ông Dương Văn Ấu, ông Chín Ấu với bà Nội tôi là anh em cô cậu ruột.

Bác hai Thịnh ấy chết lúc còn trẻ, tôi không rõ bác chết năm nào, để lại một vợ và hai con, một chị gái lớn tuổi hơn tôi tên Hối, còn anh con trai bằng tuổi tôi tên Đương, chị Hối ấy về sau mẹ tôi làm mai gả cho một anh con trai mồ côi, mẹ tôi cảm thương cảnh của anh ấy, từng giúp đỡ thoát khỏi cảnh bị nhà giàu bóc lột, làm lụng quá cực nhọc để chỉ được miếng cơm, manh áo.

Mộ của Bác hai Thịnh không có “nấm mồ”, chỉ là mảnh đất nhỏ bằng phẳng, có mấy cây cọc tre và mấy tấm nẹp tre rào chung quanh để cho trâu bò không dẫm lên mả, đây là làm theo lời dạy của đức Phật Thầy Tây An. Điều đặc biệt của ngôi mộ này là quanh năm trong vòng rào quanh mộ không hề có cỏ mọc, có những cọng cỏ hay rau muống dại bò vào mả, phần nào vượt qua rào tre đều tự nhiên bị héo, chết vì vậy mả Bác hai Thịnh quanh năm không hề có cỏ mọc. Hồi nhỏ khi chẵn dê, thỉnh thoảng tôi có đi tới ngôi mộ này để xem cho biết chuyện thực hư mà đúng như vậy. Có vài người còn kể chính mắt họ thấy, ban đêm thỉnh thoảng nơi mộ này có một cục lửa to sáng như đèn “măng xông”, từ mộ vọt lên bay là đà năm, mười mới biến mất, chuyện này thực hư tôi chẳng rõ.

Trong phần đất ông Phủ Nguyễn Bá Thanh, khi còn sinh tiền, ông có cất một ngôi miếu bề ngang chừng 8 thước sâu chừng sáu thước, miếu nền đúc, xây tô, lợp ngói âm dương. Cha tôi lại kể một ngôi miếu khác ở sau vườn của một ngôi nhà dưới chợ chừng một cây số ngoài, hồi nhỏ tôi nhớ có một lần, tôi đi một mình ngang qua ngôi miếu ấy, đó là ngôi miếu cũng xây tô, cất cao ráo, nhưng nhỏ mỗi bề chỉ độ 2 thước mà thôi. Cha tôi cho biết đó là ngôi miếu linh thiêng, tôi không nhớ cha tôi nói về sự linh thiêng của ngôi miếu này, phải chăng lúc đó tôi đã ngủ đi vì đêm đã khuya.

Đó là ba nơi mà ông thân tôi cho là ba nơi quý hiếm trong làng.

Miếu kia, tôi không nghe ai nhắc đến, chẳng rõ nay đã ra sao? Đất Bác hai Thịnh đã bán cho người khác, nay chỉ còn ngôi mộ nhưng cỏ dại đã mọc tràn lan. Phần đất của ông Hương sư Nguyễn nay có cất một ngôi chùa, nhưng không có ai biết đề đào cấp cột kia. Mọi chuyện rồi sẽ bị lãng quên, biết tấm mất tích như cấp cột đã bị vùi chôn, vì nó không có Duyên để góp phần vào việc xây dựng nên ngôi chùa thứ ba ở trong làng, sau ngôi chùa Bình Phước và ngôi Chùa Làng.

Dan Đi Ông Địa

Chuyện chúng ta không làm mà bị người khác gán cho mình làm là một nỗi oan, gặp trường hợp như vậy, người ta thường ví như nỗi oan của ông Địa, chuyện tích ấy như sau:



Hồi xưa, ở một bến sông kia, nơi người ta thường đến gánh nước, tắm giặt, cách đó chẳng xa, chỗ vắng vẻ có một ngôi miếu thờ ông Địa.

Trong số những người thường ra bến sông, có một cô gái bị cha mẹ phát hiện là đã mang thai, chưa chồng mà có mang như vậy gọi là “có chửa hoang” thì phạm “thuần phong mỹ tục”, có nhiều làng đặt ra những luật lệ gắt gao để phạt gia đình nào có con gái bị chửa hoang.

Do đó, cha mẹ tra hỏi cô gái để tìm ra thủ phạm, để bắt thủ phạm cưới hỏi con gái của mình hầu tránh bị phạt vạ của làng xóm. Cô gái khai với cha mẹ, hàng đêm cô ra bến sông gánh nước, những khi thanh vắng đã bị ông Địa dụ dỗ nên mới có mang. Thủ phạm chính là ông Địa.

Ông Địa nghe cô gái vu oan giá họa cho mình, ông tự hứa từ đó về sau, bất cứ chuyện trai gái nào dù cho ai dấu kín đến đâu, ông cũng làm cho người khác biết để tránh bị vu oan và cái tích oan ơi ông Địa do đây mà có.

Trường hợp của tôi khác ông Địa như sau. Vào đầu niên học năm 1974-1975, Hội Đồng Giáo sư trường Nguyễn Trường Tộ hợp, dưới sự chủ tọa của hiệu trưởng Phạm Văn Tài, để xét duyệt đơn xin cho một số con em Giáo sư và Nhân viên của Trường được nhập học, sau khi rút kỳ thi tuyển.

Năm đó, tôi có xin cho một thí sinh, vốn tôi ở trọ nhà của cha mẹ nó gần mười năm đèn sách của tôi, còn nó thì từ lúc chưa sanh ra cho đến khi vào tiểu học. Hội đồng đã xét hết mọi trường hợp, cuối cùng còn một chỗ nhưng có hai người xin, một là giáo sư Lê Văn Giệp, vừa mới tốt nghiệp Kiến trúc sư, được bổ làm giáo sư của trường, thân phụ của giáo sư Giệp là ông Lê Văn Ngọc nhân viên của Nha Kỹ thuật Học vụ, người thứ hai là tôi, lúc đó ai cũng biết tin tôi sắp sửa làm Hiệu Trưởng.

Ông Tài, chủ tọa tuyên bố:

- Hiện tại chỉ còn một chỗ, tôi không biết chọn ai, bỏ ai tôi đề nghị anh Tông và anh Giệp tự cân nhắc để chọn một dùm tôi.

Thật ra thì trong trường hợp này, tôi đương nhiên ưu tiên hơn ông Giệp ở chỗ tôi là giáo sư của Trường từ năm 1970, còn ông Giệp là người mới. Lúc đó, trong đầu tôi nghĩ thật nhanh, đây là trường hợp ông Tài muốn biết tôi xử trí ra sao mà thôi chớ thật ra, muốn giải quyết chuyện này rất dễ, một là ông Tài phải tính từ trước lấy ai, bỏ ai, hai là ông Tài lấy thêm một học sinh nữa, đảng này ông Tài đưa ra hai để chọn một, mà ông cũng không chịu áp dụng quyền ưu tiên, cho nên tôi lên tiếng ngay:

- Thưa ông Hiệu trưởng và quý vị giáo sư, tôi ở trọ nhà của em học sinh mà tôi xin cho vào học gần mười năm, tôi xem đứa nhỏ như con cháu của mình nên tôi mới xin, tuy nhiên nếu ông Giệp thấy cần thiết, thì ông Giệp cứ nhận chỗ ấy.

Thế là ông Giệp nhận cho người thân của mình, phần tôi thì không có gì phiền muộn, chỉ tiếc mình không xin được cho thí sinh kia mà tôi xem nó còn thân thiết hơn cháu ruột của mình và tôi phải đến nhà để xin lỗi cha mẹ cháu là đã không thể xin được cho cháu theo học.

Việc đó tôi đã quên đi từ lâu rồi.

Vào đêm trừ tịch năm Mậu Tý, giáo sư Hà Mộng Giao gọi điện thoại tới thăm tôi và chúc Tết, rồi sau đó chúng tôi gửi Email cho nhau, giáo sư Giao có cho tôi điện thoại của một số người như ông Lê Bá Thanh, nguyên Trưởng phòng Hành chánh của Trường nay định cư ở San Jose, bà Phạm Kim Chi nguyên Y tá

của Trường di tản năm 1975, nay định cư ở Nam Cali, cô Nguyễn Thị Nga thư ký của Trường nay ở San Jose.

Bà Chi đối với gia đình tôi có một kỷ niệm, vào năm 1974, một hôm bà khoe với ông Tổng giám thị Trần Văn Sáng là bà có mua một cây táo Thái lan để trồng, nghe thế tôi có nhờ bà mua dùm cho tôi một cây. Rồi tôi trồng cây táo này trước sân nhà, vài năm sau cây táo có trái, đôi khi ăn trái táo nhớ đến bà Chi đã mua dùm cây con mà người ta bán dạo trên xe ba gác.

Một hôm tôi gọi điện thoại tới thăm bà Chi, hỏi thăm nhau, kể chuyện một hồi lâu bà Chi mới hỏi tôi:

- Sao hồi đó, anh có xin cho một đứa cháu vào học, lúc đi khám sức khỏe, anh không nói cho tôi biết mà lại đi nhờ Nha gọi tôi lên để gửi gắm cho cháu ?

Nghe bà Chi nói tôi bị bất ngờ, thật ra tôi có hai cậu em vợ học tại Trường, một là Nguyễn Thanh Quan hai là Bùi Thanh Hải, hình như một bảng vàng và một bảng xanh, cả hai khi khám sức khỏe tôi đều không hề nhờ Nha, đó là bản tánh của tôi không thích nhờ cậy cấp trên, người có quyền thế. Nếu có nhờ cậy, tôi phải nhờ ông Trần Văn Sáng là người thường cùng tôi đi uống cà phê quán Út Bạch Lan ở đình Tân Kiểng, hoặc là đi uống bia với ông Lâm Văn Trân Tổng Giám Xưởng và mấy người bạn Hải Quan.

Tôi bỗng nhớ lại chuyện đã lãng quên từ lâu để trả lời cho bà Chi:

- Thưa chị, tôi không có nhờ Nha việc chi cả. Năm đó, tôi có xin cho một đứa cháu, nhưng sau đó tôi nhường cho cháu của giáo sư Giệp, chắc là ông Ngọc, thân phụ của giáo sư Giệp

phong phanh biết tôi sắp thay thế ông Tài, nên đã lợi dụng tên tôi để chị phải hết lòng giúp đỡ nhỏ.

- Thì ra thế! Hồi đó, tôi không biết nên nghĩ là anh có pít-tông mạnh lắm. chắc là trên Bộ nên anh không thêm nói với tôi, để Bộ xi xuống Nha, Nha kêu tôi lên. Mà anh biết, tôi là nhân viên, nghe cấp trên gọi lo không biết chuyện chi sẽ xảy ra. Tôi trước ở Nha trang xin cho được về Sài Gòn làm ở Y tế Học đường thật là khó khăn, nên khi nghe Nha gọi lo sợ bị chuyển đi tỉnh. Cũng nghĩ vì anh có pít-tông mạnh lắm nên mới được làm Hiệu trưởng!

Tôi phải kể lại cho bà Chi biết ngọn nguồn vì sao ông Phạm Văn Tài chọn tôi làm Hiệu trưởng, chứ tôi không có pít-tông ở Bộ hay Nha chi hết.

Bà Chi được cởi mở tấm lòng cười xòa với tôi:

- Chuyện đã lâu, trong lòng tôi vẫn ám ức tại sao anh không nói thẳng với tôi, mà để cho Nha gọi lên, làm tôi lo sợ. Vậy là đã ba mươi mấy năm rồi, bây giờ mới giải tỏa được sự ám ức trong lòng của tôi. Khi nào anh qua Cali, mời anh ghé nhà tôi chơi, có thì giờ thì mua thức ăn về nhà ăn uống nói chuyện lâu lâu một chút, chứ đi tiệm phải ăn uống vội vàng, chẳng nói được chuyện chi hết.

- Khi nào sang Cali, chắc chắn là tôi sẽ nhờ anh Hà Mộng Giao đưa đến thăm anh chị, cũng nhờ anh ấy mà tôi có số điện thoại gọi tới thăm chị hôm nay.

- Anh cho tôi số điện thoại của anh, để thỉnh thoảng gọi thăm anh chị.

HUỲNH ÁI TÔNG

Thật là một cuộc điện đàm hữu ích, một là được biết tin một nhân viên cũ của trường, đã trải qua những ngày tháng đầu tiên cuộc sống tị nạn trên đất Mỹ, gian khổ và đầy hy sinh để lo cho con em ăn học, ngày nay đều thành đạt, hai là bà Chi đã được giải tỏa sự ám ức vì nghĩ rằng cấp trên ý thế hà hiếp kẻ dưới quyền, riêng tôi được giải oan sau ba mươi ba năm.

Tôi không phiền ông Ngọc lại càng không phiền anh Giệp về việc mượn oai hùm này, cảm ơn bà Chi đã cởi mở tấm lòng, nói ra một chuyện không vừa ý mà mình phải chịu đựng bấy lâu, nhờ vậy tôi mới có dịp giải tỏa, khỏi chịu hàm oan.

2-5-2009
Derby Day

Bé Cái Nhầm

Ngày xưa ngày xưa, có một anh chàng trai trẻ đi dạo chợ Long xuyên đã thềm, anh ta ra bến xe leo lên xe đò đi **Bình Thủy**, xe chạy đến Bình Thủy, anh lơ hởi anh chàng trẻ tuổi kia xuống chỗ nào, anh ta nhìn tới nhìn lui thấy lạ hoắc, nên trả lời với anh lơ xe: "Tui con Thầy Hương Quán, cho tui xuống ngay tại nhà Thầy Hương Quán".

Rồi một lát sau anh lơ cho xe ngừng, nói với anh chàng trai trẻ: "Tới nhà Thầy Hương Quán rồi đó, xuống đi !". Anh chàng trai trẻ e ngại, vẫn ngồi lì trên xe đáp: "Đâu phải nhà tui đây mà xuống !"

Nhà Thầy Hương Quán, thấy có xe ngừng ngay cửa nhà mình, chắc là có khách tới thăm, nên Thầy Hương Quán bước ra đón khách, anh lơ xe thấy có Thầy Hương Quán liền nhờ giúp:

- Bẩm Thầy Hương Quán, có cậu trai này, nói là con Thầy Hương Quán, đi về nhà Thầy, tới nơi mà anh ta không chịu xuống!

Thầy Hương Quán mỉm cười đáp:

- Con trai tôi đang ở trong nhà. Có lẽ cậu trai này là con Thầy Hương Quán ở **Bình Thủy Cần Thơ**.

Ông ta nhìn cậu con trai nói tiếp:

HUỖNH ÁI TÔNG

- Cháu xuống xe đi ! Tôi tìm xe khác gửi về cho. Đây là **Bình Thủy Long Xuyên**

Đó là chuyện có thật cách nay 60 hay 70 năm do chính ông thân tôi kể cho nghe, để dạy tôi từ Long Xuyên đi về nhà cần thận, nếu không sẽ đi Cần Thơ như anh chàng kia..

Cho phép tôi nói luôn trên Wikipedia có anh chàng trẻ nào ở làng tôi viết một bài Tựa là **Cù Lao Bình Thủy**, bài này tôi phải sửa chữa mới chừng 90% chỉ có Tựa tôi không làm sao sửa được, có một cù lao tên là Bình Thủy, thuộc làng Bình Thủy nằm trong địa phận Cần Thơ, còn làng tôi tên là Bình Thủy nằm trên **Cù Lao Nặng Gù**, vì vậy viết về làng tôi mà lấy tựa là Cù Lao Bình Thủy là sai, cho nên lên Google gõ tìm Cù Lao Bình Thủy sẽ gặp bài này. Đó là làng Bình Thủy nằm trên Cù Lao Nặng Gù Nhưng nếu vào Map tìm ra Cần Thơ, về phía tây trên sông Hậu Giang cách Cần Thơ chừng 10 km sẽ thấy Cù Lao Bình Thủy.



Cù lao Nặng Gù (nằm cạnh QL 91 giữa đường Long Xuyên - Châu Đốc)

Sinh Nhật Của Tôi

Trước Đệ nhị thế chiến, người Nhật không cao lớn, ngay cả khi họ làm bá chủ Đông Nam Á, đoàn quân viễn chinh ấy đều nhỏ con hay lùn, người Việt mình gọi mỉa mai họ là dân “nước cơm chắc”, không rõ từ này ở đâu ra, nhưng mang ý nghĩa là đất nước của người lùn, vậy mà sau khi thất trận một thời gian chừng 30 hay 40 năm, họ đã trở nên cao lớn.

Người Việt ta, trước đệ nhị thế chiến, tuổi thọ của dân ta thường là 60, cho nên người ta lấy khoảng thời gian 60 năm để chỉ cho một đời người. Do vậy ở đất Bắc có nơi 50 hay 55 tuổi người ta đã cho lên lão để được miễn sưu, miễn thuế, mừng lên lão, người ta đưa ra làm lễ ở Đình làng đãi từ quan viên cho đến thứ dân.

Hiếm người sống trên 60 tuổi, do vậy có ai sống đến tuổi 60 trở đi, nhà khá giả làm những lễ mừng cha, mẹ ông bà mình đã sống lâu, khỏe mạnh, thông thường gọi là lễ "Thượng thọ".

Người ta chia ra khi làm lễ 60 tuổi gọi là Hạ thọ, 70 tuổi là Trung thọ, 80 tuổi là Thượng thọ. 90 tuổi là Đại thọ, 100 tuổi trở đi là Vạn thọ.

Người ta cũng gọi lễ mừng lúc 60 tuổi là thượng thọ lục tuần, lúc 70 tuổi là thượng thọ thất tuần, lúc 80 tuổi là thượng thọ bát tuần, 90 tuổi là thượng thọ cửu tuần và tròn 100 tuổi thì ăn mừng lớn - gọi là bách tuế hay bách niên chi lão.

Như vậy chứng tỏ ngày xưa tuổi thọ thấp, nhưng cũng không phải không có người sống đến trăm tuổi, cho nên ngày Tết, con cháu mừng tuổi ông bà, cha mẹ thường chúc: “Sống lâu trăm tuổi”.

Sống lâu và được khỏe mạnh ai ai cũng mong ước, cho nên ngày Tết người ta thường dán câu chúc “Ngũ phúc lâm môn”, tức là ước muốn được 5 cái phúc vào nhà, người Phật tử khi tụng kinh có câu nguyện “Ngũ phúc trùng tăng”, cũng là cầu nguyện cho 5 cái phúc cùng có được nhiều hơn. Năm cái phúc ấy, có nguồn gốc do từ trong thiên Hồng Phạm ở Kinh Thi của Trung Hoa mà ra. Đó là: Thọ (sống lâu), phú (giàu có), an ninh (an lành), du hảo đức (có đức tốt), khảo chung mệnh (sống an vui, chết tốt lành). Sau người ta đặt tên cho dễ nhớ là: Trường thọ, phú quý, Khang ninh, hiếu đức và thiện chung.

Hiện nay, chẳng riêng gì Việt Nam trên thế giới đều có tuổi thọ cao, đọc báo chúng ta thấy Cáo Phó hay Phân Ưu, người chết ở vào tuổi 80 là thường, cho nên sinh nhật của tôi vào tuổi 70 hay 71 là chuyện bình thường.

Năm nay vào ngày sinh nhật, tôi không ở nhà do con gái rước đến nhà, để đưa đón thằng cháu ngoại đi học ở University

THỂ SỰ

School of Jackson, Tennessee. Trước khi đi, các con ở nhà mừng quà, thiệp.

Ở nhà con gái tôi, trước ngày sinh nhật, nó gọi điện thoại đặt bánh sinh nhật ở Memphis, cách chỗ nó ở đến 80 miles, vì ở đó có người nhận đặt bánh, bánh không quá ngọt như ở những cửa hàng Mỹ, tuy có đắt hơn gấp đôi ba lần, lại phải đi xa để lấy bánh, nhưng nhân tiện đi shopping ở Mall và mua thực phẩm Á đông.



Dù thọ thất tuần, nhưng tôi không chủ trương làm chi, con và rể tôi muốn làm cho vui, chúng cũng có quà mừng cho tôi, thiệp chúc tụng và cả nhà quay quần lại chụp ảnh lưu niệm, ăn bánh sinh nhật.

Lại một lần nữa sinh nhật của mình, tôi dành chút thời gian để hồi tưởng lại những giai đoạn đã qua, những biến cố lớn trong đời mình.

HUỖNH ÁI TÔNG

Nhìn lại thật kỷ, tôi thấy trong đời tôi chỉ có chút cố gắng học để lấy bằng Tú Tài I Kỹ thuật, sau khi thi rớt tới 4 keo trong một năm, đó là năm 1961, và tôi cũng có đặt ra cho mình mục tiêu phải lấy được bằng Đại học sau khi đã đi làm trước tuổi 35, cả hai cái đó tôi đều đạt được cùng hạng Bình Thứ, ngoài ra những chức vụ dường như tôi đều bị người ta áp đặt cho mình ở ngoài đời cũng như trong Đạo.



Tôi làm Liên Đoàn Trưởng GDPT Giác Minh cũng như Đoàn Trưởng Trường Đào Tạo Huỳnh Trường A Dật Đa, vì không có ai nhận, anh em đùn đẩy cho tôi phải nhận. Một lần làm Hiệu Trưởng Trường Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, một lần làm Hiệu Phó đều do hai ông cựu Hiệu Trưởng ngằm đề cử với cấp có thẩm quyền, tôi được chỉ định làm ngoài ý muốn của mình.

Những gì tôi làm từ bước đầu, đều không đánh trống, thổi kèn, tôi làm từ những cái nhỏ nhất xây dựng dần cho đến khi thành công. Chẳng hạn khi tôi làm Bản Tin của Ái Hữu GDPT Vĩnh

Nghiêm Hải Ngoại, bước đầu chỉ làm có 2 trang đánh máy về sau tôi nâng lên 8 trang ra đều đều mỗi tháng, từ cuối năm 1991 hay đầu năm 1992 cho đến số 87 phát hành năm 2002 là năm thứ 12 thì Ban Chấp Hành giao cho chị Tâm Diệu Dương Thị Mỹ đảm trách, nay hình như Ban Chấp Hành đã giao cho người khác phát hành đến số 127, như vậy nó đã được ấn hành liên tục trong 20 năm, hình như chưa có một Bản Tin hay tờ báo nào của Gia Đình Phật Tử được sống lâu như vậy, đó là nhờ anh chị em luôn luôn quan tâm chăm sóc.

Nguyệt San Phật Học, tôi cũng đứng ra chủ trương làm, trước tiên nó là Bán Nguyệt San 4 trang sau tăng dần 8 trang, đến năm thứ hai được một số anh em định cư cố cựu giúp đỡ tăng lên 32 trang, phát hành ở Mỹ và khắp các quốc gia khác như Canada, Úc, Pháp, Đức và cũng bắt đầu từ đó có Trang Mạng hình thức y như báo in. Anh em có phương tiện, kiến thức đã giúp tôi xây dựng vững mạnh và uy tín, tôi chỉ trách nhiệm về bài vở và phát hành, nhưng về sau do công ăn việc làm không thể tham gia nhiều, cho đến số 75 năm 2000, gần như tôi tôi phải đảm trách mọi thứ, trừ vấn đề giữ quỹ. Đây là tờ báo có giấy phép, được Sở Thuế Liên bang nhận là tổ chức bất vụ lợi.

Cho đến năm 2007, báo in đình bản nhưng báo Mạng vẫn tồn tại đều đặn hàng tháng cho đến nay là năm thứ 16, số 202 ra ngày 1 tháng 5 năm 2011. Bên cạnh đó Nguyệt San Phật Học xuất bản một số sách biểu không cho người đọc ở khắp các nước (trừ Việt Nam, vì sách sẽ bị tịch thu), sách thường in dày đến 600 trang.

AHVN do chị Hồng Loan khởi xướng, được sự đồng ý của chị Đoàn Thị Kim Cúc, tôi đã liên lạc với một số anh chị để thành lập Ái Hữu GDPT Vĩnh Nghiêm Hải Ngoại từ gần cuối năm 1991, về sau anh em tham gia, phát triển rộng lớn phải là công

lao của Trưởng Ngô Mạnh Thu quy tụ được nhiều anh, chị, em khác. Mỗi người một tay, một tấm lòng xây dựng, duy trì và phát huy.

Vào năm 1996, tôi bắt đầu thử làm Web trên AOL, nhưng chưa thành công, có lẽ vào giữa năm 1997 tôi mới thật sự làm Web trên các Server miễn phí như AOL, Geogicity, Freeserver ... về sau tôi phải mua hosting của server Daddy dùng cho AHVN, Nguyệt san Phật Học, Trung Học Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, Cao Thắng. Khi kinh tế Mỹ suy thoái sau vụ 911 năm 2001, các server miễn phí hủy bỏ, tuy vậy ngày nay trên Freeserver vẫn còn tồn tại của KT Cao Thắng và AHVN.

Tại nơi tạm dung, tôi đã tham gia sinh hoạt thành lập Hội Phật Giáo địa phương, Hội Cựu Tù Nhân Chánh Trị, cả hai tôi đều giữ chức Tổng Thư Ký và tôi đã từ chức sau một thời gian xây dựng. Do người ta muốn áp đặt, tôi không chấp nhận, họ đã khai trừ tôi ra khỏi Hội Cựu Tù Nhân Chánh Trị. Về việc này, tôi đã cảnh báo họ đây là việc làm mất đoàn kết, gây chia rẽ trầm trọng trong cộng đồng, họ không tiên liệu được, nên trên 10 sau, cộng đồng người Việt, Phật tử người Việt, Cựu Tù Nhân Chánh Trị, tất cả đều không có tổ chức nào hoạt động vững mạnh, có uy tín.

Tôi bị những chiến hữu của mình hạ độc thủ thì một số anh em khác có địa vị, có học thức giúp tôi phát triển tờ Bán nguyệt san Phật Học thành Nguyệt San, từ phát hành trong thành phố Louisille, bang Kentucky, phát hành rộng ra cả nước và ngoài nước Mỹ, lại áp dụng tiến bộ tin học để làm báo điện tử. Từ đó nhiều vị khác đã tham gia viết gửi bài, trong đó có Bình Anson, Trang chủ BuddhasSana và nhất là giáo sư Nguyễn Văn Hai, nguyên là dân biểu Đệ nhất Cộng hòa, Hiệu Trưởng Trường Quốc Học, Giám Đốc Nha Học Chánh Trung Phần và Cao

nguyên Trung Phần, Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Huế đã cộng tác với Nguyệt san Phật Học trong nhiều năm và Nguyệt san Phật Học đã phát hành đến 3 tác phẩm của ông viết về Trung Quán Luận. Cho đến giờ, tôi nghĩ còn nợ ông một bài viết, viết về cuộc đời sống gió của ông, tuy tôi không hiểu biết ông nhiều, nhưng có những chi tiết đáng ghi. Mỗi lần tôi gặp ông, nghe ông nhiều hơn nói, có hôm nghe ông nói đến 4 giờ lên tục, luôn luôn hấp dẫn dù có khi được nghe lại đến lần thứ hai.

Tôi nhận ra một điều, bản tánh người Việt ta, ai ai cũng muốn mình là lãnh tụ, mình hơn người, ít ai nhận chịu mình nên làm một người góp bàn tay xây dựng, chịu sự điều khiển của người hơn mình.

Tôi cũng đang nhận ra hình như mình không làm nên được cái gì cho có ý nghĩa về cuộc đời, tôi vẫn đang tìm kiếm, gần cuối đời rồi vẫn chưa thấy!

Trước kia tôi có ý định sau khi hưu, trở về Việt Nam vào chùa thí phát quy y Tam bảo, sớm kệ chiều kinh, nhưng nay thấy không thể sống ở Việt Nam, không phải vì Cộng sản, bởi vì đi tu rồi không phải là Bồ Tát cứu nhân độ thế, thì không có gì ràng buộc nữa, mà vì tu rồi thì ở đâu cũng vậy thôi, sau hai mươi năm sống ở Mỹ hiện thời, nhìn lại Việt Nam khác xa với Việt Nam của lúc tôi đang suy nghĩ ở 20 năm trước.

Một thời công phu kia, bỗng dưng tôi không thấy có tôi, tôi không thấy có thời gian đã qua, hiện tại và tôi cũng không thấy có cái không gian mình đang ở trong đó, cái giây phút ấy nó dài ngắn là bao tôi không đoán định được, chỉ biết đó không là giấc mơ.

Nói về giấc mơ thì một đêm kia, tôi chiêm bao thấy mình đến chùa đề Thọ Bát Quan Trai, vị Hòa Thượng trụ trì, y chỉ sư của tôi ngài bảo:

- Lần này chú ở lại đây một tuần mà tu.

Rồi sau đó, vị hòa thượng ấy dẫn tôi ra chỗ hồ nước cạo tóc cho tôi, sau khi ngài cạo xong tóc, tôi thấy có hai ni cô còn rất trẻ đứng gần tôi, mỗi cô hai tay nâng một chiếc y màu vàng cam, tôi nghĩ đó là hai chiếc y hòa thượng trụ trì ban cho, rồi tôi giật mình tỉnh giấc.

Đó là giấc mơ năm tôi tròn 70 tuổi.

Trăn trở

Bất chợt, tôi bị đánh thức vào lúc nửa đêm, bên tai tôi còn nghe tiếng của một chú tiểu:

- Chú Trung ! Cháu có chuyện nhờ chú một chút.

Tôi vẫn nằm yên để định tâm xem chuyện chi đang xảy ra, ở đâu và vào lúc nào. Trước nhất tôi biết mình đang nằm trên chiếc ghế bố, trong một chiếc mùng lưới nhỏ, bên tay trái tôi là chiếc bàn, trên ấy có ngọn đèn dầu dọi ra ánh sáng lờ mờ, ở bên cạnh ghế bố phía chân tôi, một chú tiểu đang ngồi xỏm, tay trái đang cầm vật chi đó, tay phải nắm lấy thành ghế bố, lưng chú ấy tựa vào tường. Ánh sáng ngọn đèn không giúp tôi nhìn rõ mặt chú tiểu, mặc dù tôi đã tỉnh dậy, biết mình đang nằm trong phòng khách tăng của chùa, có lẽ đêm đã gần sang canh tư, vì sau thời công phu niệm Phật ở chánh điện xong, tôi nhìn đồng hồ đã hơn mười một giờ rưỡi đêm, sau đó trở về phòng nói chuyện với chú tài xế một lúc, chú ấy bỏ đi tôi mới lên giường ngủ. Tôi không rõ chú tiểu muốn nhờ tôi việc chi, để giúp cho chú tiểu dễ dàng mở đầu câu chuyện, tôi lên tiếng trước:

- A Di Đà Phật ! Chú có việc chi cần tôi xin cứ nói.
- Dạ ! Cháu có việc nhờ chú Trung giúp, nên vô phép đánh thức chú dậy.

Trong khi chú tiểu ấy nói, tôi ngồi dậy, vén mùng chui ra bước tới chiếc bàn, vừa đi tôi vừa nói:

- Mời chú tới đây, ngồi cho thoải mái rồi nói chuyện, đừng ngại chi hết, dù sao chú cũng đánh thức tôi dậy rồi.
- Dạ ! Xin chú Trung hiểu cho, nơi đây không có ai có thể giúp cháu, hồi chiều nghe nói chú ở thành phố lên, nên cháu nghĩ là phải nhờ chú, nhưng cháu cứ nghĩ tới lui hoài, nên bây giờ đến

khuya cháu phải đánh thức chú dậy, sợ để ngày mai lại không có dịp hay không có thì giờ.

- Được rồi, việc chi chú nói tôi nghe thử, nếu được tôi sẵn sàng giúp chú.

- Cháu có lá thư này, chú đọc dùm xem họ nói chi và chỉ cách cho cháu giải quyết.

Chú ấy vừa nói, vừa dùng tay phải rút một lá thư đang cầm trong tay trái chung với mấy lá thư khác và vài tấm ảnh màu, đưa cho tôi.

Tôi nhìn ngoài phong bì, thấy tem và dấu Bưu Điện cho biết thư gửi từ Canada, thư đã được bóc, phong bì không còn mới, tôi nghĩ ngoài chú tiểu này, đã có người đọc trước rồi, tôi tự hỏi tại sao có người đã đọc rồi mà chú ấy còn nhờ tôi, tôi tự giải thích hoặc người ta đọc nhưng không hiểu hết nội dung, hoặc người ta đã giải thích nội dung nhưng chú ấy muốn tôi giúp thêm ý kiến.

Đọc qua lá thư tôi được biết, người viết thư là một người Canada đã về hưu, được một người bạn là Ông Paul giới thiệu chú Thiện Hạnh cho ông ta, ông ta đã đọc thư của chú Thiện Hạnh viết, biết chú đã trở thành một tu sĩ, ông ta rất vui mừng, vì năm nay ông ta không sang Việt Nam, nên trong những ngày tới sẽ có một bà bạn của ông ta đi du lịch sang Việt Nam, nhất định bà bạn của ông ta sẽ đi tìm đến thăm chú Thiện Hạnh, năm tới nữa ông ta sẽ sang thăm chú.

Chú tiểu ấy, bây giờ tôi mới biết là chú Thiện Hạnh, chú nghe tôi dịch nội dung lá thư vừa xong, liền hỏi ngay:

- Không biết tại sao ông ấy lại nhờ người bạn kiếm cháu, chú Trung biết có chuyện gì cho cháu không ?

Câu hỏi của chú Thiện Hạnh làm cho tôi nhớ tới, những năm đầu khi Cộng Sản chiếm miền Nam, họ cấm không cho bất cứ ai được nói chuyện với người ngoại quốc. Tôi nghe nói về trường hợp của ông giáo sư kia, tôi có biết ông ta, vốn là người Việt, cha Việt, mẹ Thái, tốt nghiệp sư phạm ở Đài Loan, du học ở Mỹ, về Sài Gòn dạy học trước 1975, rồi ông ta kẹt ở lại, một hôm gặp người Mỹ ngoài đường, ông ta vui vẻ cùng người Mỹ nói chuyện, ngay liền lúc đó ông ta bị công an quận 10 bắt nhốt, may lúc ấy gặp thời Võ Văn Kiệt làm Bí thư Thành Ủy, ông ta được chiêu hiền đãi sĩ, Võ Văn Kiệt can thiệp nên được thả ra. Nay đã trên 20 năm rồi chuyện ấy đã lùi vào dĩ vãng, nhưng mà thời ấy ai nói chuyện với Liên Xô cũng bị bắt nhốt luôn, làm cho phía Liên Xô họ cũng than phiền: Nói chuyện với người nước ngoài như Mỹ, Pháp bị cấm cho là phải đi, còn nói chuyện với Liên Xô là phe ta mà cũng cấm nữa! ”Thế là thế nào ?”

Tôi quay trở lại với chú Thiện Hạnh:

- Tôi không hiểu lá thư chú viết như thế nào, nên không thể trả lời cho chú được, chỉ biết rằng ông ấy quan tâm đến chú, nên sẽ nhờ người tới thăm chú trước, rồi sang năm ông ta mới tới gặp chú. Chú có thể nhớ và nói cho tôi biết chú đã viết gì trong lá thư đó không ?

- Dạ cháu có quen với ông Paul khi ở dưới thành phố, sau khi ông về nước, cháu vào chùa xin tu, cháu muốn trao dồi thêm Anh vẫn nên viết thư thăm hỏi ông Paul và trong đó cháu báo tin là đã đi tu, và cháu viết về đạo Phật cho ông Paul biết. Còn ông này cháu không có quen biết, nên cháu ngại không hiểu ông ta muốn gặp cháu để làm chi.

- Việc chú viết thư để trao dồi Anh Văn là việc tốt cho chú, chú lại muốn truyền bá đạo cũng tốt nữa, nhưng có điều tôi e ngại.

Tôi ngưng không nói tiếp, chú Thiện Hạnh bồn chồn lộ rõ trên khuôn mặt của một chú tiểu trẻ, cũng vừa mới bước chân vào chùa tu chưa được bao lâu, tôi đoán vậy, bởi vì năm ngoái tôi lên đây mấy ngày, chỉ gặp Sư Tâm Giới là anh ruột của chú mà thôi. Tôi đang suy nghĩ nên nói với chú những gì để chú có thể hiểu và hành xử cho đúng hơn. Chú Thiện Hạnh không thể chờ lâu hơn nên thúc dục tôi:

- Thừa chú Trung, có điều chi xin chú chỉ dạy cho, để cháu tránh khỏi sai lầm, nhất là nay cháu đã sống trong chùa, cháu không muốn người ta nhìn qua cháu để đánh giá chung chung cho những người khác.

- Cảm ơn chú đã nói những lời chân thành, tôi có điều e ngại, muốn trình bày cho chú rõ, nhưng không biết nói thế nào, nay chú đã nói, tôi cũng xin tình thật nói cho chú biết, Phật giáo của chúng ta vừa mới vươn lên sau vài trăm năm không phát triển vì chiến tranh, vì bị đô hộ. Cho nên vào thập niên 50 có một số tăng được gửi ra nước ngoài học, rồi đến sau Pháp nạn 63, một số tăng cũng được cho đi du học, nói như vậy để chú

biết rằng Phật giáo ở nước ngoài có trình độ cao hơn Phật giáo ở nước ta.

Sách Anh hoặc Pháp văn viết về Phật giáo rất nhiều, người viết có trình độ đại học, có cấp bằng Tiến sĩ, trình bày rất khoa học nhờ vậy người đọc dễ hiểu, có những sách viết cho trình độ vỡ lòng, có những sách chuyên cao cho những nhà trí thức muốn tìm hiểu về Phật giáo.

Vậy những gì mà chú viết cho ông Paul, tôi không hiểu chú có đủ khả năng để khuyên hóa ông ta không ? Ngược lại giáo lý mà chú muốn trình bày chỉ là đức tin của chú, nó không là đức tin của người khác thì vấn đề chú trình bày, có khi trở nên ấu trĩ, sai lệch giáo lý như thế có hại hơn là có lợi.

- Thừa chú, cháu không viết chi về giáo lý, cháu chỉ nói là cháu tin đức Phật chỉ bày con đường, để người ta theo đó đi thì tránh được khổ đau, cháu muốn tránh khổ đau sau này nên cháu quyết vào chùa tu, chú nghĩ cháu trình bày như thế có đúng không ?

- Nhưng có người cho rằng chú đi tu bây giờ là chưa đúng, tuổi chú còn nhỏ, chú cần đi học mở mang kiến thức rồi đi tu sẽ có lợi hơn, vì người hiểu biết sâu rộng trình bày vấn đề người nghe dễ hiểu hơn.

- Nhưng khi người ta học cao rồi, cái danh cái lợi buộc ràng, cháu nghĩ lúc ấy khó mà đi tu hơn khi còn trẻ. Thừa chú cháu muốn biết theo như trong thư này, nếu người ta tìm cháu có điều chi có hại cho chùa hay cho cháu không ?

THẾ SỰ

Theo tôi nghĩ không có hại chi hết, theo tôi người ta muốn biết tình trạng chú tu hành ra sao, chú có cần giúp đỡ chi không ? Theo tôi, việc chú làm quen với người ngoại quốc để trao đổi sinh ngữ, cầu học như vậy là quý, nhưng về giáo lý thì theo tôi chú khoan nói gì với họ, đợi khi nào chú học hỏi nhiều và sinh ngữ của chú thật giỏi, lúc ấy chú không muốn, tôi đây cũng sẽ yêu cầu chú hãy đem giáo lý mà chú đã thâm hiểu để truyền bá cho người khác.



Chú Thiện Hạnh với tay lấy những tấm ảnh và thư bỏ vào phong bì, nhìn tôi trên môi nở nụ cười hỉ dạ rồi nói:

- Cháu cảm ơn chú Trung đã khuyên bảo cháu những lời quý giá, cháu hứa sẽ trao đổi Anh ngữ và học cho giỏi để thi vào

trường Cơ Bản Phật Học, sau đó sẽ học lên, như chú nói, người tu cũng vậy, có kiến thức tức là có trí tuệ sẽ làm được nhiều lợi ích hơn cho Phật giáo, thôi để chú ngủ khuya quá rồi, cảm ơn chú Trung nhiều lắm.

Chú Thiện Hạnh nói luôn một hơi rồi đứng lên chấp tay xá tôi để lui về phòng, tôi cũng vội vàng đứng lên xá lại, dù có muốn nói thêm tôi cũng không thể giữ chú ấy lại vì đêm đã quá khuya, chùa đã tĩnh mịch ở giữa rừng núi, đêm khuya lại càng tĩnh mịch hơn, không một tiếng chim, thỉnh thoảng chỉ có ngọn gió lùa, cành lá xạt xào xa xa vọng lại.

Tôi trở lại ghé bố nằm, nhưng khó dỗ lại giấc ngủ.

Ngày Hội Trường 21-11-2009

**Trung Học Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ
& Trung Tâm Chuyên Nghiệp Phan Đình Phùng**

*

Năm nay, tôi có dự định về Việt Nam để khám lại Tiền liệt tuyến, nếu được sẽ kết hợp dự Ngày Nhà Giáo Việt Nam, bởi vì trong ngày này sẽ có dịp gặp lại nhiều đồng nghiệp và các em học sinh, nhưng có vài việc, tôi không chủ động được nên không biết khi nào về Việt Nam.

Ông bà Nhất Giang chủ nhiệm nhật báo Chiêu Dương ở Úc, có mời tôi sang Úc chơi vào dịp Hội Liên Trường Kỹ Thuật Úc họp vào khoảng cuối tháng 11, tôi xin lỗi không thể sang Úc vì định đi viếng Phật tích ở Ấn Độ vào đầu năm 2010, nhưng sau cùng nhà tôi có thông tin đi viếng thánh tích vào mùa đông sẽ rất lạnh vì gần Hy Mã Lạp Sơn, thế là chúng tôi hủy bỏ, nên lấy vé về Việt Nam, nhằm lúc người ta ngại cúm H1N1 nên mua vé cũng dễ, ngày 5 mua vé 17 đi, đến ngày 16 vẫn chưa có Visa, gọi điện thoại cho đại lý vé, họ cho biết nhất định sẽ có vé trong ngày 16, tôi hồi hộp chờ đợi, mãi đến 4 giờ chiều, Fedex mới chuyển Visa đến cho tôi.

Về Việt Nam, tôi muốn dành sự ngạc nhiên cho mọi người, nên tôi không cho ai biết tôi đã về, nên khi tôi đến dự ngày nhà giáo 21-11-2009 tại nhà hàng Đoàn Viên, ban tổ chức, các

đồng nghiệp cũng như một số học sinh đều ngạc nhiên về sự hiện diện của tôi.

Những năm trước, tôi đã thấy Thầy Vũ Duy Thuận, Phan Đình Du, Lê Quyên, Nguyễn Ngọc Quế Năm nay, ngoài các Thầy Vũ Duy Thuận, Phan Đình Du, Nguyễn Ngọc Quế, còn có sự hiện diện của Tổng Giám Thị Trần Văn Sáng, gs Kỹ Nghệ Họa Nguyễn Minh Phước, gs phụ trách Hiệu Đoàn Phùng Văn On, gs Máy Dụng Cụ Nguyễn Ngọc Thượng, Trung Tâm Phan Đình Phùng có Phạm Mạnh Tùng, Lê Quyên, gs Rốt và các Cô Sánh, Thủy, Nga, Hoàng

Tôi đã gặp lại và nhớ ra các em Nguyễn Văn Bính, Bùi Thành Nghệ (Nghệ Em), Trần Văn Nhựt, Bạch Văn Cường, Phạm Hữu Tâm, các em hỏi thăm tôi, hết em này đến em khác, làm cho tôi không thể theo dõi diễn biến chương trình, tôi nhớ hình như trước khi buổi lễ bắt đầu, Phạm Thị Mỹ Dung Thủ Quỹ, báo cáo tài chánh, hoạt động trong năm qua, sau đó một em trong Ban Tổ chức đọc diễn văn chào mừng quý Thầy Cô, và các bạn học đã tham dự.

Kể đó các em mời tôi phát biểu, lâu quá mấy chục năm rồi tôi không nói chuyện trước các đồng nghiệp và các em, lại thêm từ khi tôi vào mặc dù Nguyễn Hữu Phúc báo cho tôi biết, tôi được mời phát biểu, nhưng các em cứ nói chuyện, hỏi thăm thành ra tôi không có sắp xếp nói gì. Cho nên nghĩ tới đâu tôi nói tới đó, đại ý tôi chào mừng quý đồng nghiệp chào mừng các em hiện diện, ca ngợi các em đã xây dựng nên truyền thống “Tôn Sư Trọng Đạo”, giúp đỡ Thầy Cô và các bạn khi đau yếu, khó khăn, mong các em gìn giữ và phát triển hơn.

Sau khi tôi phát biểu xong thì tôi được mời đứng lại, và ban tổ chức mời Cô Nga (phu nhân Bùi Danh Đình) cùng lên sân khấu để tặng cho mỗi người đại diện cho một trường một lẵng hoa.

Sau đó ăn uống, trong thời gian này Ban Tổ Chức Xổ số cho những học sinh tham dự, các em ca nhạc giúp vui, và tặng cho Thầy Cô mỗi người một món quà.

Rồi chụp ảnh lưu niệm, các Thầy Cô ngồi, các em đứng sau chụp theo từng lớp, T1, T2, T3, T4

Sau đó tiến hành bầu Ban Đại Diện mới, tuy bầu từng người nhưng hình như những người cũ đều được tín nhiệm lại.

Sau cùng Ban Đại Diện mới họp bàn vài việc trước mắt, các em lại mời tôi ở lại chơi cho nên tôi được tham dự phiên họp này, theo như Mỹ Dung báo cáo thì tiền anh chị em học sinh đóng góp, sau khi chi phí tất cả còn dư khoảng 2 triệu, tiền của các Thầy Cô và các học sinh nước ngoài gửi về chưa xài tới trên 10 triệu.

Sau khi họp bàn, Ban Đại Diện chung quyết ý kiến không giữ tiền tồn quỹ, số tiền hiện có dành 1 triệu để trả các chi phí phát sinh, còn lại biếu Thầy Hồ Ngọc Thu, Thầy Võ Văn Khéo mỗi người 4 triệu, khoảng 3 triệu trợ cấp cho một người cần phải chích thuốc trị Viêm gan.

Nguyễn Hữu Phúc mời tôi hôm sau, chủ nhật đi thăm Thầy Hồ Ngọc Thu, còn lại 2 đoàn khác do các em đi.

Bùi Thành Nghệ quyến luyến tôi, em ngồi bên cạnh trong khi họp, cho biết Nghệ Anh có tên thật là Bùi Thành Trãi, em này đã mất, có hai con, vợ củ Bùi Thành Trãi nuôi hai con đang du học ở Mỹ.

Mấy lần trước tôi về, có gặp Mai An Phong, lần này gặp lại Phong em cho biết thỉnh thoảng có việc, em mới lên Phi trường Tân Sơn Nhất, mấy lần em có gặp tôi ở phi trường, một lần em có cho tôi địa chỉ, nay em vẫn ở đó, có lần em gặp nhưng thấy tôi bận nên không hỏi thăm. Em có hai con đi du học ở Mỹ, còn đứa thứ ba không chịu đi!

Khi các em họp xong, tôi ra về có em Dũng, Nguyễn Văn Bính và Phạm Hữu Tâm chạy kè theo và đưa tôi về tận nhà, các em cũng ở gần khu đó.

Trưa hôm sau, như đã hẹn, Nguyễn Hữu Phúc lái xe Toyota, em Tạ Văn Vàng đi xe gắn máy đến đón tôi đi thăm Thầy Thu, trên đường đi lại ghé đón Tiến cùng đi, em mời tôi vào nhà, Phúc cũng như Tiến đều là Giám Đốc Công Ty, Phúc về may mặc vải sợi, công ty Phúc sản xuất loại vải chống cháy, chống Virus ... hàng bán nội địa và xuất khẩu, Công ty của Tiến có hai xưởng với 50 công nhân, máy móc hoàn toàn tự động, sản xuất sản phẩm nhựa cao cấp có thể cạnh tranh với hàng Trung quốc.

Rất mừng nay các em thành đạt, nhiều em vẫn còn sử dụng kiến thức học ở trường để áp dụng vào nghề nghiệp kinh doanh của mình, có những em chuyển sang nghề khác như Bác sĩ, Luật sư, Kiến Trúc sư.

Chúng tôi đến nhà Hồ Ngọc Thu, anh ở với con gái trong Cư xá Điện Lực ở Quận 2 (Thủ Thiêm), khi vào nhà, anh đang nằm ngủ, chúng tôi đánh thức Thầy Thu dậy, hỏi anh có nhận ra từng người không, các em thì Thầy Thu nhớ, còn tôi Thầy Thu quên, tôi chờ 2 phút sau hỏi lại, Thầy Thu đáp :

Huỳnh Ái Tông. Mày số cũng lớn, hỏi đó tao bắn mày mà không chết! Mày chết tao cũng ở tù.

Quả là Thu có trí nhớ, nay tuy không còn đi lại được sau cơn tai biến mạch máu não sáu, bảy năm về trước, nhưng Thầy Thu nhớ được nhiều chuyện, lý thú. Tôi kể cho các em cùng đi biết: Ngày xưa chúng tôi cùng ở đơn vị, Thầy Thu đi nhậu về, lúc ấy chừng 12 giờ trưa, tôi đang làm việc, phải ký mấy chục tờ Phiếu Hệ để xuất cơ phận sửa chữa xe, súng, tôi sợ trễ này công việc khi Thầy Thu hỏi:

- Mày đi uống rượu với tao không?

Tôi trả lời:

- Tao bận không đi được!

Thầy Thu móc khẩu Colt 45 ra chia ngay tôi nói:

- Mày không đi tao bắn!

Không đi!

Súng nổ cái “Rầm”, tôi tưởng Thu dọa, nhưng do đã say nên Thu bắn thật, may mắn làm sao viên đạn không trúng tôi, tôi sợ quá, liền đứng lên cập tay Thầy Thu đi ra, mấy sĩ quan và lính

HUỖNH ÁI TÔNG

đơn vị nghe súng nổ, chạy lại thấy chúng tôi cặp kè nhau đi, biết là không có chuyện gì xảy ra. Nhưng thật sự chút xíu nữa thì có án mạng mà chỉ có Thầy Thu và tôi biết.

Thầy Thu còn kể nhiều chuyện vui khác liên quan đến các Thầy ở Trường. Chứng tỏ bộ óc của Thu còn rất tốt. Sau khi Phúc trao phong bì tiền, chúng tôi chào Thầy Thu ra về.

Đúng như tôi đã phát biểu, các em cựu học sinh Trung Học Nguyễn Trường Tộ và Trung Tâm Chuyên Nghiệp Phan Đình Phùng đã tạo được một truyền thống tốt đẹp “Tôn Sư, Trọng Phụ” và giúp đỡ nhau rất đáng quý đáng gìn giữ và phát triển thêm. Buổi họp mặt nhiều em làm tôi cảm động vì sự cung kính và chân tình.

Ngày 23-11-2009

chuyện nhà

Ngày thứ bảy, tôi có mấy người khách từ Ohio đến thăm, bạn học trên 50 năm gặp lại, chúng tôi ăn uống, trò chuyện gần 5 giờ mới thả khách ra về, hôm sau Chủ nhật lại đi dự đám cưới, mới tảng sáng Thứ Hai điện thoại reo, bốc lên nghe giọng cô em họ nói :

- Hôm nay anh có đi đâu không? Một chút em sẽ đến thăm, báo trước sợ anh có việc đi, lại không gặp.

Cô ta nói xong lại trao điện thoại cho em, nói với tôi:

- Anh có đi đâu không? Một lát nữa em chở chị Ba sang thăm anh chị nghe!

- Hôm nay không đi đâu hết! Lúc nào tới cũng được.

Tôi có nghe tin cô em Huỳnh Thị Nga, con chú tôi sẽ đi du lịch sang Mỹ, cô ấy sẽ đặt chân tới Mỹ tại New York trước, sau đó đưa cháu sẽ rước về ở Maryland mười bữa, nửa tháng, trong thời gian này, có thể cô ta sẽ đến chỗ tôi, để thăm người em ruột là Huỳnh Bảo Toàn, nhân tiện thăm tôi luôn.

Vì nhà tôi đang bệnh cần chăm sóc hàng ngày, tôi không thể bỏ đi, nếu không tôi sang Maryland thăm, để cô ấy dành thì giờ đi đến Washington DC có nhiều chỗ đáng viếng thăm cho biết, nào là Toà Bạch Ốc, điện Capitol, tượng đài Tổng thống

HUỲNH ÁI TÔNG

Lincoln, bức tường tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam, các phòng triển lãm ...

Mấy năm trước, có một cậu học trò trước khi đi du lịch ở Mỹ, liên lạc với tôi xin địa chỉ để tới thăm, lúc đó tôi liên tưởng tới một cậu đàn em khác ở Đức, có việc sang Cali, cậu ta cũng xin số điện thoại địa chỉ, hẹn đến thăm tôi, nhưng khi cậu ta sang tới Cali rồi mới biết đất nước Mỹ bao la, không phải như các xứ Âu Châu, nước nọ lái xe vài tiếng đồng hồ là tới nước kia. Do vậy, cả hai đều chẳng có ai tới thăm tôi được như họ muốn.

Vả lại ở chỗ tôi không có gì đáng xem, trừ ngày Derby Day là ngày đua ngựa, ngay cả nữ hoàng Elizabeth có năm cũng đến dự và những Cave khá nổi tiếng.



Huỳnh Bảo Toàn, Huỳnh Thị Nga

Gần trưa, Toàn mới chở Nga đến thăm tôi, tuy hai nhà ở rất gần cách nhau chừng mười hay mười lăm phút lái xe, nhưng

chúng tôi cũng ít gặp nhau, nhà tôi nấu một nồi Phở Chay đãi Nga và Toàn. Nga từ nhỏ không thích ăn thịt mỡ, sẵn chú tôi ăn chay trường, Nga tiện thể ăn theo, nên không phải vì lý do tôn giáo.

Nga mang sang cho tôi một gói trà tàu và mũ thơm, mặc dù tôi thích uống trà tàu vào mỗi buổi sáng, nhưng gói mũ thơm quý hơn vì ở đây trà tàu mua được, nhất là Trà Vương 103 uống vào vị ngọt thấm dần, còn mũ thơm không có để mua.

Nga và tôi cùng tuổi Ty, hồi nhỏ cả hai đều học vỡ lòng ở Trường làng Bình Mỹ, bên kia sông vì chú tôi dạy trường đó, sau đó cuộc Cách mạng mùa thu 1945 xảy ra, chú tôi về tỉnh Châu Đốc dạy học, Trường làng Bình Mỹ không thầy dạy phải đóng cửa, trường làng Bình Thủy, cũng không có thầy giáo, con của một ông thầy giáo đã về hưu, mượn trường mở lớp dạy tư, Nga và tôi học tư với thầy giáo này, sau đó Nga theo chú tôi lên Châu Đốc học, tôi tiếp tục học tư, thi đậu bằng Sơ Đẳng Tiểu Học, nhà không đủ sức cho tôi đi Long Xuyên học, đến năm 1954 tôi mới được lên Châu Đốc ở nhà chú tôi đi học lại, tôi học lớp Nhì thì Nga đã vào Trung Học Thủ Khoa Nghĩa học Đệ Lục hay Đệ Ngũ rồi.

Những lần về Việt Nam, có khi tôi ngủ tại nhà Nga, nhưng ít khi có thì giờ nhắc lại chuyện xưa, chuyện họ hàng, gia đình. Lần này gặp Nga tại nhà tôi, tôi có thì giờ nên hỏi Nga về mấy người trong tám ảnh Hoa Hậu AnGiang, Nga chỉ biết thêm có một cô đứng cạnh Hoa Hậu và hứa khi về Châu Đốc sẽ tìm hiểu cho biết sau.

HUỖNH ẮI TÔNG

Tôi có dịp hỏi Nga về những bạn của cô như Châu Thị Bạch Tuyết, Tùng, Hoa Châu, Hoa Quách, Tuyết Ngọc ...



Mrs Huỳnh Ắi Tông, Huỳnh Bảo Toàn, Huỳnh Thị Nga

Nga và Toàn nhắc nhau những người ở hai dãy phố chạy song song với nhà lồng chợ, đoạn Bar Nam Hiệp, Một bên có thầy Tính..., bên kia có thầy Hỷ, thầy Muôn...

Nga cho biết kinh Lò Heo cũng như kinh Ông Cò đã san lấp rồi, mặc dù Châu Đốc đã phát triển nhiều, nhưng những căn phố xưa chỉ có thể coi lâu, cất mới lại, những con đường những căn phố ở trung tâm phố thị và cả người Châu Đốc cũng không thay đổi nhiều.

Một chút nói về Trường Nữ Tiểu Học Châu Đốc, ngôi trường mà bác Phạm Ngọc Đa làm Hiệu Trưởng, chú tôi dạy ở đó nhiều năm, khoảng năm 1968 Nga cũng được đề cử làm Hiệu

THẾ SỰ

Trường, nhưng cô tự lượng sức mình không kham nổi, nên từ chối rồi xin chuyển về Bộ Giáo Dục ở Sài Gòn.

Một chút nói về Bồ Đề Đạo Tràng, Ban Quản Trị mở rộng, xây cất thêm lầu Chuông, gác Trống tráng nền xi măng, thu hẹp diện tích sống của cây, cây Bồ Đề úa lá, cảnh khô người ta phải nhờ tới một bộ phận chuyên môn của Tỉnh An Giang lên tìm phương án cứu sống cây, chi phí mất vài chục triệu.



Tông, Toàn, Nga

Nghe nhiều người đi du lịch Mỹ tưởng cũng dễ, hóa ra hai chị em Nga và Diễm cùng xin đi, do giấy mời Hợp mặt của cựu học sinh Trường Phan Thanh Giản Cần Thơ, vào phòng vấn, Mỹ chỉ cho Nga đi, Diễm thì không. Còn cô em dâu của Huỳnh Hữu Chí cựu học sinh Trường Quốc Gia Nghĩa Tử, được giấy mời dự Hợp mặt của Trường này, mấy lần xin đi đều bị từ chối,

năm nay con gái bảo lãnh du lịch sang Úc, để cho việc xin du lịch sang Mỹ lần sau sẽ dễ dàng hơn.

Do thứ Tư Nga trở về Maryland, để Chủ Nhật về lại New Jersey cho nên tôi gọi điện thoại cho Lê Quang Ngọc Nhẫn, con gái của thầy tôi Lê Quang Điện, nói chuyện với nhau, có thể hẹn trước để gặp nhau, tránh trường hợp July Fourth năm 2010, tối hôm ấy gọi Cellphone cho Nhẫn không được, sáng hôm sau tôi về, không thể hẹn để anh em gặp mặt, thăm hỏi nhau một chút.

Ngày nào còn đi làm, cứ nghĩ khi về hưu có thì giờ sẽ đi chỗ nọ, thăm chỗ kia, nhưng khi về hưu tuổi già, sức yếu tật bệnh không hẹn mà tới, nên không thể đi đâu, ngay cả về thăm quê, thăm lại mồ mả ông bà, nơi chôn nhau cắt rốn của mình cũng có khi rất muốn, mà hẹn lần lượt rồi lại qua đi.

Quê hương đã xa lại càng xa vời vợi.

Thứ Tư 17-8-2011

Trà

I. Dẫn nhập: Người Việt chúng ta thường hay nói: “Trà dư, tửu hậu” nghĩa là người ta uống trà khi rảnh rỗi và uống rượu sau bữa ăn. Trà ở đây được nói đến là thưởng thức trà, thuật ngữ thiền gọi là Thiền trà, Thiền trà du nhập vào Nhật Bản được canh cải biến thành “Trà đạo”. Người Việt chúng ta rất nhiều người uống trà với những cung cách đặc biệt, tuy nó không có quy cách nhất định, không phải là Thiền trà, không phải là Trà đạo nhưng thưởng thức nó từ tiếng nước sôi cho đến khi uống trà là cả một nghệ thuật. Cho nên tìm hiểu về Trà, cách pha, uống Trà tưởng cũng là điều cần thiết.



II. Nguồn gốc của Trà: Người ta đã bỏ công ra tìm hiểu về nguồn gốc của Trà, theo truyền thuyết của Trung Hoa thì vua Thần Nông (2700ÂL) trong dịp tuần du đã khám phá ra công

hiệu của Trà, người đã truyền dạy dân Trung Hoa dùng Trà từ đó, theo sử sách thì Trà được dung như vật cúng tế vào đời nhà Tây Chu (1027-771ÂL), dùng như vật để nhai như Trần vào thời Xuân Thu (403-221ÂL), đến đời Tần và Hán (221-8DL), trà được ép thành dạng viên và phơi khô. Vào thời Tam Quốc (220-264 TL) trong sách y dược, danh sư Hoa Đà cho biết dược tính của Trà vị đắng, uống lâu sẽ làm tăng khả năng suy tư. Lục Vũ sinh năm 733 là con nuôi của một Thiền sư cũng là vị sành điệu uống Trà, qua Thiền trà. Lục Vũ học được cách pha uống Trà của vị Thiền sư này, ông không chú tâm tu học mà sống ăn dật, miệt mài văn chương biên khảo, bỏ công viết quyển Trà Kinh để lại cho đời vào thế kỷ VIII, thời nhà Đường (618-907), có lẽ tác phẩm này đã gây ảnh hưởng lớn lao về việc uống Trà của người Trung Hoa.

Một truyền thuyết khác cho rằng tổ Bồ Đề Đạt Ma khi mới hành thiền, ngài ngồi ở cửa hang động, nhưng ngài bị thân xác quá nhiều là bị rơi vào giấc ngủ, để cho tỉnh thức, ngài bèn cắt mí mắt liệng đi, nơi đó lại mọc thành cây lá có hình dạng con mắt, người ta hái lá nấu nước uống, thấy nó có tác dụng làm con người tỉnh táo, đó là lá Trà ngày nay.

Văn hóa nhà Đường ảnh hưởng sâu đậm đến các nước Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản. Dưới triều đại Asuka (552-646) đạo Phật lần đầu tiên chính thức được truyền đến Nhật từ Triều Tiên (Korea) vào năm 552 Tây lịch (có chỗ ghi nhận là năm 538). Lúc bấy giờ vua nước Bách Tế (Triều Tiên) gọi một phái đoàn truyền giáo đến Nhật Bản. Phái đoàn này được Nhật hoàng tiếp đón một cách nồng hậu, phái đoàn đã dâng lên đức vua một tượng Phật bằng vàng, một vài quyển Kinh, cò lộng, chuông, mõ...

Tuy nhiên, Phật giáo chỉ thật sự phát triển tại Nhật là trong thời kỳ nhiếp chánh của Hoàng Thái Hậu Suiko. Người kế vị của bà, Thánh Đức Thái Tử (Shotoku, 574-622) được xem là sơ tổ của Phật Giáo Nhật Bản. Thánh Đức Thái Tử vâng lời mẫu hậu Suiko đã nghiên cứu và tuyên giảng ba bộ Kinh Đại Thừa cho dân chúng Nhật, về sau những bài giảng này được viết thành một bộ luận rất giá trị. Sau khi lên ngôi Thái tử Shotoku đã ban hành ngay một chiếu chỉ rằng : *"Toàn dân Nhật Bản phải kính ngưỡng và thọ trì Phật Pháp"*. Ông đã cho xây chùa chiền trên khắp đất nước. Một trong những ngôi chùa nổi tiếng thời ấy, nay vẫn còn là Chùa Pháp Long (Horyji). Chùa này do chính Thái tử Shotoku đứng ra xây dựng vào năm 607 và được xem là ngôi chùa gỗ có tuổi thọ lâu nhất trên thế giới.

Các tăng sĩ Phật giáo Nhật Bản đã “Nhập Tống cầu Pháp”, khi về nước đã mang theo cả Thiền trà, Trong đó có Thiền sư Vinh Tây (Eisai, 1141-1215) thuộc phái Hoàng Long, tông Lâm Tế, ông về nước lập Thánh Phước Tự ở Hakata và Kiến Nhân Tự ở Kyoto, xiển dương Thiền tông, thiền sư đem giống Trà Thiết Quan Âm từ Trung Hoa về Nhật, ông viên tịch năm 1215, thọ 75 tuổi. Còn Đạo Nguyên (Dogen, 1200-1253) hiệu Hy Huyền là tổ Tào Động tông Nhật Bản, ông cầu pháp ở Tỳ Duệ Sơn, sau đó theo hầu thiền sư Vinh Tây, từ năm 1223 đến năm 1227 sư nhập Tống cầu pháp, về nước lập Hưng Phước Tự ở Kyoto, năm 1244 lập Vĩnh Bình Tự để làm thiền viện, xiển dương Tào Động tông, ông được Minh Hiếu Thiên Hoàng ban hiệu Phật Tánh Truyền Đông Quốc Sư. Nhưng Thiên Lợi Hưu (Sen-Rikyu, 1521-1591) mới là thi tổ của Trà đạo ở Nhật Bản, ông sanh ra trong một gia đình thương buôn, có điều kiện cho con học hỏi hơn là phải làm giúp gia đình về nghề buôn bán. Nhờ đó ông được học hỏi với những người có nhiều kinh nghiệm về uống Trà, rồi ông ứng dụng sáng chế ra nghệ thuật Trà. Nghệ thuật Trà của ông chú trọng trên ba phương diện: Pha trà, tổ

chức Trà đạo và lễ nghi Trà đạo. Danh tiếng của ông lan rộng, nhiều người phải bỏ công lặn lội từ xa ngàn dặm đến để thọ giáo với ông. Thiên Lợi Hưu được Mạc Phủ trả lương cao nhất, cộng với dinh thự và gia nhân, mới mời được ông về phục vụ dưới trướng. Về sau, ông bị danh tướng Phong Thần Cát Tú ganh tị, sân hận ép ông đến chỗ phải mổ bụng tự sát.

Năm 1610, những nhà buôn người Đức nhập cảng Trà lần đầu tiên vào Âu châu từ hai nước Tàu và Nhật Bản. Năm 1650, các thuyền buôn Đức lại nhập cảng trà vào Mỹ Châu. Năm 1657 lần đầu tiên Trà được bán tại các quán cà-phê ở Anh quốc và nó mau chóng trở nên loại thức uống thông dụng ở nước này.

Ông Sullivan tại New-York, là người có sáng kiến bỏ Trà vào túi lụa nhỏ (teabag) cho mỗi tách Trà, hoặc gửi cho khách hàng uống thử. Năm 1904 có Hội chợ Trà St. Louis World Fair, có người Anh là ông Richard Blechynden giới thiệu cách uống Trà của người Ấn với nước đá “ice tea” và cuối cùng Instant tea mới được phổ biến từ năm 1948.

Sau chiến tranh Nha phiến với Trung Hoa năm 1842, người Anh quyết định cạnh tranh độc quyền Trà của Trung Quốc, họ đã tìm hiểu kỹ thuật trồng trọt, khí hậu, cách chế biến rồi chọn vùng đồi núi Assam thuộc miền Đông Bắc Ấn Độ để trồng Trà. Khi khai khẩn vùng đất hoang này, họ mới phát hiện có nhiều cây Trà hoang đã mọc tràn lan nơi đây từ lâu đời.

Năm 1753, nhà thực vật học Thụy Điển Carl Von Linaeus đặt tên khoa học cho cây Trà là Theaceae, loại Camellia sinensis và xác định Trà có nguồn gốc ở Trung Quốc.

Nhưng một số học giả người Anh cho cây Trà xuất phát từ Ấn Độ, cuộc tranh luận kéo dài gần hai thế kỷ, cho đến năm 1905

nhiều học giả đồng ý dù Trà mọc ở đâu, chúng đều thuộc về giống *Camellia sinensis*, và sau này nhiều nhà thực vật học ủng hộ giả thuyết Trà khởi xuất từ Ấn độ vì có nhiều Trà hoang, có họ hàng gần gũi với *Camellia* và nhất là trong vùng Assam Trà mọc hoang nhiều hơn bất cứ vùng nào khác.

Giáo sư Kratsnow, nhà thực vật học trường Đại Học Kharkoff của Nga cho biết Trà là cây bản xứ các vùng chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Á, ông tìm thấy một số cây Trà hoang mọc trong vùng rừng rậm miền Nam Nhật Bản, ông kết luận Trà đã có mặt từ lâu đời tại Trung Hoa và Nhật Bản trước khi người ta biết dùng đến nó.

Về Trà ở xứ ta, theo sách An Nam Chí Lược của Lê Tắc (HBTK XIII) có ghi: “ vào tháng 5, năm thứ thứ tám, niên hiệu Khai Bảo, Đinh Liễn có tiến cống nhà Tống vàng, lụa, sừng tê, ngà voi và trà thơm ”

Sách Vân Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn (1726-1784) ghi ở mục IX về Phẩm vật: “ Trà là một loại cây quý ở Phương Nam, cây như Qua lô, lá như chi tử (dành-dành) hoa như tường vi trắng (loại hoa hồng nhỏ) quả như Tinh Biền Lư, nhị như đình hương, vị rất hàn. ”

Trà Kinh của Lục Vũ có ghi: “ Qua lô ở phương Nam cũng tựa như Trà mà nhị đắng. Người ta nấu lấy nước uống thì suốt đêm không ngủ được. Các xứ Giao Châu và Quảng Châu rất quý Trà ấy, mỗi khi có khách đến chơi thì pha mời. Đào Hoàng Cảnh nói Thiên Khê xử sĩ cũng khen Trà ấy là ngon. ”

Những tài liệu trên, cho thấy Trà ở Việt Nam ta đã có từ trước và dân ta đã biết dùng Trà từ lâu.

Năm 1976, ông Djemukhatze một nhà nghiên cứu thuộc Hàn Lâm Viện Khoa Học Liên Xô đã đến nghiên cứu vùng Trà cổ thụ tại Việt Nam trong hai năm liền bằng phương pháp sinh hóa thực vật, ông đã tìm ra những vết tích cây và lá Trà hóa thạch từ thời đồ đá ở vùng đất tổ Hùng Vương Phú Thọ. Tại vùng Suối vàng, Nghĩa Lộ, Yên Bái trên độ cao khoảng 1,000 thước trên mặt biển, có một vùng Trà hoang đại khoảng 40,000 cây, có ba cây Trà cổ thụ sống hàng ngàn năm, cây lớn nhất chiều cao khoảng 9 thước, vòng thân độ ba người ôm không xuể, ở vùng Cao Bắc Lạng có những cây Trà hoang cổ thụ cao tới 18 thước. Do đó, ông xác định Việt Nam chính là quê hương của cây Trà trên thế giới.

III. Cách Trồng Trà: Trà thích hợp với khí hậu nhiệt đới và tiếp nhiệt đới, lá trà xanh um quanh năm, đâm chồi nhanh chóng ở mùa xuân khi thời tiết ấm áp, tốt nhất ở vùng cao nguyên khoảng từ 900 đến 2100 thước.

Theo những kinh nghiệm những người trồng Trà, họ không trồng ở giải đất nắng chang chang, nên chọn vùng đất thoai thoải để dễ thoát nước, xới đất thành từng rãnh rộng độ 7 tấc, sâu độ 4, 5 tấc cho đất xốp, để cho rễ Trà ăn sâu, bón phân khi gieo hạt vào khoảng tháng 9, hạt gieo thành từng hàng, mỗi hàng cách nhau khoảng 2 thước, hạt nọ cách hạt kia chừng 8 tấc. Mỗi ngày tưới nước một lần vào buổi chiều, thấy cây Trà mọc lên là tốt. Cây Trà rừng có thể cao chừng 9 thước, ở Trung Hoa cũng như Việt Nam có những cây Trà cổ thụ cao gần 20 thước, đường kính thân cây khoảng 1 thước, nhưng các nhà trồng Trà thường cắt xén, giữ độ cao cây Trà chừng 9 tấc đến 1.2 thước, như vậy để dễ dàng hái lá Trà. Cây Trà trồng khoảng từ 3 đến 5 năm thì hái đợt được, và có thể khai thác đến 15 hay 16 năm thì chặt bỏ, trồng lại. Cây trà có bông nhỏ màu trắng mùi thơm ngào ngạt, mỗi bông trà thường có 3 hạt.

Cây cỏ thường đâm chồi nảy lộc vào lúc thời tiết ẩm áp, cho nên vào mùa Xuân, Trà đâm đọt non, người ta có thể hái để chế biến Bạch trà, trẻ hơn, người ta hái một búp đầu với hai lá gần kề gọi là “một tôm hai lá”, khi sao lá Trà quăn lại như hình móc câu, nên được gọi là “Trà móc câu”.

Trà sau khi hái lá, sấy khô không ướp hương, được gọi là Trà mạn hay Trà mộc, nói chung, người ta chế biến Trà thành năm loại chính.

IV. Cách Chế biến Trà:

Cùng một loại trà, người ta có thể chế biến thành năm loại chính sau đây:

1. Bạch trà 白茶 (White tea) là loại thuần chất nhất. Để chế biến Bạch trà, những đọt Trà nhỏ và non nhất được hái, hấp ngay lập tức để phòng chống sự lên men, rồi sấy khô. Người ta chỉ hái những đọt cực non của Trà vào mùa Xuân, khi chúng còn được bao bọc bởi những lông mịn màu trắng. Khi pha, nước của bạch trà có màu trắng. Chính vì vậy mà Trà loại này có tên Bạch trà. Đây là loại Trà ít đòi hỏi chế biến nhất. Căn cứ theo các nghiên cứu khoa học gần đây, Bạch trà chứa đựng nhiều antioxidant chống ung thư nhiều hơn các loại trà khác.

2. Lục trà 绿茶 Còn gọi là Trà xanh (Green tea) được chế biến từ những lá Trà non, được hấp, đảo đều bằng tay hoặc bằng máy, rồi sấy khô. Nước của Thanh trà có màu xanh lục nhạt. Đây là màu nguyên thủy của lá Trà không ủ.

3. Ô-long trà 烏龍茶 (Oolong tea) chế biến từ những lá non, phơi nắng trên những tấm phen bằng tre, vò nát và đựng trong các rổ tre. Mục đích của sự vò nát là để làm hư hại những

HUỖNH ÁI TÔNG

mạch dẫn nhựa và cạnh lá, tạo ra màu đỏ. Sau đó, lá Trà được ủ ngắn hạn (semi-fermented) trong vài tiếng đồng hồ, và sao liền tay trên các chảo nóng trong một tuần nhang và sấy khô.

4. Hồng trà 紅茶 còn gọi là Hắc trà (Black tea) được chế biến tương tự với phương pháp kể trên, ngoại trừ thời gian ủ lâu hơn. Chính sự ủ làm trà biến màu từ xanh lục ra đen. Sau khi sấy khô, trà được pha với các loại trà khác. Đối với quan niệm của người Trung Hoa, hắc trà không được chuộng vì loại trà này được làm từ những lá tạp nham. Tuy vậy, đây là loại trà mà thế giới ưa chuộng trong việc ăn uống điểm tâm. Khi uống, người Tây phương thường pha Hắc trà chung với sữa hoặc đường.



5. Phổ Nhĩ trà 普洱茶 (Pu erh tea) là loại Trà cổ xưa và hiếm nhất. Loại trà này chỉ thích hợp cho những người sành uống Trà mà thôi. Cách thức chế biến loại Trà này rất bí mật. Trà được ủ, có khi hai lần và thường được ép thành dạng bánh,

hoặc viên gạch. Nước của Pu-erh trà thường có ánh đỏ đậm hoặc nâu.

V. Ướp Trà: Để cho Trà có hương vị đặc biệt, người ta lấy Trà mạn ướp với hoa Lài, hoa Sói, hoa Ngâu, hoa Cúc, hoa Sen, ướp sâm, mật ong ... Về Trà ướp Sen, người ta ướp như sau, hái hoa sen hay mua hoa sen hái vào sáng sớm những ngày nắng ráo, tránh sau những ngày mưa, tách cánh sen ra, lải những hạt trắng đầu nhụy sen, tất cả trộn chung với Trà, rồi để vào trong cái hủ hay cái khạp đậy nắp kín trong một hay hai ngày cho nhụy sen quần lại rồi mới đem ra sấy khô với nhiệt độ vừa phải, điều hòa để không làm mất mùi hoa sen. Có người công phu hơn, vào buổi chiều trước khi hoa sen tóe lại, người ta bỏ lá Trà vào hoa sen, hoa sen tóe lại tự nó ủ Trà suốt đêm, sáng hôm sau, chờ hoa sen nở ra thì thu lấy Trà lại, như thế được Trà ướp sen.

VI. Các loại danh trà: Người ta đặt tên các thứ Trà tùy theo địa danh, nguyên có ...

- **Trà Ô Long** (Oolong) của Trung Hoa cũng gọi tên là Hắc Long, giai thoại kể rằng trong dịp tỉnh cờ người ta tìm ra giống Trà này, thấy có con rắn đen cuộn vòng quanh gốc cây Trà, vì Rắn và Rồng cùng loại nên lấy tên là Hắc Long.

- **Trăm Mã Trà**, có thuyết cho rằng trong một buổi yến tiệc của cung đình dưới triều đại Từ Hy Thái Hậu, khi người đầu bếp sắp sửa pha trà, mới phát hiện ra một con ngựa sút chuồng đã ăn sạch tất cả Trà, không còn cách nào hơn là họ giết ngay con ngựa, mổ bụng lấy Trà ra pha cho Thái Hậu và các quan dùng, không ngờ hương vị Trà thơm ngon đặc biệt, được Thái Hậu khen thưởng, thế là từ đó có Trăm Mã Trà. Ở vùng Vũ Di

sáng sớm người ta thả ngựa cho ăn Trà, khi nó ăn no rồi chặt đầu, mổ bụng lấy Trà.

- **Hầu Trà**, có loại Trà mọc hoang nơi núi cao đá dựng, con người không thể hái, người ta huấn luyện cho khỉ hái Trà ngon này nên gọi là Hầu Trà

- **Thanh Nữ Trà**, có thuyết cho rằng vùng Trà ngon, người ta cho các cô gái tuổi độ 13, mặc áo rộng, tròn áo cột vào người, hái Trà xong bỏ vào trong áo, khi làm việc mệt nhọc, mồ hôi thoát ra ướt cả áo và Trà, dùng luôn áo ấy cuốn Trà lại để ủ nên có tên là Thanh Nữ Trà.

- **Trinh Nữ Trà**, theo Hoàng Duy Anh đăng trong tạp chí Chọn Lọc, là loại Trà đặc biệt của Nhật, theo các nhà viết sử thì Trà này xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ 16, tại đảo Oki Shima, hồi đó có một Sứ quân cai quản đảo này, ông là người sành uống Trà. Một hôm đi ngang qua trái đồi, ông thấy có Trà hoang mọc, liền cho gia nhân hái về đây một sọt. Về nhà ông cho đem vào bếp, pha uống thử thấy khá ngon, ông bèn cho để vào một góc bếp để pha uống dần. Một hôm cũng Trà ấy, ông uống cảm thấy mùi vị rất lạ và rất ngon, khác hẳn mọi ngày, ông thân hành xuống bếp tìm hiểu, mới biết đêm vừa qua, con a hoàn làm việc mệt nhọc ngủ luôn trong bếp gần sọt Trà, không biết vì sao sọt Trà lại đổ ra và nó đã nằm ngủ trên đồng lá Trà. Ông khám phá ra, chính thân con a hoàn là hương vị đã ướp Trà thêm thơm ngon, sau đó ông sai gia nhân hái thêm Trà và cho con a hoàn ngủ trên đồng Trà, tạo nên hương vị đặc biệt, từ đó có Trà Trinh Nữ.

- **Trà Vũ Di Sơn**, do hai anh em ông Vũ, ông Di tìm ra loại Trà này, tương truyền rằng sau khi tìm ra loại Trà ngon này, hai ông bán hết tài sản, dọn nhà vào trong núi ở gần khu có Trà, để

THẾ SỰ

được sớm hôm thưởng thức Trà này, nên người Trung Hoa lấy tên hai ông đặt tên cho núi là Vũ Di, và Trà này có tên là Trà Vũ Di Sơn.

- **Trà Thiết Quan Âm** 鐵觀音茶 (Tie Guan Yin) như trên đã đề cập, tương truyền Đạt Ma Tổ Sư khi ngồi thiền ở núi Thiếu Thất, thường bị buồn ngủ, ngài cho là tại mí mắt sụp xuống, nên ngài lấy dao cắt bỏ mí mắt rồi liệng vào trong bụi rậm. Ít lâu sau nơi bụi rậm đó, đêm đêm có hào quang chiếu sáng, các đệ tử tìm thấy bụi Trà mới mọc lên cành lá tươi tốt, bẻ lá đem nấu nước uống thử thấy có mùi thơm ngát, vị ngọt, tinh thần phấn khởi. Từ đó lấy lá Trà nấu nước cúng Phật gọi là Trà Thiết Quan Âm (“thiết” đồng nghĩa với “trà”, do người Tây Nam đất Thục gọi)



Hộp Trà Thiết Quan Âm



Cô gái hái trà Long Tỉnh ở Hàng Châu, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc

- **Trà Long Tỉnh** 龍井茶 (Dragon well- giếng rồng) là loại Trà trồng ở Long Tỉnh, tỉnh Chiết Giang.

- **Trà Trùng Diệp**, ngày xưa vào đầu Xuân lá trà non mọc, các Thiền sư, đạo sĩ sành uống Trà đến núi Ly thuộc huyện Trường An, tỉnh Thiểm Tây, tìm các lá Trà non bị sâu làm tổ, mang về chế biến, đặt tên là Trà Trùng Diệp. Còn nếu gặp phân của sâu ăn lá Trà quý đem chế biến, được đặt tên là Trà Trùng Xí, như Cà-phê cóc chồn ở xứ ta vậy (con chồn lựa ăn những trái cà-phê chín, thật ngon, ăn vào bụng nó chỉ tiêu hóa lớp vỏ ngoài, hột bên trong vẫn còn nguyên, gom nhặt các phân chồn này rồi rang ướp thành cà-phê thượng hảo hạng)

THẾ SỰ

- **Trà Đại Hồng Bào**, trồng trên núi Vũ Di, theo truyền thuyết một vị hoàng đế nhà Đường tỏ lòng biết ơn cây Trà đã chữa lành bệnh cho Thái hậu, vị hoàng đế ấy ban bốn áo hồng bào đủ lớn, để bao bọc quanh bốn thân cây Trà quý ấy, nên được gọi là Trà Đại Hồng Bào.



Theo nhận xét chung của những người sành điệu uống Trà, loại Bạch trà tuyệt hảo của Trung Hoa ngày nay là Bạch Mẫu Đơn của tỉnh Phúc Kiến. Thanh trà thượng hạng gồm có Trà Long Tỉnh, trồng tại làng Long Tỉnh, gần Hồ Tây, tỉnh Chiết Giang và Trà Vân Sơn trồng trên vùng núi non hiểm trở của tỉnh Quảng Tây. Trà Ô long nổi tiếng nhất là Trà Thiết Quan Âm và Trà Vũ Di Sơn. Riêng Trà Vũ Di Sơn lại có đến bốn loại nổi tiếng theo thứ tự từ thượng thặng cho đến hảo hạng: Bạch Kê Quan (Bai Ji Guan), Đại Hồng Bào (Da Hong Pao), Thiệt La Hán (Tie Luo Han) và Thủy Kim Qui (Shui Jin Gui).

Ngày nay người ta đặt tên cho Trà theo số, ví dụ: 103, 113, 303, 913

Tại nước ta, ở tỉnh Bắc Thái và Bảo Lộc tỉnh Lâm Đồng trồng nhiều Trà, danh tiếng là Trà móc câu. Bên cạnh Trà Tàu còn có Trà tươi, Trà mạn, lá và nụ vối. Trà tươi có vị chất đặc biệt của lá Trà già. Đối với người uống Trà sành điệu thì Trà tươi thiếu vị êm ái, ngọt ngào của các lá Trà non mơn. Tuy vậy, khá nhiều người bình dân Việt Nam ưa chuộng lối uống Trà tươi, một phần vì giá rẻ, một phần vì vị chất đặc biệt của nó. Những năm gần đây, các nhà sản xuất Trà tại Việt Nam còn chế biến Trà tươi khô để thích hợp với nhu cầu xuất cảng.

Ngoài ra còn có **Trà mật vệt** là Trà xanh pha đậm đặc như mật con vệt, **Trà hạt** là nụ Trà phơi khô, **Trà bồm** hay **Trà bánh** là Trà của lá Trà già khi người ta chặt cây, hái những lá Trà này nó không ngon vì không hương vị, **Trà Huế** là danh từ của người Miền Nam dùng khi pha loại Trà bồm hay Trà bánh, bỏ thêm chút gừng, khi rót ra chén lớn hay tô, để bình trên cao, rót cho sủi bọt, Trà Huế bán các chợ, ở khu có nhiều công nhân làm việc, cần uống để giải khát. Đất miền Nam không thích hợp để trồng Trà, cho nên người ta uống Trà Huế như người Bắc và Trung uống Trà tươi vậy.

Theo Tổng công ty trà Vinatea (Trà Việt Nam) từ năm 2000, toàn cõi Việt Nam có 124 cơ sở xuất khẩu Trà và 43 quốc gia khách hàng. Việt Nam trở thành một trong 10 quốc gia sản xuất Trà nhiều nhất trên thế giới, sản lượng 327 ngàn tấn Trà khô/năm.

Theo The World Book Encyclopedia thì Ấn Độ là nước đứng đầu trên thế giới sản xuất Trà hằng năm khoảng 700 ngàn tấn, kế đến là Trung Hoa 500 ngàn tấn, đứng hàng thứ ba là Sri

THẾ SỰ

Lanka 214 ngàn tấn, Nga 160 ngàn tấn. Tổng cộng số Trà sản xuất hằng năm lên đến 2 triệu 300 ngàn tấn. Anh Quốc là nước nhập cảng Trà nhiều nhất trên thế giới khoảng 180 ngàn tấn mỗi năm.

VII. Công dụng của Trà:

Qua nhiều thời đại, nhiều danh y đã nghiên cứu công năng dược tánh của Trà như sau:

- *Thang dịch Bản thảo* của Vương Hiếu Cổ viết: “Trà làm tỉnh đầu óc, trị trúng phong hôn mê, ngủ lâu không tỉnh”

- *Bản Thảo Cương Mục* của Lý Thời Trân đời Minh cho rằng: “Hỏa là nguyên nhân hàng đầu của trăm bệnh, uống Trà có công dụng hạ hỏa.”

- *Thần Nông bản thảo kinh* của Tôn Hoàng Đế, đời Thanh viết: “Trà có vị đắng, uống vào sang suốt, tỉnh táo, ít ngủ, nhẹ người, sang mắt.

- *Trung dược đại từ điển* của Trịnh Hóa Cầu, cho rằng: “Trà có công dụng tiêu tích, tiêu hỏa ... hạ khí giáng khí.”

Ngoài sách vở kể trên, nhiều danh y hết lời ca ngợi: Trà là tiên dược của dân gian, trà có thể cải lão hoàn đồng, kéo dài tuổi thọ. Vinh Tây thiền sư thì cho rằng: Trà là tiên dược của dưỡng sinh là diệu thuật nâng cao tuổi thọ.

Những nhà nghiên cứu cận đại chứng minh Trà có khoảng 500 loại thành phần hóa học, với những chất cơ bản, có công năng phòng chữa bệnh, bổ ích cho sức khỏe.

Người ta có thể kê ra 10 tác dụng, lợi ích thông dụng trong việc uống Trà:

- *Hưng phấn*
- *Lợi tiểu*
- *Phòng sâu răng*
- *Tiêu viêm kháng khuẩn*
- *Hạ lượng đường trong máu và hạ huyết áp*
- *Hạ lượng mỡ trong máu và khống chế việc xơ cứng mạch máu*
- *Chống suy nhược*
- *Chống bức xạ*
- *Chống ung thư đột biến.*

Ngoài ra Trà còn phòng trị sỏi mật, sỏi thận, bàng quang kết thạch, trị các chứng viêm khí quản, cảm mạo, tăng cường sự hấp thụ của việc uống thuốc men. Trà còn tiêu trừ được loại muối, những độc tố trong cơ thể, giải trừ chất độc trong gan, trị phù thũng ...

Trà còn có hàm lượng các sinh tố C, B, K, E và các khoáng chất như: lân (Phospho), giáp (Potasium), cái (Calcium), thiết (Sắt, Fe0, mý (Magnesium) là những khoáng chất rất cần cho cơ thể chúng ta.

Trong Trà Kinh, Lục Vũ cho rằng có chín điều khó trong thuật uống trà: Một là sản xuất, hai là biết phân biệt và lựa chọn, ba là có đủ các thiết bị trong việc pha trà, bốn là lửa, năm là nước, sáu là chế biến, bảy là nghiền nhuyễn (trong trường hợp trà bột vào đời Đường), tám là pha trà, và chín, thưởng thức trà. Sau đây chúng tôi xin bàn đến điều khó thứ ba, đó là:

VIII. Bộ uống Trà:

THẾ SỰ

Bộ đồ trà ngày xưa gồm có một lò đốt than, ấm đun nước, bình trà, dầm để chén tổng, bàn để chén quân và bộ chén quân.



- **Ấm đun nước**, xưa các cụ dùng một chiếc ấm làm bằng đồng, nhưng có cụ cho rằng nấu với ấm bằng đồng để pha trà, nước trà vẫn có mùi kim loại.

- **Bình trà**, các cụ ngày xưa rất ưa chuộng loại bình làm bằng đất sét màu chu sa (màu gan gà), nhỏ xinh xắn, vừa đủ một tuần trà, họ ca tụng và truyền nhau kinh nghiệm:

*Thứ nhất Thế Đức gan gà,
Thứ hai Lưu Bội, thứ ba Mạnh Thân.*

Sau này, kỹ thuật tiến bộ qua các thời đại nên có nhiều loại đẹp hơn thanh nhã hơn như : " Ấm đất Nghi Hưng, chén sứ Cảnh Đức "

Ấm đất **Nghi Hưng** ở Tô Châu nổi tiếng vì hai lẽ. Một là đất sét Tô Châu đặc biệt lúc sống có màu thổ hoàng, khi nung chín ngả màu hồng cam không đâu có. Hai là do các nghệ nhân nắn bằng tay, mỗi bình trà là một tác phẩm nghệ thuật. Thân bình lại được khắc nhiều bài thơ nổi tiếng, đôi khi được các đại bút gia đề tặng. Bình trà được hai nhà Cung Xuân thời nhà Minh và nhà Trần Đạo Chi thời nhà Thanh sản xuất, được các người sành điệu uống Trà trân quý như những tác phẩm điêu khắc tuyệt mỹ.

Cảnh Đức là nơi sản xuất đồ gốm tuyệt đẹp trên thế giới, hàng ngàn năm trước vào thời đại Nam Bắc Triều (386-589) với năm loại men danh tiếng. Chén trà Cảnh Đức tráng bằng loại men màu xanh da trời sau cơn mưa (thiên thanh vũ hậu).

Bình trà như thế nào để được giới sành điệu ưa thích. Về vấn đề này, trả lời trong một cuộc phỏng vấn tại Đài Loan vào tháng Hai, năm 2001, ông Cheng, người nổi tiếng với bộ sưu tập hơn 500 bình Trà Tàu đủ loại, cho biết có bảy điểm chính trong việc thẩm định một bình trà lý tưởng. Thứ nhất, bình trà phải hợp nhãn với người sử dụng. Thứ nhì, vỏ bình phải sáng sủa và cứng chắc (trong trường hợp ấm chu sa). Muốn thử vỏ bình cứng như thế nào, người ta có thể đặt bình vào lòng bàn tay và dùng ngón trỏ của bàn tay kia gõ nhẹ vào vỏ bình. Vỏ càng cứng thì tiếng càng đanh. Thứ ba, mùi của vỏ bình phải tinh khiết. Hầu hết các bình trà mới đều có những mùi tạp của đất sét, than nung, và dầu đốt. Thứ tư, thân và nắp bình phải kín hơi. Cách thử hay nhất là đổ đầy nước vào bình, dùng ngón trỏ bít kín lỗ thông hơi của nắp bình, kế đến, nghiêng bình để đổ nước ra khỏi vòi, nếu nước chảy ra khỏi miệng bình, đây là bình không tốt. Thứ năm, buông ngón tay trở ra khỏi lỗ thông hơi của nắp, nếu nước chảy ra khỏi vòi điều hòa, thì đây là bình

THỂ SỰ

tốt. Thứ sáu, trọng tâm của bình phải đúng. Đổ 3/4 lượng nước vào bình, nâng bình lên và thử đổ nước ra ngoài. Nếu bàn tay của người cầm cảm thấy hơi mất thăng bằng, thì đây cũng không phải là bình tốt. Thứ bảy, loại trà phải thích hợp với loại bình. Nếu sử dụng Trà chủ về mùi thơm như các loại trà ướp hoa thì phải dùng bình có khả năng giữ sức nóng lâu, để Trà có đủ thời gian tỏa hương thơm ra trọn vẹn. Trong trường hợp này, bình chỉ thích hợp với loại vỏ khi gõ vào có tiếng đánh chắc. Nếu sử dụng Trà chủ về vị, như trà Ô-long, vỏ bình nên có âm thanh bót đánh khi gõ vào.

3. Dầm là chiếc đĩa nhỏ, cao thành, dùng để đựng một chiếc chén lớn, gọi là chén tổng. Một đĩa dầm đẹp, cả trong lòng đĩa lẫn bên ngoài thành đĩa đều vẽ cùng một cảnh, nom rất ngoạn mục.

4. Bàn là chiếc đĩa lớn hơn, vừa đủ cho bốn chiếc chén nhỏ, gọi là chén quân. đương nhiên, bộ trà được gọi là đúng bộ phải cùng vẽ một tích, cảnh và cùng một hiệu đề.



5. Chén tổng để chuyên trà hình dạng cao và thuôn. Các bậc trưởng lão cho rằng, chữ tổng ở đây là cách đọc trại của chữ tướng trong dân gian, để tỏ lòng tôn trọng các bậc tiền nhân có công dẹp giặc, giữ yên bờ cõi.

6 Chén quân dùng để uống, mùa Hạ người ta thường dùng chén có miệng to, ngược lại mùa Đông người ta thích dùng chén có miệng nhỏ, chén quân được ưa thích là loại **chén hạt mít** (giống như hạt mít cắt làm đôi). Ở miền Bắc nước ta bộ chén gồm có 4 cái, trong khi miền Trung chỉ có 3 cái theo thành ngữ “nhất tướng tam quân”

IX. Thiền Trà: Hình thức uống trà trong các thiền viện gọi là Thiền Trà. Các Thiền sư thường uống trà trước các thời công phu sớm chiều, để cho thân và tâm được thanh tịnh, giúp cho buổi hành thiền được mỹ mãn.

Ngày nay, như chủ trương của Sư Ông làng Mai “làm mới đạo Phật”, nhiều buổi Thiền Trà trong các chùa Việt Nam trên thế giới, được tổ chức theo quy cũ thiền môn của Làng Mai, cho nên tốt nhất chúng ta đọc tài liệu do Làng Mai phổ biến để được hiểu biết chính xác nhất:



THẾ SỰ

“Thiền trà là cơ hội để trân quý sự có mặt bên nhau trong tình đạo và trong tinh thần hòa hợp. Thiền trà là một nghi lễ. Trà chủ, trà khách và người pha trà ai cũng thực tập chánh niệm trong từng cử chỉ và trong từng giây phút. Vị trà chủ và người pha trà (gọi là trà giả) là những vị đã từng được huấn luyện trong nghệ thuật làm trà chủ hay pha trà: cách đi đứng, cách dâng hương, cách pha trà, truyền bánh... đều biểu lộ chánh niệm, tỏa chiếu sự an lạc và thanh thoi. Trà khách cũng được hướng dẫn thực tập trong vòng hai mươi phút trước khi tham dự vào buổi thiền trà.

Sau phần đón chào, dâng hương và lạy Bụt, mọi người ngồi xuống thành một vòng tròn, theo dõi hơi thở chánh niệm giống như trong một buổi thiền ngồi. Ta có thể theo dõi những động tác của người trà giả và thở trong chánh niệm, an trú trong giờ phút hiện tại. Trà và bánh đã dâng lên Bụt, khay bánh và trà được chuyển đi trong chánh niệm với búp sen chấp tay và nụ cười.

Sau lời mời của vị trà chủ, mọi người nâng chén trà lên và cùng uống trà và ăn bánh trong chánh niệm. Chỉ một chén trà và một chiếc bánh con cũng đủ tạo cho mọi người niềm an lạc hạnh phúc trong một hoặc hai tiếng đồng hồ.

Sau mười phút uống trà và ăn bánh im lặng trong chánh niệm, vị trà chủ sẽ mời mọi người chia sẻ niềm vui và kinh nghiệm tu học. Ta có thể kể một câu chuyện, hát một bài hát, ngâm một vài câu thơ hoặc đàn một bản nhạc để giúp cho buổi thiền trà thêm ý vị. Khung cảnh chánh niệm được duy trì cho đến phút chót khi vị trà chủ và các vị trà giả cảm ơn và tiễn đưa mọi người ra tận cửa trà đường.”

Khi tham dự một buổi Thiền Trà, hai tay nâng chén trà, hát bài thi kệ, chúng ta mới cảm nhận được cái thanh tịnh của Thiền Trà:

*Chén Trà trên hai tay
Chánh niệm dâng tròn đầy
Thân và tâm an trú
Bây giờ và ở đây.*

X. Trà Đạo: Thiền sư Eisai Zenji (1141-1215) có công rất lớn trong việc phát triển thuật uống trà tại Nhật Bản. Khi trở về nước năm 1191, thiền sư Eisa được Sanetomo, sứ quân thứ ba của dòng Kamakura cho triệu vào cung để trị bệnh cho vị lãnh chúa này bằng bùa chú và cầu an. Thay vì đáp ứng lời yêu cầu trên, thiền sư Eisai trình lên Sanetomo một luận thuyết mang tựa đề “Chú Giải về Dược Tính của Trà” và một ít trà bột, nói rằng những thứ này còn hiệu nghiệm hơn thần chú và cầu an. Sau một thời gian uống trà, sứ quân Sanetomo bình phục. Ông rất đổi vui mừng và trân trọng giới thiệu trà đến những người dưới trướng. Sau đây là một đoạn trích từ luận thuyết: “*Trà là một vị thuốc thần diệu cho dưỡng sinh; trà là bí quyết của trường sinh. Trà mọc lên từ các sườn núi như biểu hiện tinh thần của đất đai. Những ai hái và uống trà chắc chắn sẽ sống lâu. Ấn Độ và Trung Hoa đều xem trọng trà. Trong quá khứ, người nước ta đã từng ưa thích trà. Từ trước đến sau, trà vẫn mang những phẩm tính quý hiếm. Do vậy, chúng ta nên sử dụng trà một cách quảng đại hơn...*”

Cuộc vận động toàn quốc uống trà của Thiền sư Eisai đã mang lại một lợi ích lớn lao cho sức khỏe dân Nhật từ đầu thế kỷ 13. Sau công cuộc cổ vũ này, các thiền sư My oe Shonin (người phục hồi Hoa Nghiêm Tông tại Nhật), Eison, và Dogen (tổ sư

phái Thiền Tào Động tại Nhật) cũng đã đóng góp nhiều trong sự hình thành Trà đạo.

Dần dần Trà xanh tán nhuyễn được phổ biến ở Nhật, khi đó Thiền Lợi Hưu (Sen-Rikyu) có ý muốn phối hợp Thiền trà của các Thiền sư với sự dùng Trà của người Nhật, do đó ông đi học hỏi cách pha Trà, uống Trà và cuối cùng đặt ra những cung cách uống Trà, ông lập nên Trà đạo của Nhật Bản. Tài liệu sau đây lấy trong sách **“Phong tục tạp quán các nước”**, cho chúng ta biết khái quát về Trà đạo, tuy ngắn gọn nhưng cũng tạm đủ:

“Những người Nhật thích uống trà thường thành lập những nhóm nhỏ, chọn ngày mời nhau cùng thưởng thức. Số người tham gia mỗi lần không vượt quá 4 người và hoàn cảnh tổ chức một buổi trà đạo cũng có những quy định đặc biệt. Những gia đình khá giả thường cho xây ba căn phòng nhỏ trong vườn riêng nhà mình, hai phòng nối liền nhau, trong đó một phòng là phòng trà - nơi tổ chức trà đạo, phòng kia đặt than, bộ đồ trà và vòi nước. Phòng còn lại là nơi nghỉ ngơi của khách, phải cách hai phòng kia một khoảng nhất định. Trong vườn có những con đường nhỏ lát đá, quanh co với hai bên trồng hoa và cây cảnh làm cho không gian trong vườn yên tĩnh và thanh nhã. Bố trí trong phòng trà cũng rất được chú ý. Thông thường là treo tranh của các danh họa nổi tiếng, có hoa cắm nghệ thuật để khách mời được thưởng thức nghệ thuật mang hương sắc cổ kính.

Thời gian tổ chức trà đạo chia ra làm 4 loại: trà sáng (7h sáng), sau ăn cơm (8h sáng), giữa trưa (12h trưa) và câu chuyện buổi tối (6h tối). Khách mời đúng giờ đến phòng nghỉ, gõ vào chiếc chuông gỗ báo hiệu đã đến. Chủ nhà nghe tiếng chuông sẽ từ phòng trà ra đón khách. Trước cửa phòng trà có đặt một chiếc

HUỲNH ÁI TÔNG

cối đá đựng đầy nước, khách phải rửa sạch tay trước khi vào phòng. Cửa ra vào có một ô cửa cao gần 3 thước để khách tháo giày đi vào. Khi bước vào phòng phải khom mình tỏ ý khiêm tốn. Nếu khách là võ sĩ thì phải tháo kiếm trước mới được bước vào để biểu thị không khí hòa bình. Trong số khách, người tinh thông trà đạo được cử làm người chủ trì. Người chủ trì, xưa kia phải cạo trọc đầu để biểu thị sạch sẽ, thanh khiết. Trong phòng trà, một góc chiếu có đặt bếp lò và nồi nước bằng gốm, trước bếp đặt bộ đồ trà. Bộ đồ trà phải thô, nặng có men màu cam hoặc đen đậm đáng vẽ cổ kính. Trong khi chủ nhân đun nước thì khách dùng điểm tâm. Món điểm tâm này hết sức tinh tế phải được làm căn cứ vào thời tiết. Ví dụ: tổ chức trà đạo vào mùa thu thì món điểm tâm phải làm giống như lá phong hoặc hoa cúc. Trà đặc pha là loại bột trà xanh được chế biến cẩn thận bằng cách giã nát trong cối đá - người Nhật gọi là nghiền trà.



Có hai cách pha trà: pha đặc và pha loãng. Trà đặc thông thường ba người thay nhau uống một bát, mỗi người ba hớp

THỂ SỰ

rưỡi hết 1/3 bát. Trà loãng mỗi người uống riêng một bát. Trà đặc có màu xanh đậm, hương thơm hơi chát. Chủ nhân múc hai muôi gỗ trà cho vào bát, đổ nước sôi, dùng que trúc khuấy đều để trà có nước đặc như bột đậu. Bát đầu tiên mời người chủ trì, người chủ trì nâng bát trà ngang trán rồi mới uống. Khi uống phải chép miệng để tỏ ý thực sự được thưởng thức trà ngon của chủ nhân. Khi tất cả khách uống xong thì nghi thức trà đạo cũng kết thúc.



Nhưng đôi khi còn một nghi lễ cao hơn là ăn cơm thường sau khi uống trà. Tuy gọi là cơm thường nhưng cũng thịnh soạn.

Trà đạo đã hình thành nhiều trường phái khác nhau, chủ yếu có ba trường phái lớn là: Risenka, Hyosenka và Bushakoro Senka. Mỗi nhà đều theo chế độ gia truyền - tức là con thường kế nghiệp bố làm người chủ trì trà đạo của gia đình đó.

Chỉ một ly trà xanh nho nhỏ nhưng với người Nhật nó lại như một ốc đảo trong tâm hồn. Họ cho rằng thông qua trà đạo có thể phát hiện được giá trị tinh thần cần có của bản thân. Có

người dùng 4 chữ "**hòa, kính, thanh, tịnh**" để khái quát tinh thần cơ bản của trà đạo. "Hòa" là hòa bình; "kính" là tôn trọng người trên, yêu thương bè bạn, con cháu; "thanh" tức là thanh tịnh, thanh khiết; còn "tịnh" là giới hạn mỹ học cao nhất của trà đạo: an nhàn.

Trà đạo ngày nay càng phổ biến hơn ở Nhật Bản, rất nhiều cô gái trẻ dồn tâm sức học tập trà đạo, tu nhân dưỡng tính để cuộc sống gia đình cũng như cuộc sống tinh thần phong phú và đẹp đẽ hơn."

XI. Trà Phong Việt Nam: Trà phong là nói gọn phong cách uống Trà của người Việt Nam ta, gồm có pha trà, uống trà. Những người sành uống Trà thường tự xưng mình là "Trà nô", một hạng người nô lệ vì Trà ngon, cũng là cách nói khiêm nhường tự xưng mình là người sành sỏi uống Trà.



- Pha trà

Đã có trà ngon hảo hạng, bộ đồ trà hạng nhất mà không biết cách pha trà thì cũng phí uổng bình trà. Muốn pha trà ngon phải cần một thời gian là 7 phút, nước phải tốt và lửa phải đúng.

Trà sư Lục Vũ, tác giả **Trà kinh**, gọi lửa là "**trà sư**" nước là "**trà hũu**". Trà muốn pha thật ngon thì phải đúng lửa, đúng nước. Như cậu học trò muốn nên người phải có thầy giỏi bạn tốt vậy.

Vua Tống Huy Tông (1100-1127) trong sách Đại Quan Trà luận phân loại nước dùng để pha trà như sau "**Sơn thủy thượng, giang thủy trung, tỉnh thủy hạ**" nghĩa là nước pha Trà tốt nhất là nước suối, kế đến là nước sông sau cùng là nước giếng. Nhưng ở Việt Nam thì thường dùng nước giếng hoặc nước mưa chỉ ngoại trừ Nguyễn Tuân thì tốt đỉnh không ai bằng, ông dùng nước sương đọng trên lá sen buổi sớm.

Dun nước sôi cũng là một yếu tố quan trọng để có bình trà ngon. Ấm nước đặt trên lò than đun. Nước vừa sôi bùng mắt cua là được. Nước sôi già quá sẽ làm cho Trà nồng kém ngon. Trước khi pha Trà, bình chén phải sạch sẽ và trụng nước sôi (nên nhớ một điều không bao giờ rửa bình trà bằng xà-phòng, đó là việc tối kỵ), rồi cho trà vào bình, lượng trà nhiều ít tùy người uống. Thông thường các cụ dùng một cái muỗng bằng gỗ để lường Trà gọi là "**ngọc điệp hồi cung**". Sau đó rót nước vào ấm từ một độ cao, để cho Trà khuấy lên và làm tan bụi bậm gọi là "**cao sơn trường thủy**". Xong rồi chắt ngay nước ấy ra loại bỏ những cặn cào. Tiếp theo hạ thấp ấm, châm nước vào bình Trà đợt hai, hơi tràn ra một tí cho bột bèo giạt ra hết gọi là "**hạ sơn nhập thủy**". Sau đó dội một đợt nước sôi già lên nắp bình và bộ chén nhằm giữ nhiệt độ bình trà luôn cao

nhất. Giữ bình trà trong vòng 2 phút để ra trà. Nước trà thứ hai này mới đúng tiêu chuẩn thơm tho tuyệt diệu của bình trà.

Khi dùng, rót nước Trà ra chén cũng phải theo quy tắc. Để các chén gần sát nhau, lượt đầu rót nửa chén, sau đó rót ngược lại để cho các chén trà đều nhau không chén nào đậm không chén nào nhạt. Vì "**rượu trên be, chè dưới ấm**".

Thông thường chuyên Trà ra chén Tổng trước rồi sau đó mới chia đều ra chén Quân. Ngày nay cách này ít dùng vì mất thì giờ và làm cho trà mau nguội.

Khi rót Trà ra chén không nên đưa bình lên cao quá, tiếng nước trà chảy ton ton làm nước văng tung toé, mau nguội và thiếu lịch sự.

- Nghệ thuật uống trà

Uống trà không những bằng miệng, bằng mũi, bằng mắt, bằng tai, bằng lưỡi mà còn uống bằng cả tâm hồn nữa. Tay trái nâng chén trà, ngón giữa đỡ lấy đáy chén, ngón trỏ và ngón cái giữ lấy miệng chén gọi là "**tam long giá ngọc**", đưa cao chén trà ngang mũi, là "**du sơn lâm thủy**", tay phải che ngoài tay trái để giữ làn hơi bay vào mũi, khỏi phải hít hà thô lậu, vừa che được miệng khi uống. Thật là tận hưởng hương vị của chén trà. Ngậm nước đầu tiên chậm rãi nuốt khẽ cho hương trà thoát ra đẳng mũi và đồng thời còn đọng lại hơi chan chát ở lưỡi, ngòn ngọt ở cổ họng rồi thấm thía tận tâm can. Nuốt nước bọt tiếp lần một, lần hai, rồi lần ba sẽ cảm nhận được hương vị của Trà ngon.

Ngồi uống Trà một mình thì gọi là **độc ẩm**, hai người thì gọi là **đối ẩm**, ba người trở lên thì gọi là **quần ẩm**. Thông thường

uống trà ngồi với nhau là những người đồng tâm, hợp ý cho nên quần ẩm nhiều nhất là ba người.

Sao người ta không pha một bình trà lớn, không uống bằng chén lớn, mà lại dùng bình nhỏ, chén nhỏ ? Nếu uống Trà với chén lớn gọi là “ngưu ẩm”, tức là uống như trâu ồng nước, nghĩa là uống lấy no, uống cho đã khát, chứ không phải uống để thưởng thức Trà. Thưởng thức Trà, người ta chỉ uống một hớp nhỏ, vừa đủ nóng trong miệng (còn nếu hớp một hớp to trong cái chén ăn cơm sẽ bị phỏng miệng ngay vì nước Trà nóng), nuốt từ từ vào, người ta cảm nhận nước từ từ thấm vào và chậm chậm một lát sau sẽ có hương vị của Trà trong cổ họng của người uống, nếu vừa mới hớp một hớp Trà, Trà chưa kịp thấm giọng lại hớp tiếp một hớp khác, cứ như vậy, người uống sẽ không cảm nhận được hương vị của Trà. Và nếu pha một bình Trà lớn, trong khi uống một hớp nhỏ chờ thưởng thức hương vị Trà của hớp ấy, uống và thưởng thức được hương vị chén Trà thứ hai thì Bình trà sẽ nguội đi, uống không còn ngon nữa, chính vì vậy người ta phải dùng bình nhỏ, bình độc ẩm, đối ẩm, quần ẩm, cái chính của nó là hớp Trà nào cũng đủ nóng tỏa hương vị thơm ngon của nó.

- Những Trường hợp không nên uống nước Trà đậm

Chúng ta biết rằng Trà có công hiệu làm cho người uống có tinh thần phấn chấn, tiêu trừ nhọc mệt, khử bệnh và làm cho thân thể khỏe mạnh. Nhưng Trà có tác dụng phụ, cho nên đừng uống Trà đậm trong những trường hợp sau đây:

- Bị bệnh quán tâm, trong Trà có chất Cà-phê toan, chất này có tác dụng làm tăng cường sự hưng phấn, khi uống nước Trà đậm làm tim đập nhanh, khiến làm cho bệnh nặng hơn.

- **Tỳ vị hư nhược**, Trà sẽ kích thích đường ruột, khiến tỳ vị không được thư giãn, nghỉ ngơi, nên làm chgo Tỳ vị yếu thêm.

- **Khi bụng đói**, Trà đậm sẽ cường chế việc tiết dịch vị, làm cho bụng khó chịu, khiến cho đường tiêu hóa sau này sẽ bị trở ngại, có thể bị những triệu chứng nhưc đau, hoa mắt, tim đập mạnh, có hại cho sức khỏe.

- **Thần kinh suy nhược**, Trà đậm sẽ làm mất ngủ, như thế làm cho thần kinh suy nhược thêm.

- **Phụ nữ có thai** không nên uống Trà đậm vì trong Trà có lượng Cà-phê giảm chất kiềm, thai nhi sẽ hấp thụ, như vậy không có lợi cho sự phát dục của thai nhi.

- **Trẻ em** không nên uống nước Trà đậm vì có hàm lượng phân và sắt có trong thức ăn, phát sinh tác dụng, ảnh hưởng đến sự hấp thụ, dẫn đến tình trạng thiếu máu.

- Hội trà

Ngoài các lối uống trà đơn giản đến cầu kỳ trong các gia đình Việt Nam, các cụ ngày xưa còn có những hình thức hội trà. Đó là uống trà thưởng xuân, uống trà thưởng hoa, uống trà ngũ hương. Hội trà là tụ họp những người bạn sành điệu cùng chung vui trong các dịp đặc biệt hoặc có hộp trà ngon, hay có một chậu hoa quý hiếm tro, hay trong nhà có giỗ chạp.

Thưởng trà đầu xuân là thói quen của các cụ phong lưu, khá giả. Trước Tết các cụ tự đi chọn mua các cành mai, đào, thủy tiên hay các chậu hoa lan, hoa cúc ở tận các nhà vườn, và chuẩn bị đầy đủ các thứ cần thiết nhất là một lọ Trà hảo hạng. Tối giao thừa pha một bình Trà, trước cúng gia tiên, sau ngồi thưởng thức Trà ngon, để tâm lắng đọng nghĩ tới công ơn

dưỡng dục mẹ cha, kiểm điểm lại thành quả một năm sự nghiệp đã làm thành công và thất bại, vạch ra một tiền trình cho năm mới sự nghiệp và hạnh phúc gia đình. Sáng mồng một, pha một bình trà và ngồi chỗ thích hợp nhất, thường là giữa nhà. Các cụ ngồi tĩnh tâm, ngắm nhìn những đoá hoa nở rộ, thưởng trà. Khoảng 8 giờ sáng, cả đại gia đình sum họp quanh bàn trà chúc thọ các cụ và nghe những lời dạy dỗ của các cụ. Trẻ con thì chờ lì-xì.

Uống trà thưởng hoa quý như hoa Quỳnh, hoa Trà cũng là cái thú của nhiều người. Khi nhà cụ nào có một chậu hoa nở, cụ chuẩn bị và mời các bạn già sành điệu tới ngắm hoa, luận bàn thế sự, hay dặn dò con cháu.

- **Hội trà ngũ hương** chỉ giới hạn có năm người thôi. Trên khay trà có năm lỗ trứng sâu, dưới các lỗ trứng đó để năm loại hoa đang độ ngát hương: Sen, Ngâu, Lài, Sói, Cúc. Úp chén trà che kín các hoa lại rồi mang khay để trên nồi nước sôi cho hương hoa bắt đầu xông lên bám vào lòng chén.. Pha bình trà cho thật ngon rót đều vào từng chén, mỗi người tham dự sau khi uống trà phải đoán hương trà mình đã uống và nhận xét. Sau mỗi tuần trà lại hoán vị các chén trà để mọi người đều thưởng thức được hết tinh túy của năm loại hoa.

Ngày nay số trà nô càng ngày càng thưa dần theo vận tốc của nền văn minh cơ khí, con người phải chạy theo cái ăn, cái mặc để kiếm sống còn đâu thời giờ để cho các cụ thơ thần lãng mạn bơi thuyền trong trăng để ngắm ánh trăng vàng.

Phạm Đình Hổ (1768-1839) trong **Vũ Trung Tuy Bút** viết về cách uống Trà thời bấy giờ như sau : *“Ta sinh trưởng đương lúc thịnh thời Cảnh Hưng, trong nước vô sự, các nhà quý-tộc, các bậc công hầu, các con em nhà quý phải đều đua chuộng xa-xỉ có khi mua một bộ ấm chén phí tổn đến vài mươi lạng*

bạc. Kể thì ư thanh cao, người thì thích hậu vị, kén hiệu trở tên, mua cho được trà ngon, bày khay chén ra nếm thử. Thậm chí có kẻ đặt tiền mua sẵn cho được hiệu chữ Chính Sơn, gửi tàu buôn đặt cho kiểu ấm chữ mới lạ... Buổi sớm giờ mao, buổi chiều trăng trong, với bạn làng thơ cũng là chủ khách, mà ung dung pha ấm trà thưởng thức thì tỉnh được mộng trần, rửa được lòng tục... Lò, siêu, ấm, chén lại chế ra nhiều kiểu thích dụng... hỏa lò từ Tô Châu, than tàu đem sang bên ta bán.”

Và sau hết, xin mời đọc trích đoạn bài Chén Trà Trong Sương Sớm của Nguyễn Tuân trong **Vang Bóng Một Thời** để thấy rõ các cụ xưa uống Trà:

“... Gió bắc thổi qua những kẽ cánh cửa bức bàn đã gửi vào nơi yên lặng này mười lăm tiếng gà không nhẩn nhục được với tối tăm. Từ ngoài phía ngõ râm bụi lượn sát nhà gạch, dội vào những tiếng bước chân người n ặng nặng nhẹ nhẹ. Cuộc đời hồi tỉnh lại dần dần.

Cụ Ấm phẩy quạt nan phành phạch theo một nhịp nhanh chóng trước cửa hỏa lò. Hòn than tàu lép bép nổ, nghe rất vui tai. Và làm vui cho cả mắt nữa, những tàn lửa không có trật tự, không bị bó buộc kia còn vẽ lên một khoảng không những nét lửa ngang dọc, ngoằn ngoèo. Những lúc có cháu nhỏ ngồi với mình, cụ Ấm thường hỏi xem chúng xem pháo hoa cải như thế có thích không.

Những hòn than tàu cháy đều, màu đỏ ửng, có những tia lửa xanh lè vờn quanh. Không khí mỗi lúc giao động càng nâng cao thêm những lưỡi ngọn lửa xanh nhấp nhô. Hòn lửa rất ngon lành, trở nên một khối đỏ tươi và trong suốt như thổi vàng thổi chảy.

Thỉnh thoảng, từ hòn than tự tiêu diệt buộc ra một tiếng khô, rất khê và rất gọn. Thế rồi hòn than sống hết một đời khoáng chất. Bây giờ hòn than chỉ còn là một điem lửa ấm áp trong một cái vỏ tro tàn dầy và trắng xốp. Cụ Ấm vuốt lại hai mái tóc trắng, cầm thanh đóm dài đảo lộn tàn than trong hỏa lò, thăm hỏi cái hấp hối của lũ vô tri vô giác. Cụ Ấm bỏ thêm một vài hòn than hoa nữa vào hỏa lò. Than hoa không nổ lép bép như than tàu; nhưng từ ruột ấm đồng nung nấu đã lâu, có tiếng thờ dài của khối nước sắp biến thể. Nước đã lên tiếng để nhắc người ta nghĩ đến nó.

Cụ Ấm cũng thờ đánh phù một cái, như khi người ta được gặp lại bạn cố nhân sau nhiều giây phút mong chờ.

Cụ khê nâng vuông vải tây điều phủ trên khay trà gỗ khắc có chân quý. Nhẹ nhàng, khoan thai, cụ Ấm nhắc cả đĩa dầm chén tống chén quân ra khỏi lòng khay. Đến lúc dờ tới cái ấm con chuyên trà thì cụ kênh càng hơn. Cụ ngắm nghía mãi chiếc ấm màu đỏ da chu, bóng không một chút gọn. Dáng ấm làm theo hình quả sung và khi luyện đất cho vào lò lửa, người thợ Tàu lấy đáng cho ấm kia đã là một người thợ có hoa tay. Cụ Ấm thử mãi da lòng tay mình vào mình cái ấm độc ả, hình như cố tìm tòi một chút gọn trên đất nung để được sung sướng thêm hơn nữa sau khi nhận thấy cái ấm độc ả kia là nhân nhựt quá.

Nước sôi già lắm rồi. Nhưng thói quen vẫn bắt cụ Ấm rót thử một chút nước xuống đất xem có thực là sôi không. Mở đầu cho công việc vụn vặt trong mỗi ngày tàn còn lại, ông già sợ nhất cái ấm trà tầu pha hồng lúc sớm mai. Từ trên bề cao cổ sập, dòng nước sôi trút mạnh xuống nền đất trị, tiếng kêu lộp bộp.

Trên chiếc hỏa lò để không, cụ đã đặt thêm một ấm đồng cò bay khác. Những người uống trà dùng cách thức như cụ Ấm bao giờ cũng có ít ra là hai ấm đồng đun nước. Ấm nước sôi nhắc ra khỏi lò than là đã có chiếc ấm thứ hai đặt lên đấy rồi. Và hai ấm đồng đó cứ được mãi mãi thay phiên nhau đặt lên lò than đỏ rực. Bữa nước trà cứ kéo dài không hết hồi, người ta luôn tay có một thứ nước sôi đủ độ nóng để pha một ấm trà ngon.

Nhưng có mấy khi cụ Ấm uống trà tầu nhiều đến thế. Riêng về phần cụ, chỉ hai chén con là đủ rồi. Nhưng hai chén đó đã được cụ săn sóc đến nhiều quá.

Chưa bao giờ ông già này dám cẩu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Ấm đã để vào đấy nhiều công phu. Những công phu đó đã trở nên lễ nghi. Trong ấm trà pha ngon, người ta nhận thấy có một mùi thơ và một vị triết lý.

Cụ Ấm sau mỗi lần nhỡ gặp phải ông khách tạp, uống trà rất tục, cụ thường nói với vài bạn nhà nho:

- Có lẽ tôi phải mua ít chén có đĩa ở hiệu Tây, để mỗi khi có mấy thày làm việc bên Bảo Hộ tới thì đem ra mà chế nước pha sẵn trong bình tích. Các cụ cứ suy cái lẽ một bộ đồ trà chỉ có đến bốn chén quân thì các cụ đủ biết cái thú uống trà tầu không có thể ồn ào được. Lối giao du của cổ nhân đạm bạc chứ không huyền ảo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng nhau ngồi bên một ấm trà. Những lúc ấy, chủ nhân phải tự tay mình chế nước, nhất nhất cái gì cũng làm lấy cả, không dám nhờ đến người khác, sợ làm thế thì mất hết cả thành kính. Tôi còn nhớ hồi nhỏ, còn là học trò quan Đốc, tôi đã được cái vinh dự sớm dậy, sớm nào cũng như sớm nào,

đứng hầu trà cụ Đốc, trước khi cụ giảng bài và chăm cho anh em tập quyền. Nhiều người đã ghen tị với tôi và kêu ca với cụ Đốc xin để cắt lượt học trò hầu trà, cho anh em ai nấy đều được chút vinh dự gần gũi thầy và sớm chiều được gần cái đạo của thầy. Quan Đốc mỉm cười: "Thầy già ơn các anh. Thầy nói thì các anh đừng giận: các anh không pha trà cho hợp ý thầy được đâu. Để thời giờ ấy mà học. Anh Đam - (trước kia tôi là Đổm, sau sợ phạm húy nên cụ Đốc mới đổi tên đi cho) - anh Đam pha trà khéo thì thầy để cho giữ việc hầu thầy, chứ có phải thầy yêu anh Đam hơn hay là ghét các anh đâu". Bây giờ mỗi buổi trà sớm, ngồi uống một mình, tôi cứ nhớ cái tiếng ngâm của quan Đốc. Sớm nào vậy, cụ cũng ngâm một vài bài thơ. Giọng thật âm, thật trong. Cụ hay ngâm mấy câu này:

*Bán dạ tam bôi tửu.
Bình minh sổ chản trà.
Mỗi nhật cứ như thử.
Lương y bất đảo gia.*

Một buổi sớm, thấy rõ lòng thầy là vui vẻ, tôi đã mạn phép đọc đề cụ Đốc chữa cho bài diễn nôm:

*Mai sớm một tuần trà.
Canh khuya dấm chén rượu.
Mỗi ngày mỗi được thế,
Thầy thuốc xa nhà ta.*

Cụ Đốc tạm cho là được.

Sớm nay, cụ Ấm cũng ngâm thơ. Cụ tin rằng ngâm thơ lúc yên lặng, lúc mới tỉnh giấc là một cách vận động thần khí kỳ diệu nhất của một người sống bằng cuộc đời tâm tưởng bên trong. Mỗi buổi sớm ngâm như thế là đủ tiết hết ra ngoài những cái

nặng nề trong thân thể và để đón lấy khí lành đầu tiên của trời đất. Ấu cũng là một quan niệm về vệ sinh của thời cũ. Và người xưa uống trà là để giữ mình cho lành mạnh.

Thường hay vấn mình để sửa mình, cụ Âm thường nghĩ đến câu nghìn xưa của thầy Tăng Tử: "Ngô nhật tam tỉnh ngô thân", vào những giờ uống trà này.

Trong nhà cụ Âm, người ta đã ồn ào thức dậy. Cụ Âm cũng bắt đầu ho. Chừng như hồi nãy, cụ đã tự nén hơi thở không dám ho, sợ làm đục mất cái phút bình lặng huyền bí của lúc đêm và ngày giao nhau.

Người con trưởng rón rén lại hỏi thăm sức khỏe của cha và mon men ngồi ghé vào thành chiếc sập cũ. Chàng đỡ lấy quạt, nhắc hỏa lò ra một chỗ rộng, quạt mạnh cho hết tàn than.

- Thầy uống xong rồi. Con uống thì pha mà uống. Trà còn đơm hương lắm.

Câu nói này là thừa. Vì sớm nào hai cha con ông Âm chẳng dậy sớm để uống trà, cha bao giờ cũng uống trước hai chén và người con cả uống sau nhiều lắm đến ba chén là cùng. Sớm nay, cũng như lúc tỉnh thoảng của mọi ngày, cụ Âm lại bắt người trưởng nam giở tập Cổ Văn ra bình lại cả bài "Trà Ca" của Lư Đồng. Giọng bình văn tốt quá. Điều cổ phong trúc trắc thể mà con cụ Âm lại còn ngâm gổi hạc bắt đoạn cuối một câu trên xuống luôn đầu câu dưới, hơi ngâm trong và dài. Trông hai tra con uống nước mà y như là một đôi thầy trò vào một giờ học ôn buổi sớm mai. Chuyện văn mãi về trà tàu, ông cụ Âm lại mang luôn cả tập "*Vũ Trung Tùy Bút*", giảng những đoạn công phu của Quốc Tử Giám Tế tửu Phạm Đình Hổ chiêm nghiệm và xưng tụng về trà tàu. Rồi cụ Âm liền than tiếc đến

cái mùa thu đã đi mất rồi, để sen hồ rách hết tàn rũ hết lá. “Cà a, thầy cho nước pha trà không gì thơm lành bằng cái thứ nước đọng trong lá sen. Mỗi lá chỉ có ít thôi. Phải gạn vét ở nhiều lá mới đủ uống một ấm. Hồi thầy còn ít tuổi, mỗi lúc được quan Đốc truyền cho đi thuyền thúng vớt những giọt thủy ngân ấy ở lá sen mặt đầm, thầy cho là kỳ thú nhất trong đời một người học trò được thầy học yêu tin.”

Trong gia đình cụ Âm, hồi gần đây đã lập lại cái phong tục uống trà. Có một hồi bản bách quá, cụ Âm đã cất hẳn bộ đồ trà vào tủ, tưởng không bao giờ được bày nó ra hằng ngày nữa. Nhưng trời kể cũng còn hậu đãi người hàn nho, thế nào năm nay nhà cụ Âm lại được mùa cả hai vụ.

- Này Cả, con lên tỉnh mua trũ lấy ít trà Lý Tú Uyên. Năm nay ta ướp thêm vào vài chục chai để dành. Thủy tiên nhà, năm nay gọt những một lớp đấy. Thầy mua chung với cụ Kép xóm dưới! Độ mai kia thì rỏ hoa tách hết màng. Cù nào hoa kếp thì đem ủ trà.

- Thừa thầy, con tưởng trà cứ để nguyên hương của nó mà uống. Con thấy ông ngoại nhà không bao giờ cho ướp trà mới, bất cứ là với hoa thơm nào. Ông ngoại con bảo chỉ nên ướp, là lúc trà đã đi hương hoặc gần phát du.

Trời rạng dần. Một chút nắng đào lóng lánh trong cái đám cây một chiếc lại một chiếc, đang rụng lá năm cũ.

XII. Kết luận: Uống Trà chẳng những được tôn lên thành đạo, tạo thành nghệ thuật, Trà còn là dưỡng sinh. Một vị hòa thượng dạy chúng đệ tử :” Đạo Phật như một bát nước chè, biết thưởng thức thì ngọt, không biết thì đắng”. Uống Trà để giải khát, uống Trà để tiêu khiển thì giờ, thật ra rất phí phạm đời mình.

HUỖNH ÁI TÔNG

Uống trà để tu dưỡng tánh tình, mới biết rằng người xưa không phải bày vẽ, mà đã nâng uống Trà thành nghệ thuật, thành con đường đạo. Lão Tử đã viết: “Đạo khả đạo phi thường đạo, Danh khả danh phi thường danh, vô danh chi vị đạo”. Có phải Thuật uống trà của Việt Nam không có tên gọi là vậy?

Louisville, 28-01-2007

04-02-2007

Tài liệu sử dụng viết bài này gồm có:

- Gs Nguyễn Kỳ Hưng *Thuật Uống Trà Và Dưỡng Sinh*, <http://www.khoahoc.net>
- Vĩnh Trường *Trà Phong* <http://www.dactrung.net>
- Tu Viện Lộc Uyển *Thiên Trà*, <http://www.tuvienlocuyen.org>
- *Trà Đạo Nhật Bản* <http://www.vnexpress.net>
- Mục Đồng *Thiên Lợi Hưu & Trà Đạo* <http://www.ninh-hoa.com>
- Nhật Nam *Dâm Bàn Quân Tống* <http://www.hanoimoi.com.vn>
- Nguyễn Tuân *Vang bóng một thời*, NXB Văn Học, Việt Nam, 1988
- Hải Lăng *Trà Sức Khỏe Dưỡng Sinh* NXB Trẻ, Việt Nam, 2005
- Anthony Man-Tu Lee *The Japanese Tea Ceremony*, The Ivy Press Limited, 1999

Đi bộ - Thẻ đục dưỡng sinh



Thẻ đục dưỡng sinh có nhiều bộ môn, nhưng có lẽ đi bộ được nhiều người ưa chuộng, bởi vì nó thích hợp cho tất cả mọi người nhất là người có tuổi, tôi hưu mấy tháng nay, cũng chọn đi bộ cùng với nhà tôi.

HUỲNH ÁI TÔNG



Thoạt tiên vào mùa hè, chúng tôi đi bộ ở ngoài đường, không phải con đường nào cũng có lối đi dành riêng cho người đi bộ, do đó chúng tôi phải chọn đi những con đường có lối đi dành riêng, như thế vừa sạch sẽ, vừa được an toàn, cần nhất là sự an toàn về giao thông.

Chúng tôi đi vào buổi sáng sớm, được hít thở không khí trong lành, lại được trời mát. Nhưng sau khi nghiên cứu, chúng tôi mới biết đi bộ dưỡng sinh vào buổi sáng sớm không tốt, vì lúc ấy lá xanh của cây thải ra khí các-bô-níc, do vậy nên đi sau khi có ánh mặt trời mọc một thời gian, hoặc là đi buổi chiều khi trời đã mát.

Đi vào buổi sáng, từng nơi ở góc đường tụ tập đôi ba học sinh đón school bus đến trường, không phải đồng loạt, tùy trường các em đi học xa hay gần, có nơi xe bus đến đón trước 8 giờ, từ đó cho đến 9 giờ, tôi vẫn còn thấy xe bus đến đón các em. Cái

cảnh có nơi chỉ một em đứng chờ đợi, có cảnh vài em học sinh chơi đùa trên con đường vắng.

Có hôm tôi thấy xe bus ngừng đợi, chỉ để đón một em học sinh, chắc là vì xe đến sớm, thường thì chỉ có các em với nhau, nhưng đôi chỗ trẻ con còn nhỏ tuổi phải có cha mẹ đưa đón.

Nhìn các em học sinh khiến tôi nhớ tới tuổi học trò của mình, năm, sáu mươi năm đã qua rồi, cái tuổi thanh xuân không phải lo toan cuộc sống, tuổi ấy chỉ có sách đèn, chữ viết và con số. Ước chi tôi quay được bánh xe thời gian và dòng đời, trở về những năm tháng Trung học, tôi sẽ học hành chăm chỉ hơn.

Có hôm, đi ngang qua nhà kia, chúng tôi bị con chó nhỏ tấn công, nhà tôi hoảng sợ, tôi cũng bị bất ngờ không biết sao để đối phó, chỉ biết đứng lại thế là con chó không dám đuổi theo, chỉ đứng sủa mà thôi.

Tôi nhớ mấy hôm trước, con tôi hỏi khi đi bộ chúng tôi có cầm theo cái gì không, tôi trả lời là không có cầm gì hết, nó bảo thấy người ta có cầm theo một khúc cây nhỏ, phòng ngừa chó tấn công. Những người có kinh nghiệm cho biết, khi bị chó rượt đuổi tấn công, ta ngồi xuống chó sợ nên không tấn công nữa. Từ hôm đó trở đi, khi đi bộ tôi cầm theo một khúc ống nhôm, lấy từ cây vọt dùng cho hồ bơi.

Khi thời tiết bắt đầu trở lạnh, chúng tôi chuyển sang đi bộ trong Mall. Thông thường các cửa hàng trong Mall mở cửa lúc 10 giờ sáng, nhưng Mall mở cửa lúc 9 giờ để cho các cửa hàng có thì giờ chuẩn bị trưng bày, các cửa hàng ăn uống có thì giờ nấu nướng, chuẩn bị thức ăn, nước uống. Đó cũng là giờ cho những người đi bộ dưỡng sinh đi trong Mall.

HUỲNH ÁI TÔNG

Có thể nói, những người đi bộ trong Mall đều là người già, vào đó những người có sức đi những bước nhanh và mạnh bạo, nhưng những người tuổi cao, sức yếu đi chậm rãi, khoan thai, cố bước, nhưng cũng có những người đi rất nhàn nhã. Dù đi nhanh hay chậm, đi mạnh bạo hay khoan thai, đi như thi đua hay nhàn nhã tất cả họ đều là đi bộ dưỡng sinh.



Có nhiều cặp vợ chồng đi với nhau, cũng có những cặp đàn ông hoặc đàn bà dù đi nhanh hay chậm, họ vừa đi vừa trò chuyện, thỉnh thoảng vẫy tay chào bạn đi ngược chiều phía bên kia.

Đi bộ trong Mall, tất cả đều đi cùng chiều, người đi nhanh sẽ vượt qua người đi chậm và trong Mall chúng tôi đi, đi ngược chiều kim đồng hồ. Vì là Mall nhỏ, đi giáp một vòng kể cả các

THỂ SỰ

nhánh cũng chỉ được 0.25 mile, đi nhanh mắt chùng 12 phút, do vậy người ta phải đi nhiều vòng.

Có vài ông chỉ đưa vợ đi tập, họ đến Food Court ngồi uống café trò chuyện với nhau, còn những người tập, hầu hết sau buổi tập cũng đến các cửa hàng ăn, hoặc từng cặp vợ chồng, các ông, các bà hoặc từng nhóm đông đến 7, 8 người ăn uống, trò chuyện hưởng vui của tuổi già.



Đi bộ dưỡng sinh trong Mall tuy không được hưởng không khí trong lành, không được tia sáng mặt trời chiếu tới, nhưng được cái an toàn, có thể tập khi trời mưa hay tuyết đổ, mùa Đông ấm, mùa Hè mát, và nhất là không khí vui tươi, tránh được cái nhàm chán khi đi trên máy hay đi ngoài đường.

HUỖNH ÁI TÔNG

Cho đến khi lác đác có khách vào mua sắm, những người tập đi bộ dưỡng sinh ra về, trả lại chỗ cho người mua, kẻ bán, như Nguyễn Công Trứ đã viết:

*Thị tại môn tiền náo,
Nguyệt lai môn hạ nhàn.*

Một số lợi ích chính của Đi Bộ Thể Dục Dưỡng Sinh như sau:

- Ổn định hệ tim mạch
- Giúp cho ngủ ngon, ngủ sâu.
- Làm cho cơ thể cân đối, giảm cân, tránh béo phì.
- Tránh suy giảm trí nhớ.
- Phòng chống loãng xương

Lãnh Mỹ A

*

Nói đến Châu đốc, người ta thường nói địa danh như Thất sơn, kinh Vĩnh Tế, về tín ngưỡng như lễ hội Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam, Phật giáo Tứ Ân, Phật Giáo Hòa Hảo, Bồ Đề Đạo Tràng, về nhân vật lịch sử như Phật Thầy Tây An, Huỳnh Phú Sổ, Thoại Ngọc Hầu, còn một thứ danh tiếng nhưng ít người nói đến đó là lãnh Mỹ A, một nghề truyền thống lâu đời ở Tân Châu.

Hồi thời Pháp mới đặt nền móng đô hộ Miền Nam, có người Pháp là De Colbert đến Tân Châu lập ra Sở Kén, để lấy tơ dệt lụa nhưng về sau thất bại.

Khoảng trên năm mươi năm trước, những nơi chốn ăn mặc sang trọng như ở đám cưới, đi xem hát, trong những ngày tết, phụ nữ ai ăn mặc lãnh Mỹ A, người ta biết ngay đó là những người có tiền của.

Lãnh Mỹ A, dệt từ tơ, gọi chung là lụa, nhưng trong kỹ thuật người ta tạo ra mặt lụa trơn láng, sờ đến nó mát lạnh, phải chăng vì vậy nên gọi là lãnh ? Ngày trước nó được nhuộm với trái Mạt nưa, cho ra một màu đen tuyền và bóng láng nên có tên riêng là lãnh Mỹ A, khi quần áo mới may người ta mặc vào, khi đi lãnh Mỹ A cọ xát vào nhau phát ra âm thanh sột soạt, nó có đặc tính chung của tơ lụa là mặc vào mùa hè mát, mặc vào mùa đông ấm.

Nhớ lại thuở ấu thơ của tôi, những người ngày nay vào độ tuổi “Thất thập cổ lai hy”, đều phải trải qua một thời kỳ gian khổ này, đó là thời đệ nhị thế chiến, quân đội Thiên Hoàng tràn khắp Đông Nam Á, Đồng Minh chủ yếu là Mỹ kiểm soát vùng biển Thái Bình Dương, tàu bè không thể đi lại, Việt Nam không thể xuất hay nhập khẩu, vựa lúa miền Nam đổ vào nhà máy điện Chợ quán hay Cần thơ, để cho đồng bào miền Bắc chết đói gần hai triệu người!

Không có nhập cảng nên không có dầu lửa để thắp đèn, người dân quê phải thắp đèn dầu cá, không có vải nhập, phải trồng cây bông vải, dệt “vải ta” vì dụng cụ thô sơ từ kéo sợi đến khung dệt nên vải ta thô, dày, nhiều nhà nghèo có một bộ cứ mặc hoài ít giặt giũ nên dễ sanh rận, rệp. Do đó, ông bà ta thường nói “nghèo mạt rệp” là vậy!

THẾ SỰ

Trong gia đình, để làm kế sinh nhai, anh lớn của tôi khoảng 17 hay 18 tuổi, sau khi nghỉ học vì chiến tranh, được gửi đi học nghề dệt ở Tân châu. Khi rảnh nghề anh tôi trở về dệt vải tại nhà, có lúc dệt vải ta, vải thưa, cũng có lúc dệt lãnh Mỹ A, tôi còn nhớ trong nhà có mua trái Mạt nưa để nhuộm và có lúc anh tôi đem lãnh Mỹ A xuống bên sông, dùng cái chày cỡ bằng bắp tay để đập lên khúc lãnh.

Dệt lãnh Mỹ A cũng như lụa, còn phải nói đến trồng dâu, nuôi tằm, uơng tơ, kéo sợi. Cây dâu để cho tằm ăn, hồi nhỏ tôi thường nghe người ta nói “ma” sợ roi dâu, cho nên mấy người lên đồng cốt thường dùng roi dâu để trị “tà”! Riêng tôi có kinh nghiệm, lấy lá dâu tằm ăn chừng một nắm bỏ vào máy xay sinh tố với một ly nước, xay nhuyễn lược lấy nước uống, trị chứng người già bị tiểu đêm.



Con Nhộng

Tằm là một con sâu, thân nó chừng bằng ngón tay út màu trắng, khi nó sắp nhả tơ gọi là chín mình nó trở thành màu vàng, nó nhả ra một chất kéo thành sợi tơ, để tạo ra một cái ổ kín bao bọc ngoài thân nó gọi là ổ kén, khi nó đã nhả ra hết tơ, thân hình nó còn chừng bằng một lòng

tay được gọi là “nhộng”, sau đó nó mọc cánh mọc chân, cắn ổ kén chui ra gọi là con ngài, con ngài phát triển thành bướm.

Lúc ở thời kỳ con “nhộng”, người ta bỏ những ỏ kén vào trong nồi nước nóng, rồi dùng cái xa quay để kéo tơ từ trong ỏ kén ra thành sợi tơ, rồi dùng sợi tơ ấy dệt thành lụa.

Nuôi tằm tốn nhiều công phu, phải canh chừng cho nó ăn đầy đủ, lúc người ta gọi là tằm ăn lên, nó ăn hết lá dâu nhanh chóng và chúng ta có thể nghe tiếng chúng ăn phát ra âm thanh “rào rào”, còn phải giữ cho sạch sẽ, yên tĩnh nếu không nó bị dịch bệnh chết nhanh chóng.

Sau đệ nhị thế chiến, chúng ta lại có hàng vải nhập cảng, vải ta thô kệch dần dần biến mất vì không thể cạnh tranh với vải ngoại, nhưng tơ lụa cũng không thể cạnh tranh với sợi hóa chất về giá cả, dần dần lãnh Mỹ A cũng ít được người ưa chuộng, bởi vì giá thành đắt, chỉ độc có một màu đen.

Gần đây, Tân Châu muốn khôi phục lại mặt hàng truyền thống lãnh Mỹ A, nhưng phải làm sao để có thể nhuộm được nhiều màu khác nhau, có người yêu nghề đã bỏ ra hàng chục năm để nghiên cứu, cuối cùng cũng thành công, ngày nay có thể nhuộm ra được 7 màu, thêm vào đó có những nhà thiết kế đã dùng lãnh Mỹ A để thiết kế thành những thời trang, trình diễn trong và ngoài nước rất được người mộ điệu tán thưởng.

Dù vậy, hướng đến tương lai, người ta dự kiến khó đạt được ước muốn làm sống dậy mặt hàng truyền thống lãnh Mỹ A của Tân Châu vì giá thành cao, kén chọn khách tiêu dùng. mặc dù lãnh Mỹ A nay đã có nhiều màu, có những bộ sưu tập thời trang đặc sắc.

Chúng ta vẫn hy vọng, vì thời trang luôn thay đổi, thị hiếu của thời thượng là luôn muốn chỉ mình có, một mình có mà thôi! Biết đâu, một ngày nào đó người ta đua nhau đặt hàng, lãnh

THỂ SỰ

Mỹ A của Tân Châu được ưa chuộng ở Âu, Mỹ thì Châu Đốc mình cũng được tiếng thơm lây.



Cây bông vải

HUỲNH ÁI TÔNG



Bông vải khô

Học sinh cũ

Buổi tối, sau khi dự Hội trường xong, mấy em học sinh lớp T1 ngày xưa theo đưa tôi về, các em gồm có Phạm Văn Bính, Phạm Hữu Tâm, Dũng. Vài hôm sau, Tâm gọi điện thoại cho tôi xin một cái hẹn cho các em gặp tôi.

Buổi hẹn ấy vào 6 giờ chiều Chủ nhật 28-11-2009, chưa đến 6 giờ thì Tâm, Phạm Hữu Hậu và Võ Văn Sáu đến nhà đón tôi đi sang quán Miền Tây 30 đường Lữ Gia. Tâm chọn quán này vì có phòng riêng, được yên tĩnh hơn chỗ khác.

Ngồi một chút thì Hậu gọi, Mai An Phong, Võ Đức Hùng, Bạch Văn Cường đến. Ngồi trong bàn, lâu năm Thầy trò mới gặp lại, nay các em hầu hết đã nên người. Tôi có dịp hỏi thăm gia cảnh các em, Sáu có quán cà-phê ở quê nhà Bình Chánh, cách xa thành phố chừng 12 cây số, Hùng làm việc ở Ngân hàng, Phong ngành CA, cấp Tá, Hậu trước lái xe tải chở hàng, nay sức yếu nên mua bán xe, Tâm thì nhà gần phòng cho thuê, Cường thì giúp người em kinh doanh.

Trong bàn, các em gợi tôi nhớ đến chuyện xưa khi tôi chỉ ngoài 30, giao thiệp thân thiện với thân phụ em Cường, ông Bạch Văn Đầy làm chef xưởng xe hơi của bệnh viện Grall (Đồn Đất), là bệnh viện của Pháp tại Việt Nam, cũng đã từng cùng nhau tiệc tùng, việc quen lớn này qua ông Lâm Văn Trân, Tổng Giám Xưởng. Tôi còn nhớ ngày 4 hay 5 tháng 5 năm 1975, ông Trân và tôi đến bệnh viện Grall, rồi ông Đầy chở chúng tôi lên đường Ngô Đình Khôi, vào một căn nhà của mấy anh Đại Hàn bị kẹt lại, ông Đầy tiếp tế cho một Cane Xăng, họ đem rượu

HUỖNH ÁI TÔNG

Black & White ra mời chúng tôi uống, rồi đi tiếp một quán ở đường Nguyễn Biểu, sau đó về nhà ông Đầy ở đường Phan Văn Trị, ông ta lái chiếc xe nhà La Dalat, nhờ tôi lái chiếc Toyota, chạy về bệnh viện Grall, những ngày đó giao thông vô trật tự, không có cảnh sát giao thông, không có công an, mạnh ai nấy lái, tôi uống nhiều cho nên rượu lái, may mà không có tai nạn xảy ra.



Còn thân phụ của Tâm là Phạm Hữu Duyên, lại là những người Hải Quan tôi quen qua ông Trần Văn Sáng Tổng Giám Thị trường, mấy ông này có ông Nguyễn Văn Tùng thân phụ em Nguyễn Văn Tài, Chín Điện, Ông Lân... một lần chúng tôi lên Biên Hòa ăn tiệc Noel ở cơ sở Chín Tồn, chuyên mua bán sắt vụn, không hiểu sao mấy ông đòi về, Chín Tồn phải mời chúng tôi sang phòng khác, Chín Tồn lấy lòng với một thùng Champagne ... em Tài vượt biên sang Canada, ông Tùng được bảo lãnh sang đó, Chín Điện có lúc làm ở Xưởng Dệt 9 của Sở

THỂ SỰ

Công Nghiệp, còn Ông Duyên thân phụ Tâm nay đã mất. Tết năm 1975, tôi mời một số bạn đến nhà ăn Tết, ngoài một số ở Trường ra còn có mấy ông bạn Hải Quan, có nhạc gia tôi, khi đó tôi mới biết ông Duyên có họ hàng, ngày trước ông Duyên ở nhà nhạc gia tôi đi học, theo đó, tôi phải gọi ông Duyên bằng chú, nhưng đã quen miệng gọi Anh từ lâu. Những người tôi quen biết đó, Tâm đều biết họ, ngay cả Chín Tồn.



Mai An Phong, Võ Đức Hùng, Phạm Hữu Hậu, Bạch Văn Cường, Võ Văn Sáu, Phạm Hữu Tâm và tôi

Nhìn các em bây giờ đã ngoài 50, hơn cái tuổi 30 của tôi nhiều. Cái tuổi “Tam Thập Nhi Lập” đó, tôi đã bị tước gạt khỏi tay những gì mà mình có thể lập được. Nhìn lại các em, không phải ai cũng như ai, có em quyền cao chức trọng, có em sự nghiệp vững vàng, nhưng cũng có em nghèo khó, tuy nhiên các em vẫn nhớ nhau, giúp đỡ cho nhau. Môn “Công Dân Giáo Dục” ngày xưa, chắc chắn đã gieo vào lòng các em, tình bạn, tình người, bổn phận của chúng ta đối với gia đình và xã hội.

HUỲNH ÁI TÔNG

Nhớ hồi trước, tôi có dạy kèm Tâm, nay tôi chỉ nhớ nhà em cũng ở gần khu Lữ Gia, hồi còn đi học, tôi thấy Tâm ít nói, tôi nghĩ Tâm không lanh lợi. Nay Tâm khác hẳn, em lễ phép, hoạt bát, điều đó làm cho tôi không ngờ, phải chăng xưa kia cậu ta chưa phát triển đủ khả năng của mình trong môi trường kỹ thuật.



Ngồi trong bàn, tình thầy trò rất ấm cúng, các em nhắc lại chuyện xưa, chuyện của một thời các em đi học, chuyện tình nghĩa bạn bè, ngay cả việc ngày Hội Trường cũng do T1, có Võ Đức Hùng quy tụ anh em, dần dần lớn thêm, không phải chỉ hợp cho đông vui chơi mà các em còn tổ chức thăm viếng Thầy, Cô, giúp đỡ cho những người hoạn nạn, ốm đau, thật là một việc làm đầy ý nghĩa, đáng ca ngợi và gìn giữ truyền thống tốt đẹp này.

30-11-2009

Nhớ Chuyện Còn Đi Học

Tưởng niệm cố giáo sư Sử Địa Nguyễn Khánh Nhuận

Tôi dự thi tuyển vào Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng năm 1956, năm đó 3000 sĩ tử chúng tôi cùng vào Trường Trung Học Gia Long để thi, khi đậu rồi lại nhập học tại Trung Học Kỹ Thuật Phan Đình Phùng, tọa lạc tại số 2 Phạm Đăng Hưng, Hiệu Trưởng Trường vẫn là ông Đỗ Văn Trà, Hiệu Trưởng Trường Cao Thắng, có hai Giám Thị, một ông rất mập, mang kính cận rất dày, anh em học sinh đặt cho ông biệt hiệu là Michelin, vì ông giống hình quảng cáo vỏ xe hiệu Michelin, hình như ông ta tên Phòng và một ông Giám thị nữa, nay tôi không thể nào nhớ được, có hai lao công, một anh tên là Tình, một chị tên là La, gác-dan là anh Chà lai Gou Salant, giáo sư dạy, một số là giáo sư từ Trường Cao Thắng đến dạy như Lê

Văn Chia, Phan Hữu Tật ... số khác là giáo sư dạy giờ như giáo sư Can, Hiệu Trưởng trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng dạy Pháp văn, luôn luôn mặc complet, đội nón Fletchet, tay mang găng, ông Trần Văn Sơn, giáo sư hồi hưu, ông tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm Hà Nội dạy Sử Địa, ông có xe hơi hiệu Fiat màu huyết dụ, nhà trên đường Tự Đức gần đó, nên ông gửi xe ở trường.

Học Xưởng hay Kỹ Nghệ Họa thì mỗi tuần hai ngày xuống Trường Cao Thắng học, đặc biệt học Kỹ Nghệ Họa ở trên lầu Đồng Hồ, do thầy Trần Văn Đăng dạy, hình vẽ, thầy vẽ sẵn trên giấy đen, nét vẽ hay chữ màu trắng trông rất rõ ràng và chuẩn mực.

Lớp học đặt trong khuôn viên Nha Kỹ Thuật và Mỹ Thuật Học Vụ, tọa lạc số 48 Phan Đình Phùng, xế xế đài Phát thanh Quốc Gia, nơi đây trước kia là một cơ xưởng Mộc, sát đường Phạm Đăng Hưng, có một dãy nhà, 2 cái sát cổng vào, một dùng cho gát-dan, một dùng cho phòng Giám thị, cả hai phòng này đều nhỏ, nền trệt, còn lại có 6 phòng học, 5 phòng liền với phòng Giám thị xây nền cao hơn mặt đường chừng 7, 8 tấc, dùng cho 5 lớp học là Đệ Thất A, Đệ Thất B, Đệ Thất E, mỗi lớp có hai dãy bàn học, chứa trên 50 học sinh, cuối cùng có 1 lớp nền trệt, lớp này dành cho lớp học Kỹ sư Công Nghệ khóa 1, khóa này có 2 chị theo học Trường kỹ sư công nghệ đầu tiên.

Trường lúc đó Ban ngày dành cho học sinh Trung Học Phan Đình Phùng và Kỹ sư Công nghệ, Ban đêm dành cho Trường Quốc Gia Âm Nhạc do nhạc sĩ Nguyễn Phụng làm Giám Đốc, cho nên 5 phòng học của học sinh Kỹ thuật đều có đặt đàn dương cầm.

Giám Đốc Nha Kỹ Thuật và Mỹ Thuật Học Vụ thời đó là ông Kỹ sư Kiều lộ Trần Văn Bạch, ông tốt nghiệp trường Ecole National des Ponts et Chaussées de Paris khóa 1935, từng giữ chức Bộ Trưởng Công Chánh và Giao Thông Vận Tài dưới thời Thủ Tướng Ngô Đình Diệm, là một người rất nhân từ, ông cho nhiều học sinh nghèo ở tỉnh theo học trường chuyên nghiệp tại Sài Gòn, được phép vào trú ngụ trong mấy cái xưởng không dùng đến, ăn thì ăn cơm quán, những người ở Cao Lãnh có anh Tự, Sĩ, Long, Nguyễn Trung Trục, ở Trà Vinh có anh Đức, Huỳnh Đình Huê, ở Vĩnh Long có Bùi Văn Chính và Bùi Văn Mười (học ở Thực Nghiệp), ở các nơi khác như Đồng Đơn, Nguyễn Văn Giáp, Nguyễn Tiến Minh (Nhất Giang), Trần Xuân Vĩnh Quê, Nguyễn Quang Vui (QGAN) và tôi, cho đến khi ông Nguyễn Được từ Pháp về làm Giám Đốc, tất cả đều bị rời khỏi đó vào khoảng năm 1959.

Niên khóa 1957-1958, Trung Học Phan Đình Phùng lại xấp nhập vào Cao Thắng, tôi học sử địa với giáo sư Nguyễn Ngọc Ân, giáo sư Ân người Gia Định, du học ở Pháp mới về. Năm Đệ Tứ học Sử Địa với giáo sư Nguyễn Hữu Nho.

Tôi học Sử Địa với giáo sư Nguyễn Khánh Nhuận từ năm Đệ Tam (1960-1961), hình như trong năm này, nhà Trường có một buổi lễ rất long trọng, có Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ chủ tọa, giáo sư Nguyễn Khánh Nhuận là người điều khiển chương trình với hai ngôn ngữ Việt, Pháp. Giáo sư Lương Triều Phát, tiến sĩ Văn chương Pháp, đọc bài diễn văn chào mừng quan khách bằng tiếng Pháp.

Trong giờ học với giáo sư Nguyễn Khánh Nhuận, thầy cho biết ngày xưa thầy thi tuyển đậu vào Trường dạy mẫu giáo cho trẻ con Pháp, nên phải nói cho đúng giọng Pháp để luyện cho con nít nói đúng tiếng Pháp, bạn học của thầy là bà Souvana

Phouma, ông đại sứ Lào tại Việt Nam lúc đó... Năm 1945, Pháp bị đảo chánh ở Đông Dương, thầy phải lưu lạc qua Thái Lan, kiêm sống bằng nghề thầy bói.

Thầy đi dạy bằng xe hơi, chiếc xe hơi màu xanh da trời, tướng thầy phốp pháp, da mặt hơi đen, luôn luôn ăn mặc đúng mốt, tóc chải láng, đi giày bóng, hút thuốc đầu lọc, lúc không hút thuốc, thầy thường hít ổng hít cho thông mũi.

Năm 2010, một số đồng môn đi thăm thầy Nguyễn Khánh Nhuận, anh Trần Thành Nghiệp ghi lại chuyện Thầy kể là ông Nguyễn Đước, Giám Đốc Nha Kỹ Thuật mời Thầy lên Nha đề hỏi ý kiến đặt tên Trường, Thầy đề nghị đặt tên Cao Thắng, tôi cho rằng Thầy là người đặt tên Cao Thắng cho Trường Cao Thắng, nhưng ông Giám Đốc đó không phải là ông Nguyễn Đước mà là ông Trần Văn Bạch vì khi tôi thi vào Trường có tên là College Technique de Saigon sau đó đổi lại Lycée Technique de Saigon, cũng trong năm đó vào ngày 29-6-1956, Tổng Thống Ngô Đình Diệm ký Nghị Định đổi thành Trung Học Kỹ Thuật Cao Thắng. Cho đến năm 1959, ông Nguyễn Đước mới về làm Giám Đốc Nha Kỹ Thuật Học Vụ, chắc là Thầy đã nhớ lầm người.

Năm 1974, tôi được Bộ cử làm Hiệu Trưởng Trung Học Kỹ Thuật Nguyễn Trường Tộ, nằm trong khuôn viên Nha Kỹ Thuật, theo đề nghị của giáo sư Lưu Minh Tuấn, em giáo sư Lưu Luân Trọng (Tổng Giám Xưởng Cao Thắng), đưa tôi đến nhà thầy Nguyễn Khánh Nhuận ở trong con hẻm xéo xéo chợ Tân Định, hình như là khu rạp chiếu bóng Kinh Thành ngày xưa, để nhờ Thầy xem cho tôi ngày làm lễ bàn giao chức vụ.

Sau này, tôi mới được biết anh Nguyễn Hữu Hiệp có học chung với tôi năm Độ ngũ D (1958-1959), là anh em con nhà chú, nhà bác với thầy Nguyễn Khánh Nhuận, anh Hiệp hiện ở Chicago.

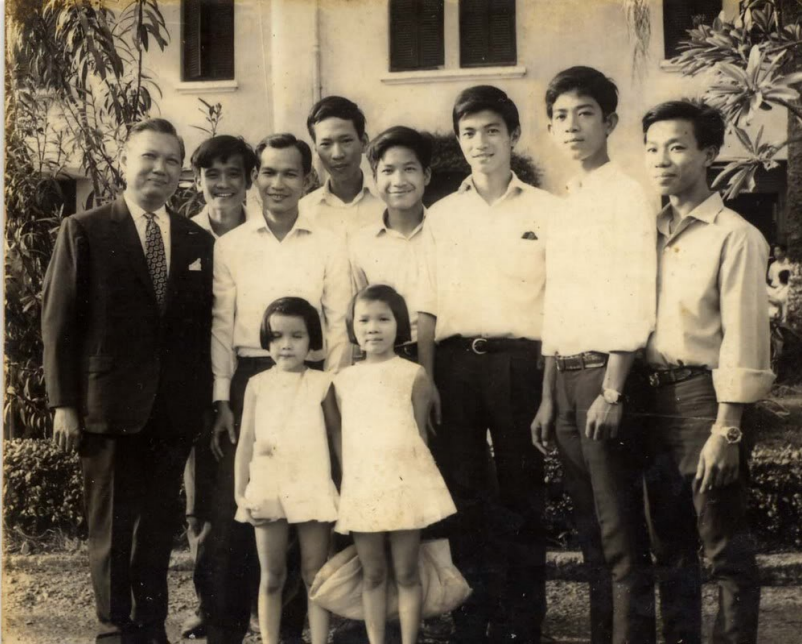
Có lẽ tôi đã học Sử Địa với thầy Nguyễn Khánh Nhuận ở các lớp Tam A, Nhị A, Nhị 5, Nhất 3. Như vậy là 4 năm học, tôi nhớ chuyện Thầy kể sâu đậm và ý nghĩa nhất là chuyện của một Sử gia người Pháp, cha truyền con nối, một hôm vào buổi sáng ông ta đứng trên lầu, nhìn xuống ngã tư đường cạnh nhà, ông ta thấy một tai nạn của hai xe ô tô đụng nhau, khi người bồi ông ta đã sai đi mua thuốc lá về, anh ta kể khác với sự việc ông đã thấy, không tin được như vậy, ông ta gọi người làm vườn hỏi, người này cũng kể đã thấy tai nạn xảy ra, nhưng khác với chi tiết anh bồi kể và cũng khác với điều ông ta thấy.

Ông Sử gia kết luận chuyện chính mắt mình thấy, mà anh bồi và người làm vườn kể lại đều không đúng, vậy thì những chuyện xảy ra mình không thấy, làm sao viết lại cho được trung thực, ông ta quyết định bỏ hết, không viết sử nữa.

Thầy còn giảng thêm, những sự kiện lịch sử phải để cho trên 50 năm, viết mới có thể trung thực, vì sau 50 năm những người liên hệ đều chết hết, người viết mới có thể viết mà không bị áp lực của người khác. Chẳng hạn như cái chết của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nhiều người viết, họ đều là những nhân chứng, đồng thời cũng có liên hệ tới cái chết của Tổng Thống, vì vậy cho đến nay chưa phôi bày sự thật. Kẻ bảo Đại Úy Nhung giết Tổng Thống, người bảo không, hầu hết đều kể lại là Đại Úy Nhung từ trên pháo tháp xe bọc thép bắn xuống, vậy tại sao hai ông Diệm và Nhu bị trói, lại bị đâm ? Kẻ bảo thiết vận xa chạy vào Tổng Nha Cảnh Sát, hai ông Diệm, Nhu đã bị tra khảo về tiền bạc và đã bị giết tại đây.

HUỲNH ÁI TÔNG

Với tôi, thầy Nguyễn Khánh Nhuận đã giảng dạy những bài học giá trị, thực tiễn sâu xa hơn những bài học trong chương trình, cũng là cách người Thầy trao truyền kinh nghiệm, tri thức cho học trò của mình.



Thầy Nguyễn Khánh Nhuận và học sinh KTCao Thắng
với hai cô con gái Nguyễn Ánh Liên (út), Nguyễn Ánh Vân

Đua thuyền ở làng tôi



Vào khoảng năm 1952 hay 1953, đến nay cũng đã trên nửa thế kỷ rồi, lúc ấy anh tôi đã thôi học trường tỉnh, sau khi thi rớt Trung Học Thoại Ngọc Hầu Long Xuyên 2 năm liên tiếp, một năm lớp Nhứt và năm sau lớp Tiếp Liên.

Anh tôi rất thích nuôi bò, nên khi về ở nhà, liền đem một đôi bò từ Phú Hòa về nuôi, nhà chỉ có mấy công ruộng, anh ấy làm chẳng cực nhọc gì, nên có nhiều thì giờ, vả lại ở tỉnh có nhiều thú vui, nên anh tôi thường cùng mấy chú, mấy anh em họ hàng bày ra những trò chơi tiêu khiển vào buổi chiều, sau khi công việc nhà đã xong.

Chẳng hạn như chơi “Người ăn bánh in, kẻ chạy xe đạp”. Thuở ấy quán thường bán phong bánh in có kích thước ngang độ 5

phân, dầy non 2 phân, dài độ 1 tấc rưỡi, bánh không có nhân, người sản xuất có khứa sẵn, mỗi khứa chừng 2 ly, để người ăn bẻ nhỏ ra dễ dàng.

Cuộc chơi là một người chạy xe đạp, người kia ăn cho hết cây bánh in, trong miệng không được còn bánh, nghĩa là nói chuyện phải bình thường, không được uống nước khi ăn, người chạy xe đạp sẽ chạy một đoạn đườngm dài nào đó. Thường họ hay lấy khoảng đường từ trrước nhà tôi, chạy đến cầu mương rồi quay trở lại. Đoạn ấy dài chừng 300 thước, chạy đi rồi quay lại vị chi chừng hơn nửa cây số.

Bắt đầu, người ta đếm 1, 2, 3 người ăn bánh in ăn bánh, người chạy xe đạp chạy, người xem thường đứng xem anh chàng ăn bánh, vì đó là mức khởi hành cũng là mức ăn thua chung cuộc, ở cầu mương có một người đứng để chứng nhận anh xe đạp có chạy đến đó rồi mới quay lại.

Anh xe đạp chạy hết tốc độ, cũng nguy hiểm nếu gặp phải người hay súc vật chẳng hạn như chó đi băng qua đường, không lo xe hơi vì đây là cù lao, thuở đó chưa có xe hơi hay xe gắn máy.

Người ăn bánh in đừng tưởng dễ, bởi vì bánh in là bột rang khô, khi ăn vào trong miệng không có nước sẽ rất khó nuốt, ăn miếng nhỏ chờ trộn với nước miếng sẽ dễ nuốt nhưng lâu, còn ăn miếng lớn, hay nuốt vội vàng sẽ bị mắc nghẹn.

Cũng có anh ăn bánh thắng cuộc vì anh xe đạp chạy chậm, cũng có anh ăn không hết vì bị mắc nghẹn. Có khi anh xe đạp về tới nơi hỏi anh ăn bánh:

- Ăn hết chưa ?

Anh ăn bánh tuy trong tay không còn miếng bánh nào, miệng cũng không còn nhai nữa, nhưng khi phải trả lời, anh ta nói:

- Ông ời !

Thế là thua, vì bánh vẫn còn trong miệng, nên phát âm không đúng.

Vào đầu mùa nước nổi, khoảng tháng 7 tháng 8 ta, có nhiều mía, mía đủ độ ngọt, người trồng mía phải thu hoạch, nếu để nước lên nhiều, mía hút nhiều nước sẽ lạt, hoặc mía bị ngâm trong nước sẽ chạy chỉ, nghĩ là trong thân cây mía có những đường đồ bằng sợi chỉ, đó là bị hư. Trên sông, mỗi ngày có 5, 7 xuồng bán mía, hầu hết mía cây người ta bó thành chục 12, và người bán thường bán nguyên bó. Lúa gặt rồi có khi người ta cũng bó thành từng bó, mỗi bó vừa chừng một ôm, để người ta ôm, khiêng, vác di chuyển cho dễ. Nên mấy anh trai tráng, chọc ghẹo mấy cô bán mía xinh đẹp:

- Một ôm bao nhiêu vậy cô ?

Có cô đỏ mặt tía tai, im lặng, có cô trả đũa ngay:

- Chừng vài chục dặm mà thôi.

Trở lại trò chơi chặt mía như sau, trước nhất người thách đồ chặt xéo góc mía cho nó nhọn để dễ ngã, và người đó cạo làm dầu một lóng mía vừa tầm tay người chặt, xong đưa cây mía cho người chặt, người chặt sẽ dùng một con dao yếm thật bén, một tay vừa cầm cây mía, vừa cầm cái dao, để cây mía cho

đứng, không được động mạnh xuống đất, xong buông tay ra, xoay mình một vòng, chặt cây mía vào lóng mía đã đánh dấu, phải chặt cho đứt lia. Nếu cây mía đứng yên thì dễ chặt, thường khi người chặt buông tay ra thì cây mía ngã, nếu cây mía ngã theo chiều người đó xoay thì khó chặt, nét ngã ngược chiều thì dễ chặt hơn, và nhát dao chặt xéo dễ đứt hơn là chặt ngang thân cây mía.

Sự ăn thua không nhiều, vài cây bánh in, mỗi cây chừng một đồng, chặt mía ăn thua một vài cây, nhiều lắm là một chục, chẳng qua chỉ nhằm mục đích giải trí, nhưng nó không có tánh cách đồng đội.

Về sau anh tôi và mấy chú họ bày ra đua bơi xuống ở dưới sông, trước chỉ vài người, mỗi người bơi một chiếc xuống, sau tổ chức thành từng nhóm, nhóm phía trên với nhóm phía dưới Trường học, mỗi nhóm chừng 5, 7 người cùng bơi một chiếc xuống, họ cũng thách đố ăn thua với kẹo, bánh cũng chỉ để mua vui mà thôi.

Về sau, để cho lễ Kỳ Yên của làng long trọng hơn, họ tự động quyên góp tiền, tổ chức đua xuống có phần thưởng, rồi năm nọ nối tiếp theo năm kia, cuộc đua thuyền vào lễ cúng Kỳ Yên làng Bình Thủy trở thành thông lệ.

Lúc đua thuyền, người ta đứng xem chặt cả những bên ven sông, con lộ Liên Tỉnh 10, đường Long Xuyên Châu Đốc, quảng đường ngang Đình Bình Thủy đến trên cầu Thầy Phó, nhiều xe hơi, đôi khi có cả xe chở hành khách, ngừng lại bên đường để xem cuộc đua.



Cúng đình ngày xưa chỉ được xem hát bội để giải trí, ngày nay cuộc đua thuyền trên Xép Năng Gù thật náo nhiệt, hai bên cả khúc sông gần cây số, nam thanh nữ tú dập dìu, họ ăn mặc đủ màu sắc, chạy đủ thứ xe càng thêm nhộn nhịp.

Cuộc đua xuống ở xóm Trường học, dần dần đã trở thành cuộc đua thuyền truyền thống của Làng Bình Thủy, nhờ người ta khéo đưa vào dịp lễ cúng Kỳ Yên hàng năm, giúp cho dân chúng mấy làng lân cận có dịp vui chơi khuây khỏa, sau những ngày mùa nhọc mệt.

25-6-2011

Sách đã in:

- *Văn Học Miền Nam* Hiên PHẬT HỌC USA năm 2009
- *Học Phật Hiên* PHẬT HỌC USA năm 2011
- *Truyện của tôi* Hiên PHẬT HỌC USA năm 2011
- *Dấu xưa* Hiên PHẬT HỌC USA năm 2011
- *Tập truyện Rồng hiện* Hiên PHẬT HỌC USA năm 2012
- *Ký Trên cành chim hót* Hiên PHẬT HỌC USA năm 2012
- *Đường về cõi Phật* Hiên PHẬT HỌC USA năm 2012
- *Thế Sự* Hiên PHẬT HỌC USA năm 2012



Thế Sự

Do Hiên PHẬT HỌC in lần đầu tại USA
2012